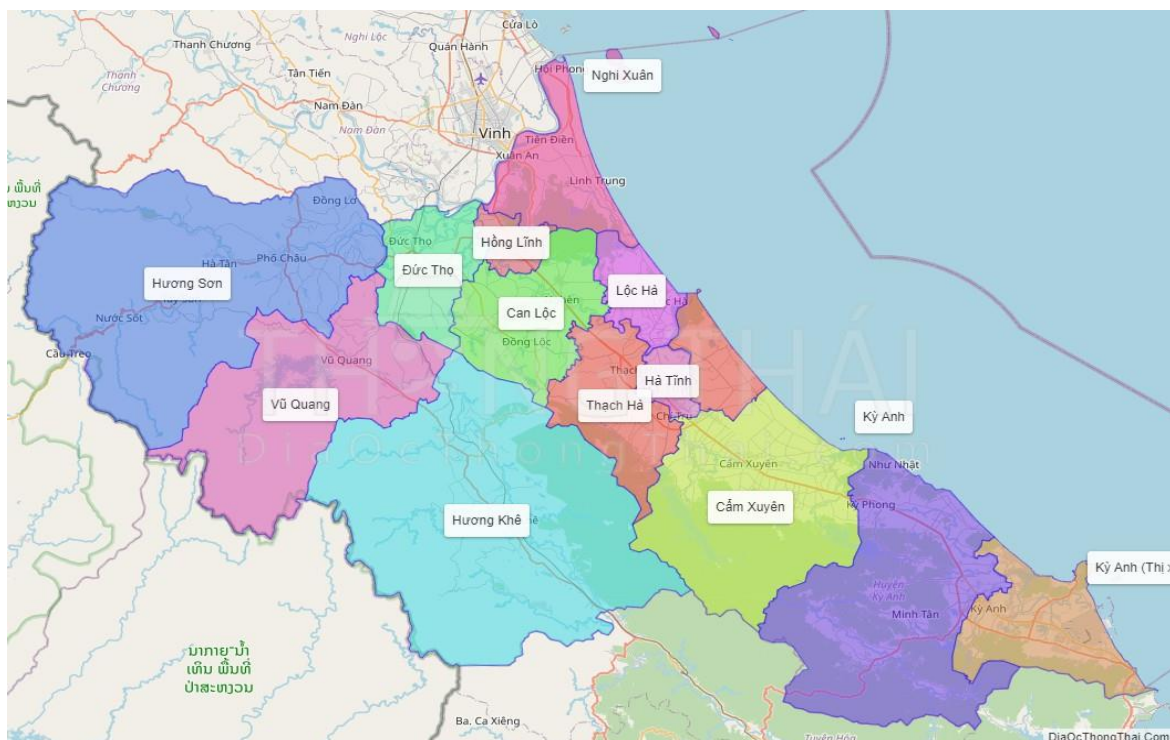


**HỌC VIỆN CTQG HỒ CHÍ MINH
VIỆN XÃ HỘI HỌC VÀ PHÁT TRIỂN**

**TỈNH ỦY HÀ TĨNH
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TRẦN PHÚ**



TÀI LIỆU HỘI THẢO KHOA HỌC

**PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA THEO
HƯỚNG BỀN VỮNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HÀ TĨNH:
NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN**



Hà Tĩnh, ngày 29.8.2023

MỤC LỤC

STT	Tên chuyên đề và tác giả	Tr
1.	BÁO CÁO ĐỀ DẪN HỘI THẢO KHOA HỌC TS. Bùi Phương Đình	1
2.	QUAN ĐIỂM, CHÍNH SÁCH CỦA ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC VIỆT NAM NHẪM PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA TRONG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI PGS, TS. Nguyễn Tất Giáp và TS. Đỗ Văn Quân	4
3.	MỘT SỐ QUAN ĐIỂM VÀ CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA CỦA ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC TS. Nguyễn Ngọc Huy và ThS. Lại Thị Thu Hà	19
4.	KHUNG PHÂN TÍCH VÀ NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN, PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA GS,TS. Lê Ngọc Hùng	30
5.	KINH NGHIỆM THỰC TIỄN PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ CỦA MỘT SỐ NỀN KINH TẾ TIÊU BIỂU Ở CHÂU Á TS. Nguyễn Trí Tùng	41
6.	NGHIÊN CỨU KINH NGHIỆM THỰC TIỄN PHÁT TRIỂN VÀ PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA MỘT SỐ ĐỊA PHƯƠNG, TỈNH THÀNH Ở VIỆT NAM TS. Đặng Viết Đạt	56
7.	NGHIÊN CỨU CÁC ĐIỀU KIỆN, NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA THEO HƯỚNG BỀN VỮNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HÀ TĨNH PGS, TS. Đặng Thị Ánh Tuyết và TS. Đặng Thị Minh Lý	70
8.	PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA THEO TINH THẦN ĐẠI HỘI XIX CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH HÀ TĨNH ThS. Nguyễn Thị Lam	79
9.	PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA TRÊN ĐỊA BÀN HÀ TĨNH -NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA ThS. Chu Thị Thu Huyền	81
10.	NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA TRONG QUÁ TRÌNH HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ CỦA CÁC DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA TẠI HÀ TĨNH ThS. Nguyễn Thị Phương Thúy	93
11.	CÁC NHÂN TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN SỰ PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HÀ TĨNH ThS. Nguyễn Xuân Bé	99

12.	PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA TRONG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI TỈNH HÀ TĨNH Ths. Nguyễn Thắng Mỹ	108
13.	CÔNG TÁC TUYÊN TRUYỀN ĐỐI VỚI VIỆC PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA TRONG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI Ở HÀ TĨNH Lê Văn Khánh	115
14.	VAI TRÒ CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH VỀ VIỆC PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA TRONG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA HÀ TĨNH Ban Kinh tế và Ngân sách, HĐND tỉnh Hà Tĩnh	122
15.	PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA THEO THEO HƯỚNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TRÊN ĐỊA BÀN HÀ TĨNH Lê Đức Thắng	131
16.	ĐỔI MỚI, NÂNG CAO HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HÀ TĨNH ThS. Nguyễn Thị Thảo Linh	137
17.	XÂY DỰNG VĂN HOÁ TRONG KINH TẾ VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA ĐỐI VỚI XÂY DỰNG VĂN HOÁ TRONG CÁC DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HÀ TĨNH TS. Nguyễn Quang Ngọc	144
18.	GIẢI PHÁP VÀ KIẾN NGHỊ NHẪM PHÁT HUY VAI TRÒ DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA ĐỐI VỚI PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI THEO HƯỚNG BỀN VỮNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HÀ TĨNH GIAI ĐOẠN 2020-2030 Võ Thị Huệ Anh	152
19.	VAI TRÒ NGÀNH CÔNG THƯƠNG ĐỐI VỚI VIỆC PHÁT HUY VAI TRÒ DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA TRONG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI TỈNH HÀ TĨNH Võ Tá Nghĩa	155
20.	VAI TRÒ CỦA NGÀNH THUẾ ĐỐI VỚI SỰ PHÁT TRIỂN CỦA DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA TRONG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HÀ TĨNH Cục Thuế Hà Tĩnh	158
21.	NÂNG CAO ĐẠO ĐỨC TRONG KINH DOANH GÓP PHẦN XÂY DỰNG THƯƠNG HIỆU CHO DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA Ở HÀ TĨNH ThS. Phan Thị An Phú	170

22.	NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG NGUỒN NHÂN LỰC GÓP PHẦN PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HÀ TĨNH ThS. Võ Thị Cẩm Hiếu	179
23.	PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ TẠO TIỀN ĐỀ VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA TỪ THỰC TẾ HUYỆN NGHI XUÂN TỈNH HÀ TĨNH ThS. Hồ Thanh và ThS. Nguyễn Thị Huyền	188
24.	VAI TRÒ CỦA CÔNG ĐOÀN CƠ SỞ TRONG PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HÀ TĨNH HIỆN NAY PGS.TS. Hoàng Thị Nga và TS. Vũ Thị Bích Ngọc	198
25.	BẢO HIỂM XÃ HỘI BẮT BUỘC CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG TRONG CÁC DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ NGOÀI NHÀ NƯỚC: HÀM Ý CHÍNH SÁCH CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG TỈNH HÀ TĨNH PGS, TS. Nguyễn Thị Kim Hoa	208

BÁO CÁO ĐỀ DẪN HỘI THẢO KHOA HỌC:
“PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA THEO HƯỚNG BỀN VỮNG
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HÀ TĨNH: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN”

TS. Bùi Phương Đình

*Viện trưởng Viện Xã hội học và Phát triển,
Học viện CTQGG Hồ Chí Minh*

Kính thưa các đồng chí đại diện lãnh đạo tỉnh Hà Tĩnh

Kính thưa các nhà khoa học, đại biểu, khách quý tham dự Hội thảo!

Hôm nay Viện Xã hội học và Phát triển, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh phối hợp với Trường Chính trị Trần Phú, tỉnh Hà Tĩnh tổ chức Hội thảo về chủ đề **“Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa theo hướng bền vững trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh: Những vấn đề lý luận và thực tiễn”**. Thay mặt Ban tổ chức Hội thảo, tôi nhiệt liệt chào mừng và trân trọng cảm ơn đồng chí, các đồng chí đại biểu đại diện đến từ các Sở, Ban ngành và doanh nghiệp của tỉnh Hà Tĩnh; đến từ Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh và Hội Xã hội học Việt Nam; cùng toàn thể các đại biểu khách quý đã dành thời gian, tâm sức tham dự và đóng góp cho Hội thảo. Kính chúc các đồng chí sức khỏe, hạnh phúc; chúc Hội thảo thành công tốt đẹp!

Thưa các đồng chí

Là một địa phương có xuất phát điểm phát triển thấp so với nhiều tỉnh thành trong cả nước, trong những năm qua, tỉnh Hà Tĩnh đã thể hiện một sự vươn lên, bứt phá ngoạn mục để trở thành địa phương có tốc độ tăng trưởng cao của vùng bắc Trung bộ với thu nhập bình quân đầu người đứng đầu khu vực bắc Trung bộ.

Văn kiện Đại hội tỉnh đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh nhiệm kỳ 2020-2025 đã đặt ra yêu cầu: “đẩy mạnh chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế từ chiều rộng sang chiều sâu, trên cơ sở khoa học - công nghệ, ứng dụng thành tựu cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, phát triển kinh tế số, “kinh tế xanh”, các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo, công nghiệp hỗ trợ sau thép, dịch vụ cảng biển và logistics; ...tập trung chuyển dịch cơ cấu, nâng cao năng suất lao động, sức cạnh tranh của nền kinh tế gắn với chuyển dịch cơ cấu lao động;”. Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đặt mục tiêu xây dựng Hà Tĩnh trở thành một trong những cực phát triển của vùng Bắc Trung bộ và Duyên hải miền Trung, phấn đấu đến năm 2030 trở thành tỉnh khá của cả nước.

Có thể khẳng định để có những thành tích ấn tượng về phát triển kinh tế trong giai đoạn vừa qua; cũng như có thể đạt mục tiêu như đã đề ra trong thời gian tới, tỉnh

Hà Tĩnh đã, đang và sẽ thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp, song trong đó không thể thiếu được việc đẩy mạnh phát triển, cũng như phát huy vai trò của doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV).

Hà Tĩnh đã xây dựng Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết 08/NQ-TU ngày 22/11/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về đổi mới, phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động doanh nghiệp; tiếp tục tập trung chỉ đạo, tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc liên quan đến hồ sơ, thủ tục; triển khai các giải pháp đẩy mạnh phát triển doanh nghiệp, kịp thời thông tin, tháo gỡ các khó khăn cho các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh. Đến hết năm 2022, toàn tỉnh thành lập mới 1.380 doanh nghiệp với tổng vốn đăng ký gần 10.000 tỷ đồng (tăng 27,07% về số lượng và giảm 24,61% về số vốn đăng ký). Vốn đăng ký bình quân một doanh nghiệp thành lập mới đạt 7,2 tỷ đồng (cùng kỳ năm 2021 là 12,21 tỷ đồng); đã hỗ trợ đào tạo trên 1.000 lượt người về quản trị doanh nghiệp và khởi sự doanh nghiệp; có trên 400 doanh nghiệp tái gia nhập thị trường, tăng hơn 18% so với năm trước.

Hàng năm, các DNNVV ở tỉnh Hà Tĩnh đã đóng góp một phần không nhỏ vào tỷ trọng GDP và ngân sách của địa phương; có đóng góp lớn vào giá trị sản lượng công nghiệp, giá trị hàng hóa xuất khẩu và ngày càng thu hút nhiều lực lượng lao động lao động tham gia, nâng cao thu nhập và cải thiện đời sống cho nhân dân, tích cực góp phần tạo nên sự thành công của giảm nghèo bền vững. DNNVV còn sử dụng nguồn tài chính của dân cư trong vùng, nguồn nguyên liệu trong trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh để hoạt động sản xuất kinh doanh... Với quy mô nhỏ, nên hoạt động của khu vực doanh nghiệp này đang gặp khá nhiều khó khăn, như là khả năng tiếp cận các nguồn vốn để đầu tư vào máy móc, công nghệ hiện đại, phục vụ cho sản xuất, kinh doanh; thiếu kinh nghiệm quản trị điều hành doanh nghiệp; khả năng cạnh tranh, chiếm lĩnh thị trường ngay trên thị trường nội địa...

Thưa các đồng chí!

Trong khuôn khổ thực hiện đề tài khoa học cấp tỉnh: ***“Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa theo hướng bền vững trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh: Những vấn đề lý luận và thực tiễn”***, Ban Tổ chức Hội thảo rất mong các nhà khoa học, các nhà lãnh đạo, quản lý và các doanh nhân, doanh nghiệp tập trung trao đổi, thảo luận nhằm làm rõ những vấn đề sau đây:

(1) Cơ sở lý luận trong nghiên cứu, phát triển và phát huy vai trò của DNNVV trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh trong phát triển kinh tế-xã hội theo hướng bền vững ?

(2) DNNVV ở Hà Tĩnh trong thời gian qua đã phát triển như thế nào? Những đóng góp của các doanh nghiệp này đối với phát triển KT-XH của Hà Tĩnh là gì?

(3) Những cơ hội và thách thức trong phát triển và phát huy vai trò của DNNVV ở Hà Tĩnh trong giai đoạn đến năm 2030 và tiếp theo?

(4) Các Bộ ngành liên quan và tỉnh Hà Tĩnh cần có những cơ chế, chính sách gì để thúc đẩy phát triển DNNVV và phát huy tốt vai trò của các doanh nghiệp này đối với phát triển KT-XH của tỉnh từ nay đến năm 2030?

Cho phép tôi bày tỏ sự tin tưởng rằng, với sự hiện diện của gần 100 đại biểu đại biểu đến từ Học viện CTQG Hồ Chí Minh, lãnh đạo tỉnh Hà Tĩnh, đại diện lãnh đạo các sở ban ngành tại tỉnh, trường chính trị Trần Phú và đại diện Hiệp hội doanh nghiệp Hà Tĩnh, Hội thảo hôm nay sẽ có những thảo luận cởi mở, các nhân định sâu sắc và các kiến nghị giải pháp khả thi đóng góp cho sự phát triển bền vững của các DNNVV nói riêng và cho sự phát triển kinh tế - xã hội của Hà Tĩnh nói chung.

Xin kính chúc các đại biểu dồi dào sức khỏe, chúc Hội thảo thành công tốt đẹp!

Xin trân trọng cảm ơn!

QUAN ĐIỂM, CHÍNH SÁCH CỦA ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC VIỆT NAM NHẪM PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA TRONG PHÁT TRIỂN KINH TẾ* XÃ HỘI

PGS, TS. Nguyễn Tất Giáp
Nguyên Phó Giám đốc Học viện CTQG Hồ Chí Minh
TS. Đỗ Văn Quân
Viện Xã hội học và Phát triển, Học viện CTQG Hồ Chí Minh

1. Đặt vấn đề

Nghiên cứu ban hành và tổ chức thực hiện chính sách phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) là chủ đề thu hút nhiều sự quan tâm của các nhà khoa học, các nhà hoạch định chính sách, Chính phủ và dư luận, bởi vai trò và đóng góp to lớn của đối tượng này đối với nền kinh tế, cũng như giải quyết các vấn đề xã hội - an sinh xã hội là rất lớn. Tại Việt Nam, các DNNVV chiếm tỷ trọng cao nhất trong nền kinh tế. Theo thống kê của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, đến cuối năm 2020, Việt Nam có khoảng 800.000 doanh nghiệp đang hoạt động, trong đó 98% là DNNVV, thu hút hơn 5,6 triệu lao động, đóng góp khoảng 45% tổng sản phẩm trong nước (GDP) và 31% vào tổng thu ngân sách hàng năm. Do đó, việc hỗ trợ các DNNVV luôn là mục tiêu ưu tiên hàng đầu của Chính phủ và các bộ, ngành liên quan. Nhất là trong giai đoạn chịu nhiều ảnh hưởng tiêu cực của đại dịch Covid-19, việc tập trung nguồn vốn ưu tiên cho các DNNVV, ban hành các chính sách hỗ trợ nhằm tạo khuôn khổ pháp lý cho hoạt động trợ giúp phát triển DNNVV luôn được Quốc hội và Chính phủ quan tâm. **DNNVV** có vai trò rất quan trọng trong việc thúc đẩy **phát triển kinh tế - xã hội**, cung cấp đa dạng các sản phẩm và dịch vụ, thu hút nguồn vốn trong dân, góp phần thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tạo công ăn việc làm cho người lao động và đặc biệt là góp phần tăng thu ngân sách nhà nước.

Tuy nhiên, khu vực DNNVV, vẫn đang gặp phải những khó khăn, đó là: i) DN quy mô nhỏ và siêu nhỏ chiếm số lượng chủ yếu; ii) đóng góp của khu vực DNNVV chưa thực sự có sự thay đổi lớn, đặc biệt là trong xuất khẩu; năng lực khoa học- công nghệ còn thấp, năng lực cạnh tranh còn hạn chế, do quy mô nhỏ nên rất nhiều doanh nghiệp trong nước chưa đủ năng lực cạnh tranh để xuất khẩu sang thị trường nước ngoài, khó tham gia vào mạng lưới sản xuất và các chuỗi giá trị toàn cầu; iii) Cơ cấu ngành nghề chưa đa dạng và thiếu nhạy bén với thị trường, chủ yếu tập trung hoạt động lĩnh vực thương mại, dịch vụ, trong khi chỉ có 1% đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp; iv) hiệu suất sử dụng vốn (hệ số ICOR) của DNNVV vẫn thấp, đặc biệt so với

khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài và không có nhiều cải thiện trong một thời gian dài (Tổ thư ký Hiệp hội DNNVV, 2023). Mục tiêu của bài viết là đề cập đến quan điểm chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển và phát huy vai trò của DNNVV đối với sự phát triển kinh tế xã hội. Trên cơ sở nhận diện các vai trò và những vấn đề đặt ra của DNNVV đối với sự phát triển kinh tế xã hội, bài viết đề xuất một số giải pháp hướng đến sự phát triển và phát huy vai trò của DNNVV ở Việt Nam hiện nay.

2. Quan điểm, chính sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam về vai trò của doanh nghiệp vừa và nhỏ trong phát triển kinh tế xã hội

Có thể khẳng định, việc phát triển tư duy lý luận của Đảng ta về kinh tế tư nhân trong hơn 35 năm vừa qua được thể hiện với ba bước đột phá căn bản: 1) Đại hội VI với những nhận thức mới về vai trò, vị trí lâu dài của kinh tế tư nhân; 2) Đại hội X với nhận thức mới về kinh tế tư nhân là một trong những động lực của nền kinh tế; 3) Đại hội XII với quan điểm kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng của nền kinh tế. Để thực hiện Nghị quyết Đại hội XII, Hội nghị Trung ương 5 đã ra Nghị quyết số 10 về phát triển kinh tế tư nhân (Trần Văn Phòng, 2017). Trong Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 03/6/2017 của Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa (Nghị quyết số 10-NQ/TW), Đảng Cộng sản Việt Nam đã đề ra các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu nhằm phát huy hơn nữa vai trò của khu vực kinh tế tư nhân trong quá trình phát triển đất nước. Trong đó, Đảng ta đặc biệt quan tâm đến việc nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp thuộc sở hữu tư nhân, bởi vì doanh nghiệp là một bộ phận quan trọng và chiếm số lượng chủ yếu trong thành phần kinh tế này. Doanh nghiệp phát triển sẽ thúc đẩy sự phát triển của thành phần kinh tế tư nhân mạnh mẽ hơn bao giờ hết. Cụ thể: “Chú trọng nâng cao chất lượng, hiệu quả kinh doanh trong khu vực kinh tế tư nhân. Phấn đấu đến năm 2020 có ít nhất 01 triệu doanh nghiệp; đến năm 2025 có hơn 1,5 triệu doanh nghiệp và đến năm 2030, có ít nhất 02 triệu doanh nghiệp”. Để đạt được mục tiêu này, bên cạnh những nhiệm vụ và giải pháp cụ thể được đưa ra trong Nghị quyết số 10-NQ/TW, việc hoàn thiện cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển DNNVV được xác định là một trong những nhiệm vụ và giải pháp quan trọng hàng đầu. Vấn đề này cũng được đặt ra trong Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 03/6/2017 của Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa khi nhấn mạnh một trong những giải pháp để tiếp tục

hoàn thiện thể chế về sở hữu, phát triển các thành phần kinh tế, các loại hình doanh nghiệp là hoàn thiện chính sách hỗ trợ phát triển DNNVV (Cao Thanh Huyền, 2023).

Đặc biệt, đối với các DNVV, Chính phủ luôn đưa ra những chính sách hỗ trợ phát triển như Nghị định số 56/1009ND-CP về Chính sách trợ giúp phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ; Nghị định số 45/2010/ND-CP; Quyết định số 236/2006/QĐ - TTg về Kế hoạch phát triển DNNVV 2006-2010. Đặc biệt, Luật Hỗ trợ DNNVV được Quốc hội Việt Nam thông qua năm 2017 (Luật số 04/2017/QH14) chính là dấu mốc quan trọng, khẳng định cam kết của Đảng, Nhà nước và Chính phủ về ưu tiên phát triển DNNVV, doanh nghiệp khu vực tư nhân trong nước trở thành động lực quan trọng cho phát triển kinh tế. Chính phủ đã không ngừng triển khai thực hiện các giải pháp cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, hoàn thiện khung pháp lý nhằm đổi mới, tạo động lực cho DN phát triển. Trong năm 2014, Chính phủ trình và Quốc hội đã thông qua Luật Đầu tư và Luật DN (sửa đổi); Luật Chuyển giao công nghệ và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng (năm 2017); Luật Cạnh tranh (năm 2018)... Việc triển khai một số luật quan trọng này nhằm tạo sự thay đổi tích cực môi trường đầu tư kinh doanh. Cùng với đó, Luật Đất đai, Luật Thương mại, Luật Phá sản, Luật Sở hữu trí tuệ, Luật Thuế thu nhập DN và hàng loạt các văn bản quy phạm pháp luật đã được ban hành, tác động tích cực tới cộng đồng DN.

Hàng năm, Chính phủ đã ban hành kịp thời các nghị quyết để đáp ứng yêu cầu của thực tiễn mà các DNNVV đặt ra, như Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2016 và Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 6 tháng 6 năm 2017 về hỗ trợ và phát triển DN đến năm 2020; Nghị quyết số 75/NQ-CP ngày 9 tháng 8 năm 2017 về cắt giảm mức phí, chi phí cho DN; Nghị quyết số 98/NQ-CP ngày 3 tháng 10 năm 2017 về Chương trình hành động của Chính phủ triển khai thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 3 tháng 6 năm 2017 của Đảng về phát triển kinh tế tư nhân; Nghị quyết số 19/NQ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 về cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia... Việc triển khai thực hiện các nghị quyết này đã làm đơn giản hóa và giảm bớt điều kiện kinh doanh, tạo môi trường kinh doanh thuận lợi, bình đẳng, minh bạch cho mọi thành phần kinh tế, trợ giúp phát triển DNNVV. Nhiều chính sách được sửa đổi, bổ sung và ban hành mới đã hướng đến mục tiêu mở rộng các quyền và nghĩa vụ của các đối tượng kinh tế tư nhân liên quan đến đất đai, tạo môi trường thuận lợi để DN, nhà đầu tư mở rộng quy mô đầu tư, sản xuất kinh doanh. Bên cạnh đó, Chính phủ đã ban hành và chỉ đạo thực hiện việc đẩy mạnh công tác cải cách hành chính, ban hành Quyết định số 225/QĐ-TTg ngày 4 tháng 2 năm 2016 phê duyệt

kế hoạch cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2016-2020. Điều đó đã tạo sự chuyển biến, nâng cao chất lượng phục vụ của Chính phủ, chính quyền các cấp đối với người dân và DN, xóa bỏ mọi rào cản, đảm bảo quyền tự do bình đẳng kinh doanh của cá nhân và DN.

Đặc biệt, để tiếp tục nâng cao hiệu lực pháp lý, đẩy mạnh thực hiện các chính sách hỗ trợ DNNVV, tại Kỳ họp thứ 3 Khóa XIV, Quốc hội đã thông qua Luật Hỗ trợ DNNVV (năm 2017). Luật có hiệu lực thi hành từ 01/01/2018, với hàng loạt chính sách hỗ trợ cơ bản dành cho các DNNVV, như: hỗ trợ tiếp cận tín dụng, thông tin, phát triển nguồn nhân lực, tư vấn, công nghệ... đã tạo bước tiến quan trọng trong công tác hoàn thiện chính sách hỗ trợ tích cực cho DNNVV phát triển mạnh mẽ hơn. Chính phủ ban hành Nghị định số 39/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2019 về tổ chức và hoạt động của Quỹ Phát triển DNNVV. Theo Nghị định này, Quỹ Phát triển DNNVV thực hiện việc cho vay, hỗ trợ tăng cường năng lực cho DNNVV; tiếp nhận, quản lý và sử dụng vốn vay, tài trợ, viện trợ, đóng góp, ủy thác; phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro và xử lý rủi ro; quản lý tài chính...

Nhằm tăng cường các chính sách hỗ trợ phát triển DNNVV và phong trào khởi nghiệp, Chính phủ ban hành các Nghị định số 34/NĐ-CP ngày 8 tháng 3 năm 2018 về thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo lãnh tín dụng cho DNNVV; Nghị định số 38/2018/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2018 quy định chi tiết về đầu tư cho DNNVV khởi nghiệp sáng tạo. Cùng với đó là cụ thể hóa các quy định, chính sách về hỗ trợ DNNVV, hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo theo quy định tại Luật Hỗ trợ DNNVV. Hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo ngày càng được hoàn thiện. Cụ thể là, Chính phủ đẩy mạnh vận hành, khai thác và phát triển Cổng thông tin khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia; xây dựng cơ sở dữ liệu về hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, kết nối hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của Việt Nam với quốc tế. Đồng thời, hỗ trợ DN áp dụng hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, các hệ thống quản lý, công cụ cải tiến năng suất và chất lượng. Khuyến khích hoạt động liên kết ngành, tham gia chuỗi giá trị của các DN trong nước với chính sách thu hút đầu tư nước ngoài.

Do khu vực DNNVV có vai trò quan trọng, nên những năm qua, Việt Nam đã và đang nỗ lực tháo gỡ rào cản nhằm thúc đẩy khu vực DN này phát triển. Chính phủ tập trung các chính sách hỗ trợ những nội dung cụ thể: Phát huy và nâng cao hiệu quả hoạt động DNNVV, các DN đổi mới sáng tạo; Hỗ trợ đẩy mạnh phong trào khởi nghiệp quốc gia; Tạo thuận lợi để các hộ và cá nhân tự nguyện liên kết hình thành DN hoặc các hình thức tổ chức hợp tác khác; Hỗ trợ và khuyến khích hình thành các tập

đoàn kinh tế tư nhân đa sở hữu và tư nhân góp vốn vào các tập đoàn kinh tế nhà nước; Hỗ trợ đổi mới, sáng tạo, hiện đại hoá công nghệ và phát triển nguồn nhân lực có đủ khả năng tham gia mạng sản xuất, chuỗi giá trị khu vực và toàn cầu; Cải cách mạnh mẽ thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho kinh tế tư nhân phát triển... Chính phủ còn ban hành nhiều chính sách về ưu đãi về thuế, tín dụng cho DN, nhất là đối với các DNNVV; tạo nguồn vốn và mặt bằng sản xuất kinh doanh; cung cấp thông tin thị trường và xúc tiến thương mại, nâng cao năng lực quản trị DN, đào tạo nghề cho lao động...

3.Vai trò của DNNVV trong phát triển kinh tế xã hội và một số vấn đề đặt ra

Khu vực DNNVV đóng vai trò hết sức quan trọng đối với sự phát triển kinh tế xã hội theo hướng bền vững của Việt Nam hiện nay, cụ thể:

Một là, các DNNVV có mặt ở hầu hết các lĩnh vực sản xuất kinh doanh của nền kinh tế. Số lượng lớn các doanh nghiệp vừa và nhỏ hoạt động trong nhiều lĩnh vực khác nhau, tạo nên các ngành công nghiệp và dịch vụ phụ trợ quan trọng, do các doanh nghiệp vừa và nhỏ thường chỉ tập trung chuyên môn hoá sản xuất một hoặc một số ít chi tiết, sản phẩm, dịch vụ. Đa số các DNNVV ở nước ta hiện nay hoạt động trong lĩnh vực thương mại và dịch vụ. Do đây là ngành có vòng quay vốn nhanh, không cần số vốn đầu tư lớn, không cần có lao động có trình độ cao, gia nhập thị trường và rút khỏi thị trường dễ dàng.

Hai là, các DNNVV góp phần tạo ra nhiều công ăn việc làm mới cho người lao động, giảm bớt áp lực về việc làm và thất nghiệp. Hiện nay, giải quyết việc làm cho người lao động góp phần ổn định trật tự xã hội là vấn đề nan giải và cấp thiết cho nhiều quốc gia. Các DNNVV còn là nơi tạo ra việc làm cho số lượng lớn những người mới tham gia vào lao động hàng năm. DNNVV tạo ra tiền đề để tổ chức phát triển kinh tế theo hướng hiện đại và trên phạm vi lãnh thổ rộng lớn và phát triển đa lĩnh vực. Chính điều đó tạo ra tiền đề phát triển nhiều chỗ làm việc trong phạm vi một tỉnh, một huyện; từ đó trực tiếp giảm thất nghiệp cho người lao động. Việc giảm thất nghiệp luôn luôn là mục tiêu tối thượng của các quốc gia trong quá trình phát triển. Theo tính toán của Tổng cục Thống kê, giai đoạn 2016 - 2019, bình quân mỗi năm khu vực doanh nghiệp có quy mô siêu nhỏ thu hút 1,5 triệu lao động, tăng 48,8% so với bình quân giai đoạn 2011 - 2015; khu vực doanh nghiệp quy mô nhỏ thu hút 2,7 triệu lao động, tăng 13,1%; khu vực doanh nghiệp quy mô vừa thu hút gần 1,4 triệu lao động, tăng 13,2% (Lê Mạnh Hùng, 2022). Các DNNVV đã sử dụng được nguồn lực lao động tại địa phương, điều này đã góp phần tạo công ăn việc làm và tăng thu nhập cho người dân ở địa phương.

Ba là, các DNNVV tham gia vào quá trình tạo lập sự phát triển công bằng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo vùng, lãnh thổ. Thực tế là các doanh nghiệp lớn thường tập trung chủ yếu ở các thành phố, thị xã lớn. Chính xu hướng đó đã gây ra tình trạng mất cân đối nghiêm trọng về trình độ phát triển kinh tế, văn hoá xã hội cả nước giữa thành thị và nông thôn, giữa các vùng miền với nhau. Sự phát triển của loại hình DNNVV là một giải pháp cho việc tạo lập lại sự cân bằng về trình độ phát triển giữa các vùng miền và sự phát triển đồng đều giữa các lĩnh vực của nền kinh tế, đồng thời thu hút lao động trong xã hội. Việc nhiều DNNVV được thành lập ở nông thôn, vùng miền núi đã hạn chế sự chuyển dịch lao động từ nông thôn ra thành thị tìm việc làm, đồng thời giảm tỷ trọng ngành nông nghiệp, tăng tỷ trọng ngành công nghiệp và dịch vụ.

Bốn là, đóng góp của DNNVV vào ngân sách Nhà nước. Khi DNNVV phát triển, nó làm tăng thu nhập cho người làm việc trong doanh nghiệp. Khi thu nhập tăng cao thì người dân đi mua sắm hàng hóa, nộp thuế giá trị gia tăng cho Nhà nước. Đồng thời khi người dân đi mua sắm hàng hóa sẽ thúc đẩy doanh nghiệp phát triển. Khi doanh nghiệp phát triển mạnh thì doanh thu của doanh nghiệp tăng lên. Khi doanh thu tăng lên thì doanh nghiệp nộp thuế doanh thu cho Nhà nước. Cả hai trường hợp này dẫn đến tăng nguồn thu ngân sách Nhà nước. Khi tỉnh có nhiều ngân sách thì có thể giải quyết được nhiều vấn đề về phúc lợi xã hội, cải tạo môi trường... Khu vực DNNVV ngày càng chiếm tỷ trọng cao trong thu ngân sách của cả nước. Đặc biệt, khu vực DNNVV đóng góp cho ngân sách có tốc độ tăng tương đối cao, bình quân hàng năm đạt trên 20% giai đoạn 2016 - 2020 (Lê Mạnh Hùng, 2022).

Năm là, các DNNVV cung cấp ra thị trường khối lượng sản phẩm hàng hoá, dịch vụ đa dạng và phong phú về mẫu mã, chủng loại, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Các DNNVV tham gia hoạt động trong mọi ngành, mọi lĩnh vực sản xuất, cộng với số lượng doanh nghiệp lớn nên số lượng hàng hoá dịch vụ cung cấp ra thị trường là nhiều, có tính cạnh tranh cao nên rất đa dạng về chủng loại, mẫu mã, giá thành. DNNVV trực tiếp tạo ra giá trị gia tăng nhờ làm ra nhiều sản phẩm hàng hóa đáp ứng yêu cầu của xã hội. Đây là điểm quan trọng không chỉ cho biết DNNVV có thể tạo ra nhiều sản phẩm hàng hóa. Nếu những sản phẩm hàng hóa này có chất lượng lại có nhiều giá trị gia tăng thì chắc chắn góp phần tạo ra nhiều giá trị kinh tế, góp phần thịnh vượng nền kinh tế của tỉnh. Kinh tế có phát triển thì mới có điều kiện cải thiện mức sống dân cư và tạo ra tiền đề để tăng khả năng tích lũy từ nội bộ nền kinh tế để đầu tư tái mở rộng. Mặt khác, DNNVV còn có vai trò phát triển các lĩnh vực công nghiệp,

dịch vụ, nông lâm thủy sản. Từ đó tạo nên sự phát triển chuyên môn hóa sâu cũng như tạo ra sự phát triển tổng hợp cho nền kinh tế của địa phương.

Sáu là, sự ra đời của DNNVV đã tạo ra môi trường cạnh tranh, thúc đẩy sản xuất kinh doanh phát triển và gia tăng nguồn hàng xuất khẩu. Quá trình hội nhập kinh tế thế giới của Việt Nam ngày càng sâu rộng, cộng với số lượng các DNNVV được thành lập trong các lĩnh vực ngành nghề ngày càng nhiều. Đây là động lực để các doanh nghiệp phải thường xuyên đổi mới, cải tiến công nghệ, đa dạng hoá sản phẩm, mẫu mã đẹp hơn để đủ sức cạnh tranh hàng hoá với doanh nghiệp trong nước cũng như hàng hoá của doanh nghiệp nước ngoài đang vào thị trường Việt Nam ngày một nhiều. Từ đó góp phần thúc đẩy xuất khẩu, thu lượng ngoại tệ không nhỏ cho quốc gia. Trong những năm qua, DNNVV đã trở thành đội quân chủ lực trong chiến lược đẩy mạnh xuất khẩu của Việt Nam, thể hiện các DNNVV đã chiếm tỷ trọng chính trong một số mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam như thủ công mỹ nghệ, chế biến nông sản, hải sản, may mặc, giày dép... Tính đến nay, số lượng DNNVV tham gia kinh doanh xuất, nhập khẩu chiếm khoảng 90% tổng số doanh nghiệp tham gia kinh doanh xuất nhập khẩu trên cả nước (Lê Mạnh Hùng, 2022).

Bảy là, các DNNVV góp phần quan trọng trong việc thu hút vốn đầu tư trong dân cư, đồng thời khai thác và sử dụng tối ưu các nguồn lực của địa phương. Với quy mô hoạt động nhỏ và vừa thì các DNNVV là mô hình đầu tư phù hợp cho những chủ thể có nguồn vốn và trình độ hạn chế muốn tham gia kinh doanh. Trong quá trình hoạt động, các DNNVV có khả năng huy động vốn từ bạn bè, người thân. Đây là phương tiện hiệu quả trong việc huy động vốn từ các tầng lớp dân cư. Số lượng DNNVV đông và thường phân tán ở hầu khắp các địa phương, chính vì thế sẽ tận dụng được lao động, nguyên nhiên liệu, phế liệu ở các địa phương. Từ đó nguồn lực của địa phương được khai thác một cách có hiệu quả hơn.

Tám là, các DNNVV là tiền đề tạo ra các doanh nghiệp lớn. Với những doanh nghiệp thành công, quy mô của các doanh nghiệp sẽ được mở rộng và nhiều doanh nghiệp trong số này dần dần trở thành các doanh nghiệp lớn, các tập đoàn kinh tế. DNNV bước đầu đã tham gia vào quá trình hình thành mối liên kết DNNVV với các doanh nghiệp lớn; Không chỉ giữ vai trò là nhà thầu phụ cho các doanh nghiệp lớn, nhìn xa hơn, các doanh nghiệp vừa và nhỏ còn ảnh hưởng trực tiếp đến sự sống còn trong hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp lớn bởi các doanh nghiệp vừa và nhỏ cũng là những nhà cung cấp quan trọng, đảm bảo cung ứng kịp thời nguồn vật tư, nguyên liệu cho sản xuất của các doanh nghiệp lớn, đồng thời trong khâu lưu thông,

các doanh nghiệp vừa và nhỏ lại tạo nên một mạng lưới phân phối, tiêu thụ sản phẩm ở nhiều cấp. Sự tồn tại và hoạt động của các doanh nghiệp vừa và nhỏ tạo ra hệ thống kênh phân phối sản phẩm hiệu quả, phù hợp với từng loại sản phẩm, từng ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh.

Chín là, với quy mô vừa và nhỏ còn tạo cho các doanh nghiệp thuộc loại này một sự năng động và linh hoạt, dễ thay đổi trước những biến đổi của thị trường, đồng thời, có khả năng thâm nhập vào mọi ngành kinh tế ở các vị trí địa lý khác nhau, khả năng này khiến cho doanh nghiệp vừa và nhỏ giữ vai trò phát triển kinh tế *xã hội theo vùng, miền của các quốc gia. Để có thể phát triển các vùng kinh tế, trước tiên, các quốc gia nhất thiết phải chú trọng đến vai trò và đóng góp của các doanh nghiệp vừa và nhỏ trong chiến lược phát triển. Doanh nghiệp vừa và nhỏ đóng vai trò cân bằng và làm cho nền kinh tế phát triển đồng đều cả về cơ cấu ngành nghề kinh doanh lẫn cơ cấu kinh tế theo lãnh thổ.

Mười là, các doanh nghiệp vừa và nhỏ còn là trụ cột về kinh tế của các địa phương, phần lớn số thu ngân sách địa phương từ thuế, phí, lệ phí và các khoản khác là đóng góp của các doanh nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn. Đồng thời, với việc sử dụng một lượng lớn lao động ở địa phương, các doanh nghiệp vừa và nhỏ đóng góp tích cực vào việc giải quyết chính sách xã hội về việc làm, nâng cao thu nhập cho người lao động, góp phần lớn trong công cuộc xoá đói giảm nghèo ở từng địa phương. Sự ổn định trong đời sống nhân dân sẽ mang lại hệ quả tốt trong việc ổn định tình hình an ninh, xã hội ở nước ta.

Bên cạnh những thành công và kết quả tốt đẹp như vậy cho đến nay, thể chế quản lý nước ta còn nhiều nhược điểm mà các doanh nghiệp thường khái quát lại là “4 không”: không rõ ràng, minh bạch; không nhất quán (hay thay đổi); không thông suốt (trên thông thoáng, dưới bó lại); và không được thi hành nghiêm túc. Bộ máy vẫn còn chồng chéo, trách nhiệm không rõ ràng, kém hiệu lực và hiệu quả (có tình trạng “trên nói, dưới không nghe”), giải quyết công việc thường trì trệ, kéo dài. Đội ngũ cán bộ, công chức còn những người thoái hóa, biến chất, gây không ít phiền hà, những nhiễu đối với người dân và doanh nghiệp. Chức năng quản lý của Nhà nước chỉ là tạo môi trường pháp lý, hướng dẫn, điều tiết và xử lý vi phạm, chứ không làm thay chức năng kinh doanh của doanh nghiệp; tôn trọng và tạo điều kiện cho khả năng tự điều chỉnh của thị trường (Trần Kiều Trang, 2022).

Chi phí tài chính của khu vực doanh nghiệp tư nhân nói chung ở mức cao, trong đó có thể có chi phí không chính thức. Do khó khăn tiếp cận vốn từ ngân hàng,

DNNVV phải chấp nhận sử dụng các kênh vốn có chi phí cao. Bên cạnh đó, vay vốn tại ngân hàng đòi hỏi nhiều thủ tục, tiêu tốn thời gian, công sức, chi phí và thậm chí vượt quá năng lực của DNNVV, chẳng hạn như: Yêu cầu phương án sản xuất kinh doanh, trong khi đây là điểm yếu của DNNVV. Một số thủ tục hành chính còn khá phức tạp, gây phiền hà cho doanh nghiệp trong quá trình hoạt động kinh doanh, như: Thủ tục đất đai, giải phóng mặt bằng, BHXH, đăng ký kinh doanh. Nhiều DNNVV có tài sản nhưng không có đủ giấy tờ hợp pháp, hợp lệ để làm các thủ tục thế chấp, như: DN được giao đất sử dụng nhưng chưa được cấp giấy tờ chứng minh quyền sở hữu đất; hay doanh nghiệp có hợp đồng thuê đất trả tiền hàng năm nhưng lại không được thế chấp đất đai để vay vốn ngân hàng (Nguyễn Văn Đại, 2020).

Mặc dù các năm gần đây, số lượng DNNVV thành lập mới nhiều, nhưng cũng có một bộ phận không nhỏ DN không có khả năng tồn tại, đứng vững trong cạnh tranh hoặc hoạt động kém hiệu quả. Các DNNVV thiếu thông tin thị trường cũng như công đối thoại với các bộ, ngành để tìm kiếm sự hỗ trợ và sự bảo vệ, đặc biệt là các thông tin về giá cả hàng hóa, thủ tục mua bán, xuất nhập khẩu hàng hóa cũng như quy trình sản xuất và chất lượng yêu cầu. Điểm nổi bật hiện nay là, sự liên kết của các DNNVV Việt Nam yếu kém, có rất ít mối liên kết giữa các DN nhỏ và DN có quy mô lớn hơn. Theo báo cáo triển vọng phát triển Châu Á của Ngân hàng Phát triển Châu Á, hiện nay mới chỉ có 21% các DNNVV của Việt Nam tham gia vào chuỗi cung ứng toàn cầu so với 30% của Thái Lan và 46% của Malaysia. Sự hình thành và phát triển của các tập đoàn kinh tế tư nhân ở Việt Nam chủ yếu là sau một giai đoạn tích lũy ngắn, dựa vào vốn tự có và ít được Nhà nước hỗ trợ. Quá trình phát triển theo mô hình tập đoàn của nhóm các tập đoàn kinh tế tư nhân hiện gặp phải một số khó khăn về quản trị, mô hình, do phần lớn phát triển từ quy mô DN gia đình. Các liên kết trong mô hình tập đoàn còn khá đơn giản, chưa triển khai được các hình thức liên kết “mềm” khác thông qua thỏa thuận, hợp tác sử dụng thương hiệu, dịch vụ, kết quả nghiên cứu đổi mới, ứng dụng khoa học, công nghệ chung trong tập đoàn theo nguyên tắc thị trường. Mặt khác, vì quy mô nhỏ nên khả năng tích tụ và tập trung vốn để đầu tư, đổi mới công nghệ, mở rộng quy mô sản xuất hầu như không có. Điều này ảnh hưởng rất lớn đến khả năng cạnh tranh của DNNVV, nhất là trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng hiện nay (Chu Thanh Hải, 2020).

Năng lực kết nối thị trường cho việc quảng bá và tiêu thụ sản phẩm của các DNNVV còn nhiều hạn chế. Điều này làm cho sản phẩm của các DNNVV ít được phân phối qua các kênh tiêu thụ hiện đại. Hầu hết các sản phẩm chưa có nhãn hiệu và

thương hiệu đã làm hạn chế trong việc tiêu thụ sản phẩm. Năng lực quản lý kinh doanh của các DNNVV còn hạn chế. DN thiếu khả năng phân tích thông tin của thị trường, chưa quan tâm đúng mức đến hoạt động xúc tiến thương mại, khả năng xây dựng phương án sản xuất kinh doanh và kiến thức quản lý còn hạn chế. Hầu hết các DNNVV còn thiếu vốn sản xuất kinh doanh. Khả năng tiếp cận với các nguồn vốn vay chính thức từ các ngân hàng thương mại của các DNNVV còn hạn chế, bởi do thiếu điều kiện thế chấp và khả năng xây dựng phương án kinh doanh. Hầu hết các DN thiếu sự liên kết để hỗ trợ lẫn nhau trong sản xuất và kinh doanh do nhận thức về lợi ích liên kết còn hạn chế...

4. Một số định hướng giải pháp phát huy vai trò của doanh nghiệp vừa và nhỏ trong phát triển kinh tế* xã hội

Một là, tăng cường truyền thông thay đổi tư duy, đề cao vai trò quan trọng của DNNVV đối với sự phát triển kinh tế* xã hội bền vững. Các DNNVV cần nâng cao trách nhiệm xã hội doanh nghiệp thông qua những hành động và đóng góp tích cực cho sự phát triển kinh tế - xã hội bền vững.

Hai là, phát triển DNNVV gắn với phát triển KT-XH của từng địa phương và cả quốc gia. Quy hoạch phát triển tổng thể DN gắn với quy hoạch phát triển ngành, vùng và phải xuất phát từ hiệu quả kinh tế; đồng thời phát triển kinh tế phải gắn kết với việc giải quyết các vấn đề xã hội.

Ba là, phát triển DNNVV sát thị trường tiêu thụ. Chúng ta đã biết rằng mục đích chủ yếu của sản xuất hàng hóa - dịch vụ là sản xuất ra những sản phẩm mà xã hội cần, tức là những hàng hóa - dịch vụ để đáp ứng theo nhu cầu của thị trường. Các DNNVV phải xem việc sản xuất ra hàng hóa - dịch vụ là để đáp ứng yêu cầu của người tiêu dùng, tức là để phục vụ cho khách hàng, cho thị trường. Ngoài ra, cũng cần chú ý đến đặc điểm khách hàng từng vùng, từng khu vực, thậm chí là từng nước và từng châu lục, vì ở mỗi nơi có những đặc điểm yêu cầu về sản phẩm cũng khác nhau.

Bốn là, phát triển DNNVV phải gắn với bảo vệ môi trường. Phát triển DNNVV nhằm xây dựng một nền kinh tế của tỉnh theo hướng bền vững, bảo vệ môi trường sinh thái. Phát triển DNNVV theo hướng bền vững chính là góp phần bảo vệ tốt môi trường tự nhiên, không làm thay đổi hệ cân bằng sinh thái và phá hủy cảnh quan thiên nhiên. Bên cạnh đó, phải thường xuyên chú ý giáo dục, nâng cao ý thức bảo vệ môi trường.

Năm là, phát triển DNNVV phải gắn với hiệu quả kinh tế và giảm nghèo bền vững, khuyến khích làm giàu theo pháp luật. Hiệu quả kinh tế là một vấn đề rất quan trọng trong SX-KD của tất cả các DN ở mọi thành phần kinh tế. Hiệu quả kinh tế thể

hiện trình độ và năng lực quản lý, điều hành của người giám đốc, của người chủ DN và hơn thế nữa hiệu quả kinh tế quyết định sự tồn tại và phát triển của DNNVV. Phát triển DNNVV phải lấy hiệu quả làm mục tiêu, có nghĩa là huy động các nguồn lực vào sản xuất phải được khai thác có hiệu quả với mục đích chính là nâng cao thu nhập và đời sống không chỉ cho chủ DN mà cả những lao động trong các DNNVV, nộp ngân sách cho địa phương, góp phần vào chương trình giảm nghèo bền vững gắn với khuyến khích làm giàu theo pháp luật (Võ Thiện Chí, 2022).

Sáu là, hoàn thiện môi trường thể chế, các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp và ổn định môi trường kinh doanh cho DNNVV. Trước tiên cần rà soát thường xuyên hệ thống quy định của pháp luật về DNNVV; sửa đổi những quy định còn chồng chéo, trùng lặp; nâng cao năng lực soạn thảo, thẩm định và ban hành văn bản quy phạm pháp luật ở các cấp, các ngành nhằm bảo đảm hiệu lực và tính khả thi của các văn bản. Đồng thời, thiết lập các thể chế còn thiếu để điều chỉnh các quan hệ kinh tế - xã hội mới phát sinh theo tiến trình phát triển của nền kinh tế thị trường và quá trình hội nhập kinh tế quốc tế. Từng bước tiến tới xây dựng một hệ thống pháp luật đầy đủ, hoàn chỉnh, đồng bộ, thống nhất, minh bạch, dễ đoán trước và phù hợp với luật lệ quốc tế.

Bảy là, tiếp tục cải thiện thủ tục hành chính trong quản lý DNNVV. Nhà nước cần tiếp tục cải thiện thủ tục hành chính liên quan đến vấn đề đăng ký doanh nghiệp, đẩy nhanh tiến độ giải quyết hồ sơ đăng ký qua mạng điện tử; cắt giảm thời gian, chi phí thực hiện các thủ tục trong quy trình khởi sự kinh doanh thông qua việc tích hợp các thủ tục như đăng ký thành lập doanh nghiệp, đăng công bố thông tin đăng ký doanh nghiệp, công bố mẫu dấu, đăng ký tài khoản ngân hàng, đăng ký mã số bảo hiểm xã hội. Tập trung rà soát, loại bỏ những quy định, thủ tục không phù hợp, gây khó khăn cho tổ chức, DNNVV và nhân dân.

Tám là, nâng cao năng lực, tinh thần trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức trong các cơ quan quản lý nhà nước đối với DNNVV. Để nâng cao hiệu lực và hiệu quả hoạt động của bộ máy quản lý nhà nước nói chung và đối với doanh nghiệp nói riêng thì năng lực đội ngũ cán bộ, công chức giữ vai trò quan trọng. Chính phủ cần phải thực hiện nhiều biện pháp nâng cao trách nhiệm, đạo đức, giác ngộ chính trị của đội ngũ công chức, đồng thời với việc nâng cao trình độ chuyên môn của họ, đặc biệt là phải nhanh chóng sắp xếp lại bộ máy, tinh giản biên chế, tăng cường công tác kiểm tra năng lực phẩm chất công chức trong thi hành công vụ, chống tham nhũng,... kiên quyết loại bỏ ra khỏi bộ máy những cán bộ thoái hóa, biến chất. Tất cả các bộ ngành, địa phương phải chỉ đạo chặt chẽ cơ chế đội ngũ, xóa bỏ ngay những phiền hà sách nhiễu,

nghiêm túc với khẩu hiệu “vì nhân dân phục vụ” và phải luôn xem đó là tiêu chuẩn đạo đức của mỗi cán bộ, công chức và cả bộ máy công quyền.

Chín là, cụ thể hóa các chỉ tiêu vận hành hoạt động doanh nghiệp, tăng cường kiểm tra, giám sát hoạt động của DNNVV. Một hệ thống đánh giá công tác quản lý doanh nghiệp đầy đủ phải bao gồm một nguồn thông tin phù hợp đáng tin cậy và kịp thời theo các mẫu tiêu chuẩn hóa; mục tiêu, chỉ tiêu và các tiêu chuẩn cụ thể để đánh giá; một cơ chế kiểm tra khách quan để điều hành và đánh giá các kết quả; một tổ chức soạn thảo các quyết định tác động vào các vấn đề mới phát sinh; một chương trình đẩy mạnh quản lý. Cần phát triển luồng thông tin vận hành với hệ thống các số liệu kịp thời và chính xác theo một mẫu thuận lợi sử dụng cho các cơ quan kiểm tra của Nhà nước, đồng thời phải áp dụng các cách tính toán, phải đào tạo đội ngũ kế toán và cán bộ thanh tra. Trong tổ chức và hoạt động của mình, Nhà nước đóng vai trò quan trọng và ảnh hưởng trực tiếp đến sự tồn tại và phát triển của các DNNVV (Trần Kiều Trang, 2022).

Mười là, tăng cường năng lực của chủ DN, giám đốc và cán bộ quản lý DN về quản trị kinh doanh, quản trị chiến lược. Trong mọi điều kiện, doanh nhân cần thường xuyên cập nhật tri thức mới, những kỹ năng cần thiết để lãnh đạo DN có đủ sức cạnh tranh trên thị trường và tiếp cận kinh tế tri thức. Đặc biệt, chú trọng đến chiến lược cạnh tranh và những kỹ năng mang tính chiến lược, như quản trị chiến lược, quản trị rủi ro, tính nhạy cảm trong quản lý, phân tích kinh doanh, dự báo và định hướng chiến lược phát triển bằng cách mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng cho DNNVV. Mỗi DNNVV cần nêu cao ý thức vươn lên, phát huy lợi thế, nâng cao sức cạnh tranh của mình. Việc nắm bắt nhu cầu, tâm lý của khách hàng hoặc nhóm khách hàng phù hợp với loại hình, ngành nghề kinh doanh của mỗi DN cũng là một giải pháp mà các DNNVV có thể thực hiện được và tạo ra những kết quả khả quan. Bên cạnh đó, DN cần có chiến lược phát triển thông qua các kế hoạch, chiến lược, tầm nhìn, sứ mệnh hoạt động cụ thể.

Mười một là, xây dựng tầm nhìn trong sự phát triển của DN bằng cách xác định rõ các vấn đề về kinh tế, khách hàng, sự cạnh tranh, định hướng tương lai, triển vọng của DN, tính chuyên môn hóa cao trong tiếp xúc với khách hàng, uy tín, thương hiệu và giá trị cốt lõi mà mỗi DN cung cấp cho thị trường, xã hội...Để hạn chế tối đa các thất bại như buộc phải giải thể, tự giải thể, tình trạng kinh doanh bị trì trệ, tạm ngừng hoạt động, các DNNVV cần phải xác định được phạm vi và đối tượng hướng tới. Nói cách khác, trên cơ sở quy mô, tiềm lực, loại hình hoạt động, các DNNVV cần có chiến lược phù hợp trong việc lựa chọn thị trường, phân khúc thị trường để khai thác, kinh doanh. Chọn lựa phân khúc thị trường phù hợp là một giải pháp và đồng thời cũng là

sự chuẩn bị kỹ lưỡng, an toàn cho sự phát triển ổn định của mỗi DN. Mặt khác, mỗi DN cần khai thác hiệu quả các nguồn lực hỗ trợ, thúc đẩy cho sự phát triển như: Các giải pháp hỗ trợ từ nhà đầu tư trong nước và nước ngoài; các chính sách, kế hoạch hỗ trợ của Nhà nước về nguồn vốn, tài chính, công nghệ, quản trị, kinh doanh... (Nguyễn Lam Sơn, 2022).

Mười hai là, tăng cường sự liên minh, liên kết của nhóm DN kinh doanh, hoạt động cùng ngành nghề dưới các hình thức như hợp tác kinh doanh, liên doanh, liên danh... cũng là một giải pháp phù hợp nhằm phát huy vai trò, thế mạnh. Trong bối cảnh mở cửa và hội nhập quốc tế sâu rộng, Việt Nam đã ký kết hàng loạt các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới, để nâng cao năng lực cạnh tranh, DN NVV cần tận dụng tối đa những tiềm lực về vốn, nhân lực, thị trường, văn hóa, kinh nghiệm kinh doanh của các DN... Đây chính là sự tự thân vận động quan trọng của mỗi DN NVV trong kế hoạch thực hiện các chiến lược, mục tiêu kinh doanh của mình cùng với các đối thủ năng ký trên thị trường. Hiểu về đối thủ và cân bằng hài hòa được các lợi ích với đối thủ trong kinh doanh sẽ tạo những cơ hội phát triển ổn định cho các DN NVV. Điều đó đồng nghĩa rằng, các DN NVV cần biết cách giữ mối quan hệ tốt đẹp với các DN lớn trong bối cảnh thị trường cạnh tranh khốc liệt. Đặc biệt, các DN NVV cần minh bạch hoạt động và báo cáo tài chính, nâng cao chất lượng quản trị DN, quản lý rủi ro (Nguyễn Lam Sơn, 2022).

Mười ba là, các ngân hàng cần tăng cường tìm kiếm và tiếp cận các nguồn vốn giá rẻ từ các chương trình, dự án ưu đãi của các tổ chức trong và ngoài nước để tài trợ cho các lĩnh vực kinh doanh đặc thù của các DN NVV được Chính phủ, Nhà nước chú trọng phát triển. Thiết kế các sản phẩm cho vay đặc thù phù hợp với đối tượng khách hàng là DN NVV theo từng nhóm ngành nghề để có các giải pháp đáp ứng yêu cầu khách hàng một cách linh hoạt. Đồng thời, cải tiến, đơn giản hóa quy trình cho vay, yêu cầu thông tin cung cấp phù hợp với thực tế và có tư vấn, hướng dẫn chi tiết để các DN NVV có thể dễ dàng nắm bắt và thực hiện. Thúc đẩy sự phát triển của thị trường vốn. Cần thực hiện các biện pháp khuyến khích sự phát triển thị trường vốn để tạo điều kiện cho DN huy động vốn thông qua phát hành trái phiếu, cổ phiếu, cũng như các quỹ đầu tư, giảm sự lệ thuộc quá nhiều vào nguồn vốn vay ngân hàng. Trong đó, cần tập trung thúc đẩy sự phát triển dịch vụ định mức tín nhiệm nhằm hỗ trợ thị trường chứng khoán, thị trường trái phiếu, nâng cao tính công khai minh bạch, thúc đẩy huy động vốn thông qua thị trường chứng khoán, bảo vệ quyền và lợi ích của nhà đầu tư.

Mười bốn là, tăng cường thành lập các hiệp hội, tạo điều kiện cũng như môi trường cho các hiệp hội được hoạt động có hiệu quả. Có kế hoạch cụ thể để DNNVV thực hiện chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ quản trị hiện đại, đổi mới sản phẩm và nâng cao chất lượng sản phẩm, cũng như xây dựng thương hiệu, chỉ dẫn địa lý, truy xuất nguồn gốc; tham gia chuỗi giá trị quốc gia và toàn cầu. Cần nâng cao vai trò, năng lực của các hiệp hội nhằm hỗ trợ DNNVV và tăng cường chức năng tham vấn và phản biện xã hội. Mặt khác, tăng cường tiếp nhận các phản hồi, ý kiến, nhu cầu từ người tiêu dùng sử dụng sản phẩm của DNNVV để giúp DN hoàn thiện trong hoạt động kinh doanh, cung cấp hàng hóa, dịch vụ đến khách hàng thông qua các giải pháp như: Nâng cao trách nhiệm xã hội, trách nhiệm kinh doanh của DN đối với người tiêu dùng; cân bằng lợi ích của thương nhân và người tiêu dùng... Yêu cầu về tư duy đổi mới trong quản lý nhà nước đối với tổ chức và hoạt động hội, để các Hiệp hội doanh nghiệp sẽ tiến tới, trở thành “vườn ươm các doanh nghiệp”, là “bệ đỡ cho các doanh nghiệp đổi mới sáng tạo” như quan niệm chung trên thế giới hiện nay. Đồng thời Hiệp hội doanh nghiệp trở thành “sự nối dài” hay “đối tác tin cậy” của Đảng, Nhà nước trong thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, phát triển cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Mười lăm là, phát huy vai trò của xã hội, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp thúc đẩy sự phát triển của DNNVV, nâng cao ý thức của cộng đồng xã hội đối với sự phát triển và phát huy vai trò của DNNVV đối với sự phát triển kinh tế xã hội bền vững tại của từng địa phương cũng như của cả nước trong bối cảnh mới.

Tài liệu tham khảo

1. Võ Thiện Chin (2022), *Tiềm năng và định hướng phát triển DNNVV tại tỉnh Quảng Nam*. Tạp chí Công thương, số 13, tháng 6.
2. **Đảng Cộng sản Việt Nam (2017)**, *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa XII*. Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội.
3. **Đảng Cộng sản Việt Nam (2021)**, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*. Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật. Hà Nội.
4. Nguyễn Văn Đại (2020), *Quản lý nhà nước đối với DNNVV tạo động lực phát triển kinh tế tư nhân, từ thực tiễn Thành phố Hồ Chí Minh*. <https://tapchicongthuong.vn/>
5. Chu Thanh Hải (2019), *Phát triển DNNVV ở Việt Nam hiện nay*. Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam, số 11.

6. Lê Mạnh Hùng (2022), *Nâng cao năng lực cạnh tranh cho DNNVV ở Việt Nam*. Tạp chí Công thương **số 15, tháng 6**.
7. **Cao Thanh Huyền (2023)**, *Định hướng phát triển DNNVV ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay*. <https://tcdcpl.moj.gov.vn/>
8. Trần Văn Phòng (2018), *Sự phát triển lý luận của Đảng Cộng sản Việt Nam về phát triển kinh tế tư nhân trong thời kỳ đổi mới*. Tạp chí Lý luận chính trị, số 8
9. *Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2017), Luật DNNVV*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
10. Nguyễn Lam Sơn (2022), *Phát triển DNNVV trên địa bàn TP. Hà Nội*. Tạp chí Tài chính, kỳ 2 tháng 8.
11. Tổ thư ký Hiệp hội DNNVV (2023), *Một số kiến nghị nhằm thúc đẩy sự phát triển của DNNVV trong bối cảnh hiện nay*. <https://doanh nghiệphoinhap.vn/>
12. Trần Kiều Trang (2022), *Đổi mới quản lý nhà nước đối với các DNNVV hiện nay*. Tạp chí Công thương, **số 7, tháng 4**.

MỘT SỐ QUAN ĐIỂM VÀ CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA CỦA ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC¹

TS. Nguyễn Ngọc Huy

ThS. Lại Thị Thu Hà

Viện Xã hội học và Phát triển, Học viện CTQG Hồ Chí Minh

Dẫn nhập

Ngay từ Đại hội VI đã đề ra chính sách đổi mới, đề ra chính sách kinh tế nhiều thành phần, trong đó có thành phần kinh tế tư nhân. Từ đó đến nay, thành phần kinh tế tư nhân, trong đó chủ yếu là các doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) có nhiều điều kiện phát triển. Từ sau Đại hội VI, đại hội của đổi mới, kinh tế tư nhân luôn được coi trọng nhất là từ nhiệm kỳ Đại hội XII của Đảng. Nhận thấy vai trò quan trọng của thành phần kinh tế tư nhân trong nền kinh tế, Đảng ta đã ban hành riêng một Nghị quyết về kinh tế tư nhân. Tại Hội nghị lần thứ năm, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII đã ban hành Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 03 tháng 6 năm 2017 “về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa”. Nghị quyết này đã định hướng chỉ đạo các chính sách phát triển kinh tế tư nhân, trong đó có DNNVV. Cho đến nay, DNNVV đã ngày càng phát triển và trở thành một bộ phận quan trọng của thành phần kinh tế tư nhân. Để khuyến khích phát triển các DNNVV, Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều chủ trương, đường lối, chính sách để thúc đẩy sự phát triển các DNNVV trở thành các doanh nghiệp lớn và các tập đoàn kinh tế tư nhân. Trong khuôn khổ bài viết này, chúng tôi rà soát một số chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về kinh tế tư nhân nói chung và DNNVV nói riêng, và nhận diện một số kết quả đạt được trong quá trình phát triển DNNVV.

1. Quan điểm của Đảng và chính sách của Nhà nước về phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa

Quan điểm của Đảng về phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa

Trong hơn 30 năm đổi mới, Đảng và Nhà nước ta luôn kiên định và nhất quán đường lối phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa với nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, hình thức tổ chức kinh doanh và hình thức phân phối. Quan điểm của Đảng về DNNVV chủ yếu được thể hiện trong chủ trương phát triển kinh tế tư nhân nói chung, coi thành phần kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng của nền kinh tế. Tại Nghị quyết 10, Ban Chấp hành Trung ương khóa XII đã nêu

¹ Đây là Bản thảo đang hoàn thiện! Đề nghị không trích dẫn!

ra nhiều thành tựu của kinh tế tư nhân những cũng chỉ ra nhiều hạn chế, theo đó, một trong những hạn chế của kinh tế tư nhân là “chưa đáp ứng được vai trò là một động lực quan trọng của nền kinh tế. Tốc độ tăng trưởng của kinh tế tư nhân có xu hướng giảm trong những năm gần đây. Kinh tế tư nhân có quy mô nhỏ, chủ yếu vẫn là kinh tế hộ kinh doanh”².

Do đó, quan điểm chỉ đạo của Đảng đối với phát triển kinh tế tư nhân nói chung, trong đó có các doanh nghiệp nhỏ và vừa nói riêng là “Kinh tế tư nhân được phát triển trong tất cả các ngành, lĩnh vực mà pháp luật không cấm. Phát huy phong trào khởi nghiệp sáng tạo; nâng cao hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp nhỏ và vừa”³.

Định hướng giải pháp phát triển kinh tế tư nhân, trong đó có các doanh nghiệp nhỏ và vừa gồm “Hoàn thiện và bảo đảm thực thi minh bạch, hiệu quả chính sách hỗ trợ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa, phong trào khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo; tạo tiền đề hình thành các tập đoàn kinh tế tư nhân sở hữu hỗn hợp, bao gồm cả việc góp vốn vào các tập đoàn kinh tế nhà nước có tiềm lực vững mạnh, đủ sức cạnh tranh, tham gia mạng sản xuất, chuỗi giá trị khu vực và toàn cầu, đặc biệt là những lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo, điện tử, nông nghiệp”⁴.

Chính sách của nhà nước về phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa

Cụ thể hóa các quan điểm của Đảng về phát triển kinh tế tư nhân nói chung và phát triển DNNVV nói riêng, Quốc hội đã xây dựng và ban hành Luật Hỗ trợ Doanh nghiệp nhỏ và vừa⁵, tiếp đó Chính phủ đã ban hành Nghị định số 39⁶ quy định chi tiết một số điều trong Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa. Năm 2021, Chính phủ tiếp tục ban hành Nghị định 80⁷ về Quy định chi tiết và Hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa. Đầu năm 2023, Chính phủ đã ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 10 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa⁸.

² Ban Chấp hành Trung ương: *Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về phát triển kinh tế tư nhân trở thành động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa*, Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 3 tháng 6 năm 2017

³ Ban Chấp hành Trung ương: *Tài liệu đã dẫn*.

⁴ Ban Chấp hành Trung ương: *Tài liệu đã dẫn*.

⁵ Quốc hội: *Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa*, Luật số: 04/2017/QH14.

⁶ Chính phủ: *Nghị định Quy định chi tiết một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa*, Nghị định số: 39/2018/NĐ-CP, ngày 11/3/2018.

⁷ Chính phủ: *Nghị định Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa*, Nghị định số: 80/2021/NĐ-CP, ngày 26/8/2021.

⁸ Chính phủ: *Nghị quyết ban hành Chương trình hành động của Chính phủ tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 03 tháng 6 năm 2017 Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa*, Số 45/NQ-CP, ngày 31 tháng 3 năm 2023.

Chương trình Hành động của Chính phủ nêu rõ mục tiêu tổng quát: “Phát triển kinh tế tư nhân thực sự trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, góp phần phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững, nâng cao tính tự chủ, tự cường của nền kinh tế” và mục tiêu cụ thể là “Phấn đấu đến năm 2025 có khoảng 1,5 triệu doanh nghiệp, trong đó 600.000 đến 700.000 doanh nghiệp có quy mô vừa và lớn; đến năm 2030 có ít nhất 2 triệu doanh nghiệp. Hình thành và phát triển nhiều tập đoàn kinh tế tư nhân mạnh, có tiềm lực, có sức cạnh tranh trên thị trường trong nước và quốc tế”⁹.

Trong Chương trình hành động của Chính phủ đã đưa ra nhiều nhiệm vụ trong đó có ba nhiệm vụ trực tiếp liên quan tới phát triển DNNVV. Cả ba nhiệm vụ này được giao cho Bộ Kế hoạch và đầu tư chủ trì.

Nhiệm vụ thứ nhất hoàn thiện cơ chế chính sách... gồm các nội dung: Thực hiện tổng kết, đánh giá Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa và đề xuất sửa đổi, bổ sung Luật này cho phù hợp với thực tiễn; Nghiên cứu đề xuất khung pháp luật đối với hộ kinh doanh nhằm khuyến khích, tạo điều kiện cho hộ kinh doanh mở rộng quy mô, nâng cao hiệu quả hoạt động và cơ chế, chính sách thúc đẩy hộ kinh doanh chuyển đổi thành doanh nghiệp.

Nhiệm vụ thứ hai phát triển kết cấu hạ tầng và tăng cường khả năng tiếp cận các nguồn lực của kinh tế tư nhân gồm: Nghiên cứu, rà soát, đẩy mạnh hoạt động của Quỹ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa, tăng cường hoạt động cho vay trực tiếp và tài trợ vốn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa; phối hợp với Ngân hàng Nhà nước thúc đẩy các ngân hàng thương mại hợp tác với Quỹ cho vay gián tiếp để tăng khả năng tiếp cận nguồn vốn ưu đãi cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Nhiệm vụ thứ ba tập trung hỗ trợ kinh tế tư nhân đổi mới sáng tạo, hiện đại hóa công nghệ và phát triển nguồn nhân lực, nâng cao năng suất. Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương đẩy mạnh triển khai Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, trọng tâm là các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số, doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo và tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị; Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương, hiệp hội đẩy mạnh hoạt động hỗ trợ đào tạo cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, bao gồm cả đào tạo trực tuyến để tận dụng sự phát triển của công nghệ thông tin và phù hợp với tình hình mới; tăng cường hỗ trợ tư vấn cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa, tập trung vào các nội dung tái cấu trúc doanh

⁹ Chính phủ: *Tài liệu đã dẫn*

nghiệp, tài chính, nhân sự, thị trường, quản trị kinh doanh, quản trị rủi ro, ưu tiên doanh nghiệp bị ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19.

Các định hướng chính sách về phát triển DNNVV

Tiêu chí phân loại Doanh nghiệp Nhỏ và vừa được quy định trong Nghị định số 39/2018/NĐ-CP và Nghị định số 80/2021/NĐ-CP của Chính phủ. Theo đó, DNNVV được phân thành hai nhóm lĩnh vực, (1) Doanh nghiệp nông, lâm nghiệp và thủy sản; Công nghiệp và xây dựng và (2) Doanh nghiệp Thương mại và dịch vụ. Quy mô của DNNVV được phân loại dựa trên 3 tiêu chí là *Số lao động*, *Doanh thu* và *Vốn*¹⁰. (Xem bảng 1)

Bảng 1: Phân loại quy mô doanh nghiệp

Tiêu chí phân loại DN		Nông, lâm nghiệp và thủy sản; Công nghiệp và xây dựng	Thương mại và dịch vụ
Siêu nhỏ	Số Lao động (người)	≤ 10	≤ 10
	Doanh thu (tỷ đồng)	≤ 3	≤ 10
	Vốn (tỷ đồng)	≤ 3	≤ 3
Nhỏ	Số Lao động (người)	≤ 100	≤ 100
	Doanh thu (tỷ đồng)	≤ 50	≤ 100
	Vốn (tỷ đồng)	≤ 20	≤ 50
Vừa	Số Lao động (người)	≤ 200	≤ 100
	Doanh thu (tỷ đồng)	≤ 200	≤ 300
	Vốn (tỷ đồng)	≤ 100	≤ 100

(Nguồn: Nghị định 80/2021/NĐ-CP)

Có thể thấy Đảng và Nhà nước rất quan tâm tới sự phát triển của các DNNVV, các chính sách nhà nước để thể hiện chủ yếu trong Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, bao gồm bảy nội dung hỗ trợ chính gồm từ hỗ trợ tiếp cận tài chính, công nghệ, thuế, kế toán... (xem bảng 2)

Bảng 2. Nội dung chính sách phát triển DNNVV

Các nội dung hỗ trợ	Định hướng chính sách hỗ trợ DNNVV
Hỗ trợ tiếp cận tín dụng	Chính sách hỗ trợ tổ chức tín dụng tăng dư nợ cho vay đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa; khuyến khích các tổ chức tín dụng cho vay đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa; Phát triển các tổ chức tư vấn độc lập để xếp hạng tín nhiệm doanh nghiệp nhỏ và vừa. Hỗ trợ xây dựng các phương án sản xuất kinh doanh khả

¹⁰ Theo Nghị định số 39/2018/NĐ-CP năm 2018 và Nghị định số 80/2021/NĐ-CP năm 2021.

	thì, tăng cường năng lực quản trị, kỹ năng quản lý, minh bạch hóa tài chính của doanh nghiệp để nâng cao khả năng tiếp cận tín dụng. DNNVV được cấp bảo lãnh tín dụng tại Quỹ bảo lãnh tín dụng.
2. Quỹ Bảo lãnh tín dụng doanh nghiệp nhỏ và vừa	Quỹ thực hiện chức năng bảo lãnh tín dụng cho vay đối với DNNVV; Bảo lãnh dựa trên nguyên tắc tài sản đảm bảo hoặc phương án sản xuất kinh doanh; Chính phủ quy định chi tiết.
3. Hỗ trợ thuế, kế toán	DNNVV được áp dụng thời hạn mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ở mức thấp hơn mức thông thường. DNNVV siêu nhỏ được áp dụng thủ tục hành chính thuế và chế độ kế toán đơn giản theo quy định của pháp luật về thuế, kế toán.
Hỗ trợ mặt bằng sản xuất	Địa phương bố trí quỹ đất để hình thành, phát triển cụm công nghiệp; khu chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản, hải sản tập trung cho DNNVV phù hợp với quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt. Địa phương quyết định hỗ trợ giá thuê mặt bằng cho DNNVV tại các khu công nghiệp, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp trên địa bàn. Thời gian hỗ trợ là 05 năm kể từ ngày ký hợp đồng.
Hỗ trợ công nghệ; hỗ trợ cơ sở ươm tạo, cơ sở kỹ thuật, khu làm việc chung	Hỗ trợ 50% chi phí hợp đồng ứng dụng công nghệ cao, hợp đồng chuyển giao công nghệ nhưng không quá 100 triệu đồng trên một hợp đồng và không quá một hợp đồng một năm. <i>Hỗ trợ sử dụng cơ sở kỹ thuật...</i> a. Hỗ trợ 100% chi phí sử dụng trang thiết bị tại các cơ sở kỹ thuật hỗ trợ DNNVV; b. Hỗ trợ 50% nhưng không vượt quá 5 triệu/tháng/doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo phí tham gia các cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung
Hỗ trợ thông tin, tư vấn và pháp lý	<i>Hỗ trợ sử dụng dịch vụ tư vấn (nhưng không bao gồm tư vấn về thủ tục hành chính theo quy định của pháp luật chuyên ngành) thuộc mạng lưới tư vấn viên:</i>

	a. Doanh nghiệp siêu nhỏ được hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn nhưng không quá 03 triệu đồng một năm; b. Doanh nghiệp nhỏ được giảm tối đa 30% giá trị hợp đồng tư vấn, nhưng không quá 05 triệu đồng một năm; c. Doanh nghiệp vừa được giảm tối đa 10% giá trị hợp đồng tư vấn nhưng không quá 10 triệu đồng một năm; d. Doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị được miễn, giảm phí tư vấn theo quy định của Chương IV, nghị định này.
7. Hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực	<i>Hỗ trợ đào tạo khởi sự kinh doanh và quản trị doanh nghiệp</i> a. Ngân sách nhà nước hỗ trợ tối thiểu 50% chi phí của một khóa đào tạo về khởi sự kinh doanh và quản trị doanh nghiệp cho doanh nghiệp nhỏ và vừa; b. Học viên của doanh nghiệp nhỏ và vừa thuộc địa bàn kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, doanh nghiệp nhỏ và vừa do nữ làm chủ được miễn học phí tham gia khóa đào tạo. <i>Hỗ trợ đào tạo nghề</i> DN nhỏ và vừa cử người lao động đi đào tạo sơ cấp hoặc dưới 3 tháng thì được miễn chi phí đào tạo. Các chi phí còn lại do DN nhỏ và vừa và người lao động thỏa thuận. Lao động tham gia khóa đào tạo phải đáp ứng các yêu cầu sau: a. Đã làm việc trong doanh nghiệp nhỏ và vừa tối thiểu 06 tháng liên tục. b. Không quá 50 tuổi đối với nam, 45 tuổi đối với nữ <i>Hỗ trợ đào tạo trực tiếp</i> a. Doanh nghiệp nhỏ và vừa hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, chế biến được hỗ trợ 50% tổng chi phí của một khóa đào tạo trực tiếp tại doanh nghiệp nhưng không quá 01 năm. b. Khóa đào tạo trực tiếp tại doanh nghiệp có tối thiểu 10 học viên.

(Nguồn: Luật Hỗ trợ Doanh nghiệp nhỏ và vừa và Nghị định số 80/2018/NĐ-CP)

2. Một số kết quả đạt được về phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa

Số lượng doanh nghiệp nhỏ và vừa gia tăng

Theo thống kê, tính đến 31/12/2020 cả nước có 684.260 doanh nghiệp đang hoạt động có kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020, tăng 2,4% so với cùng kỳ năm 2019. Trong đó, doanh nghiệp có quy mô siêu nhỏ và nhỏ có số lượng doanh nghiệp chiếm tỷ lệ cao nhất. Tại thời điểm 31/12/2020 cả nước có 478.601 doanh nghiệp quy mô siêu nhỏ, chiếm 69,9% số doanh nghiệp, tăng 6,6% so với cùng thời điểm năm 2019; có 163.760 doanh nghiệp quy mô nhỏ, chiếm 23,9%, giảm 8,7%; có 23.895 doanh nghiệp có quy mô vừa, chiếm 3,5%, tăng 4,9%; có 18.004 doanh nghiệp quy mô lớn, chiếm 2,6% tăng 3,7% so với cùng kỳ năm 2019¹¹.

Bình quân giai đoạn năm 2016 – 2020 số doanh nghiệp đang hoạt động có kết quả sản xuất kinh doanh là 605.774 doanh nghiệp, tăng 60,3% so với bình quân giai đoạn 2011 – 2015. Trong đó, doanh nghiệp có quy mô siêu nhỏ và nhỏ chiếm 93,7% trong tổng số doanh nghiệp cả nước, trong đó doanh nghiệp có quy mô siêu nhỏ tăng 70,1% so với bình quân giai đoạn năm 2011 – 2015; doanh nghiệp quy mô nhỏ tăng 42,2% so với bình quân giai đoạn 2011 – 2015; doanh nghiệp quy mô vừa là 3,5% tăng 54,6%; doanh nghiệp quy mô lớn là 2,8% tăng 40,2%.

Doanh nghiệp nhỏ và vừa thu hút ngày càng nhiều lao động

Theo báo cáo tại thời điểm 31/12/2020 tổng số lao động đang làm việc trong các doanh nghiệp đang hoạt động có kết quả sản xuất kinh doanh là 14,7 triệu người, giảm 3% so với cùng thời điểm năm 2019. Xét theo quy mô doanh nghiệp, doanh nghiệp quy mô siêu nhỏ và nhỏ mặc dù có tổng số doanh nghiệp lớn nhất nhưng số lao động chỉ chiếm 26,6% tổng số lao động của doanh nghiệp, trong đó doanh nghiệp có quy mô siêu nhỏ thu hút 1,4 triệu lao động, giảm 14% so với cùng kỳ năm 2019; doanh nghiệp có quy mô nhỏ thu hút 2,5 triệu lao động, 7,0%; doanh nghiệp có quy mô vừa thu hút 1,4 triệu lao động, chiếm 9,7%, tăng 6,5% so với cùng kỳ năm 2019.

Mặc dù số lao động làm việc trong các doanh nghiệp năm 2020 giảm xuống so với năm 2019, trung bình giai đoạn 2016-2020 số lao động bình quân hàng năm vẫn tăng hơn nhiều so với giai đoạn 2011 – 2015. Bình quân mỗi năm doanh nghiệp siêu nhỏ thu hút 1,5 triệu lao động, tăng 46,8% so với bình quân giai đoạn 2011 – 2015; doanh nghiệp quy mô nhỏ thu hút bình quân 2,6 triệu lao động tăng 11,4%; doanh nghiệp quy mô vừa thu hút 1,4 triệu lao động, tăng 14,2%. (xem bảng 3)

¹¹ Bộ Kế hoạch và Đầu tư: *Sách trắng doanh nghiệp Việt Nam năm 2022*, Nxb Thống kê, Hà Nội, 2022.

Bảng 3. Lao động của doanh nghiệp đang hoạt động có kết quả sản xuất kinh doanh

	Bình quân giai đoạn 2011 – 2015 (người)	2019 (người)	2020 (người)	Chỉ số phát triển (%)	
				Năm 2020 so với 2019	BQ giai đoạn 2016 – 2020 so với 2011 - 2015
Cả nước	11638377	15151989	14702546	97,0	125,8
DN siêu nhỏ	1016642	1655462	1408645	85,1	146,8
DN nhỏ	2394199	2693684	2503989	93,0	111,4
DN vừa	1201037	1332372	1419449	106,5	114,2
DN lớn	7026499	9470471	9370463	98,9	129,6

(Nguồn: Sách trắng doanh nghiệp Việt Nam 2022)

Quy mô nguồn vốn tăng cho cho sản xuất kinh doanh tăng

Nhìn chung, nguồn vốn của doanh nghiệp có xu hướng tăng. Tổng nguồn vốn sử dụng cho sản xuất kinh doanh của toàn bộ doanh nghiệp đang hoạt động có kết quả sản xuất kinh doanh tại thời điểm 31/12/2020 đạt 48,7 triệu tỷ đồng, tăng 12,2% so với cùng thời điểm năm 2019. Trong đó, doanh nghiệp quy mô lớn có 18 nghìn doanh nghiệp, chiếm 2,6% trong tổng số doanh nghiệp cả nước nhưng nguồn vốn thu hút cho sản xuất kinh doanh nhiều nhất với 33,2 triệu tỷ đồng, chiếm 68,2% toàn bộ vốn sản xuất của tổng doanh nghiệp, tăng 14,8%; doanh nghiệp siêu nhỏ và nhỏ thu hút 11,9 triệu tỷ đồng, chiếm 24,4%, tăng 5,7%; doanh nghiệp quy mô vừa thu hút 3,6 triệu tỷ đồng, chiếm 7,4%, tăng 12,5%.

Bình quân giai đoạn 2016 – 2020, mỗi năm doanh nghiệp sản xuất kinh doanh đang hoạt động có kết quả sản xuất kinh doanh thu hút 38,4 triệu tỷ đồng vốn cho SXKD, tăng 104,1% so với bình quân giai đoạn 2011 – 2015. Xét theo quy mô doanh nghiệp, Doanh nghiệp quy mô lớn thu hút 26,5 triệu tỷ đồng, chiếm 69%, tăng 102,1%; doanh nghiệp quy mô vừa thu hút 2,9 triệu tỷ đồng, chiếm 7,6%, tăng 113,1%; doanh nghiệp nhỏ thu hút 4,6 triệu tỷ đồng, chiếm 12%, tăng 69,9%; doanh nghiệp quy mô siêu nhỏ thu hút 4,4 triệu tỷ đồng, chiếm 11,4%, tăng 168,9%. (xem bảng 4)

Bảng 4. Nguồn vốn của doanh nghiệp đang hoạt động có kết quả SXKD theo quy mô doanh nghiệp

	Bình quân giai đoạn 2011 – 2015 (Tỷ đồng)	2019 (tỷ đồng)	2020 (tỷ đồng)	Chỉ số phát triển (%)	
				Năm 2020 so với 2019	BQ giai đoạn 2016 – 2020 so với 2011 - 2015
Cả nước	18825338	43418181	48736839	112,2	204,1
DN siêu nhỏ	1630553	5882872	6269170	106,6	268,9

DN nhỏ	2687146	5366030	5624507	104,8	169,9
DN vừa	1358111	3225446	3629504	112,5	213,1
DN lớn	13149529	28943834	33213659	114,8	202,1

(nguồn: Sách trắng doanh nghiệp Việt Nam 2022)

Doanh thu thuần của doanh nghiệp tăng lên

Theo kết quả thống kê, tổng doanh thu thuần của toàn bộ doanh nghiệp năm 2020 đạt 27,4 triệu tỷ đồng, tăng 4% so với năm 2019. Trong đó, bình quân giai đoạn 2016 – 2020, mỗi năm các doanh nghiệp đang hoạt động có kết quả sản xuất kinh doanh tạo ra 23,1 triệu tỷ đồng doanh thu thuần, tăng 85,8% so với bình quân giai đoạn 2011 – 2015.

Xét theo quy mô doanh nghiệp, doanh nghiệp quy mô lớn tạo ra doanh thu thuần cao nhất trong toàn bộ doanh nghiệp của cả nước. Bình quân giai đoạn 2016 – 2020 mỗi năm doanh nghiệp quy mô lớn tạo ra 16,7 triệu tỷ đồng doanh thu, chiếm 72,4% doanh thu của toàn bộ doanh nghiệp, tăng 95,9% so với bình quân giai đoạn 2011 – 2015; doanh nghiệp quy mô vừa tạo ra 2,3 triệu tỷ đồng, chiếm 9,9%, tăng 94,2%; doanh nghiệp quy mô nhỏ tạo ra 3,4 triệu tỷ đồng, chiếm 14,9%, tăng 50%; doanh nghiệp siêu nhỏ tạo ra 651 nghìn tỷ đồng, chiếm 2,8%, tăng 51,3%. (bảng 5)

Bảng 5. Doanh thu thuần của doanh nghiệp theo quy mô

	Bình quân giai đoạn 2011 – 2015 (tỷ đồng)	2019 (tỷ đồng)	2020 (tỷ đồng)	Chỉ số phát triển (%)	
				Năm 2020 so với 2019	BQ giai đoạn 2016 – 2020 so với 2011 - 2015
Cả nước	12427360	26321879	27374963	104,0	185,8
DN siêu nhỏ	430168	715878	700846	97,9	151,3
DN nhỏ	2288795	3907650	3753184	96,0	150,0
DN vừa	1173960	2613370	2686454	102,8	194,2
DN lớn	8534437	19084981	20234478	106,0	195,9

(nguồn: Sách trắng doanh nghiệp Việt Nam 2022)

Lợi nhuận trước thuế của doanh nghiệp tăng

Năm 2020, tổng lợi nhuận trước thuế của doanh nghiệp đạt 954 nghìn tỷ đồng, tăng 7,2% so với năm 2019. Tỷ lệ doanh nghiệp kinh doanh có lãi chiếm 39,7%, giảm so với năm 2019 (43,0%), số lượng doanh nghiệp có lãi giảm 5,5% so với năm 2019. Tỷ lệ doanh nghiệp kinh doanh thua lỗ là 41,5%, giảm so với năm 2019 (48,8%), số lượng doanh nghiệp kinh doanh thua lỗ giảm 13,1% so với năm 2019. Theo quy mô doanh nghiệp: Năm 2020, doanh nghiệp quy mô lớn tạo ra 968,8 nghìn

tỷ đồng lợi nhuận trước thuế, tăng 3,3% so với năm 2019; doanh nghiệp quy mô vừa tạo ra 32,6 nghìn tỷ đồng lợi nhuận trước thuế, tăng 20% so với năm 2019. Trong khi đó doanh nghiệp có quy mô nhỏ và siêu nhỏ kinh doanh thua lỗ (doanh nghiệp nhỏ lỗ 6,7 nghìn tỷ đồng, doanh nghiệp quy mô siêu nhỏ lỗ 40,7 nghìn tỷ đồng). Tuy nhiên mức thua lỗ của doanh nghiệp siêu nhỏ đã giảm so với năm 2019 (lỗ 71,3 nghìn tỷ đồng).

Bình quân giai đoạn 2016 – 2020, mỗi năm doanh nghiệp đang hoạt động, có kết quả sản xuất kinh doanh tạo ra 865,9 nghìn tỷ đồng lợi nhuận trước thuế, tăng 88,9% so với mức lợi nhuận thu được bình quân giai đoạn 2011 – 2015. *Theo quy mô doanh nghiệp*: Bình quân giai đoạn 2016 – 2020 so với bình quân giai đoạn 2011 – 2015, doanh nghiệp có quy mô lớn tạo ra 882,4 nghìn tỷ đồng lợi nhuận trước thuế, tăng 92,2%; doanh nghiệp quy mô vừa tạo ra 30,2 nghìn tỷ đồng lợi nhuận trước thuế, tăng 88,9%; doanh nghiệp quy mô nhỏ thua lỗ 122 tỷ đồng (bình quân giai đoạn 2011 – 2015, mỗi năm lỗ 3 nghìn tỷ đồng); doanh nghiệp siêu nhỏ lỗ 46,9 nghìn tỷ đồng (giai đoạn 2011 – 2015, bình quân mỗi năm lỗ 14,7 nghìn tỷ) (bảng 6)

Bảng 6. Lợi nhuận trước thuế của doanh nghiệp theo quy mô

	Bình quân giai đoạn 2011 – 2015 (tỷ đồng)	2019 (tỷ đồng)	2020 (tỷ đồng)	Chỉ số phát triển (%)	
				Năm 2020 so với 2019	BQ giai đoạn 2016 – 2020 so với 2011 - 2015
Cả nước	458189	889942	953998	107,2	188,9
DN siêu nhỏ	-13953	-71252	-40695		
DN nhỏ	-2988	-3353	-6721		
DN vừa	16009	27138	32623	120,2	188,9
DN lớn	459121	937410	968792	103,3	192,2

(Nguồn: Sách trắng doanh nghiệp Việt Nam 2022)

Một số kết luận

Kết quả trên cho thấy một số kết luận như sau:

Thứ nhất, Đảng và Nhà nước ta rất quan tâm tới phát triển DNNVV. Do đó, DNNVV có một số thuận lợi như: cơ chế chính sách ngày càng hoàn thiện; sự hỗ trợ của Nhà nước đối với DNNVV có tính bao trùm và hiệu quả; nhiều cơ hội tham gia thị trường trong nước và quốc tế.

Thứ hai, mặc dù được Đảng và Nhà nước rất quan tâm song quy mô doanh nghiệp còn nhỏ. Trong đó, doanh nghiệp siêu nhỏ vẫn chiếm tỷ lệ nhiều nhất.

Thứ ba, mặc dù quy mô vốn của DNNVV ngày càng tăng nhưng vẫn chiếm tỷ lệ nhỏ.

Thứ tư, tỷ lệ doanh nghiệp sản xuất kinh doanh có lãi còn ít. Trong khi đa số doanh nghiệp siêu nhỏ là lỗ. Kết quả trong giai đoạn 2016 – 2020, chỉ có trên 43% doanh nghiệp siêu nhỏ có lãi; gần 33% doanh nghiệp nhỏ có lãi; tỷ lệ này ở doanh nghiệp vừa là trên 64%.

Tài liệu tham khảo

1. Ban Chấp hành Trung ương: *Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về phát triển kinh tế tư nhân trở thành động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa*, Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 3 tháng 6 năm 2017
2. Quốc hội: *Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa*, Luật số: 04/2017/QH14.
3. Chính phủ: *Nghị định Quy định chi tiết một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa*, Nghị định số: 39/2018/NĐ-CP, ngày 11/3/2018.
4. Chính phủ: *Nghị định Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa*, Nghị định số: 80/2021/NĐ-CP, ngày 26/8/2021.
5. Chính phủ: *Nghị quyết ban hành Chương trình hành động của Chính phủ tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 03 tháng 6 năm 2017 Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa*, Số 45/NQ-CP, ngày 31 tháng 3 năm 2023.
6. Bộ Kế hoạch và Đầu tư: *Sách trắng doanh nghiệp Việt Nam năm 2022*. Nxb Thống kê, Hà Nội, 2022.

KHUNG PHÂN TÍCH VÀ NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN, PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA

GS, TS. Lê Ngọc Hùng

Đại học Quốc gia Hà Nội

1. Giới thiệu

Mỗi khi nói đến việc phát triển, phát huy vai trò của doanh nghiệp nhỏ và vừa (SMBs) không thể không nói “Nhỏ là đẹp” (Small is Beautiful). Đây là tên một cuốn sách thuộc 100 cuốn sách kinh tế học có tầm ảnh hưởng lớn nhất thế giới kể từ sau Thế chiến thứ Hai. Cuốn sách “Nhỏ là đẹp”¹² do nhà kinh tế học nổi tiếng toàn cầu tên là Shumacher xuất bản lần đầu năm 1973 và đã được dịch ra tiếng Việt xuất bản năm 1994. Theo quan điểm “Nhỏ là đẹp” các doanh nghiệp nhỏ và vừa có vai trò, ưu thế vượt trội đến mức được gọi là “đẹp” đối với sự phát triển bền vững và phát triển con người, khác hẳn các doanh nghiệp lớn. “Nhỏ là đẹp” bởi vì các doanh nghiệp nhỏ và vừa tạo dựng những thứ khá ít tiền, rẻ tiền để trong thực tế ai cũng có thể tiếp cận, sử dụng; những thứ thích hợp cho việc ứng dụng ở quy mô nhỏ và những thứ đặc biệt phù hợp với nhu cầu đổi mới, sáng tạo của con người. “Nhỏ là đẹp” bởi vì “con người luôn nhỏ” so với môi trường xung quanh và doanh nghiệp nhỏ luôn trực tiếp là doanh nghiệp “của con người, do con người và vì con người”, do vậy doanh nghiệp nhỏ (và cả vừa) là “đẹp” và cần phát triển, phát huy vai trò của loại doanh nghiệp “đẹp” này điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Trong điều kiện kinh tế thị trường, hoạt động kinh tế tư nhân nào cũng là hoạt động kinh tế vì lợi nhuận tiền bạc. Nhưng hoạt động kinh tế với quy mô càng lớn thì càng làm “tha hóa con người” và “tha hóa môi trường”, hủy hoại tự nhiên. Trong khi đó, giáo sư bậc thầy của Shumacher là GS Leopold Kohr đã phát hiện ra một quy luật rằng các hoạt động kinh tế quy mô nhỏ luôn gây ít tác hại đối với môi trường hơn so với các hoạt động kinh tế quy mô lớn¹³, rằng quy mô sản xuất nhỏ thích hợp với nền kinh tế bền vững.

¹² E. F. Schumacher. 1973. *Nhỏ là đẹp: về lợi thế của quy mô vừa và nhỏ trong kinh tế*. Hà Nội. Nhà xuất bản Khoa học xã hội, 1994.

¹³ Bài viết này không đặt ra mục đích phê phán như Shumacher đã làm đối với nền kinh tế quy mô lớn, đối với các tập đoàn lớn. Bởi vì, từ giữa thế kỷ 19, Karl Marx đã từng chỉ ra hậu quả khủng khiếp của sản xuất đại công nghiệp cơ khí máy móc kiểu tư bản chủ nghĩa là sự tha hóa con người và tàn phá thế giới tự nhiên. Có thể hình dung, nền sản xuất to lớn kiểu tư bản chủ nghĩa này sản xuất ra hàng núi hàng hóa có giá trị bằng tất cả các thế kỷ trước cộng lại và tất yếu cũng tàn phá thiên nhiên và làm tha hóa con người một cách tương đương như vậy. Ngày nay, nền sản xuất đại công nghiệp cơ khí kiểu tư bản tư nhân lại được trí tuệ tạo hóa (Artificial Intelligence) càng có thêm nhiều khả năng loại bỏ triệt để nhân tính và cả con người ra khỏi sản xuất, biến lao động của con

Có thể thấy cách đây nửa thế kỷ, chính xác là năm 1973 công trình nghiên cứu kinh tế học của Shumacher đã chỉ rõ các vai trò phát triển kinh tế, xã hội, môi trường của các doanh nghiệp nhỏ và vừa mà ở thế kỷ 21 ngày nay lại trở nên vô cùng quan trọng và cấp thiết đối với công tác lý luận và thực tiễn phát triển kinh tế, xã hội. Nửa thế kỷ trước đây, kinh tế học về doanh nghiệp nhỏ và vừa đã cho biết các doanh nghiệp này luôn có ưu thế lớn trong việc tạo ra mức đầu tư nhỏ cho một chỗ làm việc có lợi nhuận dương. Tất nhiên, mức đầu tư nhỏ thì lợi nhuận cũng ở quy mô nhỏ. Bù lại, việc làm của các doanh nghiệp nhỏ và vừa luôn có vai trò tạo động lực làm việc, tăng thu nhập cho người lao động ở bất kỳ hoàn cảnh nào và ít ảnh hưởng xấu đến môi trường tự nhiên. Về vai trò này, có thể thấy doanh nghiệp nhỏ và vừa có khả năng thực hiện đầy đủ nhất quy luật mới của quản lý sự phát triển xã hội theo nghĩa rộng nhất của nó là “không để ai bị bỏ lại phía sau”, “không ai bị bỏ ngoài sự phát triển bền vững”, sự phát triển hướng tới thịnh vượng, sáng tạo, công bằng, dân chủ¹⁴.

Quan niệm của Schummacher và các đồng sự gợi ra ý tưởng phân tích các vai trò của doanh nghiệp nhỏ và vừa đối với không chỉ kinh tế mà đối với sự phát triển bền vững bao gồm phát triển kinh tế, môi trường và xã hội¹⁵. Điều này đòi hỏi phải nghiên cứu xây dựng khung phân tích theo lý thuyết hệ thống trong đó các doanh nghiệp vừa và nhỏ là một tiểu hệ thống kinh tế luôn hình thành, phát triển, vận động và biến đổi trong mối tương tác với các môi trường xung quanh. Các vai trò của doanh nghiệp nhỏ và vừa thể hiện ở các đầu ra đối với môi trường và các vai trò này phụ thuộc rất nhiều và các đầu vào gồm các nguồn đầu tư kinh tế, hữu hình như nguồn vốn tài chính và các nguồn đầu tư phi kinh tế, nguồn vốn vô hình như vốn văn hóa, vốn gia đình, vốn người. Đặc biệt xuất hiện một loại vốn vô hình mới là vốn “học tập suốt đời” và “xã hội học tập” đang trở thành một cách tiếp cận mới cho tăng trưởng, phát triển và tiến bộ xã hội¹⁶. Bài viết này sử dụng các dữ liệu thống kê để làm sáng tỏ những nội dung nghiên cứu trong khung phân tích về các vai trò của doanh nghiệp nhỏ và vừa đối với phát triển bền vững.

người thành các thao tác máy móc. Với tình hình như vậy, xu thế “thả hóa con người” càng trở nên nghiêm trọng khó lường. Tuy nhiên, vấn đề này không thuộc phạm vi bài viết này.

¹⁴ Ngân hàng Thế giới, Bộ Kế hoạch và Đầu tư Việt Nam. 2018. *Việt Nam 2035 - Hướng tới thịnh vượng, sáng tạo, công bằng và dân chủ: Báo cáo tổng quan*, . Hà Nội: Nhà xuất bản Hồng Đức.

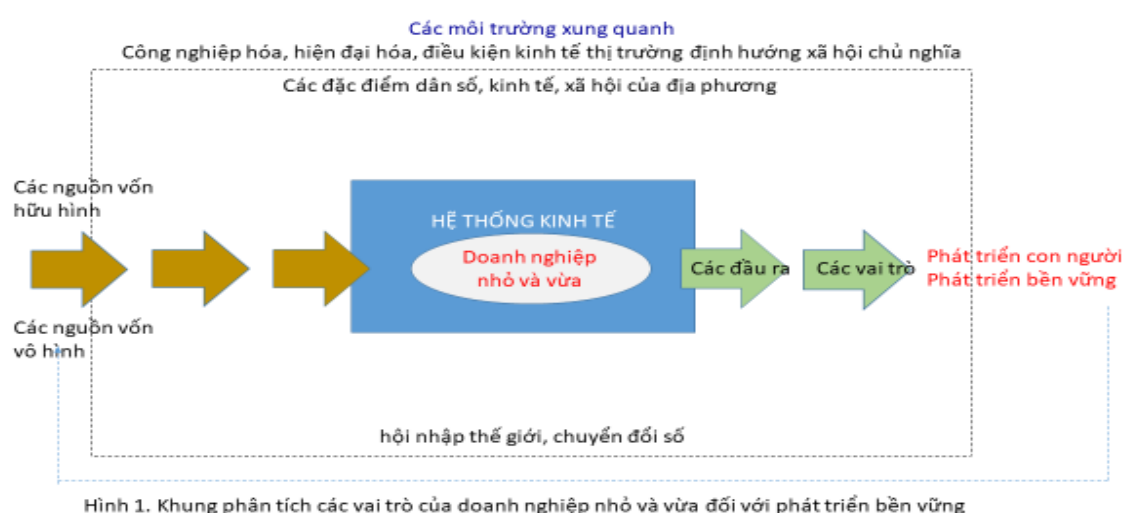
¹⁵ Lê Ngọc Hùng. 2010. *Xã hội học Kinh tế*. Hà Nội: NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2010.

¹⁶ Joseph E. Stiglitz và Bruce C. Greenwald, 2017. *Xây dựng xã hội học tập: cách tiếp cận mới cho tăng trưởng, phát triển và tiến bộ xã hội*. Hà Nội: Nhà xuất bản Chính trị quốc gia sự thật.

2. Khung phân tích các vai trò của các doanh nghiệp nhỏ và vừa

Chính nhà kinh tế học hàng đầu thế giới như Shummacher và nhiều người khác lại là những nhà khoa học nhấn mạnh vai trò đặc biệt quan trọng của nền kinh tế nhỏ và vừa, cụ thể là vai trò của các doanh nghiệp nhỏ và vừa đối với tăng trưởng kinh tế là tạo việc làm, tăng thu nhập cho người lao động, mà nhất là đối với phát triển bền vững và phát triển con người. Cần ghi nhận hơn một lần nữa rằng Shummacher và các cộng sự còn chỉ rõ đây là lợi thế tuyệt đối vượt trội, ưu trội và “đẹp” của kinh tế nhỏ và vừa so với nền kinh tế lớn, cụ thể là so với các doanh nghiệp lớn, các tập đoàn lớn. Tuy nhiên, theo lý thuyết hệ thống tổng quát của Bertalanffy, Parsons, Luhmann, Gharajedaghi và những người khác¹⁷, các vai trò “nhỏ là đẹp” của các doanh nghiệp nhỏ và vừa phụ thuộc vào các yếu tố đầu vào từ các môi trường xung quanh bao gồm cả yếu tố địa – chính trị - hành chính, yếu tố dân số và nhất là yếu tố giáo dục, đào tạo và các yếu tố vô hình khác của địa phương (xem hình 1).

Như vậy, khung phân tích dưới đây cho biết các doanh nghiệp nhỏ và vừa là một phần tất yếu cơ bản, quan trọng của hệ thống kinh tế; các doanh nghiệp nhỏ và vừa liên tục tạo ra các đầu ra có các vai trò nhiều mặt đối với kinh tế, xã hội, môi trường để phát triển bền vững và phát triển con người. Do vậy, để phát triển, phát huy các vai trò “đẹp” như vậy của doanh nghiệp nhỏ và vừa cần phải có cách tiếp cận hệ thống đòi hỏi phải quan tâm đầu tư phát triển, phát huy các yếu tố hữu hình và yếu tố vô hình từ các đặc điểm địa, hành chính, chính trị; đặc điểm dân số, giáo dục, đào tạo, văn hóa và các yếu tố khác từ các môi trường xung quanh.



Hình 1. Khung phân tích các vai trò của doanh nghiệp nhỏ và vừa đối với phát triển bền vững

¹⁷ Lê Ngọc Hùng. 2015. *Hệ thống, cấu trúc & phân hóa xã hội*. Hà Nội: Nhà xuất bản Đại học quốc gia Hà Nội.

3. Thực trạng phát triển các doanh nghiệp của Việt Nam và Hà Tĩnh

Số lượng, sự phân bố và tốc độ tăng trưởng

Trong giai đoạn 2017-2022, tổng số doanh nghiệp của cả nước và Hà Tĩnh đều tăng (xem bảng 1). Tuy nhiên, tốc độ tăng bình quân hàng năm của Hà Tĩnh là 5.9% chậm hơn so với tốc độ 6.5% của cả nước. Do vậy, tỉ trọng các doanh nghiệp của Hà Tĩnh trong tổng số doanh nghiệp của cả nước đã giảm nhẹ từ 0.64% xuống còn 0.62% trong giai đoạn này. Số lượng doanh nghiệp trên 1000 dân của Hà Tĩnh chỉ bằng một nửa so với cả nước, ví dụ ở Hà Tĩnh cứ 1000 dân có trên 4 doanh nghiệp trong khi của cả nước là trên 9 doanh nghiệp. Điều này có thể cho thấy tiềm năng “địa” phát triển doanh nghiệp của Hà Tĩnh còn rất lớn. Tính trung bình cho cả giai đoạn 2017-2022, mỗi năm Hà Tĩnh có 798-799 doanh nghiệp mới được thành lập.

Bảng 1. Tổng số và tốc độ tăng hàng năm của các doanh nghiệp hoạt động tại thời điểm 31/12 hàng năm của cả nước và Hà Tĩnh, năm 2017-2022

	2017	2018	2019	2020	2021	2022
Cả nước						
Tổng số	654.633	714.755	758.61	811.538	857.551	895.876
Số lượng /1000 dân	6,94	7,49	7,86	8,32	8,71	9,01
Tốc độ tăng (%)		9.1	6.1	7.0	5.7	4.5
Hà Tĩnh						
Tổng số	4.166	4.448	4.555	4.836	5.199	5.556
Số lượng /1000 dân	3,27	3,47	3,53	3,73	3,96	4,22
Tốc độ tăng (%)		6.8	2.4	6.1	7.5	6.9

Ghi chú: Tốc độ tăng năm sau so với năm trước.

Nguồn. Tổng cục Thống kê. Số liệu thống kê. <https://www.gso.gov.vn>

Số lượng và tỉ lệ doanh nghiệp hoạt động có hiệu quả

Nhìn chung, tỉ lệ các doanh nghiệp hoạt động có hiệu quả của Hà Tĩnh là 89% cao hơn so với tỉ lệ 85.5% của cả nước. Tuy nhiên, ở Hà Tĩnh tỉ lệ các doanh nghiệp hoạt động có hiệu quả có thể đang giảm từ 90.9% năm 2017 xuống còn 83.3% năm 2021 (xem bảng 2).

Bảng 2. Số lượng doanh nghiệp, số lượng doanh nghiệp có hiệu quả và tỉ lệ có hiệu quả của cả nước và Hà Tĩnh, năm 2017-2021

	2017	2018	2019	2020	2021
Cả nước					
Tổng số	654.633	714.755	758.61	811.538	857.551
Có hiệu quả	560.413	610.637	668.503	684.26	718.697
Tỉ lệ (%)	85.6	85.4	88.1	84.3	83.8
Hà Tĩnh					
Tổng số	4.166	4.448	4.555	4.836	5.199
Có hiệu quả	3.785	4.06	4.156	4.024	4.328
Tỉ lệ (%)	90.9	91.3	91.2	83.2	83.3

Nguồn. Tổng cục Thống kê. Số liệu thống kê. <https://www.gso.gov.vn>

4. Thực trạng phát triển các doanh nghiệp nhỏ và vừa của cả nước và Hà Tĩnh

Doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy mô vốn

Một tiêu chí quan trọng, cơ bản thuộc loại hàng đầu được sử dụng để phân loại các doanh nghiệp nhỏ, vừa và lớn là quy mô vốn bình quân của doanh nghiệp. Tổng cục Thống kê Việt Nam sử dụng quy mô vốn để xác định được 8 loại doanh nghiệp từ doanh nghiệp với quy mô vốn nhỏ nhất, “đẹp nhất” với dưới 0.5 tỉ đồng/doanh nghiệp đến loại doanh nghiệp lớn nhất, với mức từ 500 tỉ đồng trở lên (xem bảng 3).

Hà Tĩnh có gần một nghìn doanh nghiệp đẹp nhất với mức vốn nhỏ nhất dưới 0.5 tỉ đồng, chiếm 38.8% tổng số các doanh nghiệp hoạt động có hiệu quả đến cuối năm 2020, tỉ lệ này nhiều hơn tỉ lệ 35.4% của cả nước. Đồng thời, Hà Tĩnh có 39 doanh nghiệp lớn nhất với mức vốn từ 500 tỉ đồng trở lên, chiếm 1.5% và thấp hơn so với tỉ lệ 2.2% của cả nước.

Loại doanh nghiệp nhỏ mức hai với quy mô từ 0.5 đến dưới 1 tỉ đồng/doanh nghiệp chiếm 8.1%, ít hơn so với cả nước với 9.8%. Loại doanh nghiệp vừa với quy mô vốn từ 1 đến dưới 5 tỉ đồng/doanh nghiệp chiếm 1.6% và loại doanh nghiệp vừa với quy mô vốn từ 5 đến dưới 10 tỉ đồng chỉ chiếm 1.5%. Nếu coi doanh nghiệp với quy mô vốn từ 10 đến dưới 50 tỉ/doanh nghiệp chiếm 38.8%. Như vậy, nếu tính chung doanh nghiệp nhỏ và vừa gồm các doanh nghiệp với quy mô vốn dưới 50 tỉ đồng/doanh nghiệp, thì Hà Tĩnh có tới 88.8% doanh nghiệp thuộc loại “đẹp” này và tỉ lệ này cao hơn so với cả nước với 85.5%.

Bảng 3. Số lượng và tỉ lệ các doanh nghiệp hoạt động có hiệu quả tính đến ngày 31/12/2020 chia theo quy mô vốn của cả nước và Hà Tĩnh

Tổng số	Dưới 0,5 tỷ đồng	Từ 0,5 đến dưới 1 tỷ đồng	Từ 1 đến dưới 5 tỷ đồng	Từ 5 đến dưới 10 tỷ đồng	Từ 10 đến dưới 50 tỷ	Từ 50 đến dưới 200	Từ 200 đến dưới 500 tỷ	Từ 500 tỷ đồng trở lên	Tổng số
Cả nước									
Số lượng	153.272	42.502	10.744	9.678	153.272	42.502	10.744	9.678	432.392
Tỉ lệ (%)	35.4	9.8	2.5	2.2	35.4	9.8	2.5	2.2	100.0
Hà Tĩnh									
Số lượng	999	208	42	39	999	208	42	39	2576
Tỉ lệ (%)	38.8	8.1	1.6	1.5	38.8	8.1	1.6	1.5	100.0

Nguồn. Tổng cục Thống kê. Số liệu thống kê. <https://www.gso.gov.vn>

Doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy mô lao động

Một tiêu chí hàng đầu để phân loại các doanh nghiệp nhỏ, vừa và lớn là quy mô lao động. Căn cứ số lượng người lao động/doanh nghiệp, Tổng cục Thống kê đưa ra bảng phân loại gồm 9 loại doanh nghiệp bao gồm từ doanh nghiệp nhỏ nhất, “đẹp nhất” với dưới 5 người lao động đến doanh nghiệp lớn nhất với từ 5000 người lao động trở lên. Đến ngày 31/12/2020, Hà Tĩnh có 50.4% các doanh nghiệp nhỏ nhất, “đẹp nhất” với dưới 5 người/doanh nghiệp và một doanh nghiệp lớn nhất với trên 5000 người lao động trong tổng số 4328 doanh nghiệp của tỉnh (xem bảng. Tỉ lệ doanh nghiệp nhỏ nhất của Hà Tĩnh thấp hơn so với cả nước (61.8%). Nhưng Hà Tĩnh có 21.7% các doanh nghiệp quy mô nhỏ 5-9 người lao động và 22.2% các doanh nghiệp quy mô vừa từ 10-49 người và các tỉ lệ này đều cao hơn so với cả nước.

Như vậy, cả hai bảng thống kê theo quy mô vốn và quy mô lao động đều cho thấy Hà Tĩnh có tỉ lệ các doanh nghiệp nhỏ và vừa chiếm đa số và các tỉ lệ này đều cao hơn so với cả nước. Điều này chứng tỏ sự phát triển các doanh nghiệp nhỏ và vừa của Hà Tĩnh vừa theo đúng quy luật và có tiềm năng để tiếp tục phát triển theo quy luật kinh tế học do Shummacher phát hiện cách đây đúng nửa thế kỷ là phát triển kinh tế quy mô “nhỏ là đẹp”.

Bảng 4. Số lượng và tỉ lệ các doanh nghiệp hoạt động có hiệu quả tính đến ngày 31/12/2020 chia theo quy mô lao động của cả nước và Hà Tĩnh

Tổng số	Dưới 5 người	5-9 người	10-49 người	50-199 người	200-299 người	300-499 người	500-999 người	1000-4999 người	5000 người trở lên	Tổng số
Cả nước										
Số lượng	443.845	130.62	110.706	24.027	3.048	2.678	2.027	1.510	0.236	718.697
Tỉ lệ	61.76	18.17	15.40	3.34	0.42	0.37	0.28	0.21	0.03	100.00
Hà Tĩnh										
Số lượng	2181	937	960	206	13	20	8	2	1	4328
Tỉ lệ	50.39	21.65	22.18	4.76	0.30	0.46	0.18	0.05	0.02	100.00

Đặc điểm dân số Hà Tĩnh

Hà Tĩnh có quy mô dân số thuộc loại nhỏ, “đẹp” với mức tăng chậm từ gần 1.26 triệu người năm 2015 đến 1.28 triệu người năm 2018. Quy mô dân số tăng chậm do kết quả của công tác dân số, kế hoạch hóa gia đình theo hướng kiểm soát được mức sinh và có lẽ chủ yếu do tỉ suất xuất cư luôn cao (5.5 phần nghìn năm 2018) trên gấp đôi so với tỉ suất nhập cư (1.9 phần nghìn). Cơ cấu giới tính của dân số Hà Tĩnh có lẽ tương đương với cơ cấu giới tính của cả nước. Tuy nhiên, về cơ cấu thành thị và nông thôn, Hà Tĩnh là địa phương có tỉ lệ dân số thành thị tương đối ổn định từ 18.1% đến 18.7% trong giai đoạn 2015-2018.

Theo quan điểm kinh tế học của Shummacher “nhỏ là đẹp” đề cao phương thức kinh tế nông nghiệp, kinh tế tự nhiên, kinh tế xanh, có thể thấy Hà Tĩnh có tiềm năng lớn để phát triển kinh tế quy mô nhỏ và vừa trong đó nổi bật là phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa ở nông thôn theo hướng xây dựng nông thôn mới và phát triển bền vững.

Bảng 5. Dân số và cơ cấu nam - nữ, thành thị - nông thôn của Hà Tĩnh, năm 2015-2018

	2015	2016	2017	2018
Tổng dân số (N)	1261.3	1266.7	1272.2	1277.5
Nam (N)	619.3	622.5	625.6	628.8
Nữ (N)	642	644.2	646.6	648.7
Nam (%)	49.1	49.1	49.2	49.2
Nữ (%)	50.9	50.9	50.8	50.8
Thành thị (N)	228	230.2	232.4	239.5
Nông thôn (N)	1033.3	1036.5	1039.8	1038
Thành thị (%)	18.1	18.2	18.3	18.7
Nông thôn (%)	81.9	81.8	81.7	81.3

Nguồn: Tổng cục Thống kê. 2020. *Tư liệu kinh tế - xã hội 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương*. Hà Nội: Nhà xuất bản Thống kê.

Cơ cấu vốn đầu tư trên địa bàn

Đầu vào của hệ thống kinh tế thể hiện rõ qua cơ cấu đầu tư thực hiện trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh. Số liệu thống kê cho biết, tỉ trọng đầu tư của khu vực có vốn đầu tư nước ngoài giảm mạnh từ năm 2015 đến năm 2017 sau đó tăng nhẹ (bảng 6). Trong khi đó, tỉ trọng đầu tư khu vực ngoài nhà nước bao gồm các doanh nghiệp nhỏ và vừa tăng mạnh và giảm nhẹ trong cùng thời gian này.

Bảng 6. Cơ cấu vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh, năm 2015-2018, theo giá hiện hành

	2015	2016	2017	2018
Tổng số	100.0	100.0	100.0	100.0
Khu vực Nhà nước	8.3	14.3	16.8	15.1
Khu vực ngoài Nhà nước	12.4	25.7	39.5	35.1
Khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài	79.3	60.0	43.7	49.8

Nguồn: Tổng cục Thống kê. 2020. *Tư liệu kinh tế - xã hội 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương*. Hà Nội: Nhà xuất bản Thống kê.

Cơ cấu chi phát sự nghiệp kinh tế xã hội

Các nhà kinh tế học mới như Shumacher trước kia và như Stiglitz ngày nay luôn đề cao vai trò của các loại vốn phi kinh tế như giáo dục, đào tạo, văn hóa đối với tăng trưởng kinh tế trong đó có doanh nghiệp nhỏ và vừa. Xét theo quan điểm mới như vậy, có thể thấy Hà Tĩnh đang tăng chi cho sự nghiệp giáo dục, văn hóa theo hướng vì sự phát triển bền vững. Số liệu thống kê cho biết mức chi và tỉ trọng mức chi phát triển sự nghiệp giáo dục, khoa học, văn hóa tăng mạnh trong giai đoạn 2015-2018. Trong khi đó mức chi phát triển sự nghiệp đảm bảo xã hội và kinh tế bị giảm đi. Cụ thể, mức tăng nhanh nhất là chi cho phát triển sự nghiệp văn hóa với tỉ trọng tăng từ 0.8% lên 2% năm 2015-2018. Mức chi cho sự nghiệp giáo dục chiếm tỉ trọng lớn nhất và tăng từ 55.4% lên 57.1% (bảng 7).

Bảng 7. Số lượng và cơ cấu chi sự nghiệp kinh tế xã hội của Hà Tĩnh, năm 2015-2018

Các mục chi	Số lượng (triệu đồng)				Cơ cấu (%)	
	2015	2016	2017	2018	2015	2018
1. Sự nghiệp giáo dục đào tạo và dạy nghề	2,849.6	2,850.0	3,243.1	3,316.0	55.4	57.1

2.Sự nghiệp y tế dân số và kế hoạch hóa gia đình	557.9	512.4	356.6	909.0	10.8	15.6
3.Sự nghiệp khoa học công nghệ và môi trường	117.1	149.2	142.6	153.2	2.3	2.6
4.Văn hóa thông tin; phát thanh truyền hình thông tấn; thể dục thể thao	42.9	39.6	175.5	114.3	0.8	2.0
5.Sự nghiệp đảm bảo xã hội	795.2	764.3	890.0	542.8	15.5	9.3
6.Sự nghiệp kinh tế	783.4	732.2	899.3	775.3	15.2	13.3
Tổng số	5,146.1	5,047.7	5,707.1	5,810.6	100,0	100

Nguồn: Tổng cục Thống kê. 2020. *Tư liệu kinh tế - xã hội 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương*. Hà Nội: Nhà xuất bản Thống kê.

Cơ cấu GDP của Hà Tĩnh

Mặc dù Hà Tĩnh có cơ cấu dân số nặng về nông thôn, nhưng về cơ cấu GDP, Hà Tĩnh có cơ cấu kinh tế phi nông nghiệp với tỉ trọng kinh tế nông nghiệp thấp và giảm dần từ 17.3% năm 2017 xuống còn 15.3% năm 2018 (bảng 8). Trong khi đó, tỉ trọng kinh tế công nghiệp và xây dựng tăng, có lẽ chủ yếu do các doanh nghiệp lớn hoạt động trên địa bàn của tỉnh.

Bảng 8. Cơ cấu GDP của Hà Tĩnh chia theo ngành kinh tế, năm 2017-2018, theo giá hiện hành

Ngành kinh tế	2017	2018
Tổng số	100.00	100.00
Nông, lâm nghiệp và thủy	17.29	15.28
Công nghiệp và xây dựng	36.46	43.79
Dịch vụ	38.90	34.26
Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	7.35	6.67

Nguồn: Tổng cục Thống kê. 2020. *Tư liệu kinh tế - xã hội 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương*. Hà Nội: Nhà xuất bản Thống kê.

Vai trò đối với sự phát triển bền vững

Vai trò tăng thu nhập của người dân

Thu nhập bình quân một người một tháng theo giá hiện hành của người dân cả nước và ở Hà Tĩnh đều tăng trong giai đoạn 2010-2019. Đặc biệt, tương tự như đối với người dân cả nước, ở Hà Tĩnh, tỉ trọng thu nhập từ tiền lương, tiền công trong đó có từ doanh nghiệp nhỏ và vừa luôn chiếm mức cao nhất trong tổng thu nhập của

người dân và tỉ trọng này tăng từ 40% năm 2010 lên 45% năm 2019. Tuy nhiên, tỉ trọng này còn thấp và tăng còn chậm so với cả nước.

Bảng 9. Thu nhập bình quân một người một tháng chia theo nguồn thu của cả nước và Hà Tĩnh, năm 2010 – 2019, theo giá hiện hành.

	2010					2019				
	Tổng số	Thu từ tiền lương, tiền công	Thu từ nông, lâm nghiệp, thủy sản	Thu phi nông, lâm nghiệp, thủy sản	Các khoản thu khác	Tổng số	Thu từ tiền lương, tiền công	Thu từ nông, lâm nghiệp, thủy sản	Thu phi nông, lâm nghiệp, thủy sản	Các khoản thu khác
Cả nước										
Số lượng	1387	622	279	328	158	4295	2350	509	998	438
Tỉ lệ	100.0	44.8	20.1	23.6	11.4	100.0	54.7	11.9	23.2	10.2
Hà Tĩnh										
Số lượng	840	336	214	147	142	3123	1404	606	570	542
Tỉ lệ	100.0	40.0	25.5	17.5	16.9	100.0	45.0	19.4	18.3	17.4

Nguồn: Tổng cục Thống kê. 2022. Số liệu thống kê. <https://www.gso.gov.vn/>

Vai trò đối với phát triển con người

Chỉ số phát triển con người (HDI) của cả nước và Hà Tĩnh đều tăng trong giai đoạn 2018-2022. Đáng chú ý là trong năm 2018-2020, chỉ số phát triển của Hà Tĩnh đạt mức cao hơn so với cả nước. Tuy nhiên, mặc dù chỉ số này tiếp tục tăng nhưng mức tăng của Hà Tĩnh chậm hơn so với cả nước và đến năm 2020, HDI của Hà Tĩnh là 0.730 thấp hơn so với HDI của cả nước là 0.737. Điều này đặt ra thách thức rất lớn đối với các chính sách đầu tư phát triển nói chung và đối với phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Hà Tĩnh trong thời gian tới.

Bảng 10. Chỉ số phát triển con người của Việt Nam và của Hà Tĩnh, năm 2018 - 2022

	2018	2019	2020	2021	Sơ bộ 2022
CẢ NƯỚC	0,693	0,703	0,706	0,726	0,737
Hà Tĩnh	0,703	0,712	0,713	0,721	0,730

Nguồn: Tổng cục Thống kê. 2022. Số liệu thống kê. <https://www.gso.gov.vn/>

Tóm lại, các doanh nghiệp nhỏ và vừa có các vai trò không hề nhỏ mà trái lại có các vai trò to lớn của “nhỏ là đẹp” đối với sự phát triển bền vững và phát triển con người. Hà Tĩnh có các tiềm năng để phát triển, phát huy các vai trò đẹp như vậy của

các doanh nghiệp nhỏ và vừa như đã được phản ánh rõ qua các cách tiếp cận lý thuyết hệ thống, lý thuyết kinh tế học hiện đại, mới nhất trên thế giới. Do vậy, cần nghiên cứu và áp dụng khung phân tích theo các cách tiếp cận mới này để nhìn nhận, đánh giá và nhất là đề xuất thực hiện những giải pháp có tính hệ thống bao quát được các loại yếu tố đầu vào hữu hình như kinh tế và cả các yếu tố vô hình nhất là giáo dục, đào tạo và học tập suốt đời, xã hội học tập các tiến bộ khoa học công nghệ nhất là chuyển đổi số, các kinh nghiệm tốt của địa phương, trong nước và quốc tế.

KINH NGHIỆM THỰC TIỄN PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ CỦA MỘT SỐ NỀN KINH TẾ TIÊU BIỂU Ở CHÂU Á

TS. Nguyễn Trí Tùng

Viện Kinh tế, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh

Tóm tắt. Bài viết nghiên cứu tình hình phát triển loại hình doanh nghiệp này tại một số nền kinh tế điển hình, tổng hợp một số kinh nghiệm về chính sách phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ theo định hướng gia tăng giá trị và đổi mới sáng tạo tại khu vực Châu Á, rút ra một số bài học kinh nghiệm đối với nền kinh tế Việt Nam trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng và cạnh tranh quốc tế ngày nay.

1. Đặt vấn đề

Doanh nghiệp vừa và nhỏ (SME) ở Việt Nam chiếm một tỷ trọng số lớn trong tổng số các doanh nghiệp đang tồn tại trên thị trường, có nhiều đóng góp lớn vào quá trình phát triển kinh tế đất nước trong thời kỳ hội nhập và đổi mới. Những số liệu thống kê của quốc gia cho thấy chủ yếu trong hàng trăm nghìn doanh nghiệp các quy mô khác nhau thì khu vực này chiếm đến 98% cho tới 99%. Các doanh nghiệp này hoạt động trên nhiều lĩnh vực, từ những ngành nghề truyền thống, cho đến những ngành công nghệ cao, từ nông nghiệp cho đến các ngành dịch vụ, thậm chí trong khu vực công cũng duy trì nhiều doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ.

Vai trò lớn của các doanh nghiệp này là giải quyết một tỷ lệ lớn công ăn việc làm cho xã hội, cải thiện sinh kế của nhiều địa phương, duy trì các nét văn hóa truyền thống của các vùng miền trong cả nước, đóng góp vào ngân sách nhà nước, và thậm chí trong bối cảnh ngày nay, nhiều doanh nghiệp vừa và nhỏ ở nước ta đã và đang tham gia mạnh mẽ hơn vào chuỗi sản xuất khu vực và toàn cầu qua đó cung cấp hàng hóa phụ trợ cho các doanh nghiệp lớn, hay tham gia sâu hơn vào ngành logistics nhằm thúc đẩy tiêu thụ hàng hóa và sản phẩm hiệu quả. Bài viết tổng hợp các kinh nghiệm về chính sách phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ của một số nền kinh tế tiêu biểu như Trung Quốc – một cường quốc kinh tế thế giới hiện nay hay các nền kinh tế công nghiệp hóa trẻ trước đây như Hàn Quốc, Singapore. Những bài học có những nét giống nhau, song cũng có những biện pháp khác nhau thể hiện tính đa dạng trong chính sách và gắn với đặc thù riêng của từng nền kinh tế, và gắn với xu thế phát triển công nghệ ngày nay.

2. Kinh nghiệm của Trung Quốc

Khu vực doanh nghiệp vừa và nhỏ tại Trung Quốc đã và đang trở thành một trong những động lực dẫn dắt sự phát triển của nền kinh tế trong chiến lược cải cách nền kinh tế của quốc gia này. Hàng năm quy mô của SME tại Trung Quốc gia tăng với tốc độ trung bình 10%, xấp xỉ 5 triệu doanh nghiệp ra đời hàng năm. Cho đến những năm gần đây, ước tính có khoảng 38 triệu doanh nghiệp vừa và nhỏ đang hoạt động trong nền kinh tế (năm 2019), đạt ngưỡng trên 43 triệu doanh nghiệp năm 2020.

Hiện nay, khu vực doanh nghiệp vừa và nhỏ chiếm đến hơn 90% tổng số doanh nghiệp trong nền kinh tế và theo số liệu quốc tế thì xu hướng gia tăng vẫn tiếp tục có những bước tiến triển trước khi gặp phải Đại dịch Covid – 19. Khu vực này ngày càng mở rộng sự ảnh hưởng của mình đối với các thị trường và tăng trưởng của quốc gia, cụ thể SME đóng góp hơn 60% GDP, tạo ra công ăn việc làm cho hơn 80% lực lượng lao động quốc gia, đặc biệt là một thành phần quan trọng đối với năng lực đổi mới sáng tạo quốc gia khi số bằng phát minh sáng chế của khu vực này chiếm hơn 70% tổng số bằng phát minh sáng chế của nền kinh tế. Hơn nữa, các doanh nghiệp vừa và nhỏ của Trung Quốc ngày càng khẳng định vị thế cạnh tranh quốc tế, các doanh nghiệp này đã xây dựng và phát triển nền tảng thương mại điện tử ở cấp độ cạnh tranh B2B, đóng góp với doanh thu khoảng 6,4 tỷ USD năm 2020. (Nguồn: <https://www.statista.com/statistics/783899/china-number-of-small-to-medium-size-enterprises/>)



Nguồn: <https://www.statista.com/statistics/783899/china-number-of-small-to-medium-size-enterprises/>

Nhằm xây dựng và thúc đẩy sự phát triển của khu vực SME trong nền kinh tế, Nhà nước thực hiện nhiều chính sách thích hợp và có lộ trình nhất định.

Về thể chế, năm 2003, Luật thúc đẩy Doanh nghiệp vừa và nhỏ được ra đời, làm hành lang pháp lý quan trọng, tạo môi trường thể chế thuận lợi cho các hoạt động thực tiễn của khu vực doanh nghiệp này. Các doanh nghiệp vừa và nhỏ được nhà nước thực hiện quyền hoạt động sản xuất – kinh doanh, đầu tư và bảo đảm tài sản, lợi nhuận cũng như thị phần trong nền kinh tế thị trường, tạo sự bình đẳng về quyền và nghĩa vụ

của doanh nghiệp vừa và nhỏ đối với tiếp cận các nguồn lực cần thiết như các loại hình doanh nghiệp khác trong nền kinh tế. Hơn nữa, với những hạn chế nhất định, thông qua điều luật, nhà nước còn có những hỗ trợ nhất định đối với SME tiếp cận thị trường thế giới, xác định những ngành ưu tiên đối với khu vực doanh nghiệp này. Cho đến 2006, chính phủ Trung Quốc thực hiện Dự án quốc gia về tăng trưởng SME, hướng đến các mục tiêu cơ bản là: hoàn thiện hệ thống chính sách liên quan đến SME; xây dựng hệ thống dịch vụ xã hội của SME; chuyển dịch cơ cấu SME trong tổng thể nền kinh tế; tạo sự bền vững trong chiến lược đổi mới SME; củng cố nền tảng đào tạo đối với SME; thúc đẩy năng lực đổi mới sáng tạo của SME; cải thiện và hỗ trợ nguồn lực tài chính cho SME; thúc đẩy các liên kết về chuyển giao công nghệ, quy trình quản lý giữa doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài với các SME. Ngoài ra, Chính phủ cũng tiến hành thành lập cơ quan quản lý nhà nước độc lập phụ trách khu vực SME, đó là Ủy ban doanh nghiệp vừa và nhỏ với chức năng chính là tư vấn pháp luật, hỗ trợ đào tạo lao động và tài chính, hướng nghiệp và xúc tiến thương mại, liên kết sản xuất – kinh doanh, chuyển giao công nghệ....và chỉ thực hiện chức năng hỗ trợ là chính, không can thiệp và gây ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất – kinh doanh của các doanh nghiệp này.

Những tiền đề về thể chế kinh tế được chính phủ Trung Quốc tiếp tục triển khai trong thực tiễn thông qua các biện pháp hỗ trợ, thúc đẩy khu vực doanh nghiệp vừa và nhỏ, tạo sự thuận lợi và định hướng cho khu vực này có những bước phát triển đột phá trong những giai đoạn tiếp theo. Một số chính sách được triển khai cụ thể như sau.

Về chính sách phát triển: Lĩnh vực trọng điểm của phát triển các DN NVV ở Trung Quốc là mở rộng việc làm và tập trung vào khu vực dịch vụ. Dịch vụ gắn với quần chúng và trực tiếp phục vụ cho sản xuất và sinh hoạt, do vậy, DN NVV có ưu thế hơn trong lĩnh vực dịch vụ. Đặc điểm của kinh doanh dịch vụ ở các địa phương không giống nhau. Hai lĩnh vực chính phát triển dịch vụ là buôn bán nhỏ và ăn uống rất tương ứng với sức tăng tiêu dùng. Bên cạnh đó, quy mô và không gian phát triển dịch vụ của các DN NVV rất lớn, ngoài ra còn những ngành khác như dịch vụ gia đình, bảo vệ môi trường, du lịch, in ấn, giải trí văn phòng. Theo số liệu thống kê của cơ quan chức năng Trung Quốc, riêng lĩnh vực phục vụ gia đình và phục vụ công cộng nếu có chính sách điều tiết tốt sẽ có thể tạo được 11 triệu công ăn việc làm. (Nguồn: <https://www.quanlynhanuoc.vn>)

Về hỗ trợ tài chính và thuế: Chính phủ Trung Quốc thực hiện phân bổ ngân sách nhà nước dành cho mục tiêu phát triển SME. Trên cơ sở ngân sách nhà nước

được phân bổ, chính phủ đã thành lập các quỹ tài chính có quy mô cho mục tiêu phát triển khu vực doanh nghiệp này, chẳng hạn như quỹ hỗ trợ tài chính cho việc giải quyết khó khăn của SME trong bối cảnh chịu sự ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế thế giới 2008, hay quỹ tài chính cho mục tiêu nền sản xuất xanh sau đó nhằm hỗ trợ các SME chuyển đổi hay sáng tạo công nghệ mới có khả năng tiết kiệm năng lượng và phát thải ít khí nhà kính.

Chính sách hỗ trợ tín dụng, chính sách này được thực hiện trong bối cảnh doanh nghiệp khó tiếp cận nguồn vốn do lãi suất cao. Hỗ trợ tín dụng được thực hiện dưới các hình thức như: cung cấp bảo lãnh tín dụng, cho vay trực tiếp và hỗ trợ lãi suất. Trong giai đoạn 2008 – 2009, Trung Quốc đã bảo lãnh tín dụng cho các DNNVV khoản tín dụng 1 tỷ NDT. Từ năm 2010 đến nay, trong bối cảnh lạm phát tăng cao và tác động của chính sách thắt chặt tiền tệ, Chính phủ Trung Quốc đã ban hành Nghị định về việc bảo lãnh tín dụng cho các doanh nghiệp xuất khẩu, trong đó quy định các DNNVV thuộc lĩnh vực này sẽ được tiếp cận các khoản vay ngắn hạn tại các ngân hàng thương mại với lãi suất do ngân hàng trung ương quy định. Mới đây vào năm 2011, Chính phủ Trung Quốc đã thông qua một chương trình hỗ trợ lãi suất cho DNNVV với mức hỗ trợ khoảng 2%, qua đó giảm áp lực về chi phí vay vốn cho các DNNVV trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Ngoài ra, Chính phủ còn thực hiện chính sách cho vay trực tiếp từ Chính phủ đối với các DNNVV gặp khó khăn trong bối cảnh thực hiện chính sách tiền tệ thắt chặt. (Nguyễn Thế Bính, 2013)

Các hỗ trợ và khuyến khích SME còn được thông qua các hình thức về ưu đãi tín dụng và thuế cho khu vực doanh nghiệp này. Chính phủ giao cho Bộ Tài chính xây dựng hệ thống hỗ trợ tín dụng cho doanh nghiệp vừa và nhỏ, hoàn thiện thể chế thúc đẩy môi trường tín dụng tốt và ưu đãi nhất định cũng như tạo các kênh tín dụng cần thiết cho các doanh nghiệp này, cung cấp bảo lãnh tín dụng hay cho vay trực tiếp với lãi suất linh hoạt theo tình hình thị trường, hoặc hỗ trợ các doanh nghiệp về lãi suất thông qua các khoản vay cho hoạt động sản xuất – kinh doanh. Trong giai đoạn 2008 – 2009, Trung Quốc đã bảo lãnh tín dụng cho các DNNVV khoản tín dụng 1 tỷ NDT. Từ năm 2010 đến nay, trong bối cảnh lạm phát tăng cao và tác động của chính sách thắt chặt tiền tệ, Chính phủ Trung Quốc đã ban hành Nghị định về việc bảo lãnh tín dụng cho các doanh nghiệp xuất khẩu, trong đó quy định các DNNVV thuộc lĩnh vực này sẽ được tiếp cận các khoản vay ngắn hạn tại các ngân hàng thương mại với lãi suất do ngân hàng trung ương quy định. Từ năm 2011, Chính phủ Trung Quốc đã thông qua một chương trình hỗ trợ lãi suất cho DNNVV với mức hỗ trợ khoảng 2%, qua đó

giảm áp lực về chi phí vay vốn cho các DN NVV trong hoạt động sản xuất kinh doanh. (Nguyễn Thế Bình, 2013).

Về tiếp cận thị trường: Các doanh nghiệp vừa và nhỏ ở Trung Quốc tham gia vào nhiều ngành, lĩnh vực trong nền kinh tế, cả những ngành truyền thống lẫn những ngành đòi hỏi trình độ công nghệ hiện đại, Để thúc đẩy mạng lưới sản xuất – kinh doanh, cung cấp đầu vào hay hàng hóa công nghệ hỗ trợ, chính phủ đã hỗ trợ SME thông qua nhiều chính sách quan trọng nhằm thúc đẩy năng lực, kỹ năng của các doanh nghiệp quy mô nhỏ và vừa. Đó là các chính sách thúc đẩy các doanh nghiệp này tham gia các chương trình, dự án, chiến lược phát triển ngành của quốc gia, liên kết với các doanh nghiệp đầu ngành, quy mô lớn, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Những động lực đó giúp cho SME ở nước này có khả năng tiếp cận những nguồn lực, dịch vụ quan trọng, chẳng hạn như tạo sân chơi giữa các doanh nghiệp độc quyền với SME, tiếp cận các tiện ích xã hội, hạ tầng kinh tế xã hội, hệ thống tài chính tín dụng, khoa học quốc phòng hay các ngành công nghệ cao. Đây có thể nói là cơ hội lớn và thuận lợi cho các SME mở cánh cửa với các lĩnh vực khá khác biệt với quy mô của họ, là sân chơi lớn cho họ tiếp cận nhiều cơ hội cho sự phát triển của bản thân. Đối với nền kinh tế Trung Quốc, trong nhiều năm thì thể chế kinh tế có sự hạn chế nhất định với SME trong các lĩnh vực như cung cấp điện, viễn thông, đường sắt, hàng không, dầu khí khi vai trò đó được nhà nước giao phó cho doanh nghiệp nhà nước hay các tập đoàn, doanh nghiệp lớn; tuy nhiên hiện nay, chính phủ đã thông qua những quy định, chính sách có độ mở lớn cho các SME tham gia các lĩnh vực này, cung cấp đầu vào hay thực hiện các dịch vụ cho các hoạt động sản xuất chính của các ngành có tính độc quyền. Đồng thời, chính phủ cũng khuyến khích SME mở rộng thị trường của mình thông qua các chính sách tài chính như hỗ trợ tín dụng xuất và nhập khẩu, bảo hiểm tín dụng xuất khẩu, qua đó giúp cho các SME nâng cao được chất lượng hoạt động để có thể có năng lực hợp lý tham gia các thị trường quốc tế. (Liu, 2008)

Liên kết mạng lưới với các khu vực doanh nghiệp khác: Nhà nước có những định hướng quan trọng đến việc thúc đẩy những doanh nghiệp gia tăng mạng lưới sản xuất – kinh doanh của mình. Những hành động đó cũng góp phần đẩy mạnh chuyên môn hóa và liên kết giữa các SME trong nền kinh tế, do đó các doanh nghiệp này có thể theo đuổi những bước phát triển của hệ thống doanh nghiệp quốc gia như phát triển chuỗi cung ứng, chuỗi sản xuất, hay thúc đẩy năng lực đổi mới sáng tạo và quy mô thị trường của SME. Ngoài ra, nhà nước còn tìm cách thúc đẩy hoạt động mua bán, sáp nhập các doanh nghiệp SME nhằm quy hoạch lại khu vực này theo hướng gia tăng tính

quy mô về kinh tế đối với nhiều ngành, lĩnh vực, từ đó hướng tới tối đa hóa hiệu quả sử dụng các nguồn lực cho tăng trưởng kinh tế chung (Liu, 2008).

Những chương trình, chính sách từ năm 2004 khá rõ ràng trên cơ sở những hỗ trợ nêu trên, cụ thể như: thành lập quỹ đổi mới hỗ trợ các doanh nghiệp vừa và nhỏ có nền tảng công nghệ; tạo các nguồn tài chính thuận lợi cho các SME có ứng dụng công nghệ tiếp cận thuận lợi và linh hoạt; khuyến khích SME tham gia đầu tư vào ngành công nghiệp văn hóa và xây dựng đường sắt quốc gia...

3. Kinh nghiệm của Hàn Quốc

Các doanh nghiệp vừa và nhỏ (SME) đại diện cho một phần thiết yếu của nền kinh tế Hàn Quốc. Khu vực này chiếm khoảng 99,9% tổng số doanh nghiệp trong nước và cung cấp hơn 80% tổng số việc làm trên cả nước. Không giống như ở nhiều quốc gia khác, các doanh nghiệp vừa và nhỏ của Hàn Quốc không được xác định bởi số lượng lao động, mà chủ yếu dựa trên doanh thu do công ty tạo ra. Theo định nghĩa này, DN VVN là doanh nghiệp hoạt động vì lợi nhuận, có tổng tài sản không vượt quá 500 tỷ won Hàn Quốc và đáp ứng tiêu chí độc lập – nghĩa là không phải là công ty con của tập đoàn lớn. Doanh nghiệp xã hội và hợp tác xã cũng có thể thuộc loại này trong một số trường hợp. Các công ty được phân loại là doanh nghiệp vừa và nhỏ tùy thuộc vào doanh thu trung bình ba năm liên tiếp của họ, với các ngưỡng khác nhau tùy thuộc vào các ngành cụ thể. Đối với các công ty bất động sản, ngưỡng là 40 tỷ won Hàn Quốc trở xuống, trong khi đó, đối với một số lĩnh vực của ngành sản xuất, 150 tỷ won Hàn Quốc trở xuống sẽ là tiêu chuẩn để được phân loại là doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Năm 2020, Hàn Quốc có khoảng 7,3 triệu doanh nghiệp vừa và nhỏ so với khoảng 9,3 nghìn doanh nghiệp lớn. Hơn 90% doanh nghiệp vừa và nhỏ là doanh nghiệp siêu nhỏ với mức doanh thu tương đối thấp và ít lao động hơn. Nhiều doanh nghiệp vừa và nhỏ đã tham gia vào thương mại bán buôn và bán lẻ, tiếp theo là bất động sản và dịch vụ lưu trú và ăn uống. Đặc biệt, các doanh nghiệp vừa và nhỏ bán buôn và bán lẻ đã chứng kiến sự gia tăng mạnh về số lượng trong thời kỳ đại dịch COVID-19, do sự phát triển của hoạt động bán lẻ không qua cửa hàng trong lĩnh vực thương mại điện tử. Tuy nhiên, mặc dù số lượng doanh nghiệp vừa và nhỏ tăng đều đặn trong những năm gần đây nhưng tổng doanh thu của các doanh nghiệp này không tăng đáng kể, phần lớn là do tác động của đại dịch.

Mặc dù các doanh nghiệp vừa và nhỏ chiếm một tỷ trọng lớn trong sức mạnh kinh tế ở Hàn Quốc, khả năng cạnh tranh của họ so với các tập đoàn kinh doanh lớn ngày càng bị nghi ngờ trong những năm gần đây. Ví dụ: các tập đoàn kinh doanh lớn

như tập đoàn do gia đình sở hữu (còn được gọi là chaebol) – chiếm chưa đến 1% tổng số công ty ở Hàn Quốc – đã tạo ra hơn 50% tổng lợi nhuận của công ty vào năm 2019. Hơn nữa, năng suất lao động của khu vực sản xuất và dịch vụ của các DN NVV còn kém xa so với các doanh nghiệp lớn. Khoảng cách năng suất lớn tương ứng đã dẫn đến hoạt động xuất khẩu yếu và mức lương thấp hơn ở các doanh nghiệp vừa và nhỏ trong vài năm qua. Theo đó, các doanh nghiệp như vậy ngày càng trở nên không phổ biến với người tìm việc. Nhiều người trẻ muốn làm việc trong các công ty chaebol lớn, nơi họ được hưởng chế độ đãi ngộ tốt hơn và được xã hội công nhận nhiều hơn. Trong bối cảnh đó, việc thúc đẩy khả năng cạnh tranh và hỗ trợ tài chính cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ luôn và vẫn là trọng tâm quan trọng trong chính sách công nghiệp của chính phủ Hàn Quốc.

Trước đây, các doanh nghiệp vừa và nhỏ của Hàn Quốc đã phát triển đều đặn với tư cách là nhà thầu phụ của các công ty lớn bởi lý do chính là các doanh nghiệp quy mô nhỏ và vừa tuyển dụng lao động với mức tiền lương tương đối thấp, bị chi phối chủ yếu bởi mối quan hệ với công ty cơ quy mô lớn hay nhờ vào sự bảo vệ thị trường từ phía nhà nước. Những thay đổi trong môi trường kinh doanh toàn cầu đã đặt ra nhiều thách thức đối với SME tại Hàn Quốc và yêu cầu những yếu tố này phải được bổ sung, thực tế đòi hỏi phải thay thế bằng một mô hình mới về chính sách của nhà nước đối với hệ thống SME. Ưu điểm của mức lương thấp ngày nay bị đe dọa trong nước bởi cấu trúc kinh tế chi phí cao cũng như các doanh nghiệp vừa và nhỏ của Hàn Quốc đã và đang đặt trong bối cảnh cạnh tranh gay gắt với các doanh nghiệp mới nổi của Trung Quốc hay cạnh tranh với các nền kinh tế khác đang duy trì chi phí lao động thấp hơn nhiều. Các doanh nghiệp có quy mô lớn đang duy trì sự tồn tại của mình thông qua gia công phần mềm toàn cầu, và do đó các doanh nghiệp vừa và nhỏ của Hàn Quốc không thể duy trì hoạt động kinh doanh của họ lâu hơn bằng phương thức cũ là thực hiện quan hệ với các doanh nghiệp lớn như truyền thống. Ngoài ra, các hiệp định thương mại tự do trong kinh tế toàn cầu lại càng không cho phép nền kinh tế Hàn Quốc duy trì với xu hướng và do đó, chính phủ Hàn Quốc không thể bảo vệ thị trường trong nước vì lợi ích của các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Sự thay đổi nhanh chóng gần đây trong công nghệ hầu như không cho phép các doanh nghiệp vừa và nhỏ của Hàn Quốc tiếp thu, đổi mới và tích lũy khả năng và năng lực công nghệ. Nhìn chung, các doanh nghiệp vừa và nhỏ của Hàn Quốc được đánh giá cao có khả năng phải đối mặt với sự cạnh tranh gay gắt trong nước và toàn cầu.

Tuy nhiên, tầm quan trọng của các doanh nghiệp vừa và nhỏ không thể được nhấn mạnh quá mức đối với nền kinh tế Hàn Quốc và sân chơi bình đẳng đặt ra những thách thức và cơ hội mới cơ hội cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ của Hàn Quốc trong việc cạnh tranh trên trường toàn cầu. Nhằm nhận diện loại mô hình SME mới này cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, chính phủ Hàn Quốc đã đặt ra chính sách của mình là ưu tiên đối với SME. Cụ thể, chính phủ đã đặt mục tiêu chính sách SME vào việc thiết lập các và các doanh nghiệp vừa và nhỏ sáng tạo là động lực cho tăng trưởng kinh tế và việc làm sáng tạo. Nói cách khác, chính phủ đóng một vai trò quan trọng trong việc cung cấp một môi trường thích hợp cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ để đáp ứng những thách thức và tận dụng những cơ hội mới. Một số chính sách mà chính phủ Hàn Quốc thực hiện nhằm xây dựng hệ thống SME mới trong những năm gần đây có thể trình bày như sau.

Các chính sách SME truyền thống thường đề cập đến các chính sách được thực hiện bởi một bộ hoặc cơ quan chính phủ chịu trách nhiệm thúc đẩy các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Họ coi các doanh nghiệp vừa và nhỏ hiện tại là lực lượng ngoại sinh và phát triển các công cụ để thúc đẩy khả năng tồn tại của họ. Chính sách phát triển SME ở Hàn Quốc bắt đầu với những nỗ lực của chính phủ để bảo vệ các doanh nghiệp vừa và nhỏ khỏi sự thống trị, hay chi phối mạnh của các doanh nghiệp lớn có năng lực sáng tạo hay có ảnh hưởng lớn về công nghệ và thị trường. Chính sách đối với doanh nghiệp vừa và nhỏ bắt đầu từ những năm 1960, các doanh nghiệp vừa và nhỏ được bảo vệ trong mối quan hệ thiên lệch với các doanh nghiệp lớn trong thời kỳ công nghiệp những năm 1970 và 1980. Bước ngoặt là thành lập WTO năm 1995, Hàn Quốc chuyển trọng tâm chính sách sang quyền tự chủ, mở cửa và cạnh tranh đối với các SME theo hướng làm cách nào để năng suất tăng cùng với đổi mới công nghệ hơn là lao động và vốn đầu tư cho khu vực doanh nghiệp này. Đổi mới sáng tạo đã trở thành một động lực đối với tăng trưởng kinh tế mới, môi trường kinh doanh đang chuyển dịch sang môi trường đổi mới sáng tạo nhằm chuyển dịch nhanh cơ cấu kinh tế trong bối cảnh cạnh tranh quốc tế gay gắt. Do vậy, một chiến lược mới cần được thiết lập và thực hiện để đảm bảo rằng khu vực SME sẽ nâng cao năng lực cạnh tranh. Trong bối cảnh đó, nhu cầu chuyển đổi ngày càng tăng về trọng tâm của các chính sách SME từ chính sách bảo hộ sang chính sách tăng khả năng cạnh tranh của SME bằng cách thúc đẩy cạnh tranh và nâng cao năng lực đổi mới công nghệ và quản lý đối với khu vực doanh nghiệp này.

Doanh nghiệp vừa và nhỏ đổi mới sáng tạo được định nghĩa là doanh nghiệp vừa và nhỏ được trang bị R&D (cho phép sản phẩm mới và đổi mới quy trình) và khả năng thương mại hóa, ước tính khoảng 30.000 doanh nghiệp, tức là khoảng 10% trong tổng số 330.000 doanh nghiệp sản xuất vừa và nhỏ tại Hàn Quốc. Chính phủ đã hỗ trợ một cách có hệ thống các doanh nghiệp vừa và nhỏ đổi mới bằng cách thúc đẩy khởi nghiệp dựa trên công nghệ, đổi mới công nghệ và tiếp thị, v.v.

Về chính sách công nghệ: thúc đẩy các doanh nghiệp vừa và nhỏ đổi mới sẽ dẫn đầu năng lực đổi mới công nghệ của khu vực doanh nghiệp vừa và nhỏ; củng cố mạng lưới công nghiệp, học viện và viện nghiên cứu; thúc đẩy thương mại hóa công nghệ đã phát triển; và khuyến khích các cơ quan nhà nước sử dụng ngân sách công nghệ của họ cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Chương trình Đổi mới Công nghệ SME: Chính phủ Hàn Quốc đã thực hiện Chương trình Đổi mới Công nghệ SME để thúc đẩy đổi mới công nghệ của các doanh nghiệp vừa và nhỏ đã kế thừa Nghiên cứu và Phát triển (R&D), qua đó nâng cao khả năng tích lũy năng lực R&D và nâng cao khả năng cạnh tranh công nghệ bằng cách hỗ trợ phát triển các sản phẩm và quy trình mới. Chính phủ hỗ trợ các chương trình trong dự án một năm cho nhiệm vụ chung hoặc trong dự án ba năm cho chiến lược nhiệm vụ. Chính quyền trung ương hỗ trợ 50% và chính quyền địa phương 25% các chi phí. Khi chương trình đổi mới công nghệ SME kết thúc với thành công, chính phủ nhận lại 30% đóng góp của mình dưới dạng công nghệ trả góp trong 5 năm.

Chương trình *Consortium* theo mô hình liên kết Công nghiệp-Đại học-Viện nghiên cứu của Chính phủ Hàn Quốc nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp vừa và nhỏ địa phương thiếu khả năng đổi mới tăng cường đổi mới công nghệ và giải quyết các vấn đề kỹ thuật bằng cách khuyến khích họ sử dụng thiết bị và nhân lực tài năng của trường đại học hoặc viện nghiên cứu. Đối với chương trình của Hiệp hội Viện Nghiên cứu Đại học và Công nghiệp, chính quyền trung ương cung cấp 50% và địa phương chính phủ 25% chi phí phát triển công nghệ trong tối đa một năm. Chương trình liên kết công nghiệp-đại học-nghiên cứu bắt đầu vào năm 1993, trong giai đoạn đầu đã tạo ra khoảng 5.026 đơn xin cấp bằng sáng chế, 13.600 trường hợp tạo mẫu, 10.446 trường hợp cải tiến quy trình trong giai đoạn 1993-2004.

Chương trình đảm bảo mua hàng công nghệ mới: Để thương mại hóa các công nghệ mới được phát triển bởi các doanh nghiệp vừa và nhỏ, chính phủ các cơ quan, tổ chức công cộng bao gồm Tổng công ty Điện lực Hàn Quốc, Tổng công ty Khí đốt Hàn Quốc, và Tổng công ty Đường sắt Hàn Quốc, các doanh nghiệp ủy quyền cho các

doanh nghiệp vừa và nhỏ phát triển các công nghệ mới với đảm bảo rằng họ sẽ mua các sản phẩm công nghệ mới. Chính phủ hỗ trợ tài chính cho sự phát triển công nghệ, trong khi các tổ chức công mua sản phẩm trong một khoảng thời gian nhất định. Các chương trình này bắt đầu vào năm 2003 bằng cách hỗ trợ 49 dự án cho một cơ quan chính phủ. Chương trình Nghiên cứu Đổi mới Doanh nghiệp Nhỏ của Hàn Quốc (KOSBIR) do chính phủ hỗ trợ toàn phần lớn kinh phí cho đổi mới công nghệ của SME từ năm 1998. Trong KOSBIR, 16 cơ quan bao gồm 10 cơ quan chính phủ với ngân sách R&D có quy mô lớn và 6 các tổ chức đầu tư của chính phủ được khuyến nghị cung cấp nhiều hơn 5% ngân sách R&D của họ cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Kể từ năm 2000, khi 13,2% của ngân sách R&D quốc gia được hỗ trợ cho phát triển công nghệ SME, tỷ trọng liên tục tăng lên đến 20,6% vào năm 2005. (Nguồn: <https://www.pecc.org.Korea-Kim.pdf>)

Chính sách tài chính: Chính phủ cung cấp hỗ trợ tài chính trực tiếp và gián tiếp cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ để đảm bảo rằng các doanh nghiệp vừa và nhỏ đổi mới sáng tạo không thất bại do gặp khó khăn về tài chính. Để có nguồn tài chính trực tiếp từ thị trường, chính phủ đã có nhiều thể chế nhằm phát triển thị trường vốn đầu tư mạo hiểm. Đối với tài trợ gián tiếp, chính phủ cung cấp một khoản tín dụng dịch vụ bảo lãnh cho SME không đủ điều kiện vay vốn ngân hàng do thiếu tài sản thế chấp.

Quỹ đầu tư mạo hiểm: Để đảm bảo sự tiếp tục của các khoản đầu tư mạo hiểm từ thị trường, chính phủ đã tạo ra quỹ đầu tư mạo hiểm trị giá 500 triệu đô la năm 2006 bằng cách thành lập 102 công ty đầu tư mạo hiểm và 366 quỹ đầu tư mạo hiểm quan hệ đối tác. Để xây dựng một nền tảng cho sự ổn định tăng trưởng vốn mạo hiểm, chính phủ cũng thành lập Quỹ của các quỹ để thúc đẩy thành lập các quỹ đầu tư cho SME và đầu tư mạo hiểm của các doanh nghiệp có quy mô khác, cụ thể 385 tỷ won đã được tạo ra, bao gồm 170 tỷ won năm 2005 và 215 tỷ won năm 2006. Năm 2005 Quỹ đầu tư mạo hiểm Hàn Quốc Corp được chỉ định là tổ chức vận hành quỹ của các quỹ.

Nợ Vốn chủ sở hữu: Tài trợ vốn chủ sở hữu nợ được cung cấp cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ để tăng cường khả năng tiếp cận của họ với tài chính bằng cách giải quyết các thất bại của thị trường và thúc đẩy các doanh nghiệp vừa và nhỏ đổi mới. Năm 2004, chính phủ thiết lập một biện pháp toàn diện để tăng cường năng lực cạnh tranh của SME mở rộng cung cấp quỹ khởi nghiệp có tính dài hạn, quỹ cơ sở vật chất và quỹ dành cho các công nghệ đã phát triển ra thị trường. Năm 2005, các biện pháp tài trợ vốn cổ phần bằng nợ tập trung vào các doanh nghiệp vừa và nhỏ đổi mới như

việc chính phủ hỗ trợ SME đổi mới tìm kiếm khách hàng một cách nhanh chóng, thuận lợi thông qua việc đơn giản hóa các thủ tục, tạo ra nhiều kết quả hơn.

Chương trình bảo lãnh tín dụng: Bảo lãnh tín dụng được cung cấp cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ gặp khó khăn về tài chính bằng giảm bớt tình trạng thiếu vốn và hỗ trợ ổn định kinh doanh. Mục đích của dịch vụ bảo lãnh tín dụng như sau: thứ nhất, dịch vụ đánh giá mức độ công nghệ, thương mại hóa và khả năng tiếp thị của nó; thứ hai, nó cung cấp tài chính hỗ trợ; và thứ ba, thúc đẩy và phát triển các doanh nghiệp vừa và nhỏ có năng lực xuất sắc hướng tới thúc đẩy trình độ công nghệ và tích lũy tài chính cần thiết cho sự phát triển.

Chứng nhận Doanh nghiệp vừa và nhỏ đổi mới sáng tạo: Có ba loại doanh nghiệp vừa và nhỏ sáng tạo ở Hàn Quốc. Đầu tiên, nó là mạo hiểm và kinh doanh mạo hiểm đầy thử thách. Hoạt động kinh doanh mạo hiểm dự kiến sẽ mang lại lợi nhuận cao và rủi ro cao khi đầu tư vốn mạo hiểm tăng lên. Thứ hai, loại hình SME là Doanh nghiệp đổi mới sáng tạo (Inno-biz), mang lại tốc độ tăng trưởng cao tiềm năng và có khả năng đảm bảo khả năng cạnh tranh công nghệ thông qua đổi mới công nghệ. Thứ ba là doanh nghiệp vừa và nhỏ có định hướng đổi mới quản lý, hiện đang thực hiện các hoạt động liên quan đến đổi mới quản lý hoạt động hoặc đã có thành tích đổi mới sau khi thực hiện hoạt động đổi mới quản lý trong vòng 3 năm liên tiếp.

Sau khi một doanh nghiệp được chứng nhận là doanh nghiệp vừa và nhỏ đổi mới sáng tạo (có thể là doanh nghiệp mạo hiểm hoặc doanh nghiệp kinh doanh mới), chính phủ cung cấp cho họ những lợi ích đa dạng như tiêu chuẩn giảm vốn phát hành, ưu tiên cao hơn và bổ sung điểm để được cấp bằng sáng chế, lợi ích đặc biệt khi niêm yết trên thị trường chứng khoán. Ngoài ra, nhân viên trong một doanh nghiệp liên doanh được chứng nhận có thể có lợi ích về thuế khi họ nhận được quyền chọn cổ phiếu. Đặc biệt, các doanh nghiệp vừa và nhỏ đổi mới công nghệ (các công ty inno biz) có thể tham gia hỗ trợ phát triển công nghệ khác nhau chương trình trên cơ sở ưu đãi.

Chính phủ đã định hướng lĩnh vực ưu tiên phát triển là các ngành công nghiệp chế tạo, hình thành loại hình “thung lũng Silicon Hàn Quốc” cho SME, hỗ trợ 50% chi phí trang thiết bị và giảm thuế doanh thu, sử dụng tài sản, đất; nuôi dưỡng và thúc đẩy tăng trưởng, chính sách giúp các SME có kinh phí hỗ trợ từ Nhà nước để nghiên cứu đổi mới công nghệ phù hợp với ngành và phạm vi hoạt động, đồng thời có thể tiếp nhận và ứng dụng nhanh những thành tựu của nghiên cứu mới vào hoạt động hiện hữu. Chính sách thương mại hóa sản phẩm gắn liền với chủ trương thực hiện các hợp đồng mua sản

phẩm của Chính phủ và các tập đoàn công nghiệp lớn, trong đó có phần hỗ trợ bảo lãnh tín dụng và thiết kế mẫu mã thích nghi với thị trường. (Nguyễn Thế Bình, 2013).

4.Kinh nghiệm của Singapore

Cộng đồng doanh nghiệp vừa và nhỏ đóng góp 42% GDP của Singapore và sử dụng nhiều lao động hơn một nửa lực lượng lao động của Singapore và với tư cách là một nhóm, 500 doanh nghiệp vừa và nhỏ hàng đầu ở đây có mức tăng tổng doanh thu lên 30% lên 13,5 tỷ USD và lợi nhuận ròng tăng gần gấp đôi lên 630 USD triệu trong 5 năm từ 2006 đến 2011. Trong số 500 doanh nghiệp vừa và nhỏ được xếp hạng doanh thu hàng đầu, 53 công ty (10,6%) đã đạt doanh thu từ 50 triệu USD trở lên và hơn nữa, 30 (6,0%) các công ty này có doanh thu trung bình hàng tháng trên 5 triệu đô la mỗi tháng. Mức tăng cao nhất đến từ ngành sản xuất và bán buôn, trong đó số lượng lao động trung bình trong hai lĩnh vực này tăng 33% và 56% tương ứng so năm 2006 với năm 2011 và, về mặt việc làm, top 500 doanh số bán hàng, các doanh nghiệp vừa và nhỏ được xếp hạng hiện đang sử dụng tổng cộng 24.294 nhân viên, chiếm 41% năm 2011 tăng so với xếp hạng năm 2006. Với khả năng tạo ra lợi nhuận của mình, các SME ở lĩnh vực tài chính và bất động sản chiếm ba vị trí hàng đầu về lợi nhuận trung bình và trong khi số lượng công ty trong ba lĩnh vực này chỉ chiếm một lượng nhỏ thì có thể tạo ra lợi nhuận ròng trung bình là 1,3 triệu USD. Trong những năm qua, giá trị gia tăng của các doanh nghiệp vừa và nhỏ tăng lên 7,4% tích lũy trong và chiếm 46% tổng giá trị gia tăng trong nền kinh tế Singapore (<https://www.eria.org/SMEsSingapore.pdf>)

Những năm gần đây tổng số doanh nghiệp tăng từ 273.100 năm 2019 lên 291.600 năm 2021. Trong đó, doanh nghiệp vừa và nhỏ chiếm 99% tổng số doanh nghiệp và hỗ trợ 71% tổng số việc làm. 80% doanh nghiệp vừa và nhỏ thuộc sở hữu trong nước, trong khi 20% thuộc sở hữu nước ngoài. Tuy nhiên với số lượng doanh nghiệp lớn hơn, thì số việc làm giảm nhẹ từ 3,52 triệu vào năm 2019 xuống còn 3,4 triệu vào năm 2021, nguyên nhân là do đóng cửa biên giới vì đại dịch COVID-19 gần đây gây ra.

Một số chính sách phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ của Singapore có thể phân tích như sau:

Kế hoạch Tổng thể SME 1988: Mục tiêu của kế hoạch nhằm xây dựng và tăng cường năng lực của các SME trong nước để phát triển doanh nghiệp bản địa đẳng cấp thế giới. Kế hoạch hướng tới các mục đích chính là: (i) Thúc đẩy khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo trong nước; (ii) Tăng hiệu quả thị trường thông tin bằng cách khuyến

khích trao đổi thông tin và cải thiện việc phổ biến thông tin về các phương pháp và cơ hội mới; (iii) Thúc đẩy các phương pháp tốt nhất trong kinh doanh thông qua khả năng tiếp cận dễ dàng với việc áp dụng tư vấn và đào tạo; (iv) Khuyến khích doanh nghiệp trong nước phát triển và mở rộng ra quốc tế (Nguồn: <https://www.eria.org/Singapore.pdf>)

Để đạt được các mục tiêu trên, yêu cầu đối với SME đề ra bao gồm: Các doanh nghiệp quy mô nhỏ và vừa chấp nhận và ứng dụng công nghệ phù hợp để cải tiến chất lượng, hiệu quả và gia tăng giá trị cho các sản phẩm và dịch vụ của họ; SME chú trọng vào hệ thống thông tin, tự động hóa và thiết kế và quản lý sản phẩm; Cần có hệ thống kế toán và quản lý thích hợp cho giám sát hiệu suất và kiểm soát chi phí; SME nhận ra nhu cầu thay đổi nhu cầu lao động tại giai đoạn phát triển khác nhau của tổ chức cũng như cạnh tranh cho tài năng và đào tạo nhân viên của họ; Để khắc phục tình trạng thiếu chuyên môn nội bộ, các doanh nghiệp vừa và nhỏ có thể thuê chuyên gia tư vấn bên ngoài để xác định và giải quyết các vấn đề liên quan đến năng suất lao động của mình; Thiết lập các liên minh chiến lược thông qua tiếp thị và kinh doanh quan hệ đối tác là cách hiệu quả để các doanh nghiệp vừa và nhỏ vượt qua quy mô hạn chế cũng như tiếp cận với các thị trường mới, vốn và công nghệ. (Nguồn: <https://www.carecprogram.org/uploads/2015-CI-sme-workshop-pres1.pdf>)

Chính sách khởi động và phát triển hoạt động kinh doanh liền mạch: Nhiều doanh nghiệp vừa và nhỏ phải đối mặt với những thách thức trong việc huy động vốn cho tăng trưởng. Để cải thiện khả năng tiếp cận tài chính cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, Chính phủ đã thiết lập nhiều chương trình khác nhau như chương trình về cho vay Tiếp cận SME, một chương trình cho vay được chứng khoán hóa cho đến nay đã tạo ra một lượng tín dụng cho vay lớn đối với khu vực doanh nghiệp vừa và nhỏ, ngoài việc giảm thuế suất thuế thu nhập cho khu vực doanh nghiệp này. Năm 2008, chính phủ Singapore đã tăng mức ngưỡng miễn thuế một phần cho các công ty từ 100.000 đô la đến 300.000 đô la trong khi các công ty khởi nghiệp cũng có thể tiếp tục được miễn thuế hoàn toàn cho 100.000 đô la đầu tiên đối với thu nhập tính phí trong 3 năm đầu hoạt động (Nguồn: <https://www.eria.org/20Singapore.pdf>)

Đối với các sáng kiến trực tuyến, Đề án EnterpriseOne bao gồm một cổng web được hỗ trợ bởi đường dây nóng qua điện thoại và một mạng lưới các Trung tâm Phát triển Doanh nghiệp (EDC) thu hút khoảng 37.000 đơn vị khách truy cập mỗi tháng và các EDC hỗ trợ khoảng 900 doanh nghiệp vừa và nhỏ mỗi tháng đã tạo điều kiện thuận lợi cho nhiều SME tìm hiểu về thể chế kinh tế liên quan.

Nâng cao năng lực và mức độ đổi mới kinh doanh của SME: Các doanh nghiệp vừa và nhỏ của Đông Á bắt đầu từ các mô hình thành công của Nhật Bản các thể chế kinh tế trong việc cung cấp hỗ trợ kỹ thuật thông qua vai trò của các trung tâm được đặt trên một phạm vi địa lý rộng và có nhiều loại dịch vụ. Mô hình này đã được nhiều quốc gia mô phỏng thông qua các chương trình Hướng Đông của họ được thành lập vào những năm 1980 và 1990. Hàn Quốc là một trong số đó vì cũng đã bắt đầu một hệ thống với các tính năng bổ sung của việc thuê các chuyên gia quan trọng của Nhật Bản và phương Tây về chuyên gia tư vấn nếu cần thiết.

Chính phủ Singapore quan tâm tới chia sẻ trách nhiệm giúp giảm bớt gánh nặng cho SME hỗ trợ và tận dụng các thế mạnh và khả năng so sánh khác nhau của mỗi cơ quan hoặc trung tâm công nghệ. Điều này được điều phối bởi một cơ quan chính phủ trung ương với tên là MITI (nay là MTI) giám sát cách thức hoạt động của hệ thống và tinh chỉnh nó theo ưu tiên quốc gia. Là một thành phố-nhà nước, Singapore không phải đối mặt với những thách thức tương tự trong chính quyền khu vực và có thể thực hiện các chính sách và công nghệ tương đối nhanh hơn và dễ dàng hơn thông qua các cơ quan trung ương và điều này rất hữu ích trong việc thu hút các doanh nghiệp vừa và nhỏ tiếp cận các chiến lược nâng cao khả năng cạnh tranh và sử dụng các công nghệ. Singapore cũng đang cố gắng đạt được mức hỗ trợ tương tự như Hàn Quốc trong việc cung cấp cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ nhưng không thông qua phân chia công việc giữa các công ty lớn và các công ty nhỏ mà thông qua trao quyền cho các doanh nghiệp nhỏ địa phương để họ có thể cạnh tranh hiệu quả hơn với các tập đoàn xuyên quốc gia và các công ty lớn cả trong và ngoài tại Singapore. Theo chương trình Phát triển Hiệp hội Doanh nghiệp Địa phương (LEAD), Chính phủ cùng với 14 hiệp hội ngành đã cam kết thực hiện các gói tín dụng hỗ trợ có quy mô cho các dự án phát triển năng lực công nghiệp, hay Chương trình phát triển năng lực (CDP) nhằm hỗ trợ nâng cấp doanh nghiệp vừa và nhỏ cho các dự án thuộc lĩnh vực cụ thể, Chương trình Đổi mới Công nghệ trị (TIP) nhằm tăng cường hỗ trợ cơ sở hạ tầng công nghệ cho sản phẩm và quy trình đổi mới trong các doanh nghiệp vừa và nhỏ

Các chương trình đào tạo: Hỗ trợ của chính phủ và các chính sách của nhà nước cũng rất quan trọng trong hoạt động cung cấp quyền truy cập vào kho kiến thức, kỹ thuật và công nghệ cũng như giáo dục quản lý thông qua các khóa học ngắn hạn và các phương pháp đào tạo khác. Trong trường hợp của Singapore, chính phủ cũng trực tiếp tham gia để cung cấp khóa đào tạo này. Ví dụ, trong lĩnh vực thông tin và mở cửa tiếp cận với các nền kinh tế nước ngoài hay thị trường, chính phủ Singapore cung cấp

các buổi đào tạo cũng như các điều kiện cần thiết cơ hội kết nối do IE hoặc BuySingapore trực tuyến tổ chức để phù hợp với doanh nghiệp, qua đó thúc đẩy hệ sinh thái giữa các doanh nghiệp vừa và nhỏ của Singapore với người mua, nhà cung cấp, người bán hoặc các công ty lớn ở nước ngoài. BuySingapore đã thu hút hơn 6000 công ty nước ngoài đăng ký tại cổng thông tin và đã tạo ra hơn 9000 khách hàng tiềm năng ngoại thương, trong số các chương trình của mình để đáp ứng những khó khăn chính; IE Singapore quản lý Học bổng Kinh doanh Quốc tế - Chương trình (IBF) đã dành ra tới 10 triệu đô la Singapore trong 4 năm để cho phép các công ty đào tạo nhân viên của họ tại các thị trường mới nổi để họ có được kiến thức trực tiếp về môi trường kinh doanh mới. (Nguồn: <https://www.eria.org/Singapore.pdf>).

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Thế Bình, 2013. Kinh nghiệm quốc tế về chính sách hỗ trợ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa và bài học cho Việt Nam, Tạp chí Phát triển và Hội nhập, Số 12 (22) tháng 09/2013, 21-31.
2. Liu, X. (2008), ‘SME Development in China: A Policy Perspective on SME Industrial Clustering’, in Lim, H. (ed.), SME in Asia and Globalization, ERIA Research Project Report 2007-5, pp.37-68.
3. <https://www.statista.com/statistics/783899/china-number-of-small-to-medium-size-enterprises>
4. <https://www.quanlynhanuoc.vn/2022/10/28/kinh-nghiem-cua-mot-so-quoc-gia-trong-thuc-hien-chinh-sach-ho-tro-doanh-nghiep-nho-va-vua-gia-tri-tham-khao-cho-viet-nam/>
5. https://www.pecc.org/images/stories/publications/SME-2007-6-SME_Innovation_Policies_in_Korea-Kim.pdf
6. <https://www.eria.org/SMEs%20Development%20Policy%20Environment%20and%20Challenges%20in%20Singapore.pdf>
7. <https://www.carecprogram.org/uploads/2015-CI-sme-workshop-pres1.pdf>

NGHIÊN CỨU KINH NGHIỆM THỰC TIỄN PHÁT TRIỂN VÀ PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA Ở MỘT SỐ ĐỊA PHƯƠNG, TỈNH THÀNH Ở VIỆT NAM

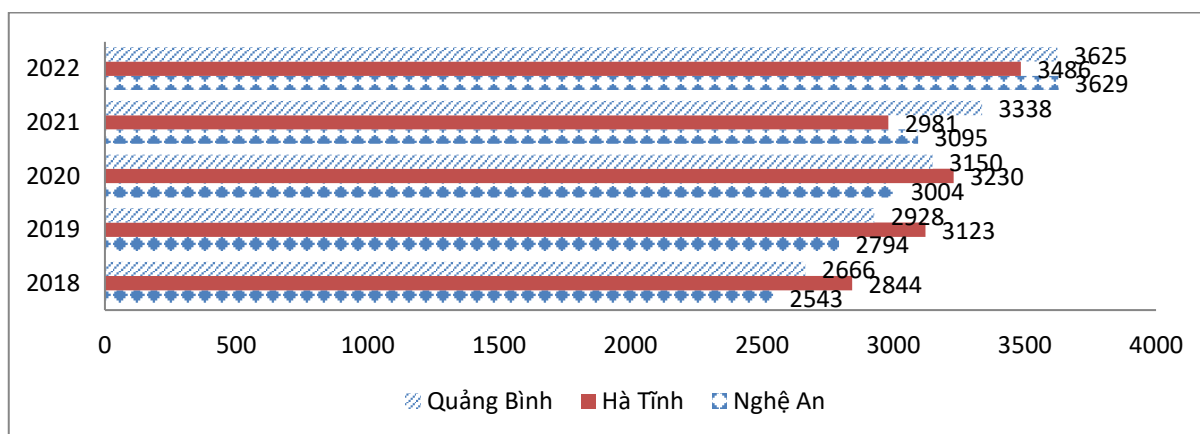
TS. Đặng Viết Đạt

Học viện Chính trị khu vực IV

1. Đặt vấn đề

Doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) là bộ phận quan trọng trong thành phần kinh tế tư nhân và chiếm tỷ lệ lớn trong cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam. DNNVV có vị trí rất quan trọng trong nền kinh tế mỗi quốc gia, thể hiện trong quá trình tăng trưởng kinh tế ở mức độ quốc gia hay các vùng, miền và tỉnh/thành. Ở mỗi nền kinh tế và địa phương có đặc điểm phát triển kinh tế khác nhau thì vai trò của DNNVV cũng được thể hiện ở các mức độ khác nhau, nhưng đều thể hiện rõ trên các khía cạnh cốt lõi: vai trò đối với kinh tế và vai trò đối với xã hội. Điều này được thể hiện trên những nội dung cụ thể sau: (1) góp phần quan trọng tạo động lực tăng trưởng cho nền kinh tế, góp phần làm năng động nền kinh tế trong cơ chế thị trường và khuyến khích sáng tạo và nuôi dưỡng tinh thần kinh doanh; (2) huy động được các nguồn lực trong dân cư, góp phần quan trọng tạo công ăn việc làm. Đồng thời, góp phần đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đặc biệt với khu vực nông thôn; (3) góp phần tạo thu nhập cho người lao động; tạo việc làm và thu nhập cho những người yếu thế trong xã hội; đào tạo nghề cho những nhóm người dễ bị tổn thương.

Đơn vị: nghìn đồng



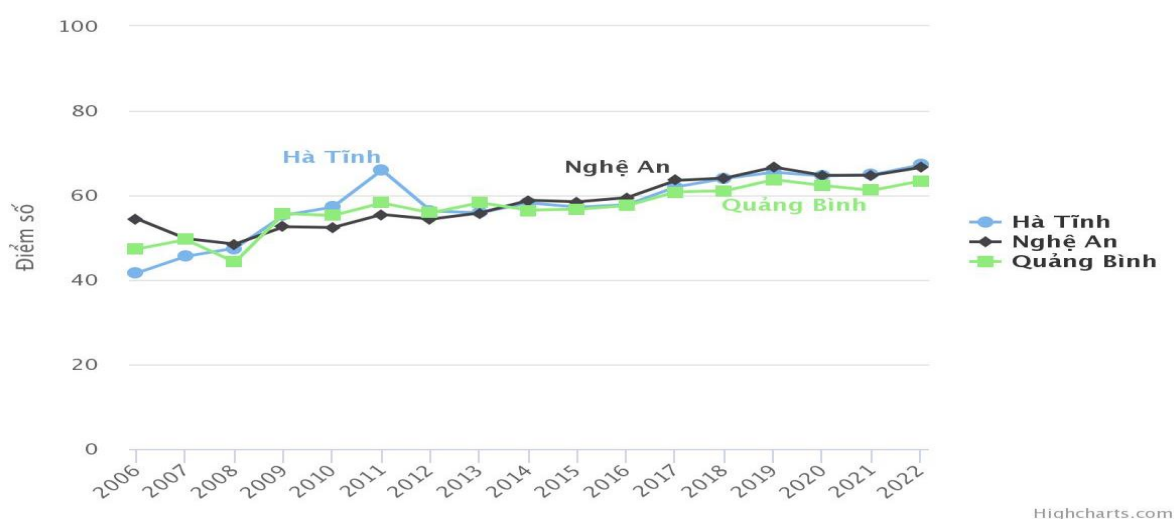
Biểu đồ 1: Thu nhập bình quân đầu người hàng tháng theo giá hiện hành

Nguồn: Xử lý số liệu từ Tổng Cục thống kê (2023)¹⁸

¹⁸Tổng Cục thống kê (2019), *Niên giám thống kê năm 2018*, Nxb. Thống kê, Hà Nội, tr.837; Tổng Cục thống kê (2020), *Niên giám thống kê năm 2019*, Nxb. Thống kê, Hà Nội, tr.846; Tổng Cục thống kê (2021), *Niên giám thống kê năm 2020*, Nxb. Thống kê, Hà Nội, tr.860; Tổng Cục thống kê (2022), *Niên giám thống kê năm 2021*, Nxb. Thống kê, Hà Nội, tr.862; Tổng Cục thống kê (2023), *Niên giám thống kê năm 2022*, Nxb. Thống kê, Hà Nội, tr.1006;

Tỉnh Nghệ An và Quảng Bình là hai địa phương tiếp giáp với tỉnh Hà Tĩnh ở phía Bắc và phía Nam, đây là những địa phương có điều kiện kinh tế - xã hội khá tương đồng với nhau, với mức chênh lệch về GDRP/người/tháng theo giá hiện hành trong 05 năm qua giữa Hà Tĩnh với Nghệ An và Quảng Bình dao động trong khoảng từ 0,9-1,1 (*Biểu đồ 1*).

Bên cạnh đó, chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) của Nghệ An, Hà Tĩnh và Quảng Bình đều có mức cải thiện điểm số theo hướng tích cực trong những năm gần đây, mức chênh lệch điểm số giữa Nghệ An, Hà Tĩnh và Quảng Bình không quá lớn, dao động từ 1,0-1,1 (*Biểu đồ 2*).



Biểu đồ 2: Chỉ số PCI của Nghệ An, Hà Tĩnh và Quảng Bình

Nguồn: PCI Việt Nam (2023)¹⁹

Với những điều kiện kinh tế - xã hội có nhiều nét tương đồng như trên, cho nên việc phân tích, làm rõ, đối chiếu sự phát triển và phát huy vai trò của DNNVV của các địa phương này sẽ rút ra những bài học kinh nghiệm bổ ích.

2. Phát triển và phát huy vai trò của doanh nghiệp nhỏ và vừa ở tỉnh Nghệ An

Thứ nhất, phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) ở tỉnh Nghệ An.

Trong hơn 10 năm qua, số lượng DNNVV tiếp tục gia tăng. Nếu như, bình quân giai đoạn 2011-2015, số lượng DNNVV ở tỉnh Nghệ An là 5.574 doanh nghiệp (DN), chiếm 97,02% tổng số DN của tỉnh thì bình quân giai đoạn 2016-2020, số lượng DNNVV đã tăng lên 9.226 DN (với mức tăng trưởng là 165,5%), chiếm 97,98% tổng số DN của tỉnh. Trong đó, bình quân số lượng DN giai đoạn 2016-2020 so với bình quân giai đoạn 2011-2015 của DN siêu nhỏ tăng 188,9%, của DN nhỏ tăng 134,7% và của DN vừa tăng 122,9% (*Bảng 1*).

¹⁹ PCI Việt Nam, *So sánh chỉ số PCI của Nghệ An, Hà Tĩnh và Quảng Bình*, https://pcivietnam.vn/so-sanh-tinh?&city_id=89,105,110&cpi_cat_id=PCI_Score&cpi_year=2022&comparing=1, truy cập ngày 20/8/2023

Bảng 1: Số lượng và mức phát triển bình quân của DNNVV ở tỉnh Nghệ An

Năm		DN siêu nhỏ	DN nhỏ	DN vừa	Tổng số DN	Tổng số DNNVV
Số lượng	Bình quân 2011-2015	3228	2079	267	5745	5574
	Bình quân 2016-2020	6098	2800	328	9416	9226
Chỉ số phát triển bình quân giai đoạn 2016-2020 so với bình quân giai đoạn 2011-2015		188,9%	134,7%	122,9%	163,9%	165,5%

Nguồn: Tổng Cục thống kê (2022)²⁰

Cùng với đó, quy mô và mức phát triển nguồn vốn của DNNVV ở tỉnh Nghệ An tiếp tục gia tăng trong hơn 10 năm qua. Nếu bình quân giai đoạn 2011-2015, quy mô vốn đầu tư cho DNNVV ở tỉnh Nghệ An là 58.730 tỷ đồng chiếm 38,23% nguồn vốn đầu tư cho các DN của tỉnh Nghệ An, đến giai đoạn 2016-2020, quy mô vốn đầu tư cho DNNVV ở tỉnh Nghệ An đã tăng lên 126.883 tỷ đồng (với mức tăng trưởng là 216%), chiếm 39,57% nguồn vốn đầu tư cho các DN của tỉnh Nghệ An. Trong đó, quy mô và mức phát triển nguồn vốn của DN siêu nhỏ tăng nhanh nhất (với mức tăng trưởng 273,7%), tiếp đến là DN vừa (với mức tăng trưởng 207,5%) và cuối cùng là DN nhỏ (với mức gia tăng 196,8%) (Bảng 2).

Bảng 2: Quy mô và mức phát triển nguồn vốn của DNNVV ở tỉnh Nghệ An

Đơn vị: tỷ đồng

Năm		DN siêu nhỏ	DN nhỏ	DN vừa	Nguồn vốn của các DN	Nguồn vốn của các DNNVV
Quy mô	Bình quân 2011-2015	12.275	29.047	17.408	153.622	58.730
	Bình quân 2016-2020	33.597	57.164	36.122	320.609	126.883
Chỉ số phát triển bình quân giai đoạn 2016-2020 so với bình quân giai đoạn 2011-2015		273,7%	196,8%	207,5%	208,7%	216,0%

Nguồn: Tổng Cục thống kê (2022)²¹

Tuy nhiên, nếu bình quân giai đoạn 2011-2015, số lượng DN siêu nhỏ và nhỏ chiếm 95,21% tổng số DNNVV thì đến giai đoạn 2016-2025, số lượng các DN này chiếm 96,44% tổng số DNNVV; thêm vào đó, nếu bình quân giai đoạn 2011-2015, quy mô vốn DN siêu nhỏ và nhỏ chiếm 70,36% tổng số vốn đầu tư của DNNVV thì đến đến giai đoạn 2016-2025 quy mô vốn của các DN này là 71,53% tổng số vốn đầu tư của DNNVV (Bảng 1, 2). Thực tế này dẫn đến, các DNNVV ở tỉnh Nghệ An khó có

²⁰ Tổng Cục thống kê (2022), *Sách trắng doanh nghiệp Việt Nam năm 2022*, Nxb. Thống kê, Hà Nội, tr. 353-358

²¹ Tổng Cục thống kê (2022), *Sách trắng doanh nghiệp Việt Nam năm 2022*, Nxb. Thống kê, Hà Nội, tr. 353-358

khả năng đầu tư, đổi mới công nghệ, mở rộng quy mô sản xuất, cải thiện năng lực quản trị DN và cải thiện năng lực cạnh tranh, vì thế làm cho các DN rơi vào tình trạng “công nghệ lạc hậu, am hiểu thị trường ít, sức cạnh tranh thấp, thiếu lao động kỹ thuật, trình độ quản lý doanh nghiệp còn hạn chế, hiệu quả thấp và chưa có các thương hiệu mạnh đủ khả năng cạnh tranh trên thị trường khu vực”²².

Thứ hai, phát huy vai trò của DNNVV ở tỉnh Nghệ An.

Trong thời gian qua, các DNNVV ở tỉnh Nghệ An phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức từ nội tại và từ bối cảnh kinh tế - xã hội, tuy nhiên những đóng góp của DNNVV đối với sự phát triển kinh tế - xã hội ở tỉnh Nghệ An ngày càng rõ rệt.

Với sự phát triển mạnh mẽ về số lượng và quy mô, các DNNVV thu hút được một lượng lớn lao động ở tỉnh Nghệ An vào làm việc trong các DN này, qua đó góp phần vào giải quyết công ăn việc làm cho người lao động trên địa bàn tỉnh, đồng thời góp phần giảm tỷ lệ thất nghiệp và chuyển đổi cơ cấu lao động, việc làm của tỉnh. Nếu bình quân giai đoạn 2011-2015, đã thu hút được 95.694 lao động, chiếm 58,31% tổng số lao động làm việc trong các DN ở tỉnh Nghệ An, thì đến giai đoạn 2016-2020, đã thu hút được 113.834 lao động, chiếm 58% tổng số lao động làm việc trong các DN ở tỉnh, với mức độ gia tăng 119%, trong đó mức độ gia tăng lao động bình quân của DN siêu nhỏ là nhanh nhất (với mức gia tăng 175,9%) (Bảng 3).

Việc gia tăng lao động trong các DNNVV trong hơn 10 năm qua cho thấy rõ xu thế dịch chuyển lao động ở Nghệ An theo hướng ngày càng phù hợp và đáp ứng yêu cầu chuyển dịch kinh tế, giảm dần tỷ trọng ngành nông, lâm, thủy sản, tăng dần tỷ trọng ngành công nghiệp, xây dựng và dịch vụ. Điều này đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá của tỉnh Nghệ An nói chung và góp phần vào thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của cả nước theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

Bảng 3: Số lượng và mức phát triển lao động của DNNVV ở tỉnh Nghệ An

Năm		DN siêu nhỏ	DN nhỏ	DN vừa	Tổng số lao động trong các DN	Tổng số lao động trong các DNNVV
Số lượng	Bình quân 2011-2015	15.977	52.196	27.521	164.105	95.694
	Bình quân 2016-2020	28.104	57.990	27.741	196.270	113.834
Chỉ số phát triển bình quân giai đoạn 2016-2020 so với bình quân giai đoạn 2011-2015		175,9%	111,1%	100,8%	119,6%	119,0%

Nguồn: Tổng Cục thống kê (2022)²³

²² Trần Văn Hào, *Giải pháp phát triển cộng đồng doanh nghiệp Nghệ An trong giai đoạn hiện nay*, <https://tapchicongthuong.vn/bai-viet/giai-phap-phat-trien-cong-dong-doanh-nghiep-nghe-an-trong-giai-doan-hien-nay-73723.htm>, truy cập ngày 15/8/2023

²³ Tổng Cục thống kê (2022), *Sách trắng doanh nghiệp Việt Nam năm 2022*, Nxb. Thống kê, Hà Nội, tr. 353-358

Với sự phát triển các DNNVV, thu nhập người lao động của DNNVV ở tỉnh Nghệ An trong những năm qua tiếp tục gia tăng và cao hơn mức thu nhập bình quân của người dân trên địa bàn tỉnh. Thu nhập người lao động của DNNVV bình quân giai đoạn 2011-2015 là 3.588 nghìn đồng/tháng, chỉ bằng bằng 88,08% mức thu nhập của người lao động trong các DN, ở giai đoạn 2016-2020 đã tăng lên 4.994 nghìn đồng/tháng (mức gia tăng so với giai đoạn trước là 139,2%), chỉ bằng 86,53% mức thu nhập của người lao động trong các DN (Bảng 4).

Bảng 4: Thu nhập và mức phát triển thu nhập người lao động của DNNVV ở tỉnh Nghệ An

Đơn vị: nghìn đồng/tháng

Năm		DN siêu nhỏ	DN nhỏ	DN vừa	Tổng số thu nhập của lao động trong các DN	Tổng số thu nhập của lao động trong các DNVV
Thu nhập	Bình quân 2011-2015	3.019	3.507	4.237	4.073	3.588
	Bình quân 2016-2020	4.021	5.092	5.868	5.771	4.994
Chỉ số phát triển bình quân giai đoạn 2016-2020 so với bình quân giai đoạn 2011-2015		133,2%	145,2%	138,5%	141,7%	139,2%

Nguồn: Tổng Cục thống kê (2022)²⁴

Với mức thu nhập hiện hành của người lao động trong các DNNVV hiện đã cao hơn so với thu nhập bình quân đầu người ở tỉnh Nghệ An từ 1,38-1,93 lần (Biểu đồ 1, Bảng 4).

Bên cạnh đó, doanh thu thuần của DNNVV ở tỉnh Nghệ An bình quân giai đoạn 2011-2015 bằng 46,2% doanh thu thuần của các DN ở tỉnh Nghệ An và giai đoạn 2016-2020 bằng 40,5%. So với bình quân giai đoạn 2011-2015, giai đoạn 2016-2020 mức gia tăng bình quân doanh thu thuần của các DNVV là 163,1% (Bảng 5). Với mức doanh thu thuần của các DNNVV cho thấy mức độ đóng góp của các DNNVV vào sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Nghệ An ngày càng rõ rệt, qua đó góp phần quan trọng vào sự gia tăng GDRP của địa phương và đóng góp vào gia tăng ngân sách của địa phương.

²⁴ Tổng Cục thống kê (2022), *Sách trắng doanh nghiệp Việt Nam năm 2022*, Nxb. Thống kê, Hà Nội, tr. 353-358

Bảng 5: Doanh thu thuần và mức phát triển doanh thu thuần của DNNVV ở tỉnh Nghệ An

Đơn vị: tỷ đồng

Năm		DN siêu nhỏ	DN nhỏ	DN vừa	Doanh thu thuần của các DN	Doanh thu thuần của các DNNVV
Số lượng	Bình quân 2011-2015	4.553	26.278	15.994	101.381	46.825
	Bình quân 2016-2020	8.373	41.572	26.422	188.569	76.367
Chỉ số phát triển bình quân giai đoạn 2016-2020 so với bình quân giai đoạn 2011-2015		183,9%	158,2%	165,2%	186,0%	163,1%

Nguồn: Tổng Cục thống kê (2022)²⁵

Tuy nhiên, môi trường kinh doanh của Nghệ An chưa thực sự thuận lợi, chưa được cải thiện vững chắc; hiệu quả triển khai các chính sách, biện pháp cải thiện môi trường kinh doanh trên thực tế còn hạn chế. Tỉnh Nghệ An đặt ra mục tiêu đến năm 2025, có khoảng “30.000 doanh nghiệp; bình quân hàng năm doanh nghiệp giải quyết việc làm cho khoảng 25.000 - 30.000 lao động và tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định cho người lao động; phấn đấu đến năm 2025, doanh nghiệp đóng góp trên 60% thu ngân sách của tỉnh”²⁶. Để đạt được mục tiêu này, trong thời gian tới, Nghệ An cần tiếp cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh; chú trọng nâng cao năng lực cạnh tranh của các DNNVV; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ và chuyển đổi số trong các DNNVV; đặc biệt hỗ trợ các DNNVV trên địa bàn tỉnh thuận lợi trong tiếp cận các nguồn vốn, mở rộng lĩnh vực sản xuất, kinh doanh; đảm bảo phần lớn các sản phẩm của doanh nghiệp Nghệ An đủ sức cạnh tranh trên thị trường trong nước và khu vực; nhiều doanh nghiệp tham gia mạng sản xuất, chuỗi giá trị khu vực và toàn cầu.

3. Phát triển và phát huy vai trò của doanh nghiệp nhỏ và vừa ở tỉnh Quảng Bình **Thứ nhất, phát triển DNNVV ở tỉnh Quảng Bình.**

Số lượng DNNVV ở tỉnh Quảng Bình tiếp tục gia tăng trong hơn 10 năm qua. Nếu bình quân giai đoạn 2011-2015, số lượng DNNVV ở tỉnh Quảng Bình là 2.309 DN, chiếm 98,6% tổng số DN của tỉnh, thì bình quân giai đoạn 2016-2020, số lượng

²⁵ Tổng Cục thống kê (2022), *Sách trắng doanh nghiệp Việt Nam năm 2022*, Nxb. Thống kê, Hà Nội, tr. 353-358

²⁶ Trần Văn Hào, *Giải pháp phát triển cộng đồng doanh nghiệp Nghệ An trong giai đoạn hiện nay*, <https://tapchicongthuong.vn/bai-viet/giai-phap-phat-trien-cong-dong-doanh-nghiep-nghe-an-trong-giai-doan-hien-nay-73723.htm>, truy cập ngày 15/8/2023

DNNVV đã tăng lên 9226 DN (với mức tăng trưởng là 165,5%), chiếm 98,5% tổng số DN của tỉnh. Trong đó, bình quân số lượng DN giai đoạn 2016-2020 so với bình quân giai đoạn 2011-2015 của DN siêu nhỏ tăng 155,7%, của DN nhỏ tăng 122,6% và của DN vừa tăng 122,3% (Bảng 6).

Bảng 6: Số lượng và mức phát triển bình quân của DNNVV ở tỉnh Quảng Bình

Năm		DN siêu nhỏ	DN nhỏ	DN vừa	Tổng số DN	Tổng số DNNVV
Số lượng	Bình quân 2011-2015	1.564	678	67	2.342	2.309
	Bình quân 2016-2020	2435	831	82	3398	3.348
Chỉ số phát triển bình quân giai đoạn 2016-2020 so với bình quân giai đoạn 2011-2015		155,7%	122,6%	122,3%	145,1%	145,0%

Nguồn: Tổng Cục thống kê (2022)²⁷

Bên cạnh đó, trong hơn 10 năm qua quy mô và mức phát triển nguồn vốn của DNNVV ở tỉnh Quảng Bình tiếp tục gia tăng, nếu bình quân giai đoạn 2011-2015, quy mô vốn đầu tư cho DNNVV ở tỉnh Quảng Bình là 24.372 tỷ đồng chiếm 62,33% nguồn vốn đầu tư cho các DN của tỉnh Quảng Bình, đến giai đoạn 2016-2020, quy mô vốn đầu tư cho DNNVV ở tỉnh Quảng Bình đã tăng lên 49.220 tỷ đồng (với mức tăng trưởng là 202%), chiếm 60,9% nguồn vốn đầu tư cho các DN của tỉnh Quảng Bình. Trong đó, quy mô và mức phát triển nguồn vốn của DN siêu nhỏ tăng nhanh nhất (với mức tăng trưởng 248%), tiếp đến là DN vừa (với mức tăng trưởng 199,3%) và cuối cùng là DN nhỏ (với mức gia tăng 181,9%) (Bảng 7).

Bảng 7: Quy mô và mức phát triển nguồn vốn của DNNVV ở tỉnh Quảng Bình

Đơn vị: tỷ đồng

Năm		DN siêu nhỏ	DN nhỏ	DN vừa	Nguồn vốn của các DN	Nguồn vốn của các DNNVV
Quy mô	Bình quân 2011-2015	5.683	12.192	6.497	39.102	24.372
	Bình quân 2016-2020	14.094	22.177	12.949	80.824	49.220
Chỉ số phát triển bình quân giai đoạn 2016-2020 so với bình quân giai đoạn 2011-2015		248,0%	181,9%	199,3%	206,7%	202,0%

Nguồn: Tổng Cục thống kê (2022)²⁸

²⁷ Tổng Cục thống kê (2022), *Sách trắng doanh nghiệp Việt Nam năm 2022*, Nxb. Thống kê, Hà Nội, tr. 365-368

Thứ hai, phát huy vai trò của DNNVV ở tỉnh Quảng Bình.

Cùng với sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Quảng Bình trong thời gian qua, các DNNVV thu hút được một lượng lớn lao động ở tỉnh Quảng Bình vào làm việc trong các DN này, qua đó góp phần vào giải quyết công ăn việc làm cho người lao động trên địa bàn tỉnh, đồng thời góp phần giảm tỷ lệ thất nghiệp và chuyển đổi cơ cấu lao động, việc làm của tỉnh. Nếu bình quân giai đoạn 2011-2015, các DNNVV ở tỉnh Quảng Bình đã thu hút được 28.523 lao động, chiếm 70,58% tổng số lao động làm việc trong các DN ở tỉnh Quảng Bình, thì đến giai đoạn 2016-2020, đã thu hút được 31.712 lao động, chiếm 73,06% tổng số lao động làm việc trong các DN ở tỉnh, với mức độ gia tăng 111,2%, trong đó mức độ gia tăng lao động bình quân của DN siêu nhỏ là nhanh nhất (với mức gia tăng 133,9%) (Bảng 8).

Thực tế trên cho thấy, sức “hút” lao động của các DNNVV ở tỉnh Quảng Bình rất mạnh mẽ, mạnh hơn nhiều so với các DN lớn. Điều này cho thấy, các DNNVV có sự phát triển tốt và tiếp tục tạo ra cơ hội việc làm cho người lao động trên địa bàn tỉnh, qua đó tạo động lực thúc đẩy nhanh quá trình chuyển dịch lao động và cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá, tăng dần tỷ trọng công nghiệp, xây dựng và dịch vụ, giảm dần tỷ trọng nông nghiệp trong cơ cấu kinh tế của tỉnh Quảng Bình.

Bảng 8: Số lượng và mức phát triển lao động của DNNVV ở tỉnh Quảng Bình

Năm		DN siêu nhỏ	DN nhỏ	DN vừa	Tổng số lao động trong các DN	Tổng số lao động trong các DNNVV
Số lượng	Bình quân 2011-2015	7.170	15.066	6.287	40.415	28.523
	Bình quân 2016-2020	9.601	16.422	5.690	43.406	31.712
Chỉ số phát triển bình quân giai đoạn 2016-2020 so với bình quân giai đoạn 2011-2015		133,9%	109,0%	90,5%	107,4%	111,2%

Nguồn: Tổng Cục thống kê (2022)²⁹

Cùng với đó, thu nhập người lao động của DNNVV ở tỉnh Quảng Bình trong những năm qua tiếp tục gia tăng và cao hơn mức thu nhập bình quân của người dân trên địa bàn tỉnh từ 1,4-1,9 lần (Biểu đồ 1, Bảng 9). So với thu nhập của người lao động trong các DN, thu nhập người lao động của DNNVV bình quân giai đoạn 2011-2015 chỉ bằng 94,7%, với mức thu nhập là 3.668 nghìn đồng/tháng và ở giai đoạn 2016-2020 chỉ bằng 92,1%, với mức thu nhập là 5.168 nghìn đồng/tháng (mức gia tăng so với giai đoạn trước là 140,9%) (Bảng 9).

²⁸ Tổng Cục thống kê (2022), *Sách trắng doanh nghiệp Việt Nam năm 2022*, Nxb. Thống kê, Hà Nội, tr. 365-368

²⁹ Tổng Cục thống kê (2022), *Sách trắng doanh nghiệp Việt Nam năm 2022*, Nxb. Thống kê, Hà Nội, tr. 365-368

Bảng 9: Thu nhập và mức phát triển thu nhập người lao động của DNNVV ở tỉnh Quảng Bình

Đơn vị: nghìn đồng/tháng

Năm		DN siêu nhỏ	DN nhỏ	DN vừa	Tổng số thu nhập lao động trong các DN	Tổng số thu nhập lao động trong các DNNVV
Thu nhập	Bình quân 2011-2015	2.899	3.685	4.419	3.873	3.668
	Bình quân 2016-2020	3.519	5.586	6.399	5.612	5.168
Chỉ số phát triển bình quân giai đoạn 2016-2020 so với bình quân giai đoạn 2011-2015		121,4%	151,6%	144,8%	144,9%	140,9%

Nguồn: Tổng Cục thống kê (2022)³⁰

Ngoài ra, doanh thu thuần của DNNVV ở tỉnh Quảng Bình bình quân giai đoạn 2011-2015 bằng 62,5% doanh thu thuần của các DN ở tỉnh Quảng Bình và giai đoạn 2016-2020 bằng 50,1%. So với bình quân giai đoạn 2011-2015, giai đoạn 2016-2020 mức gia tăng bình quân doanh thu thuần của các DNVV là 146,6% (Bảng 10), trong đó mức độ gia tăng doanh thu thuần của DN vừa là cao nhất, với mức độ gia tăng 165,3%.

Bảng 10: Doanh thu thuần và mức phát triển doanh thu thuần của DNNVV ở tỉnh Quảng Bình

Đơn vị: tỷ đồng

Năm		DN siêu nhỏ	DN nhỏ	DN vừa	Doanh thu thuần trong các DN	Doanh thu thuần trong các DNNVV
Doanh thu thuần	Bình quân 2011-2015	2.418	9.704	6.237	29.400	18.359
	Bình quân 2016-2020	3.006	13.595	10.310	53.714	26.911
Chỉ số phát triển bình quân giai đoạn 2016-2020 so với bình quân giai đoạn 2011-2015		124,3%	140,1%	165,3%	182,7%	146,6%

Nguồn: Tổng Cục thống kê (2022)³¹

³⁰ Tổng Cục thống kê (2022), *Sách trắng doanh nghiệp Việt Nam năm 2022*, Nxb. Thống kê, Hà Nội, tr. 365-368

³¹ Tổng Cục thống kê (2022), *Sách trắng doanh nghiệp Việt Nam năm 2022*, Nxb. Thống kê, Hà Nội, tr. 365-368

Thực tế các DNNVV ở tỉnh Quảng Bình vẫn còn gặp nhiều khó khăn trong việc tiếp cận các nguồn vốn, chậm đổi mới công nghệ, năng lực quản trị DN còn hạn chế, v.v.. điều đó dẫn đến năng lực cạnh tranh của các DNNVV còn yếu trên thị trường, nhưng các DNNVV đã có những đóng góp nhất định đối với phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Quảng Bình, trong đó đã góp phần vào gia tăng GRDP của tỉnh Quảng Bình.

Trước yêu cầu phấn đấu “đến năm 2025 đạt khoảng 9.500-10.000 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới”³², tỉnh Quảng Bình xác định “Tiếp tục rà soát, cắt giảm thực chất hơn thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh, tăng cường công khai, minh bạch, cải tiến quy trình, rút ngắn thời gian, giảm chi phí, xây dựng nền hành chính hiện đại, chuyên nghiệp. Tiếp tục đẩy mạnh xây dựng chính quyền điện tử và ứng dụng công nghệ thông tin của các cơ quan trong hệ thống chính trị. Thực hiện hiệu quả, thực chất các nhiệm vụ, giải pháp cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh, với mục tiêu là các cấp, các ngành phải nghiêm túc thực hiện để tạo điều kiện thuận lợi nhất cho đầu tư, kinh doanh, giảm tối đa các chi phí khởi nghiệp, giảm chi phí đầu vào, tiếp cận các chính sách, chương trình hỗ trợ của nhà nước về đầu tư, tín dụng; khuyến khích đổi mới công nghệ, nâng cao hiệu quả và khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp”³³. Trong đó, các DNNVV ở tỉnh Quảng Bình cần được các cơ quan chức năng của tỉnh hỗ trợ những nội dung sau: (1) hỗ trợ thủ tục hành chính, cung cấp thông tin, tư vấn pháp lý; (2) hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng phát triển nguồn nhân lực; (3) hỗ trợ xúc tiến, mở rộng thị trường; (4) hỗ trợ tiếp cận tín dụng và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn cho DN; (5) hỗ trợ, tư vấn ứng dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động quản lý, sản xuất kinh doanh; (6) hỗ trợ DNNVV chuyển đổi từ hộ kinh doanh; (7) hỗ trợ DNNVV khởi nghiệp sáng tạo.

4. Một số nhận xét, đánh giá và bài học kinh nghiệm đối với Hà Tĩnh

Các địa phương Nghệ An, Hà Tĩnh và Quảng Bình trong thời gian quá đều tích cực triển khai thực hiện các chính sách, chương trình hỗ trợ DNNVV theo chủ trương của Đảng, Nhà nước, như: Luật Đầu tư (sửa đổi) và Luật DN (sửa đổi) có hiệu lực từ 01/01/2021 quy định lĩnh vực, địa bàn khuyến khích đầu tư thu hút các dự án đầu tư có chất lượng và hiệu quả; các quy định về điều kiện và thủ tục đầu tư, kinh doanh có tính minh bạch, khả thi và đồng bộ; tạo mặt bằng pháp lý bình cho nhà đầu tư trong và

³² Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình, *Quyết định số 5224/QĐ-UBND về việc ban hành đề án hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Quảng Bình đến năm 2025*, ngày 31/12/2019

³³ Vũ Đại Thắng, *Những định hướng lớn phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Bình đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050*, <https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/thuc-tien-kinh-nghiem1/-/2018/827354/nhung-dinh-huong-lon-phat-trien-kinh-te---xa-hoi-tinh-quang-binh-den-nam-2030%2C-tam-nhin-den-nam-2050.aspx>, truy cập ngày 18/8/2023

nước ngoài... ; Nghị định số 90/2001/NĐ-Chính phủ ngày 23/11/2001 về trợ giúp phát triển DNNVV, quy định chính sách hỗ trợ DNNVV ở từ trung ương tới địa phương; Quyết định số 236/2006/QĐ-TTg phê duyệt Kế hoạch phát triển DNNVV 05 năm giai đoạn 2006 – 2010 đề ra các giải pháp nhằm tạo lập môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi, nâng cao năng lực cạnh tranh cho các DNNVV trên cơ sở huy động các nguồn lực trong và ngoài nước; Nghị định số 56/2009/NĐ-Chính phủ về trợ giúp phát triển DNNVV (thay thế Nghị định 90/2001/NĐ-Chính phủ), quy định 8 nhóm hỗ trợ phát triển DNNVV; đặc biệt Luật Hỗ trợ DNNVV năm 2017, đã quy định rõ tiêu chí xác định DNNVV ở Việt Nam (Điều 4); nguyên tắc hỗ trợ DNNVV ở Việt Nam (Điều 5); các nội dung hỗ trợ, gồm hỗ trợ tín dụng; hỗ trợ thuế, kế toán; hỗ trợ mặt bằng sản xuất; hỗ trợ công nghệ; hỗ trợ cơ sở ươm tạo, cơ sở kỹ thuật, khu làm việc chung; hỗ trợ mở rộng thị trường; hỗ trợ thông tin, tư vấn và pháp lý; hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực; các hỗ trợ chuyển đổi từ hộ kinh doanh, khởi nghiệp sáng tạo, tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị (Chương 2); Nghị định 38/2018/NĐ-CP, Nghị định 39/2018/NĐ-CP và Nghị định 80/2021/NĐ-CP quy định cụ thể tiêu chí xác định DNNVV và các biện pháp hỗ trợ công nghệ, thông tin, tư vấn và phát triển nguồn nhân lực; hỗ trợ DNNVV chuyển đổi từ hộ kinh doanh, DNNVV khởi nghiệp sáng tạo, DNNVV tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị; v.v.. qua đó nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh, tạo điều kiện cho doanh nghiệp nhỏ và vừa phát triển; tập trung vào các giải pháp khuyến khích đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp; hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư đổi mới công nghệ, phát triển mở rộng thị trường thông qua tham gia chuỗi giá trị.

Tuy nhiên, hiệu quả triển khai các chính sách, pháp luật về phát triển và phát huy vai trò của DNNVV trên địa bàn các tỉnh này không hoàn toàn giống nhau. Nếu như, tỷ trọng số lượng DNNVV/DN (đều trên 98%) của ba tỉnh này khá tương đồng, thì tỷ trọng nguồn vốn DNNVV/DN của ba tỉnh này rất khác nhau, tỷ trọng này của Hà Tĩnh (gần 14%) thấp nhất so với tỉnh Nghệ An (gần 40%) và Quảng Bình (trên 60%) và tỷ trọng thu nhập của người động DNNVV/DN của Hà Tĩnh (81,53%) thấp nhất so với tỉnh Nghệ An (86,53%) và Quảng Bình (hơn 92,09%), trong khi đó tỷ động lao động DNNVV/DN của Hà Tĩnh (trên 62%) cao hơn so với Nghệ An (58%), nhưng thấp hơn Quảng Bình (trên 73%); đặc biệt tỷ trọng doanh thu thuần DNNVV/DN hiện tại của Nghệ An và Quảng Bình có giảm nhẹ so với giai đoạn trước đó, nhưng của Hà Tĩnh lại giảm sâu, nếu giai đoạn 2011-2015 là 55,25%, thì giai đoạn 2016-2020 chỉ còn 26% (Bảng 11). Thực tế này cho thấy, hoạt động của DNNVV ở Hà Tĩnh còn chưa thực sự hiệu quả và chưa thực sự bền vững trong bối cảnh nhiều rủi ro và thách thức hiện nay.

Bảng 11: Tỷ trọng giữa DNNVV với tổng số DN của Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình theo các tiêu chí

STT	Nội dung	Địa phương	Bình quân 2011-2015	Bình quân 2016-2020
1	Tỷ trọng số lượng DNNVV/DN	Nghệ An	97,02%	98,53%
		Hà Tĩnh	97,06%	98,04%
		Quảng Bình	98,59%	98,53%
2	Tỷ trọng nguồn vốn DNNVV/DN	Nghệ An	38,23%	39,58%
		Hà Tĩnh	18,88%	13,59%
		Quảng Bình	62,33%	60,90%
3	Tỷ trọng lao động DNNVV/DN	Nghệ An	58,31%	58,00%
		Hà Tĩnh	59,95%	62,70%
		Quảng Bình	70,58%	73,06%
4	Tỷ trọng thu nhập của người động DNNVV/DN	Nghệ An	88,08%	86,53%
		Hà Tĩnh	89,70%	81,53%
		Quảng Bình	94,70%	92,09%
5	Tỷ trọng doanh thu thuần DNNVV/DN	Nghệ An	46,19%	40,50%
		Hà Tĩnh	55,25%	26,00%
		Quảng Bình	62,45%	50,10%

Nguồn: Tác giả tính toán từ Tổng cục thống kê (2023)³⁴

Từ thực tiễn phát triển và phát huy vai trò của DNNVV ở tỉnh Nghệ An và Quảng Bình cho Hà Tĩnh những bài học sâu sắc trong việc hoàn thiện cơ chế, chính sách và môi trường đầu tư, kinh doanh nhằm thúc đẩy phát triển và phát huy hơn nữa vai trò của DNNVV của tỉnh trong thời gian tới, trong đó cần chú trọng những nội dung sau:

Thứ nhất, nâng cao năng lực cạnh tranh của DNNVV trong tỉnh bằng thực hiện đồng bộ các giải pháp, trong đó tập trung trước mắt vào đầu tư xây dựng hạ tầng, góp phần giảm chi phí cho doanh nghiệp; đẩy mạnh nghiên cứu khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, hình thành các trung tâm nghiên cứu và đổi mới sáng tạo để chuyển giao công nghệ cho DNNVV.

Thứ hai, tập trung cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển DNNVV. Tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp cải

³⁴ Tổng Cục thống kê (2022), *Sách trắng doanh nghiệp Việt Nam năm 2022*, Nxb. Thống kê, Hà Nội, tr. 353-368.

thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (CPI) và quản trị hành chính công cấp tỉnh (PAPI):

(1) **Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính:** Rà soát, đơn giản hoá các thủ tục hành chính theo hướng rút ngắn quy trình xử lý, giảm thời gian thực hiện thủ tục hành chính, giảm chi phí hành chính. Công khai, minh bạch 100% thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan, đơn vị; cung cấp thông tin để duy trì và cập nhật cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính.

(2) **Nâng cao chất lượng phục vụ của các cơ quan hành chính nhà nước,** nâng cao chất lượng công tác phối hợp giữa các Sở ngành, địa phương. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính gắn với trách nhiệm và trách nhiệm giải trình của cơ quan nhà nước, cán bộ, công chức liêm chính phục vụ nhân dân và cộng đồng doanh nghiệp.

(3) **Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin - truyền thông** trong hoạt động của cơ quan nhà nước, giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp. Xây dựng chính quyền điện tử. Nâng cao hiệu quả hoạt động của Cổng thông tin điện tử Dịch vụ Hỗ trợ doanh nghiệp.

(4) **Tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng** đội ngũ doanh nhân gắn với nâng cao năng lực cạnh tranh, hội nhập cho doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2020 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

(5) **Hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi cho các DNNVV** được tiếp cận các nguồn lực (như đất đai, tài chính, lao động, khoa học công nghệ,...); hoàn thiện cơ chế, chính sách để xây dựng và phát triển hạ tầng thông tin dữ liệu về doanh nghiệp hoạt động cùng ngành hàng, về thị trường vốn, về thị trường lao động, thị trường khoa học công nghệ, v.v...

Thứ ba, cần xây dựng chiến lược phát triển doanh nghiệp đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, trong đó cần chú trọng, ưu tiên phát triển mạng lưới DNNVV của tỉnh phù hợp với hướng phát triển của tỉnh và điều kiện kinh tế - xã hội và tiềm năng, nguồn lực của tỉnh.

Thứ tư, tiếp tục thúc đẩy phát triển tinh thần khởi nghiệp sáng tạo, nuôi dưỡng, tạo lập môi trường, “vườn ươm” để thanh niên khởi nghiệp.

Danh mục tài liệu tham khảo

1. Trần Văn Hào, *Giải pháp phát triển cộng đồng doanh nghiệp Nghệ An trong giai đoạn hiện nay*, <https://tapchicongthuong.vn/bai-viet/giai-phap-phat-trien-cong-dong-doanh-nghiep-nghe-an-trong-giai-doan-hien-nay-73723.htm>, truy cập ngày 15/8/2023
2. PCI Việt Nam, *So sánh chỉ số PCI của Nghệ An, Hà Tĩnh và Quảng Bình*, <https://pcivietnam.vn/so-sanh->

- ting?&city_id=89,105,110&cpi_cat_id=PCI_Score&cpi_year=2022&comparing=1, truy cập ngày 20/8/2023
3. Tổng Cục thống kê (2019), *Niên giám thống kê năm 2018*, Nxb. Thống kê, Hà Nội.
 4. Tổng Cục thống kê (2020), *Niên giám thống kê năm 2019*, Nxb. Thống kê, Hà Nội.
 5. Tổng Cục thống kê (2021), *Niên giám thống kê năm 2020*, Nxb. Thống kê, Hà Nội.
 6. Tổng Cục thống kê (2022), *Niên giám thống kê năm 2021*, Nxb. Thống kê, Hà Nội.
 7. Tổng Cục thống kê (2022), *Sách trắng doanh nghiệp Việt Nam năm 2022*, Nxb. Thống kê, Hà Nội.
 8. Tổng Cục thống kê (2023), *Niên giám thống kê năm 2022*, Nxb. Thống kê, Hà Nội.

**NGHIÊN CỨU CÁC ĐIỀU KIỆN, NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN PHÁT
TRIỂN DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA THEO HƯỚNG BỀN VỮNG TRÊN
ĐỊA BÀN TỈNH HÀ TĨNH**

PGS, TS. Đặng Thị Ánh Tuyết

TS. Đặng Thị Minh Lý

Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

1. Đặt vấn đề

Trong 35 năm đổi mới, Đảng và Nhà nước ta luôn kiên định và nhất quán đường lối phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa với nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, hình thức tổ chức kinh doanh và hình thức phân phối. Thực hiện quan điểm, chủ trương của Đảng, Chính phủ đã có nhiều chính sách phát triển đồng bộ các thành phần kinh tế, tạo điều kiện thuận lợi cho các thành phần kinh tế hoạt động bình đẳng trước pháp luật, cùng phát triển lâu dài, hợp tác và cạnh tranh lành mạnh. Kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo. Kinh tế tập thể không ngừng được củng cố và phát triển. Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài được khuyến khích phát triển. Kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng của nền kinh tế. Để phát triển kinh tế tư nhân trong tình hình mới, Hội nghị lần thứ năm, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII đã ban hành Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 03/6/2017 về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Qua hơn 6 năm thực hiện Nghị quyết, kinh tế tư nhân đã có sự phát triển nhanh chóng và đóng vai trò ngày càng quan trọng trong nền kinh tế, nhất là góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, thương mại đầu tư, tăng thu ngân sách nhà nước, tạo việc làm, cải thiện an sinh xã hội. Trong đó, phát triển và phát huy vai trò các loại hình doanh nghiệp tư nhân là một trong những nhiệm vụ rất quan trọng của chủ trương này, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) phải được quan tâm đặc biệt.

Trong những năm qua, các DNNVV ở tỉnh Hà Tĩnh đã đóng góp một phần không nhỏ vào tỷ trọng GDP và ngân sách của địa phương; có đóng góp lớn vào giá trị sản lượng công nghiệp, giá trị hàng hóa xuất khẩu và ngày càng thu hút nhiều lực lượng lao động lao động tham gia, nâng cao thu nhập và cải thiện đời sống cho nhân dân, tích cực góp phần tạo nên sự thành công của giảm nghèo bền vững. DNNVV còn sử dụng nguồn tài chính của dân cư trong vùng, nguồn nguyên liệu trong trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh để hoạt động sản xuất kinh doanh... Tuy nhiên, trong quá trình phát triển, các DNNVV trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh phải chịu tác động bởi nhiều nhân tố, như: (1) nhân tố môi trường kinh doanh, sản xuất; (2) nhân tố con người; (3) nhân tố vốn; (4) nhân tố khoa học, công nghệ; (5) nhân tố thị trường; v.v... Các nhân tố này có thể gây

ra những ảnh hưởng thuận/nghịch đối với sự phát triển của loại hình DN này trong thời điểm hiện tại và trong thời gian tới.

2. Các điều kiện, nhân tố ảnh hưởng đến phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa theo hướng bền vững trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh

Thứ nhất, ảnh hưởng của nhân tố môi trường kinh doanh, sản xuất.

Tỉnh Hà Tĩnh là một địa phương thuộc vùng Bắc Trung bộ đang trong quá trình vươn lên mạnh mẽ về phát triển kinh tế-xã hội. Theo báo cáo của UBND tỉnh Hà Tĩnh năm 2020 cho biết: năm 2020, chấp thuận chủ trương 62 dự án, trong đó 61 dự án trong nước với tổng vốn đầu tư đăng ký trên 10.500 tỷ đồng và 01 dự án đầu tư nước ngoài với tổng vốn đầu tư đăng ký 1,5 triệu USD; ngoài ra, điều chỉnh vốn đầu tư 01 dự án FDI từ 1,2 triệu USD lên 32 triệu USD. Mặc dù tổng số dự án chấp thuận chủ trương đầu tư giảm mạnh so với năm 2019 nhưng số vốn đăng ký tăng cao hơn; vốn đầu tư trong nước tăng 2,7%, vốn đầu tư FDI tăng gấp 2,6 lần. Sự phát triển kinh tế - xã hội mạnh mẽ với nhiều dự án đầu tư trong và ngoài nước đã và đang tạo ra làn sóng phát triển các doanh nghiệp (DN) trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh, trong đó bao gồm các DNNVV.

Thực tế, trong hơn 10 năm qua, số lượng DNNVV tiếp tục gia tăng. Nếu như, bình quân giai đoạn 2011-2015, số lượng DNNVV ở tỉnh Hà Tĩnh là 2.477 DN, chiếm 97,06% tổng số DN của tỉnh thì bình quân giai đoạn 2016-2020, số lượng DNNVV đã tăng lên 3.806 DN (với mức tăng trưởng là 153,6%), chiếm 98,04% tổng số DN của tỉnh. Trong đó, bình quân số lượng DN giai đoạn 2016-2020 so với bình quân giai đoạn 2011-2015 của DN siêu nhỏ tăng 180,5%, của DN nhỏ tăng 120,4% và của DN vừa tăng 108,8% (*Bảng 1*). Điều này cho thấy rõ, khi điều kiện kinh tế - xã hội của tỉnh Hà Tĩnh phát triển mạnh mẽ sẽ kéo theo sự phát triển mạnh mẽ các loại hình DN của tỉnh, trong đó DNNVV thể hiện rõ nét nhất.

Bảng 1: Số lượng và mức phát triển bình quân của DNNVV ở tỉnh Hà Tĩnh

Năm		DN siêu nhỏ	DN nhỏ	DN vừa	Tổng số DN	Tổng số DNVV
Số lượng	Bình quân 2011-2015	1.391	977	109	2.552	2.477
	Bình quân 2016-2020	2.511	1.176	119	3.882	3.806
Chỉ số phát triển bình quân giai đoạn 2016-2020 so với bình quân giai đoạn 2011-2015		180,5%	120,4%	108,8%	152,1%	153,6%

Nguồn: Tác giả tính toán từ Tổng cục thống kê (2023)³⁵

³⁵ Tổng Cục thống kê (2022), *Sách trắng doanh nghiệp Việt Nam năm 2022*, Nxb. Thống kê, Hà Nội, tr. 359-364.

Bên cạnh đó, thời gian qua Đảng ta đã khẳng định vai trò quan trọng của các DNNVV là lực lượng chủ yếu trong thành phần kinh tế tư nhân. Thực hiện chủ trương của Đảng, Nhà nước đã thể chế hóa, ban hành các luật liên quan để tạo thuận lợi cho DN hoạt động sản xuất, kinh doanh như Luật Đầu tư (sửa đổi) và Luật DN (sửa đổi) có hiệu lực từ 01/01/2021; Luật Hỗ trợ DNNVV năm 2017; Nghị định 80/2021/NĐ-CP; v.v.. Trên cơ sở đó, Văn kiện Đại hội tỉnh đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh nhiệm kỳ 2020-2025 đã đưa ra mục tiêu phấn đấu: “Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân trên 10%, phấn đấu giai đoạn 2021 - 2030 đạt 9,7%/năm; GRDP bình quân đầu người trên 110 triệu đồng, phấn đấu đến 2030 đạt trên 220 triệu đồng/năm; cơ cấu kinh tế: Nông nghiệp dưới 9%, công nghiệp - xây dựng gần 57%, dịch vụ trên 34%; thu ngân sách trên địa bàn trên 28 nghìn tỷ đồng, trong đó thu nội địa trên 16 nghìn tỷ đồng; tổng vốn đầu tư toàn xã hội giai đoạn 2021 - 2025 khoảng 220 nghìn tỷ đồng, phấn đấu giai đoạn 2026 - 2030 khoảng 352 nghìn tỷ đồng; thu nhập bình quân đầu người trên 70 triệu đồng; giá trị sản xuất trên đơn vị diện tích bình quân trên 130 triệu/ha; kim ngạch xuất khẩu trên 2 tỷ đô la Mỹ; mỗi năm thành lập mới trên 1.000 doanh nghiệp hoạt động hiệu quả; tỉnh đạt chuẩn nông thôn mới, ít nhất 01 huyện đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu; tỷ lệ đô thị hóa trên 40%, phấn đấu đến năm 2030 hình thành các thành phố phía Bắc và phía Nam của tỉnh”. Đồng thời, “đẩy mạnh chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế từ chiều rộng sang chiều sâu, trên cơ sở khoa học - công nghệ, ứng dụng thành tựu cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, phát triển kinh tế số, “kinh tế xanh”, các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo, công nghiệp hỗ trợ sau thép, dịch vụ cảng biển và logistics; thu hút đầu tư các dự án năng lượng mới, năng lượng tái tạo. Tập trung chuyển dịch cơ cấu, nâng cao năng suất lao động, sức cạnh tranh của nền kinh tế gắn với chuyển dịch cơ cấu lao động; tăng cường thu hút đầu tư, nâng tỉ lệ lấp đầy các khu, cụm công nghiệp; xây dựng Khu Kinh tế Vũng Áng thực sự trở thành khu kinh tế đa chức năng”. Thực hiện các chủ trương, nghị quyết của Trung ương, các quy định pháp luật về hỗ trợ DNNVV, ngày 21/10/2019 UBND Tỉnh Hà Tĩnh đã ban hành Quyết định số 3444 /QĐ-UBND về Chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2019 - 2024 và những năm tiếp theo. Đặc biệt, ngày 22/11/2021, Tỉnh uỷ Hà Tĩnh đã ban hành Nghị quyết số 08-NQ/TU về đổi mới, phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động doanh nghiệp đến năm 2025 và những năm tiếp theo, trong đó đặt mục tiêu giai đoạn 2021 - 2025, mỗi năm thành lập mới trên 1.000 doanh nghiệp hoạt động hiệu quả; hằng năm, giải quyết việc làm mới trên 20.000 lao động; hằng năm, hỗ trợ đào tạo khoảng 1.000 lượt người về quản trị doanh nghiệp và khởi sự doanh nghiệp; phấn đấu đến năm 2025, trên 80% DNNVV tham gia

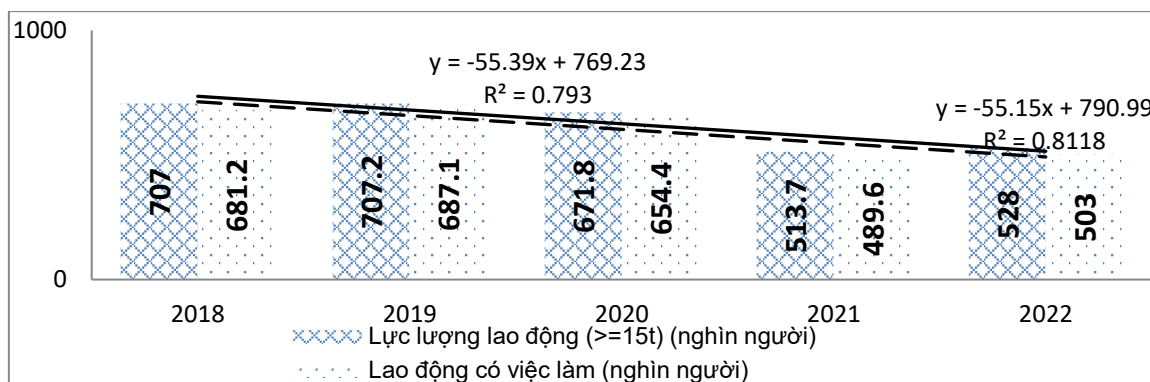
chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ số trong điều hành, quản lý, sản xuất và kinh doanh trên sàn thương mại điện tử. Bên cạnh đó, chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) của Hà Tĩnh tiếp tục cải thiện liên tục trong những năm qua, từ mức điểm số 57,56 vào năm 2016 lên mức 67,18 vào năm 2022³⁶; chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI) của Hà Tĩnh chưa có sự cải thiện rõ rệt, nếu năm 2021 chỉ số này là 45,14 thì đến năm 2022 là 44,31³⁷.

Mặc dù Hà Tĩnh đã ban hành các cơ chế chính sách hỗ trợ phát triển doanh nghiệp khá đồng bộ, từ chính sách hỗ trợ doanh nghiệp gia nhập thị trường, đến chính sách hỗ trợ đầu tư, hỗ trợ lãi suất tín dụng phát triển sản xuất để triển khai Luật Hỗ trợ DNNVV năm 2017, tuy nhiên, các chính sách hỗ trợ thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau, được ban hành thông qua nhiều Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh và Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, chưa được cập nhật thành hệ thống nên nhiều doanh nghiệp không biết đến, dẫn tới chính sách không đến được với doanh nghiệp.

Thứ hai, ảnh hưởng của nhân tố con người.

Thực tế trong những năm qua, các DNNVV đã thu hút được một lượng lớn lao động ở tỉnh Hà Tĩnh vào làm việc trong các DN này, qua đó góp phần vào giải quyết công ăn việc làm cho người lao động trên địa bàn tỉnh, đồng thời góp phần giảm tỷ lệ thất nghiệp và chuyển đổi cơ cấu lao động, việc làm của tỉnh.

Tuy nhiên, trong những năm qua lực lượng lao động ở tỉnh Hà Tĩnh có xu hướng giảm và theo đó số lao động có việc làm trên địa bàn tỉnh cũng có xu hướng giảm (Biểu đồ 1). Thực tế này có nhiều nguyên nhân, trong đó chủ yếu là do người lao động ở tỉnh Hà Tĩnh di cư đến các địa phương có nhiều khu công nghiệp lớn để tìm kiếm cơ hội việc làm, như: Hà Nội, Hưng Yên, Bắc Ninh, Bình Dương, Đồng Nai, thành phố Hồ Chí Minh, v.v...



Biểu đồ 1: Lực lượng lao động và việc làm tỉnh Hà Tĩnh

³⁶ PCI Việt Nam, So sánh 63 tỉnh / thành phố, https://pcivietnam.vn/so-sanh-tinh?&city_id=89&cpi_cat_id=PCI_Score&cpi_year=2022,2021,2020,2019,2018,2017,2016,2015,2014,2013,2012,2011,2010,2009,2008,2007,2006&comparing=2, truy cập ngày 19/8/2023

³⁷ Hà Tĩnh xếp thứ 8 về chỉ số PAPI, <https://hatinh.gov.vn/vi/tuyen-truyen/tin-bai/15113/ha-tinh-xep-thu-8-ve-chi-so-papi>, truy cập ngày 19/8/2023

Nguồn: Xử lý từ Tổng cục Thống kê (2023)

Thực tế cho thấy, tỷ suất xuất cư ở tỉnh Hà Tĩnh trong giai đoạn 2018-2022 từ 5,5%-8,1%, trong khi đó tỷ suất nhập cư chỉ từ 1,3%-2,7% (Bảng 2). Chính điều này ảnh hưởng rất lớn đến nguồn nhân lực để phát triển các DNNVV trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

Bảng 2: Tỷ suất xuất/nhập cư tỉnh Hà Tĩnh

	2018	2019	2020	2021	2022
Tỷ suất xuất cư	5,5%	8,1%	6,7%	7,9%	5,5%
Tỷ suất nhập cư	1,9%	2,5%	1,3%	2,7%	2,1%
Tỷ suất di cư thuần	-3,6%	-5,6%	-5,4%	-5,2%	-3,4%

Nguồn: Tác giả tính toán từ Tổng cục thống kê (2023)³⁸

Hàng năm các DNNVV trên địa bàn tỉnh đã thu hút một lượng lao động nhất định, cụ thể là nếu bình quân giai đoạn 2011-2015, đã thu hút được 40.763 lao động, chiếm 59,9% tổng số lao động làm việc trong các DN ở tỉnh Hà Tĩnh, thì đến giai đoạn 2016-2020, đã thu hút được 45.747 lao động, chiếm 62,7% tổng số lao động làm việc trong các DN ở tỉnh, với mức độ gia tăng 112,2%, trong đó mức độ gia tăng lao động bình quân của DN siêu nhỏ là nhanh nhất (với mức gia tăng 159,5%) (Bảng 3).

Bảng 3: Số lượng và mức phát triển lao động của DNNVV ở tỉnh Hà Tĩnh

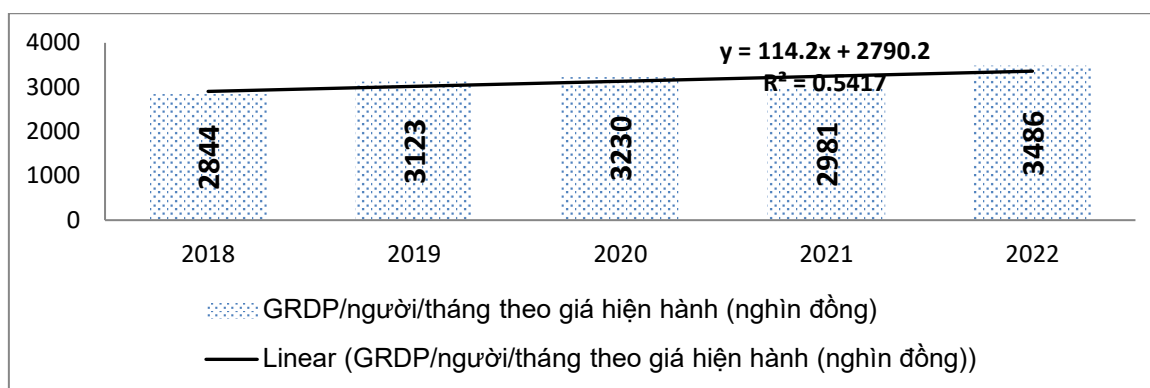
Năm		DN siêu nhỏ	DN nhỏ	DN vừa	Tổng số lao động trong các DN	Tổng số lao động trong các DNNVV
Số lượng	Bình quân 2011-2015	6.497	23.947	10.319	67.997	40.763
	Bình quân 2016-2020	10.363	25.695	9.690	72.961	45.747
Chỉ số phát triển bình quân giai đoạn 2016-2020 so với bình quân giai đoạn 2011-2015		159,5%	107,3%	93,9%	107,3%	112,2%

Nguồn: Tác giả tính toán từ Tổng cục thống kê (2023)³⁹

Tuy nhiên, tình trạng thiếu lao động phục vụ cho nhiệm vụ phát triển các DNNVV trên địa bàn tỉnh vẫn diễn ra do tỷ suất xuất cư ở Hà Tĩnh còn lớn làm cho nguồn lực lao động của tỉnh thiếu cục bộ. Mặc dù các DNNVV tiếp tục phát triển, kéo theo nhu cầu lao động của loại hình DN này tiếp tục gia tăng, tuy nhiên sức “hấp dẫn” của DN này đối với lao động tại địa phương chưa đủ lớn vì thế chưa “giữ chân” được lao động của tỉnh nhà tham gia vào lực lượng lao động tại các DNNVV của tỉnh.

³⁸ Tổng Cục thống kê (2023), *Niên giám thống kê năm 2022*, Nxb. Thống kê, Hà Nội, tr.140-142.

³⁹ Tổng Cục thống kê (2022), *Sách trắng doanh nghiệp Việt Nam năm 2022*, Nxb. Thống kê, Hà Nội, tr. 359-364.



Biểu đồ 2: Thu nhập bình quân đầu người theo giá hiện hành trong tháng của người dân Hà Tĩnh

Nguồn: Xử lý từ Tổng cục Thống kê (2023)

Thực tế này có nhiều nguyên nhân, nhưng chủ yếu do thu nhập của người lao động trong các DNNVV còn thấp, cho dù thu nhập người lao động của DNNVV ở tỉnh Hà Tĩnh trong những năm qua tiếp tục gia tăng và cao hơn mức thu nhập bình quân hàng tháng của người dân trên địa bàn tỉnh (từ 2,8 triệu/tháng – 3,5 triệu/tháng)⁴⁰.

Bảng 4: Thu nhập và mức phát triển thu nhập người lao động của DNNVV ở tỉnh Hà Tĩnh

Đơn vị: nghìn đồng/tháng

Năm		DN siêu nhỏ	DN nhỏ	DN vừa	Thu nhập bình quân của người lao động trong các DN	Thu nhập bình quân của người lao động trong các DNNVV
Thu nhập	Bình quân 2011-2015	3.221	4.059	4.256	4.287	3.845
	Bình quân 2016-2020	4.522	5.792	5.771	6.576	5.362
Chỉ số phát triển bình quân giai đoạn 2016-2020 so với bình quân giai đoạn 2011-2015		140,4%	142,7%	135,6%	153,4%	139,4%

Nguồn: Tác giả tính toán từ Tổng cục thống kê (2023)⁴¹

Với mức thu nhập hiện hành của người lao động trong các DNNVV hiện đã cao hơn so với thu nhập bình quân đầu người ở tỉnh Hà Tĩnh từ 1,5-1,9 lần (Biểu đồ 2,

⁴⁰Tổng Cục thống kê (2019), *Niên giám thống kê năm 2018*, Nxb. Thống kê, Hà Nội, tr.837; Tổng Cục thống kê (2020), *Niên giám thống kê năm 2019*, Nxb. Thống kê, Hà Nội, tr.846; Tổng Cục thống kê (2021), *Niên giám thống kê năm 2020*, Nxb. Thống kê, Hà Nội, tr.860; Tổng Cục thống kê (2022), *Niên giám thống kê năm 2021*, Nxb. Thống kê, Hà Nội, tr.862; Tổng Cục thống kê (2023), *Niên giám thống kê năm 2022*, Nxb. Thống kê, Hà Nội, tr.1006;

⁴¹ Tổng Cục thống kê (2022), *Sách trắng doanh nghiệp Việt Nam năm 2022*, Nxb. Thống kê, Hà Nội, tr. 359-364.

Bảng 4). Nhưng, thu nhập người lao động của DNNVV hiện hành chưa đủ hấp dẫn, như thu nhập người lao động của DNNVV bình quân giai đoạn 2011-2015 là 3.845 nghìn đồng/tháng chỉ bằng 89,7% mức thu nhập của người lao động trong các DN), đến giai đoạn 2016-2020, thu nhập người lao động của DNNVV bình quân là 5.362 nghìn đồng/tháng (gia tăng so với giai đoạn trước là 139,4%), chỉ bằng 81,5% mức thu nhập của người lao động trong các DN (*Bảng 4*).

Thứ ba, ảnh hưởng của nhân tố vốn.

Cùng với đó, quy mô và mức phát triển nguồn vốn của DNNVV ở tỉnh Hà Tĩnh tiếp tục gia tăng trong hơn 10 năm qua. Nếu bình quân giai đoạn 2011-2015, quy mô vốn đầu tư cho DNNVV ở tỉnh Hà Tĩnh là 27.067 tỷ đồng chiếm 18,88% nguồn vốn đầu tư cho các DN của tỉnh Hà Tĩnh, đến giai đoạn 2016-2020, quy mô vốn đầu tư cho DNNVV ở tỉnh Hà Tĩnh đã tăng lên 52.710 tỷ đồng (với mức tăng trưởng là 194,7%), chiếm 13,59% nguồn vốn đầu tư cho các DN của tỉnh Hà Tĩnh. Trong đó, quy mô và mức phát triển nguồn vốn của DN siêu nhỏ tăng nhanh nhất (với mức tăng trưởng 284,1%), tiếp đến là DN vừa (với mức tăng trưởng 170,7%) và cuối cùng là DN nhỏ (với mức gia tăng 174,7%) (*Bảng 5*).

Bảng 5: Quy mô và mức phát triển nguồn vốn của DNNVV ở tỉnh Hà Tĩnh

Đơn vị: tỷ đồng

Năm		DN siêu nhỏ	DN nhỏ	DN vừa	Tổng số DN	Tổng số DNNVV
Quy mô	Bình quân 2011-2015	5.490	14.559	7.018	143.398	27.067
	Bình quân 2016-2020	15.597	24.852	12.260	387.892	52.710
Chỉ số phát triển bình quân giai đoạn 2016-2020 so với bình quân giai đoạn 2011-2015		284,1%	170,7%	174,7%	270,5%	194,7%

Nguồn: Tác giả tính toán từ Tổng cục thống kê (2023)⁴²

Tuy nhiên, các DNNVV ở Hà Tĩnh vẫn gặp rất nhiều khó khăn trong việc tiếp cận các nguồn vốn, bởi các DN này đang đối mặt thực trạng kinh doanh khó khăn, sức cạnh tranh kém so với các tập đoàn lớn nên một số DN không đủ điều kiện để tiếp cận vốn ngân hàng. Đến cuối tháng 3/2023, dư nợ cho vay đối với DNNVV trên địa bàn ước đạt gần 7.400 tỷ đồng, chiếm khoảng 8,5% tổng dư nợ toàn địa bàn. Trong đó, nhiều ngân hàng có dư nợ lĩnh vực này lớn như: BIDV, Vietcombank, VietinBank,

⁴² Tổng Cục thống kê (2022), *Sách trắng doanh nghiệp Việt Nam năm 2022*, Nxb. Thống kê, Hà Nội, tr. 359-364.

HDBank, ACB...⁴³ Bên cạnh đó, một số DN không dám vay thêm vốn khi lãi suất ngân hàng đang giữ ở mức cao... từ đây đã kéo dư nợ lĩnh vực này giảm theo. Để tiếp cận được dòng vốn tín dụng tại các ngân hàng, các DNNVV trên địa bàn Hà Tĩnh cần phải tiếp tục nâng cao năng lực quản trị, điều hành; chủ động hội nhập, nắm bắt thời cơ; xây dựng và triển khai phương án sản xuất, kinh doanh khả thi; có số liệu tài chính minh bạch...

Bên cạnh đó, doanh thu thuần của DNNVV ở tỉnh Hà Tĩnh bình quân giai đoạn 2011-2015 là 21.616 tỷ đồng bằng 55,2% doanh thu thuần của các DN ở tỉnh Hà Tĩnh và giai đoạn 2016-2020 là 28.045 bằng 26% doanh thu thuần của các DN ở tỉnh. So với bình quân giai đoạn 2011-2015, giai đoạn 2016-2020 mức gia tăng bình quân doanh thu thuần của các DNNVV là 129,7% (Bảng 6).

Bảng 6: Doanh thu thuần và mức phát triển doanh thu thuần của DNNVV ở tỉnh Hà Tĩnh

Đơn vị: tỷ đồng

Năm		DN siêu nhỏ	DN nhỏ	DN vừa	Doanh thu thuần của các DN	Doanh thu thuần của các DNNVV
Doanh thu thuần	Bình quân 2011-2015	2.243	12.914	6.459	39.127	21.616
	Bình quân 2016-2020	3.389	15.536	9.120	107.873	28.045
Chỉ số phát triển bình quân giai đoạn 2016-2020 so với bình quân giai đoạn 2011-2015		151,1%	120,3%	141,2%	275,7%	129,7%

Nguồn: Tác giả tính toán từ Tổng cục thống kê (2023)⁴⁴

Thực tế trên cho thấy các DNNVV ở Hà Tĩnh mặc dù có những phát triển nhất định nhưng vẫn còn quy mô nhỏ, doanh thu thuần còn khá khiêm tốn so với doanh thu thuần của các DN nên hoạt động của các DNNVV ở tỉnh Hà Tĩnh vẫn đang gặp khá nhiều khó khăn, như là khả năng tiếp cận các nguồn vốn để đầu tư vào máy móc, công nghệ hiện đại, phục vụ cho sản xuất, kinh doanh; thiếu kinh nghiệm quản trị điều hành doanh nghiệp; khả năng cạnh tranh, chiếm lĩnh thị trường ngay trên thị trường nội địa...

⁴³ Thảo Hiền, *Dư nợ cho vay doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Hà Tĩnh ước đạt gần 7.400 tỷ đồng*, <https://baohatinh.vn/du-no-cho-vay-doanh-nghiep-nho-va-vua-o-ha-tinh-uoc-dat-gan-7-400-ty-dong/245902.htm>, truy cập ngày 18/8/2023

⁴⁴ Tổng Cục thống kê (2022), *Sách trắng doanh nghiệp Việt Nam năm 2022*, Nxb. Thống kê, Hà Nội, tr. 359-364.

Thứ tư, ảnh hưởng của nhân tố khoa học, công nghệ và tiếp cận thị trường.

Thời gian qua, với các chính sách về khoa học và công nghệ và thu hút đầu tư của tỉnh, hệ sinh thái khởi nghiệp của Hà Tĩnh bước đầu đã được hình thành. Một số DN khởi nghiệp đổi mới sáng tạo đã thành công dựa vào khai thác tài sản trí tuệ, ứng dụng công nghệ mới. Để tiếp tục phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp, Sở khoa học và công nghệ vừa thông qua và đồng ý hỗ trợ Công ty CP CED Central (TP Hà Tĩnh) triển khai nhiệm vụ xây dựng “Khu làm việc chung hỗ trợ DNNVV khởi nghiệp sáng tạo”. Tuy nhiên, với đặc thù về quy mô, nguồn vốn của các DNNVV nên các doanh nghiệp này gặp nhiều khó khăn trong tiếp cận, chuyển giao và ứng dụng khoa học và công nghệ vào sản xuất, kinh doanh, trong khi đó những hỗ trợ DNNVV khởi nghiệp sáng tạo trên địa bàn tỉnh vẫn “non trẻ” và chung chung, chưa có những đột phá, vì thế công nghệ được ứng dụng trong sản xuất, kinh doanh của các DNNVV vẫn chưa theo kịp xu thế chung, dẫn đến năng lực cạnh tranh và tiếp cận thị trường của các doanh nghiệp này thấp.

Danh mục tài liệu tham khảo

9. Thảo Hiền, *Dư nợ cho vay doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Hà Tĩnh ước đạt gần 7.400 tỷ đồng*, <https://baohatinh.vn/dau-tu/du-no-cho-vay-doanh-nghiep-nho-va-vua-o-ha-tinh-uoc-dat-gan-7-400-ty-dong/245902.htm>, truy cập ngày 18/8/2023
10. Tổng Cục thống kê (2019), *Niên giám thống kê năm 2018*, Nxb. Thống kê, Hà Nội.
11. Tổng Cục thống kê (2020), *Niên giám thống kê năm 2019*, Nxb. Thống kê, Hà Nội.
12. Tổng Cục thống kê (2021), *Niên giám thống kê năm 2020*, Nxb. Thống kê, Hà Nội.
13. Tổng Cục thống kê (2022), *Niên giám thống kê năm 2021*, Nxb. Thống kê, Hà Nội.
14. Tổng Cục thống kê (2022), *Sách trắng doanh nghiệp Việt Nam năm 2022*, Nxb. Thống kê, Hà Nội.
15. Tổng Cục thống kê (2023), *Niên giám thống kê năm 2022*, Nxb. Thống kê, Hà Nội.

PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA THEO TINH THẦN ĐẠI HỘI XIX CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH HÀ TĨNH

ThS. Nguyễn Thị Lam

Trường Chính trị Trần Phú Hà Tĩnh

Hơn 35 năm đổi mới, doanh nghiệp tư nhân, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa đã có những bước tiến vượt bậc trong việc khẳng định vai trò, vị thế của mình trong nền kinh tế, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh nhà. Nhiều doanh nghiệp đã dần khẳng định được vị thế không chỉ trong tỉnh mà còn vươn ra ngoài tỉnh. Xác định phát triển kinh tế tư nhân, thúc đẩy phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh, Đại hội Đại biểu lần thứ XIX của Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh xác định: “xây dựng các cơ chế, chính sách khuyến khích thành lập các doanh nghiệp tư nhân, tạo điều kiện để kinh tế tư nhân đầu tư, phát triển sản xuất; thực hiện quyền tự do kinh doanh, quyền sở hữu tài sản, quyền tiếp cận thông tin, các loại thị trường và các dịch vụ xã hội; xoá bỏ các rào cản, chính sách, các biện pháp hành chính gây bất bình đẳng trong tiếp cận nguồn lực, nhất là vốn và đất đai”; “Thực hiện hiệu quả chương trình hỗ trợ phát triển doanh nghiệp, tôn vinh doanh nghiệp; hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, hiện đại hoá công nghệ và phát triển nguồn nhân lực, nâng cao năng suất lao động. Khuyến khích, tạo điều kiện cho các hộ kinh doanh mở rộng quy mô, nâng cao hiệu quả hoạt động, tự nguyện liên kết hình thành các hình thức tổ chức hợp tác xã hoặc chuyển đổi sang hoạt động kinh doanh theo mô hình doanh nghiệp”⁽¹⁾.

Quán triệt quan điểm Đại hội XIX của Đảng bộ tỉnh, thời gian qua, cấp ủy đảng, chính quyền các cấp đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, hỗ trợ phát triển doanh nghiệp tăng nhanh về số lượng, đa dạng về loại hình, quy mô, hiệu quả hoạt động, góp phần quan trọng vào phát triển kinh tế - xã hội, giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập cho người lao động, tích cực tham gia các hoạt động an sinh xã hội trên địa bàn. Đội ngũ doanh nhân có bước phát triển, thích ứng với cơ chế thị trường và quá trình hội nhập kinh tế quốc tế.

Các doanh nghiệp đã nêu cao tinh thần vượt khó, tự lực, tự cường, nỗ lực thích ứng với tình hình mới, duy trì sản xuất kinh doanh và việc làm cho người lao động. Toàn tỉnh có gần 8.300 doanh nghiệp đang hoạt động, vốn đăng ký bình quân 27 tỷ đồng/doanh nghiệp, đạt 6,9 doanh nghiệp/1.000 dân. Ngoài ra, trên địa bàn tỉnh có 1.015 hợp tác xã và hơn 3.850 tổ hợp tác, trên 60.000 hộ kinh doanh (trong đó có

52.500 hộ có đăng ký kinh doanh), đây là khu vực có nhiều tiềm năng lợi thế để phát triển, tiến tới thành lập doanh nghiệp nhỏ và vừa. 9 tháng đầu năm thành lập mới 1.100 doanh nghiệp với tổng vốn đăng ký 7.000 tỷ đồng, tăng 38% về số lượng so với cùng kỳ năm 2021; 297 doanh nghiệp hoạt động trở lại, tăng 16%. Qua số liệu đăng ký kinh doanh cho thấy, số doanh nghiệp gia nhập thị trường và tái gia nhập thị trường gấp 2,75 lần số doanh nghiệp rút khỏi thị trường; Tỷ lệ hồ sơ đăng ký qua mạng điện tử tăng cao, chiếm khoảng 76% hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, tăng 16% so với cùng kỳ năm 2021.⁽²⁾

Về đóng góp của các doanh nghiệp vào phát triển kinh tế, giải quyết việc làm: Trong thời gian qua, cộng đồng doanh nghiệp đã có những đóng góp tích cực vào phát triển kinh tế - xã hội tỉnh nhà; tỷ lệ đóng góp của khu vực doanh nghiệp vào nguồn ngân sách tỉnh chiếm gần 79% tổng thu ngân sách và khoảng 81% tổng vốn đầu tư toàn xã hội trên địa bàn tỉnh. Sự phát triển doanh nghiệp đã thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế đúng hướng (giảm tỷ trọng nông nghiệp, tăng tỷ trọng công nghiệp, xây dựng và dịch vụ), hiệu quả sử dụng các yếu tố đầu vào cho nền kinh tế được cải thiện đáng kể; giải quyết việc làm cho gần 87.000 lao động.

Cùng với những đóng góp quan trọng cho nền kinh tế, trong thời gian qua các doanh nghiệp đã thể hiện rõ nét vai trò, trách nhiệm cùng với các cấp, các ngành và cộng đồng giải quyết tốt vấn đề an sinh xã hội, ủng hộ người nghèo, thiên tai bão, lụt, dịch bệnh với số tiền hàng trăm tỷ đồng. Những hoạt động xã hội, từ thiện của các doanh nghiệp, doanh nhân trong thời gian qua góp phần tạo hình ảnh đẹp của doanh nghiệp, doanh nhân trong xã hội, được chính quyền địa phương và nhân dân ghi nhận, đánh giá cao.

Với tinh thần đồng hành cùng doanh nghiệp, thời gian qua tỉnh Hà Tĩnh đã kịp thời ban hành những chính sách hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp. Theo đó, UBND tỉnh đã đồng ý gia hạn nộp thuế, tiền thuê đất theo Nghị định số 41/2020/NĐ-CP, thực hiện khoan nợ, xóa nợ theo Nghị quyết 94/2019/QH14 ngày 26/11/2019. Đồng thời, chỉ đạo các tổ chức tín dụng trên địa bàn triển khai quyết liệt, hiệu quả các giải pháp hỗ trợ khách hàng bị ảnh hưởng bởi dịch COVID-19...*Ngày 22 tháng 11 năm 2021, Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh ban hành nghị quyết 08 về đổi mới, phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động doanh nghiệp đến năm 2025 và những năm tiếp theo.* Năm 2022, xây dựng Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết 08/NQ-TU ngày 22/11/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về đổi mới, phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động doanh nghiệp; tiếp tục tập trung chỉ đạo, tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc

liên quan đến hồ sơ, thủ tục; triển khai các giải pháp đẩy mạnh phát triển doanh nghiệp, kịp thời thông tin, tháo gỡ các khó khăn cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh.

Bên cạnh những kết quả đạt được, các doanh nghiệp trên địa bàn Hà Tĩnh phải đối mặt với nhiều khó khăn:

- *Sức cạnh tranh còn yếu.* Phần lớn doanh nghiệp trên địa bàn Hà Tĩnh có quy mô nhỏ và siêu nhỏ; trình độ công nghệ thấp và chậm đổi mới; trình độ quản trị, năng lực tài chính, năng suất lao động, hiệu quả kinh doanh, chất lượng sản phẩm và sức cạnh tranh thấp; tham gia chủ yếu ở phân khúc thị trường có giá trị gia tăng thấp.

- *Thiếu liên kết.* Hoạt động sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp nhỏ và vừa có tính biệt lập, thiếu liên kết với doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp FDI nên không khắc phục được hai điểm yếu hiện hữu: trình độ công nghệ và khả năng mở rộng thị trường.

- *Phát triển không đồng đều.* Cơ cấu ngành nghề còn bất hợp lý, chưa có sự liên kết hiệu quả với các thành phần kinh tế khác và được phân bố không đồng đều trong các khu vực, địa giới hành chính trong toàn tỉnh.

- *Tính tuân thủ pháp luật không cao.* Vi phạm pháp luật và cạnh tranh không lành mạnh trong doanh nghiệp nhỏ và vừa còn khá phổ biến. Tình trạng sản xuất kinh doanh gây ô nhiễm môi trường, không bảo đảm vệ sinh, an toàn diễn ra nghiêm trọng, phức tạp, ảnh hưởng đến sự phát triển bền vững của nền kinh tế.

- Một số doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn phải thu hẹp sản xuất kinh doanh giải thể hoặc tạm ngừng hoạt động, (Năm 20220, có 508 doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động hoặc giải thể, tăng 15% so với cùng kỳ 2021), người lao động bị mất việc làm, đời sống của người dân bị ảnh hưởng, khó khăn nhất định. Một số đơn vị sản xuất bị chậm tiến độ do thiếu hụt nguyên liệu đầu vào, thiếu lao động, một số không tiêu thụ được sản phẩm do khó khăn trong lưu thông hàng hóa.

Để phát triển kinh tế ở doanh nghiệp nhỏ và vừa - một trong những động lực quan trọng của nền kinh tế tỉnh Hà Tĩnh thời gian tới cần tập trung một số giải pháp sau:

Thứ nhất, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp, các ngành và toàn xã hội về đổi mới và phát triển doanh nghiệp nói chung, doanh nghiệp nhỏ và vừa nói riêng. Tập trung tuyên truyền sâu rộng các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, chủ trương của tỉnh về đổi mới, phát triển doanh nghiệp; khẳng định vai trò, vị trí của doanh nghiệp nhỏ và vừa là động lực phát triển kinh tế - xã hội, giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập cho người lao động,

đảm bảo an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh. Đổi mới nội dung, hình thức tuyên truyền về doanh nghiệp tiếp cận, nắm bắt kịp thời các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, tiềm năng, lợi thế của tỉnh và các địa phương.

Thứ hai, đẩy mạnh công tác hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh. Ngày 9/6/2022 UBND tỉnh ban hành kế hoạch số 197/KH-UBND về hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ năm 2022. Nội dung hỗ trợ: Tư vấn chiến lược, tư vấn triển khai để doanh nghiệp tự động hoá quy trình sản xuất, kinh doanh, quản trị, công nghệ và chuyển đổi mô hình kinh doanh (tư vấn về chuyển đổi số); hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng công nghệ, ứng dụng các giải pháp trên nền tảng số. Hoàn thiện chính sách hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo; khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng và phát triển thương hiệu, đăng ký sở hữu trí tuệ sản phẩm gắn với nhãn hiệu tập thể của địa phương, trong đó quan tâm sản phẩm chủ lực đặc thù, sản phẩm OCOP. Phát triển chuỗi liên kết các ngành hàng nông sản thế mạnh của tỉnh; hoàn thiện chuỗi liên kết doanh nghiệp - hợp tác xã - nông dân. Tăng cường hỗ trợ thanh niên khởi nghiệp, phát triển các mô hình kinh tế hiệu quả.

Tăng cường các hoạt động tư vấn, hỗ trợ đăng ký doanh nghiệp, chuyển đổi hộ kinh doanh thành doanh nghiệp. Tiếp tục triển khai các chính sách hỗ trợ thuế, kế toán, pháp lý, hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận nguồn vốn của các tổ chức tín dụng, nhất là các doanh nghiệp mới thành lập, doanh nghiệp chuyển đổi từ hộ kinh doanh, doanh nghiệp nhỏ và vừa, các dự án khởi nghiệp; triển khai kịp thời chính sách hỗ trợ, phục hồi sản xuất, kinh doanh cho doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh sau dịch bệnh Covid-19. Tổ chức thực hiện hiệu quả chương trình kết nối ngân hàng - doanh nghiệp, đảm bảo các doanh nghiệp đủ điều kiện đều được thụ hưởng chính sách.

Thứ ba, đẩy mạnh quá trình cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế.

Cơ cấu lại nền kinh tế, dịch chuyển từ phát triển các lĩnh vực như khai thác tài nguyên, bất động sản,... sang các lĩnh vực sản xuất công nghệ, nông nghiệp và dịch vụ mà Hà Tĩnh có thế mạnh, cần tạo điều kiện cho khu vực doanh nghiệp tham gia vào quá trình cơ cấu lại nền kinh tế, tham gia rộng rãi vào quá trình cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước, hướng các ưu đãi về lãi suất, vay vốn, đào tạo, thuế, thuê mặt bằng, thủ tục hành chính... khi tham gia vào những lĩnh vực sản xuất, kinh doanh mới.

Hoàn thiện thể chế phân bổ nguồn lực, để các nguồn lực được huy động và sử dụng có hiệu quả cao, nhất là các nguồn lực của Nhà nước, cần có những giải pháp đột

phá để chấm dứt cơ chế xin - cho trong phân bổ nguồn lực Nhà nước; quản lý ngân sách Nhà nước một cách chặt chẽ, minh bạch từ Trung ương tới địa phương và giám sát chặt chẽ quá trình thực hiện các dự án phát triển của Nhà nước; công khai minh bạch trong quá trình đấu thầu, tránh việc lợi dụng các quan hệ thân hữu để đạt được gói thầu, vay vốn nhà nước; đơn giản hóa các thủ tục hành chính trong khoa học, thực hiện cải cách hệ thống và nội dung giáo dục một cách cơ bản theo hướng gắn với thực tiễn; hoàn thiện thị trường các yếu tố sản xuất.

Thứ tư, cải thiện môi trường kinh doanh, tăng cường thực thi thể chế, pháp luật.

Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, đẩy nhanh xây dựng chính phủ điện tử, thực hiện đăng ký và quản lý doanh nghiệp bằng công cụ số, Internet. Tiếp tục đẩy mạnh rà soát, cắt giảm và đơn giản hóa các thủ tục hành chính còn rườm rà, phức tạp, tăng tính liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính. Rà soát, hoàn thiện các thể chế về triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

Làm tốt công tác tiếp nhận, xử lý và trả lời phản ánh, kiến nghị của doanh nghiệp theo phân cấp quản lý và chức năng, nhiệm vụ được giao. Tăng cường đôn đốc, kiểm tra tình hình, kết quả xử lý phản ánh, *kiến* nghị của doanh nghiệp; đối thoại tháo gỡ khó khăn, vướng mắc. Nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật, tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính gắn với trách nhiệm và trách nhiệm giải trình của cơ quan nhà nước, cán bộ, công chức trong phục vụ Nhân dân và doanh nghiệp. Đưa pháp luật, cơ chế chính sách hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đi vào thực tiễn cuộc sống.

Thứ năm, hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Tăng cường hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kỹ năng quản lý cho đội ngũ doanh nhân của khu vực doanh nghiệp nhỏ và vừa, tạo điều kiện hình thành những doanh nhân có năng lực, có đạo đức nghề nghiệp, có trách nhiệm với cộng đồng, xã hội; hình thành đội ngũ doanh nhân đủ khả năng lãnh đạo, quản lý các doanh nghiệp vươn lên tầm cao mới, bắt kịp với khu vực Bắc trung bộ và trong nước.

Đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp, đẩy mạnh đào tạo bồi dưỡng nguồn nhân lực có chất lượng, chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ thuật cao./.

Tài liệu tham khảo

1. Báo cáo chính trị của BCH Đảng bộ tỉnh khóa XVIII, trình Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX. Tr 34.
2. Báo cáo tình hình phát triển doanh nghiệp, thu hút đầu tư trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh năm 2022.

PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA TRÊN ĐỊA BÀN HÀ TĨNH: NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA

ThS. Chu Thị Thu Huyền
*Phó trưởng khoa Xây dựng Đảng,
Trường Chính trị Trần Phú*

Doanh nghiệp có vai trò vô cùng quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và của mỗi địa phương. Trên bình diện cả nước, *doanh nghiệp* là khu vực chủ yếu tạo ra nguồn thu cho ngân sách Nhà nước, nguồn thu này tăng nhanh là điều kiện quan trọng để đầu tư tái sản xuất, giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống của người lao động. Việc tăng trưởng và phát triển của doanh nghiệp là yếu tố quyết định đến tăng trưởng cao và ổn định của nền kinh tế những năm qua. Việc phát triển của doanh nghiệp còn tác động đến chuyển dịch cơ cấu trong nền kinh tế quốc dân và nội bộ mỗi ngành, mỗi địa phương. Trong đó, doanh nghiệp nhỏ và vừa được ví là thanh gươm sắc cho nền kinh tế để nền kinh tế có được sự ổn định.

Hiện nay, cả nước có khoảng 93% trong tổng số doanh nghiệp hiện có là doanh nghiệp nhỏ và vừa, trong đó các doanh nghiệp nhà nước thuộc nhóm doanh nghiệp nhỏ và vừa là 80%, khu vực kinh tế tư nhân doanh nghiệp nhỏ và vừa chiếm 97% xét về vốn và 99% xét về lao động so với tổng số doanh nghiệp của cả nước.⁴⁵ Ở Hà Tĩnh, theo báo cáo của sở kế hoạch đầu tư, đến cuối 2022, toàn tỉnh có gần 8.300 doanh nghiệp đang hoạt động, vốn đăng ký bình quân 27 tỷ đồng/doanh nghiệp, đạt 6,9 doanh nghiệp/1.000 dân. Trong đó, số lượng doanh nghiệp quy mô nhỏ và siêu nhỏ chiếm hơn 95%, đóng góp khoảng 17% vào số vốn đăng ký. Về cơ cấu theo lĩnh vực, doanh nghiệp trong lĩnh vực công nghiệp - xây dựng chiếm 37%, nông nghiệp chiếm 4%; thương mại dịch vụ gần 59%. Ngoài ra, trên địa bàn tỉnh có 1.015 hợp tác xã và hơn 3.850 tổ hợp tác, trên 60.000 hộ kinh doanh (trong đó có 52.500 hộ có đăng ký kinh doanh), đây là khu vực có nhiều tiềm năng lợi thế để phát triển, tiến tới thành lập doanh nghiệp. 9 tháng đầu năm 2022, thành lập mới 1.100 doanh nghiệp với tổng vốn đăng ký 7.000 tỷ đồng, tăng 38% về số lượng so với cùng kỳ năm 2021; 297 doanh nghiệp hoạt động trở lại, tăng 16%.⁴⁶

Tuy nhiên, trong thời gian qua, do ảnh hưởng của dịch COVID-19 kéo dài, diễn biến thời tiết cực đoan, tác động bất ổn của địa chính trị thế giới làm giá xăng dầu tăng

⁴⁵ Hoàng Sỹ Nam - Phát triển Doanh nghiệp thương mại nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh, luận án Tiến sỹ.

⁴⁶ Sở Kế hoạch và Đầu tư. CV2759/SKHĐT-DNĐT. báo cáo tình hình phát triển doanh nghiệp, thu hút đầu tư trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh năm 2022

cao kéo theo giá nguyên liệu, hàng hóa và chi phí vận chuyển... cơ bản đều tăng đã ảnh hưởng lớn đến hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp cũng như sức mua và tính thanh khoản của thị trường nói chung.

Trong bối cảnh đó, với tinh thần đồng hành cùng doanh nghiệp, tỉnh Hà Tĩnh đã kịp thời ban hành những chính sách hỗ trợ tháo gỡ khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, đề xuất nhiều giải pháp quyết liệt về cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh như: Cải cách hành chính, tiếp cận vốn, khoa học công nghệ, thị trường, lao động; quy hoạch, xây dựng, hoàn thiện cơ sở hạ tầng các khu, cụm công nghiệp nhỏ và vừa... tạo môi trường thuận lợi các doanh nghiệp nhỏ và vừa thành lập và hoạt động. Với quan điểm *“phát triển doanh nghiệp là động lực quan trọng để phát triển kinh tế - xã hội, thực hiện tái cơ cấu kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng; là nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng, chính quyền các cấp; là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị; các cấp, các ngành, địa phương tạo điều kiện thuận lợi để phát triển doanh nghiệp”*.⁴⁷ Cùng với đó, nhiều chính sách, nghị quyết được ban hành và đi vào cuộc sống nhằm thúc đẩy sự phát triển nhanh và hiệu quả khu vực doanh nghiệp. Cấp ủy, chính quyền các cấp đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, hỗ trợ phát triển doanh nghiệp, gắn định hướng hoạt động của doanh nghiệp nhỏ và vừa với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Tuy nhiên, hiện nay việc duy trì và phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn Hà Tĩnh gặp không ít khó khăn thách thức, những vấn đề đặt ra không chỉ đối với cộng đồng doanh nghiệp mà với cả cấp ủy chính quyền các cấp, và các ngành trong tỉnh.

Thứ nhất, trước những tác động không thuận lợi của các yếu tố khách quan, và chủ quan dẫn đến những khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh của cộng đồng doanh nghiệp Hà Tĩnh nói chung và doanh nghiệp nhỏ và vừa nói riêng. Những năm gần đây, hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp nhìn chung quy mô giảm và hiệu quả chưa cao: Công nghiệp tính lũy kế 9 tháng năm 2022, chỉ số sản xuất công nghiệp giảm khoảng 15% so với cùng kỳ năm trước;⁴⁸ Nông nghiệp đối mặt với chi phí sản xuất đầu vào như xăng dầu, thức ăn chăn nuôi, phân bón, thuốc thú y... đều tăng cao. Du lịch, dịch vụ vẫn đang chịu áp lực lớn lạm phát, giá cả, chi phí biến động; khả năng cạnh tranh, hội nhập chưa hiệu quả, việc mở rộng thị trường còn khó khăn, thiếu những liên kết, thoả thuận lớn trong việc đảm bảo đầu ra của sản phẩm

⁴⁷ Nghị quyết 08-NQ/TU ngày 22/11/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh.

⁴⁸ Sở Kế hoạch và Đầu tư. CV2759/SKHĐT-DNĐT. báo cáo tình hình phát triển doanh nghiệp, thu hút đầu tư trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh năm 2022

Hai là, nguyên liệu đầu vào và giá cả là một thách thức lớn mà cộng đồng doanh nghiệp nói chung, doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn Hà Tĩnh nói riêng đang phải đối mặt.

Do sản xuất của các doanh nghiệp trong tỉnh và trong cả nước nói chung đều phụ thuộc vào nguyên, nhiên vật liệu nhập khẩu, khi giá hàng hóa thế giới tăng dẫn đến giá đầu vào dùng cho sản xuất cũng tăng. Trong 6 tháng đầu năm 2022, chỉ số giá nguyên nhiên vật liệu dùng cho sản xuất tăng 6,04%, mức tăng cao nhất 10 năm qua, trong đó chỉ số giá nguyên nhiên vật liệu dùng cho sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 10,01%, dùng cho xây dựng tăng 9,32%, dùng cho công nghiệp tăng 5,78%.⁴⁹

Bên cạnh khó khăn về nguồn nguyên liệu đầu vào thì một số doanh nghiệp phải đối mặt với việc tiêu thụ sản phẩm, hàng tồn kho nhiều nên một số doanh nghiệp sản xuất cầm chừng, ngần ngại mở rộng quy mô sản xuất, chưa phục hồi quy mô như trước dịch, thậm chí còn phải cắt giảm sản lượng sản xuất. Theo kết quả khảo sát tình hình doanh nghiệp do Ban Nghiên cứu Phát triển kinh tế tư nhân (Ban IV, thuộc Hội đồng Tư vấn Cải cách thủ tục hành chính của Thủ tướng Chính phủ) công bố ngày 26/5. Trong gần 10.000 doanh nghiệp tham gia khảo sát, 82,3% doanh nghiệp dự kiến giảm quy mô, tạm ngừng kinh doanh hoặc ngừng kinh doanh. Với những doanh nghiệp còn trụ lại, 71,2% dự kiến giảm quy mô lao động; 80,7% dự kiến giảm doanh thu. Đây là thực trạng chung cho tất cả các tỉnh, thành trên cả nước trong đó có Hà Tĩnh

Vì phải liên tục phải đối mặt với nhiều thách thức, số lượng doanh nghiệp gặp khó khăn phải giải thể, chấm dứt hoạt động kinh doanh, đăng ký tạm ngừng hoạt động trên địa bàn tỉnh gia tăng. Chỉ tính riêng 9 tháng đầu năm 2022 trên địa bàn Hà Tĩnh đã có 508 doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động hoặc giải thể, tăng 15% so với cùng kỳ 2021. Số lượng doanh nghiệp rút khỏi thị trường còn cao, bằng 36,4% doanh nghiệp gia nhập thị trường.

Bảng 1: Tình hình doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn Hà Tĩnh

Số TT	Năm	DN đăng kí trên hệ thống	DN ngừng hoạt động và giải thể
1	2020	7.466	433
2	2021	6.443	619
3	2022	7.159	614

Nguồn: Báo cáo của phòng Đăng kí kinh doanh, Sở KH và ĐT Hà Tĩnh

⁴⁹ <https://baochinhphu.vn/quiet-liet-thao-go-rao-can-ho-tro-toi-da-cho-doanh-nghiep-phat-trien-102220907091123674.htm>

Ba là, nguồn vốn và việc tiếp cận vốn là một rào cản lớn đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn Hà Tĩnh hiện nay.

Tình trạng thiếu vốn đang là chuyện phổ biến ở các doanh nghiệp nói chung và doanh nghiệp nhỏ và vừa nói riêng. Các doanh nghiệp nhỏ và vừa hầu hết là khu vực tư nhân và mới khởi nghiệp vì vậy có nhu cầu về vốn rất lớn. Trong buổi làm việc của Thường trực Chính phủ với Ban Chấp hành Hiệp hội Doanh nghiệp vừa và nhỏ (SME) Việt Nam ngày 6/7/2023 Thủ tướng Phạm Minh Chính cho biết, một kết quả khảo sát 10.000 doanh nghiệp gần đây cho thấy 51,1% cho rằng khó khăn lớn nhất là về tiếp cận vốn⁵⁰. Trong khi hầu hết các doanh nghiệp này đều là những doanh nghiệp mới thành lập với quy mô nhỏ, chưa đáp ứng được điều kiện về tài sản thế chấp, chưa chứng minh được tính khả thi của dự án... Trong khi tỷ trọng cho vay không dựa vào bất động sản tại Việt Nam rất thấp so với nhiều nước đang phát triển trên thế giới, chỉ chiếm 25 - 30%. Hơn 70% còn lại là khoản vay có bảo đảm bằng bất động sản⁵¹. Vì vậy, gặp nhiều khó khăn trong việc tiếp cận nguồn vốn ngắn hạn, trung hạn và dài hạn từ các ngân hàng cũng như từ các tổ chức tín dụng khác, các khoản vay có bảo lãnh cũng thường không đến được với doanh nghiệp nhỏ và vừa. Nguyên nhân chính của tình trạng này là từ chính bản thân doanh nghiệp vì vốn chủ sở hữu rất thấp, ít có tài sản thế chấp, cầm cố, không có người bảo lãnh; không lập được phương án sản xuất, kinh doanh có đủ sức thuyết phục. Trình độ quản lý hạn chế, báo cáo tài chính không đủ độ tin cậy đối với người cho vay... Nhiều doanh nghiệp để hoạt động phải vay vốn từ các tổ chức tài chính phi chính thức, tư nhân, bạn bè, họ hàng và bản thân người lao động trong doanh nghiệp. Hơn nữa, do hầu hết các khoản vay đều là ngắn hạn với mức lãi suất cao nên các doanh nghiệp nhỏ và vừa cho dù có được phép vay vẫn khó tìm được nguồn vốn trung và dài hạn. Bên cạnh đó, hiện nay chưa có đủ các quy định pháp lý đảm bảo cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa của ta có thể tiếp cận thường xuyên, nhằm tiến tới khả năng vay vốn từ các tổ chức tài chính bên ngoài một cách rộng rãi và ổn định hơn.

Bốn là, thị trường, đơn hàng là khó khăn mà doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn Hà Tĩnh đang gặp phải. Xuất phát từ nhu cầu và đòi hỏi của khách hàng, thị trường luôn thay đổi liên tục, yêu cầu các doanh nghiệp cần phải “chuyển mình” không ngừng để đáp ứng nhu cầu của thị trường. Các doanh nghiệp nhỏ thường gặp rất nhiều thách thức trong việc nắm bắt thông tin về thị trường.

⁵⁰<https://dangcongsan.vn/lanh-dao-dang-nha-nuoc/thao-go-kho-khan-giup-doanh-nghiep-vuot-qua-thach-thuc-641313.html>

⁵¹ <https://thanhnien.vn/70-doanh-nghiep-vua-va-nho-kho-tiep-can-vay-von-185230316161658602.htm>

Hầu hết, các doanh nghiệp trên địa bàn khả năng cạnh tranh, hội nhập và hiệu quả hoạt động chưa cao; chưa liên kết được với nhiều đối tác đầu ra lớn trong và ngoài nước để mở rộng thị trường tiêu thụ, đảm bảo sự phát triển bền vững của doanh nghiệp. Kết quả hỗ trợ cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa còn ở mức khiêm tốn, một số chính sách chưa triển khai được mặc dù đã có nguồn lực; Cơ cấu tổ chức và kinh doanh còn nhiều bất cập, chưa tập trung vào những ngành, lĩnh vực có tiềm năng và lợi thế của tỉnh; công nghệ còn lạc hậu, hiệu quả sản xuất kinh doanh, năng suất lao động thấp; chưa tạo được nhiều sản phẩm có uy tín, thương hiệu để chiếm lĩnh và mở rộng thị trường, thiếu sức cạnh tranh. Kết quả khảo sát 10.000 doanh nghiệp gần đây cho thấy 59,2% doanh nghiệp cho rằng khó khăn lớn nhất là về đơn hàng.⁵²

Năm là, nhân lực cũng là vấn đề nan giải đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn Hà Tĩnh, nhất là sau đại dịch Covid 19 diễn ra. Việc khủng hoảng nguồn nhân lực cho doanh nghiệp nhỏ và vừa là không thể tránh khỏi khi mà họ phải cạnh tranh trực tiếp với các công ty lớn, công ty có vốn đầu tư nước ngoài, chưa nói đến việc các khu công nghiệp của các tỉnh lân cận và thị trường xuất khẩu lao động ngày càng rộng mở, thu hút khá lớn nguồn lao động trẻ và lao động có đào tạo. Vì vậy, đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa thì mức lương, thu nhập, chế độ đãi ngộ thấp, chưa đảm bảo mức sống cho người lao động trong khi nhu cầu cuộc sống ngày càng cao. Bên cạnh đó, môi trường làm việc cũng là một thách thức lớn dẫn đến doanh nghiệp trên địa bàn Hà Tĩnh nói chung và doanh nghiệp nhỏ và vừa nói riêng khó giữ chân lao động có năng lực, có tay nghề vì vậy năng suất chất lượng lại càng khó cạnh tranh. Đây là vòng luẩn quẩn mà “cái khó bó cái khôn” của các doanh nghiệp nhỏ và vừa Hà Tĩnh đang đối mặt.

Thực tế không chỉ tồn tại trên địa bàn Hà Tĩnh mà ở nhiều tỉnh thành trên cả nước. Vậy nguyên nhân từ đâu và giải pháp nào để tháo gỡ khó khăn đó?.

Thứ nhất, Về môi trường pháp lí. Dù đã được cải thiện rất nhiều song nhìn chung hệ thống luật pháp liên quan đến doanh nghiệp vẫn còn nhiều bất cập, môi trường đầu tư kinh doanh vẫn chưa thực sự thông thoáng, không gian cải cách còn rất lớn. Vẫn còn tình trạng chồng chéo, xung đột của rất nhiều các quy định pháp luật, giữa văn bản hướng dẫn luật này và văn bản hướng dẫn luật khác vì vậy doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa có nguy cơ vi phạm pháp luật; các thủ tục hành chính trùng lặp, mất nhiều thời gian, nhiều loại hồ sơ giống nhau cho các cơ quan Nhà nước khác nhau phát sinh chi phí và thời gian.

⁵² <https://dangcongsan.vn/lanh-dao-dang-nha-nuoc/thao-go-kho-khan-giup-doanh-nghiep-vuot-qua-thach-thuc-641313.html>

Một số chính sách về phát triển doanh nghiệp chưa đồng bộ, chậm được ban hành. Bên cạnh đó, nguồn lực dành cho hỗ trợ doanh nghiệp còn hạn chế trong khi công tác tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp còn mang tính dàn trải, phân tán, cắt khúc và rời rạc. Các doanh nghiệp chỉ nhận được một trong các chương trình hỗ trợ chưa mang tính tổng thể, toàn diện, do đó chưa tạo được tác động cộng hưởng để doanh nghiệp có thể phát triển bền vững trên cơ sở năng lực cạnh tranh ngày một cao hơn.

Thứ hai, Về phía doanh nghiệp. Cộng đồng doanh nghiệp gặp phải khó khăn trên là do phần lớn doanh nghiệp trên địa tỉnh có qui mô nhỏ và siêu nhỏ, trình độ công nghệ lạc hậu, chậm đổi mới, thiếu đầu tư cho nghiên cứu, đổi mới và sáng tạo; năng suất, chất lượng sản phẩm và sức cạnh tranh thấp. Doanh nghiệp phát triển còn manh mún, thiếu liên kết với nhau và với các thành phần kinh tế khác; khả năng tiếp cận nguồn vốn thấp; ít doanh nghiệp lớn có năng lực cạnh tranh cao ở trong nước và quốc tế. Tình trạng sản xuất gây ô nhiễm, mất vệ sinh an toàn thực phẩm, gian lận thương mại, vi phạm quyền sở hữu trí tuệ, nợ tín dụng quá hạn và nợ thuế kéo dài, nợ bảo hiểm xã hội... còn xảy ra gây ảnh hưởng đến phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Cơ cấu tổ chức và kinh doanh còn nhiều bất cập, chưa tập trung vào những ngành, lĩnh vực có tiềm năng và lợi thế của tỉnh; hiệu quả sản xuất kinh doanh, năng suất lao động thấp; chưa tạo được nhiều sản phẩm có uy tín, thương hiệu để chiếm lĩnh và mở rộng thị trường, thiếu sức cạnh tranh. Một số doanh nghiệp có tâm lý sản xuất cầm chừng, ngần ngại mở rộng quy mô sản xuất, chưa phục hồi quy mô như trước dịch, thậm chí còn phải cắt giảm sản lượng sản xuất. Một số dự án đầu tư trên địa bàn chưa triển khai kịp thời, đúng tiến độ gây lãng phí nguồn lực, tài nguyên đất đai và tạo tâm lý thiếu tin tưởng của xã hội đối với cộng đồng doanh nghiệp

Thứ ba, về phía người lao động trong các doanh nghiệp trên địa bàn Hà Tĩnh hiện nay chưa thực sự chú tâm nghề nghiệp, còn có tâm lý dao động, muốn kiếm tiền nhanh và có xu hướng thích li hương, tìm kiếm cơ hội ở nước ngoài hay các khu công nghiệp lớn nên không muốn gắn bó với nghề. Số còn lại tỷ lệ lao động được đào tạo nghề còn thấp, kỹ năng, tay nghề, thể lực và tác phong lao động công nghiệp còn yếu nên năng suất chất lượng chưa cao, khả năng cạnh tranh thấp. Một bộ phận khá lớn công nhân năng lực thực hành, khả năng làm chủ công nghệ sản xuất còn yếu, năng suất lao động thấp, sinh hoạt tùy tiện, ý thức chấp hành pháp luật và kỷ luật lao động còn thấp. Tình trạng vi phạm pháp luật về an toàn vệ sinh lao động còn khá phổ biến.

Để hoạt động của doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh ngày càng hiệu quả, góp phần vào việc tăng trưởng và phát triển kinh tế, xã hội và thực

hiện thắng lợi mục tiêu Nghị quyết 08-NQ/TU và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh lần thứ XIX đề ra trước mắt cần thực hiện đồng bộ một số giải pháp cơ bản sau:

Thứ nhất: Nhóm các giải pháp đối với tỉnh

- Tuyên truyền nâng cao nhận thức cho cả hệ thống chính trị về vị trí vai trò của doanh nghiệp nhỏ và vừa đối với sự phát triển kinh tế xã hội của tỉnh nhà và tuyên truyền để người dân, doanh nghiệp tiếp cận nhanh, đầy đủ, chính xác các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, của tỉnh. Làm tốt công tác tuyên truyền về Quy hoạch tỉnh Hà Tĩnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 gắn với các nội dung của Hội nghị công bố Quy hoạch và xúc tiến đầu tư của tỉnh; tập trung tuyên truyền chuyển đổi số, để thực hiện mục tiêu Nghị quyết số 08-NQ/TU,

- Quan tâm hơn nữa đến việc tháo gỡ khó khăn đồng hành cùng doanh nghiệp; triển khai có hiệu quả hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp thành lập mới trong đó bao gồm các đối tượng là các doanh nghiệp nhỏ và vừa được chuyển đổi từ hộ kinh doanh theo các chính sách tại Nghị quyết số 87/2018/NQ-HĐND ngày 18/7/2018 và Nghị quyết số 216/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh;

- Tiếp tục đẩy mạnh việc cải cách thủ tục hành chính, tạo cơ hội để các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên đại bàn tiếp cận vốn nhanh, đơn giản hoá các chính sách cho vay hỗ trợ doanh nghiệp với lãi suất ưu đãi; đẩy mạnh hoạt động của Trung tâm hành chính công của tỉnh tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp và người dân đến giải quyết các thủ tục hành chính; ứng dụng công nghệ thông tin trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính tại các sở, ngành, địa phương; công khai, minh bạch thông tin; hỗ trợ pháp lý và tiếp nhận phản ánh của doanh nghiệp, người dân;

- Tăng cường đối thoại với doanh nghiệp để nắm bắt và tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc của các doanh nghiệp. Hỗ trợ xúc tiến thương mại, tiêu thụ sản phẩm, quảng bá thương hiệu; thủ tục hải quan cũng như thủ tục đăng ký kinh doanh.

- Hỗ trợ tối đa cho doanh nghiệp phát triển, coi việc tháo gỡ các rào cản, khó khăn cho doanh nghiệp là nhiệm vụ chính trị quan trọng của các cấp chính quyền để các doanh nghiệp có đủ điều kiện trong chủ động thích ứng, phục hồi nhanh và phát triển bền vững, tạo môi trường ổn định, thuận lợi cho các doanh nghiệp yên tâm đầu tư sản xuất, kinh doanh. Trong đó, tổ chức đối thoại công khai định kỳ với cộng đồng doanh nghiệp được xem là giải pháp hiệu quả, là kênh thông tin quan trọng để lãnh đạo tỉnh kịp thời nắm bắt, tháo gỡ khó khăn vướng mắc cho doanh nghiệp và nhà đầu tư trên địa bàn.

- Xây dựng và phát triển hạ tầng thông tin dữ liệu về DN hoạt động cùng ngành hàng về thị trường vốn, thị trường lao động, thị trường khoa học công nghệ; Hoàn thiện thể chế, chính sách, hệ thống pháp luật về kinh doanh minh bạch, công bằng, lành mạnh

Thứ hai: Nhóm các giải pháp đối với các doanh nghiệp

- Chủ động duy trì và phát triển doanh nghiệp theo hướng đổi mới tư duy, tận dụng thời cơ, vượt qua khó khăn; tích cực nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý; ứng dụng công nghệ mới, nâng cao năng suất lao động, chất lượng sản phẩm, xây dựng uy tín, thương hiệu để nâng cao hiệu quả sản xuất - kinh doanh và năng lực cạnh tranh.

- Các doanh nghiệp đa dạng hóa thị trường xuất khẩu, mở rộng thị trường trong nước, tái cơ cấu mặt hàng và thị trường, tránh tình trạng lệ thuộc vào một số thị trường nhất định; thúc đẩy liên kết các doanh nghiệp, sử dụng hàng hóa của nhau, giữ vững và chiếm lĩnh thị trường trong nước.

- Cần chủ động nắm bắt, tận dụng từng cơ hội, đồng thời có các phương án thích ứng với những biến động trong tương lai; đón đầu các xu hướng kinh doanh mới; đẩy mạnh chuyển đổi số và ứng dụng khoa học công nghệ nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của doanh nghiệp.

- Sẵn sàng chuyển giao các kỹ thuật tiên tiến, tri thức mới, công nghệ hiện đại trên thế giới; quan tâm đến việc đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và chế độ giữ chân người lao động, tái cấu trúc lao động để thích ứng và đón đầu các xu hướng mới của thị trường.

- Khai thác hiệu quả các nguồn lực hỗ trợ, thúc đẩy cho sự phát triển như: các giải pháp hỗ trợ từ nhà đầu tư trong và ngoài nước; các chính sách, kế hoạch hỗ trợ của Nhà nước về nguồn vốn, tài chính, công nghệ, quản trị, kinh doanh... liên doanh, liên kết với các DN kinh doanh, hoạt động cùng ngành nghề, nâng cao năng lực tài chính của doanh nghiệp nhỏ và vừa.

- Các doanh nghiệp chủ động phát triển nguồn nhân lực cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ chuyển đổi số, tận dụng tối đa các cơ sở đào tạo trên địa bàn như Đại học Hà Tĩnh, Trường trung Cấp nghề số 5, trường Kỹ Nghệ Hà Tĩnh, Trường dạy nghề Việt Đức...

- Doanh nghiệp chú trọng công tác chuyển đổi số, để thực hiện mục tiêu Nghị quyết số 08-NQ/TU, “phần đầu trên 80% doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ số trong điều hành, quản lý, sản xuất và kinh doanh trên sàn thương mại điện tử”.

- Quan tâm chăm lo cuộc sống của người lao động, tạo môi trường làm việc tốt để thu hút và giữ chân lao động, để người lao động yên tâm lao động, sản xuất công hiến năng lực, trí tuệ vì doanh nghiệp

- Cộng đồng doanh nghiệp trong tỉnh cũng cần đoàn kết, chia sẻ, gắn kết và hỗ trợ lẫn nhau vì mục tiêu cùng phát triển bền vững. Đồng thời thực hiện tốt trách nhiệm xã hội, tích cực tham gia các cuộc vận động thực hiện các chính sách xã hội của chính quyền tỉnh, địa phương

Thứ ba: Nhóm các giải pháp đối với người lao động

- Người lao động muốn có vị trí việc làm tốt, thu nhập ổn định thì phải chủ động nâng cao tay nghề, đào tạo và tự đào tạo để đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp.

- Nâng cao ý thức kỷ luật lao động trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn Hà Tĩnh, tự rèn luyện có tác phong công nghiệp, qua đó khẳng định được uy tín cá nhân cũng như thương hiệu tập thể. Ngược lại, muốn nâng cao chất lượng lao động, người lao động cần thực hiện tốt kỷ luật lao động, định hướng cách thức làm việc có hiệu quả ngay từ khi bắt đầu thực hiện công việc, với tinh thần trách nhiệm cao. Kỷ luật lao động là cơ sở để họ biết rõ các quyền và nghĩa vụ của mình, cũng như các chế tài cho việc vi phạm những nghĩa vụ đó.

- Người lao động cần chú trọng nâng cao ý thức chấp hành quy định của doanh nghiệp về an toàn vệ sinh lao động và hiểu biết về bảo hộ lao động và chấp hành tốt các quy định của doanh nghiệp để tránh tổn thất về kinh tế và sức khỏe của chính người lao động và doanh nghiệp./.

NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA TRONG QUÁ TRÌNH HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ CỦA CÁC DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA TẠI HÀ TĨNH

ThS. Nguyễn Thị Phương Thúy
Trường Chính trị Trần Phú Hà Tĩnh

Hội nhập kinh tế quốc tế là quá trình gắn kết, giao lưu, hợp tác giữa nền kinh tế quốc gia vào nền kinh tế quốc gia khác hay tổ chức kinh tế khu vực và toàn cầu. Thực chất đó là việc thực hiện quá trình quốc tế hóa kinh tế trên cơ sở các nước tự nguyện tham gia và chấp nhận thực hiện những điều khoản, nguyên tắc đã được thoả thuận thống nhất trên nguyên tắc bình đẳng cùng có lợi. Quá trình hội nhập kinh tế quốc tế được hình thành và phát triển cùng với sự phát triển của quá trình tự do hóa thương mại và xu hướng mở cửa nền kinh tế của các quốc gia nhằm giải quyết các vấn đề chủ yếu như: đàm phán cắt giảm các hàng rào thuế quan; đàm phán cắt giảm các hàng rào phi thuế quan; giảm thiểu các hạn chế đối với hoạt động dịch vụ; giảm thiểu các trở ngại đối với hoạt động đầu tư quốc tế; giảm thiểu các trở ngại đối với hoạt động di chuyển sức lao động quốc tế; điều chỉnh các công cụ, quy định của chính sách thương mại quốc tế khác.

Chủ trương hội nhập kinh tế quốc tế đã được Hồ Chí Minh nêu ra từ sau ngày lập quốc trong thư gửi Tổng Thư ký Liên hợp quốc năm 1946: “Đối với các nước dân chủ, nước Việt Nam sẵn sàng thực thi chính sách mở cửa và hợp tác trong mọi lĩnh vực... Nước Việt Nam dành sự tiếp nhận thuận lợi cho đầu tư của các nhà tư bản, nhà kỹ thuật nước ngoài trong tất cả các ngành kỹ nghệ của mình... Việt Nam sẵn sàng mở rộng các cảng sân bay và đường sá giao thông cho việc buôn bán và quá cảnh quốc tế... Việt Nam chấp nhận tham gia mọi tổ chức hợp tác quốc tế dưới sự lãnh đạo của Liên hợp quốc”. Chủ trương này đã được Đảng và Nhà nước ta thực hiện xuyên suốt, đầy đủ trong văn kiện các kỳ Đại hội và các chính sách của nhà nước. Đại hội XIII nêu rõ: “Tích cực triển khai các cam kết khu vực và quốc tế, lồng ghép với các chiến lược, chính sách, kế hoạch và chương trình phát triển kinh tế - xã hội. Chủ động tham gia, tích cực đóng góp, nâng cao vai trò của Việt Nam trong xây dựng, định hình các thể chế đa phương và trật tự chính trị - kinh tế quốc tế, thực hiện đầy đủ các cam kết quốc tế và các hiệp định thương mại đã ký kết”.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay thì việc hội nhập kinh tế quốc tế đó là một tất yếu khách quan. Đặc biệt trong năm 2023 đứng trước các thách thức, khó khăn do tình hình thế giới, khu vực có nhiều biến động nhanh, rất phức tạp, khó lường, Đảng

và Nhà nước ta đã xác định xuất khẩu là một trong ba động lực phát triển kinh tế của năm cùng với đầu tư công và tiêu dùng. Để thực hiện chủ trương hội nhập kinh tế quốc tế đó thì vai trò của các doanh nghiệp là vô cùng quan trọng, các doanh nghiệp xác định là chủ thể, là trung tâm trong các hoạt động kinh tế đối ngoại. Cụ thể hóa chủ trương của Đảng cũng như nhận thức tầm quan trọng của các doanh nghiệp trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh đã ban hành các chính sách như: Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 22 tháng 11 năm 2021 về đổi mới, phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động doanh nghiệp đến năm 2025 và những năm tiếp theo. Đặc biệt để phát huy vai trò của các doanh nghiệp trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng, tỉnh Hà Tĩnh đã tổ chức thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TU ngày 26/5/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Quyết định số 1681/QĐ-UBND ngày 18/8/2022 của UBND tỉnh về phê duyệt Đề án đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu gắn với phát triển dịch vụ logistics tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030. Bên cạnh đó thực hiện cơ chế chính sách hỗ trợ phát triển khoa học và công nghệ gắn với hội nhập kinh tế quốc tế giai đoạn 2021-2025...

Đóng góp chung cho phát triển kinh tế xã hội của cả nước, tại Hà Tĩnh riêng về hoạt động xuất khẩu đã đạt được những kết quả cụ thể như sau: kim ngạch xuất khẩu 06 tháng đầu năm 2023 của tỉnh Hà Tĩnh đạt 1.333,39 triệu USD, trong đó kim ngạch xuất khẩu một số mặt hàng chính như: thép đạt gần 1.235 triệu USD (tăng 35%), hàng may mặc đạt 11,01 triệu USD (tăng 11%), xơ sợi dệt đạt 5,23 triệu USD (giảm 34%), chè đạt 2,16 triệu USD (tăng 27%)... Về cơ cấu mặt hàng xuất khẩu như sau: hàng công nghiệp nặng và khoáng sản chiếm 92,7%; hàng công nghiệp nhẹ và tiểu thủ công nghiệp chiếm 1,22%; hàng nông, lâm, thủy sản chiếm 2,72%. Bên cạnh đó tận dụng ưu đãi từ 13 FTAs với các đối tác chủ yếu ASEAN, Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc... kim ngạch xuất khẩu sang các đối tác có ký kết FTAs của doanh nghiệp Hà Tĩnh 06 tháng đầu năm 2023 đạt 530 triệu USD.

Nắm vai trò chủ chốt trong hoạt động xuất nhập khẩu ở Hà Tĩnh là các doanh nghiệp lớn như Công ty TNHH Gang thép Hưng Nghiệp Formosa, Công ty TNHH Haivina Hàn Quốc, Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Nam Hà Tĩnh ... Trên địa bàn tỉnh mặc dù số lượng các doanh nghiệp quy mô nhỏ và siêu nhỏ chiếm khoảng 95% tổng số doanh nghiệp đang hoạt động tuy nhiên về hoạt động xuất khẩu chưa phải là thế mạnh, tập trung một số mặt hàng chính như: sản phẩm gạo của Công ty TNHH Một thành viên KC Hà Tĩnh; các mặt hàng ván ép của Công ty CP Lâm đặc sản và

Xuất nhập khẩu Hà Tĩnh; bao bì nông sản, bao bì xi măng, túi xách siêu thị của Công ty CP Sao Mai ...

Hội nhập kinh tế quốc tế đưa lại cho tỉnh Hà Tĩnh rất nhiều cơ hội như: mở rộng thị trường xuất nhập khẩu tránh sự phụ thuộc vào một thị trường; thu hút nguồn vốn FDI; chuyển dịch cơ cấu hàng hóa theo hướng tích cực như tăng tỷ trọng xuất khẩu hàng chế biến, giảm tỷ trọng hàng thô, sơ chế; các chính sách và pháp luật được cải thiện theo hướng minh bạch hơn, thuận lợi và phù hợp hơn với thông lệ quốc tế... song bên cạnh đó cũng đặt ra một số vấn đề, thách thức cho cơ quan quản lý nhà nước, các doanh nghiệp nhỏ và vừa như sau:

Các doanh nghiệp nhỏ và vừa có quy mô nguồn vốn hạn chế, phần lớn phát triển từ quy mô doanh nghiệp gia đình dựa vào vốn tự có và ít được hỗ trợ, thị trường tiêu thụ sản phẩm nhỏ cho nên rất khó tăng năng suất lao động, khả năng tập trung vốn để đầu tư, đổi mới công nghệ, mở rộng quy mô sản xuất hầu như không có, khó khăn trong cạnh tranh với các doanh nghiệp khác trên thị trường quốc tế.

Tại Hà Tĩnh, các sản phẩm xuất khẩu chưa đa dạng, ngoài sản phẩm thép giá trị xuất khẩu các mặt hàng khác chiếm tỷ trọng thấp. Do sản xuất nông nghiệp ở Hà Tĩnh còn nhỏ lẻ, manh mún, thiếu sự tích tụ, tập trung nguồn lực sản xuất để có thể tận dụng cơ hội từ các hiệp định thương mại quốc tế. Việc chạy theo thị trường, mỗi hộ sản xuất với một quy trình khác nhau dẫn đến sản xuất ra một mặt hàng với các chất lượng, số lượng khác nhau từ đó rất khó cho các doanh nghiệp để tổ chức thu mua, tiêu thụ khi cần một sản lượng lớn đáp ứng cho yêu cầu xuất khẩu. Ngày nay trên thế giới mục tiêu hướng tới của phát triển kinh tế xã hội nói chung là phát triển bền vững, đó là sự phát triển đáp ứng được nhu cầu của thế hệ hiện tại mà không làm tổn hại đến khả năng đáp ứng các nhu cầu đó của các thế hệ tương lai, trong đó đảm bảo môi trường là một yếu tố quan trọng. Các quốc gia phát triển ngày càng chú trọng hơn về xuất xứ các sản phẩm nhập khẩu, đặc biệt nếu chúng ta không chú trọng bảo tồn thiên nhiên, việc chặt phá rừng để trồng trọt, chăn nuôi, sản xuất thiếu tính bền vững thì sẽ không đáp ứng được các tiêu chí xuất khẩu.

Hội nhập kinh tế quốc tế tạo ra cơ hội mở cửa thị trường dịch vụ, đầu tư đối với các nhà đầu tư nước ngoài vào Việt Nam nói chung và thị trường Hà Tĩnh nói riêng. Những chính sách về cam kết mở cửa thị trường dịch vụ, đầu tư rộng hơn dành cho các đối tác, cùng với các cam kết bảo hộ đầu tư, đảm bảo quyền lợi cho các nhà đầu tư đang tạo sức hấp dẫn để thu hút đầu tư nước ngoài. Lâu nay doanh nghiệp nhỏ và vừa dựa chủ yếu vào thị trường nội địa, khi nhiều hệ bán lẻ nước ngoài xâm nhập vào thị

trường trong nước dẫn tới hạn chế về phân phối hàng hóa sản xuất trong nước, thay vào đó là phân phối hàng hóa nhập khẩu. Do vậy, doanh nghiệp nhỏ và vừa ngày càng gặp thêm khó khăn về thị trường đầu ra, từ thị trường nội địa, cũng như xuất khẩu. Từ đó đặt ra thách thức khi các doanh nghiệp nhỏ và vừa chúng ta năng lực quản trị còn hạn chế, nguồn nhân lực trình độ còn thấp thì rất khó có khả năng cạnh tranh với các doanh nghiệp nước ngoài dẫn tới mất thị phần ngay tại trên sân nhà.

Khả năng nắm bắt thông tin thị trường của các doanh nghiệp còn hạn hẹp, hầu như chưa nắm rõ về những ưu đãi thuế quan theo các hiệp định, cũng như khả năng đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng của nước nhập khẩu. Phần lớn các doanh nghiệp mới chỉ hiểu biết sơ bộ về hiệp định, số lượng doanh nghiệp hiểu biết rõ về các cam kết trong các FTA thế hệ mới liên quan tới hoạt động kinh doanh của mình chiếm tỷ lệ rất nhỏ. Đặc biệt khi hàng rào thuế quan không còn là công cụ hữu hiệu để bảo vệ các doanh nghiệp, các thị trường nhập khẩu thường có xu hướng áp dụng rào cản kỹ thuật, hàng rào phi thuế quan như các biện pháp chống bán phá giá, chống trợ cấp hay tự vệ để bảo vệ sản xuất nội địa. Khi các doanh nghiệp nhỏ và vừa của chúng ta chưa được chuẩn bị kiến thức, kỹ năng đầy đủ về xuất khẩu hàng hóa thì sẽ khó chiếm lĩnh, nắm bắt được thị trường.

Bên cạnh đó có những thách thức về năng lực quản lý của các cơ quan nhà nước, trình độ của cán bộ công chức tỉnh nhà trong việc định hướng hỗ trợ cũng như tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các doanh nghiệp. Vẫn còn khoảng cách giữa cơ quan quản lý nhà nước và cộng đồng doanh nghiệp dẫn đến khả năng tiếp cận, nắm bắt về khía cạnh thông tin pháp luật, nội dung cam kết trong các hiệp định cho tới quá trình thực thi của các doanh nghiệp còn mơ hồ, khó khăn trong quá trình thực hiện.

Đứng trước những cơ hội và thách thức do hội nhập kinh tế quốc tế mang lại, các cấp chính quyền, các doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Hà Tĩnh cần phải có những hành động cụ thể để kịp thời thích ứng với tình hình mới, một số giải pháp như sau:

Thứ nhất, khi các doanh nghiệp nhỏ và vừa nội lực chưa đủ lớn cần tăng cường liên kết nhằm tăng sức mạnh cạnh tranh; thay vì những nỗ lực đơn lẻ kém hiệu quả, doanh nghiệp nhỏ và vừa cần tăng cường hợp tác, chủ động xây dựng năng lực sản xuất, kinh doanh, cải thiện chất lượng, mẫu mã sản phẩm để nâng cao khả năng cạnh tranh và xây dựng thương hiệu. Chính các doanh nghiệp chứ không ai khác cần chủ động đáp ứng những điều kiện ngặt nghèo của các hiệp định thương mại quốc tế thế hệ mới để hội nhập, tự mình phát triển và đóng góp vào sự phát triển chung của đất nước.

Thứ hai, các doanh nghiệp cần tìm hiểu kỹ về cam kết trong các hiệp định thương mại, nhất là FTA thế hệ mới. Chủ động đối phó với các biện pháp phòng vệ thương mại, như tuân thủ các tiêu chuẩn, kỹ thuật, các quy định của thị trường đối tác; áp dụng công nghệ vào sản xuất, quản lý; xây dựng chiến lược, lựa chọn khách hàng, lựa chọn thị trường. Đặc biệt để thực hiện mục tiêu của Nghị quyết số 11-NQ/TU ngày 26/5/2022 của Tỉnh ủy Hà Tĩnh là tăng giá trị kim ngạch xuất khẩu sản phẩm nông sản chủ lực, sản phẩm OCOP theo hướng chế biến sâu, phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nông sản hữu cơ và đặc sản thì sản xuất nông nghiệp ở Hà Tĩnh cần thực hiện theo định hướng nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn, phát triển bền vững để nâng tầm giá trị hàng hóa xuất khẩu. Mỗi một sản phẩm xuất khẩu nếu không đủ tiêu chuẩn bị nước nhập khẩu trả về không chỉ tác động rất lớn tới bản thân doanh nghiệp nói riêng và ảnh hưởng không nhỏ tới vị thế, hình ảnh của doanh nghiệp Việt nói chung trên trường quốc tế.

Thứ ba, các cấp chính quyền ở Hà Tĩnh cần tăng cường hoạt động tuyên truyền phổ biến về các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới đi vào nội dung chi tiết theo hướng gắn sát thực tiễn, ngắn gọn, phù hợp với mối quan tâm của từng nhóm đối tượng doanh nghiệp, cụ thể ưu tiên đặc biệt dành cho các doanh nghiệp vừa, nhỏ, siêu nhỏ. Các chương trình, hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp cần tập trung vào các hoạt động thực chất nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh của sản phẩm, xúc tiến thương mại một cách hệ thống, nhất là ở các thị trường mới, cập nhật thông tin thị trường và kết nối cung - cầu.

Thứ tư, các cơ quan quản lý nhà nước tăng cường công tác phân tích, dự báo thị trường và nghiên cứu, ban hành các chính sách tạo thuận lợi cho doanh nghiệp, qua đó hỗ trợ doanh nghiệp Hà Tĩnh tham gia trực tiếp, hiệu quả chuỗi cung ứng, chuỗi giá trị hàng hóa. Nền kinh tế Việt Nam có độ mở cao, mô hình phát triển kinh tế của chúng ta đang hướng ngoại mạnh mẽ, mỗi sự biến chuyển của thế giới tác động rất lớn tới hoạt động kinh tế của mỗi địa phương. Do đó yêu cầu đặt ra cần nắm bắt, dự báo thông tin nhanh nhạy để có thể tận dụng các cơ hội một cách hiệu quả nhất.

Thứ năm, cần quyết liệt trong công tác xóa bỏ tệ nạn tham nhũng, những nhiễu của các cơ quan quản lý đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa, giảm bớt “gánh nặng” thanh tra, kiểm tra không cần thiết; hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa được tiếp cận các nguồn lực đất đai, tài chính, lao động, khoa học - công nghệ,... để các doanh nghiệp có thể phát huy tối đa nội lực, tham gia sâu hơn vào sân chơi lớn toàn cầu.

Các doanh nghiệp nhỏ và vừa nói chung, tại Hà Tĩnh nói riêng đang ngày càng khẳng định vai trò quan trọng trong việc tạo công ăn việc làm, cải thiện đời sống nhân dân, bảo đảm an sinh xã hội, đóng góp lớn vào sự phát triển kinh tế-xã hội tỉnh nhà. Trong thời kỳ hội nhập, các doanh nghiệp nhỏ và vừa cần xác định rõ vai trò vị trí của mình, phát hiện đúng xu thế phát triển của thời đại, của thị trường và của địa phương mình, phải biết cách tạo thế đứng thật vững chắc để tồn tại và phát triển ngày càng mạnh mẽ hơn. Đất nước đã bước vào vận hội mới với những cơ hội và thách thức mới, khi các chính sách đã giúp khơi thông cơ hội hợp tác, các doanh nghiệp cũng cần chủ động, khẩn trương hòa nhập để thực sự phát huy hiệu quả của quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, góp phần đưa Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng vào cuộc sống./.

CÁC NHÂN TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN SỰ PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HÀ TĨNH

ThS. Nguyễn Xuân Bé

Trường Chính trị Trần Phú Hà Tĩnh

Trong mọi thời đại, sự phát triển của một quốc gia, dân tộc hay một địa phương, vùng miền trong quốc gia dân tộc đó đều bắt đầu bởi sự hoạch định chiến lược dài hạn về con đường phát triển bởi một nhóm người (Nhóm lãnh đạo, quản lý) hoặc có thể khởi nguồn từ ý tưởng của một cá nhân và sau đó được tập thể hiện thực hóa bằng quá trình tổ chức xây dựng chủ thuyết, thể chế hóa bằng hệ thống đường lối, chủ trương, chính sách vào đời sống xã hội. Việc xây dựng chủ thuyết thường được giới lãnh đạo xây dựng trên hai trục chính là kinh tế và chính trị. Theo quan điểm của các nhà kinh điển Mác, Ăngghen, Lênin, hoạt động kinh tế xuất hiện trước hoạt động chính trị, hay chính trị chẳng qua là kinh tế cô đọng lại. Do đó, kinh tế giữ vai trò hết sức quan trọng đối với sự phát triển của xã hội trong bất cứ thời đại nào. Trong hệ thống các động lực cho kinh tế Việt Nam phát triển giai đoạn hiện nay, sự hình thành (khởi nghiệp) và hoạt động của các doanh nghiệp, trong đó có hệ thống các doanh nghiệp vừa và nhỏ đang giữ vai trò hết sức quan trọng, do đó trong suốt các quan điểm của Đảng, Nhà nước ta luôn coi trọng và đánh giá cao về những góp của kinh tế tư nhân nói chung và hệ thống các doanh nghiệp vừa và nhỏ nói riêng vào sự phát triển của đất nước.

Nghị quyết 16 của Bộ Chính trị khóa VI (15/7/1988) và Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 khóa VI, Đảng ta đã khẳng định: *Kinh tế tư nhân được phát triển không hạn chế địa bàn, quy mô, ngành nghề mà pháp luật không cấm*. Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 khóa IX (tháng 3/2002) tiếp tục xác định: *Kinh tế tư nhân là bộ phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế quốc dân*, phát triển Kinh tế tư nhân là vấn đề chiến lược lâu dài trong phát triển kinh tế nhiều thành phần định hướng xã hội chủ nghĩa, góp phần quan trọng thực hiện thắng lợi nhiệm vụ trọng tâm là phát triển kinh tế, công nghiệp hoá, hiện đại hóa, nâng cao nội lực của đất nước trong hội nhập kinh tế quốc tế. Kinh tế tư nhân, với tư cách là một thành phần kinh tế, đã được nâng lên một tầm mới trong Văn kiện Đại hội XIII của Đảng. Đại hội lần thứ XIII của Đảng khẳng định, phát triển mạnh mẽ khu vực kinh tế tư nhân cả về số lượng, chất lượng, hiệu quả, bền vững, “*thực sự trở thành một động lực quan trọng trong phát triển kinh tế. Xóa bỏ mọi rào cản, định kiến, tạo mọi điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế tư nhân...*”⁵³.

⁵³ Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb CTQGST, Hà Nội, 2021, tr 240

Đó là kết quả quan trọng của cả một quá trình đổi mới và phát triển nhận thức của Đảng về thành phần kinh tế này.

Thực tế từ quá trình phát triển kinh tế nói chung, hệ thống các doanh nghiệp vừa và nhỏ nói riêng đã, đang tạo ra một cực tăng trưởng khá quan trọng trong mô hình tổng thể nền kinh tế nước ta. Nếu tính cơ học, trong những năm qua tốc độ phát triển của các doanh nghiệp quy mô vừa và nhỏ khá nhanh (tính trên tốc độ tăng số lượng doanh nghiệp). Điều đó chứng minh rõ những tác động tích cực từ các nhân tố góp phần khơi thông dòng chảy doanh nghiệp ở Việt Nam đã phát huy tác dụng.

Đối với Hà Tĩnh, từ khi Nghị quyết 02-NQ/TU ngày 24/8/2006 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về tăng cường lãnh đạo phát triển doanh nghiệp đến năm 2010 và những năm tiếp theo, công tác phát triển doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh đạt được những kết quả quan trọng; nhận thức về vai trò, vị trí và tầm quan trọng của phát triển doanh nghiệp đối với sự phát triển kinh tế - xã hội có nhiều chuyển biến tích cực; cấp ủy, chính quyền các cấp đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, hỗ trợ phát triển doanh nghiệp, gắn định hướng hoạt động của doanh nghiệp với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, của tỉnh; tinh thần và phong trào khởi nghiệp được lan tỏa sâu rộng trong các tầng lớp Nhân dân.

Theo số liệu thống kê, 7 tháng đầu năm 2023 thành lập mới 733 doanh nghiệp, tổng vốn đăng ký gần 2.917 tỷ đồng, giảm cả về số lượng và tổng vốn đăng ký so với cùng kỳ (giảm 20% về số lượng và 46% về vốn đăng ký); 253 doanh nghiệp hoạt động trở lại (giảm 8%); 420 doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động (tăng 22%); 129 doanh nghiệp giải thể (tăng 26%). Như vậy, lũy kế đến nay, toàn tỉnh hiện có khoảng 7.750 doanh nghiệp đang hoạt động; số lượng doanh nghiệp quy mô nhỏ và siêu nhỏ chiếm hơn 95%, đóng góp khoảng 17% vào số vốn đăng ký. Về cơ cấu theo lĩnh vực, doanh nghiệp trong lĩnh vực công nghiệp - xây dựng chiếm 37%, nông nghiệp chiếm 4%; thương mại dịch vụ gần 59%; địa bàn đăng ký, hoạt động của doanh nghiệp phát triển không đồng đều; liên kết, hợp tác kinh doanh giữa các doanh nghiệp trong cùng chuỗi giá trị chưa nhiều; hiệu quả hoạt động và khả năng cạnh tranh sản phẩm chưa cao; chưa có nhiều doanh nghiệp sản xuất kinh doanh với quy mô lớn, làm đầu tàu để dẫn dắt các doanh nghiệp khác phát triển; tỷ lệ doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất còn thấp.

Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh lần thứ XIX nhiệm kỳ 2020-2025 đặt ra mục tiêu: đến năm 2025 thu nhập bình quân đầu người cao hơn bình quân các tỉnh Bắc Trung Bộ, phấn đấu năm 2030 trở thành tỉnh khá của cả nước; mỗi

năm thành lập mới trên 1.000 doanh nghiệp hoạt động hiệu quả. Để hiện thực hóa mục tiêu Nghị quyết Đại hội lần thứ XIX của Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế nhìn từ động lực của các doanh nghiệp, trong đó có hệ thống các doanh nghiệp vừa và nhỏ, trong phạm vi bài viết tham gia Hội thảo xin được đề cập đến các nhân tố tác động đến sự phát triển của các doanh nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

Theo cách hiểu thông thường, sự phát triển của doanh nghiệp là nói đến sự gia tăng số lượng doanh nghiệp (thành lập mới) hàng năm. Trong khi đó, sự phát triển doanh nghiệp cần được hiểu một cách đầy đủ, toàn diện hơn đó là sự tăng lên cả số lượng và chất lượng của doanh nghiệp. Chất lượng có thể kể đến như giá trị kinh tế tạo ra cho xã hội (đóng góp vào nguồn thu ngân sách), giải quyết việc làm cho người lao động, tích cực ứng dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ trong hoạt động, đóng góp phúc lợi xã hội... Từ nội hàm này, chúng ta mới có thể nhìn nhận đầy đủ và cụ thể hơn về các nhân tố tác động đến sự phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ ở Hà Tĩnh.

1. Nhóm các nhân tố bên ngoài

Thứ nhất, đó chính là sự hỗ trợ từ Chính phủ ở Trung ương và cấp ủy, chính quyền các cấp của địa phương Hà Tĩnh. Khi nói đến sự tác động từ nhân tố Chính phủ và địa phương Hà Tĩnh, đó chính là quá trình đổi mới việc xây dựng thể chế, chính sách tác động trực tiếp đến hoạt động của hệ thống doanh nghiệp nhỏ và vừa. Trong đó các yếu tố có thể kể đến như: chính sách thuế, chính sách đầu tư, chính sách tín dụng, quy hoạch cơ sở hạ tầng và bàn giao mặt bằng sản xuất, kinh doanh hỗ trợ chuyển giao công nghệ, xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường, đào tạo và cung ứng nguồn nhân lực. Tất cả những yếu tố này đều tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến “sức khỏe” và khả năng sinh tồn của doanh nghiệp vừa và nhỏ ở Hà Tĩnh. Như số liệu đã nêu ở trên, 98% các doanh nghiệp ở Hà Tĩnh là doanh nghiệp vừa và nhỏ, quy mô vốn ít, chủ yếu là vốn vay, việc tiếp cận nguồn vốn từ chính phủ và địa phương còn gặp không ít bất cập, khó khăn; việc tự thân tiếp cận và mở rộng thị trường không hề dễ dàng, nhất là các doanh nghiệp hoạt động xuất, nhập khẩu. Trong khi đó, sự cạnh tranh khốc liệt với các doanh nghiệp quy mô lớn, kinh nghiệm thương trường dày dặn cũng đang đặt ra nhiều vấn đề hết sức khó khăn.

Trong những năm gần đây, chúng ta nhận thấy sự tác động lo lớn và trực tiếp từ những chính sách kích cầu, phục hồi kinh tế của Chính phủ và địa phương Hà Tĩnh nói riêng như: chính sách hỗ trợ tín dụng đối với các doanh nghiệp bị ảnh hưởng của Đại dịch

Covid -19; chính sách giảm, giãn, gia hạn nợ đọng thuế đối với các doanh nghiệp; chính sách kêu gọi và xúc tiến đầu tư... vào trên địa bàn tỉnh đã góp phần tháo gỡ khó khăn

Mặt khác, nhân tố từ Chính phủ Trung ương và Chính quyền địa phương Hà Tĩnh còn phải kể đến đó là môi trường chính trị ổn định, thủ tục hành chính đơn giản, rút gọn, hoạt động thanh tra, kiểm tra của các cơ quan chức năng... Đặc thù của hoạt động sản xuất, kinh doanh và lưu thông hàng hóa chịu sự tác động, chi phối của môi trường chính trị trong và ngoài nước liên quan đến ngành, lĩnh vực doanh nghiệp hoạt động. Bất cứ một hoạt động kinh tế nào cũng liên quan đến môi trường chính trị và ngược lại, do đó sự tác động của hai nhân tố này luôn bổ trợ và tạo động lực cho sự phát triển chung của xã hội. Trong thời gian gần đây, tình hình kinh tế, chính trị thế giới nhìn chung vẫn tiếp tục diễn biến phức tạp và xuất hiện thêm các yếu tố, động thái mới liên quan đến cạnh tranh chiến lược và xung đột Nga - Ukraine; giá xăng dầu, nhiên, nguyên vật liệu tăng cao; thiếu hụt lao động; lạm phát tăng cao ở nhiều quốc gia trên thế giới khiến sức mua, tiêu thụ giảm mạnh; kinh tế trong nước, và tỉnh Hà Tĩnh và khu vực doanh nghiệp bị ảnh hưởng nặng nề bởi dịch Covid-19, cần tích lũy để phục hồi trong khi nền kinh tế có độ mở lớn, chịu nhiều tác động bên ngoài; một số quy định của pháp luật và các cơ chế chính sách liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp như đầu tư, đất đai, xây dựng, môi trường... còn thiếu đồng bộ, có sự chồng chéo, gây khó khăn, vướng mắc trong hoạt động kinh doanh, đầu tư xây dựng của doanh nghiệp. Công tác cải cách hành chính chưa đáp ứng yêu cầu, kết quả PCI và PAPI Hà Tĩnh năm 2021 đã có sự tăng điểm, nhưng thứ hạng lại bị giảm⁵⁴. Kết quả này cho thấy, doanh nghiệp, người dân chưa thực sự hài lòng và đánh giá cao về hoạt động của cả hệ thống chính trị của tỉnh, vẫn còn tình trạng doanh nghiệp than phiền về các thủ tục hành chính chậm trễ, gây khó khăn, phiền hà, nhất là các lĩnh vực thủ tục đầu tư, đất đai, môi trường, xây dựng, thuế. Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính mặc dù đã được quan tâm nhưng chưa đáp ứng được nhu cầu về trao đổi thông tin và xử lý thông tin trong thực hiện nhiệm vụ.

Thứ hai, nhân tố môi trường kinh doanh của doanh nghiệp. Môi trường kinh doanh của doanh nghiệp là tổng thể các yếu tố bao quanh doanh nghiệp mà doanh nghiệp phải tự thích ứng để bảo đảm sự tồn tại. Sự biến động thường xuyên của môi trường xung quanh một cách khách quan tác động đến sự điều chỉnh chiến lược hoạt động của doanh nghiệp. Do đó, nếu không thích ứng kịp thời, doanh nghiệp, nhất là

⁵⁴ Năm 2021, Chỉ số PCI Hà Tĩnh đạt 64,87/100 điểm, xếp thứ 27/63 tỉnh, thành phố, tăng 0,31 điểm nhưng giảm 6 bậc so với năm 2020; Chỉ số PAPI đạt 45,14/80 điểm, xếp thứ 7/60 tỉnh, thành phố (có 03 tỉnh, thành phố không đưa vào đánh giá), tăng 0,131 điểm nhưng giảm 02 bậc so với năm 2020.

doanh nghiệp vừa và nhỏ rất khó có thể đảm bảo sự tăng trưởng hoặc duy trì kế hoạch của mình.

- Môi trường pháp lý, nhất là việc sửa đổi, bổ sung thay thế các cơ chế chính sách của Chính phủ, HĐND, UBND sẽ làm thay đổi tư duy, cách nghĩ và cách làm của doanh nghiệp. Dự báo, chủ động phương án khi có sự thay đổi chính sách từ Chính phủ và địa phương sẽ giúp doanh nghiệp tránh được những tổn thất không đáng có từ môi trường pháp lý. Có thể coi luật pháp là nhân tố quan trọng khuyến khích hoặc kìm hãm sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp. Chính vì vậy, thay đổi chính sách pháp luật hướng đến sự phát triển của doanh nghiệp cần xác định nội hàm của chính sách là tạo điều kiện thuận lợi, tháo bỏ rào cản, rút ngắn quy trình, thủ tục bồi đắp cơ chế, chính sách hỗ trợ làm đòn bẩy kích thích doanh nghiệp đầu tư, mở rộng quy mô theo từng nhóm ngành, lĩnh vực hoạt động. Đối với nhân tố này, từ thực tế triển khai ở Hà Tĩnh có thể đánh giá khái quát rằng: Môi trường pháp lý còn nhiều bất cập do việc triển khai Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp vào thực tế còn lúng túng, vướng nhiều vấn đề mới; các bộ, ngành chưa hướng dẫn kịp thời trong các vấn đề, trường hợp cụ thể. Một số vấn đề, nội dung còn chồng chéo giữa các Luật khác nhau dẫn đến khó áp dụng; các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp trong việc thực thi các hiệp định thương mại tự do (FTAs) chưa phát huy được hiệu quả. Các vướng mắc trong thực hiện các văn bản thực thi các hiệp định FTAs chưa được cơ quan địa phương giải đáp hiệu quả; Tỷ lệ doanh nghiệp biết đến các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp tận dụng cơ hội của các FTAs chưa cao; Nhiều doanh nghiệp chưa nhìn nhận sự thuận lợi trong việc thực hiện thủ tục để hưởng hỗ trợ từ chương trình hỗ trợ doanh nghiệp tận dụng cơ hội từ các FTAs.

- Nhân tố vị trí địa lý của địa phương là yếu tố quyết định đến chi phí vận chuyển và kết nối liên vùng, liên khu vực của doanh nghiệp. Đây là nhân tố tự nhiên của các địa phương có từ trong lịch sử phân chia địa giới hành chính và phân vùng lãnh thổ. Đối với Hà Tĩnh nhìn tổng thể có thể thấy: điều kiện về vị trí địa lý xa các cực tăng trưởng của cả nước nên không thuận lợi trong việc thu hút đầu tư, kết cấu hạ tầng chưa đáp ứng để thu hút các doanh nghiệp quy mô lớn làm động lực cho phát triển của tỉnh, đặc biệt hệ thống hạ tầng các Khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, cảng biển và logistics. Do vậy, việc quy hoạch, xây dựng và kết nối các Trung tâm logistics nhằm khắc phục bất lợi này là vấn đề cần được chính quyền địa phương quan tâm triển khai trong tương lai.

- Môi trường văn hóa xã hội, nhất là của địa phương tác động không nhỏ đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp vừa và nhỏ. Môi trường đầu tiên cần kể đến

đó là tình trạng việc làm của nguồn lao động tại chỗ. Doanh nghiệp cần tính toán và dự báo kỹ lưỡng nhân tố này khi thu hẹp hay mở rộng quy mô đầu tư, kinh doanh của mình. Trong một điều kiện là tình trạng thất nghiệp trầm trọng, nguồn nhân lực dư thừa sẽ dồi dào, doanh nghiệp có cơ hội lựa chọn và chi phí cho nhân công lao động sẽ thấp, nhưng cầu tiêu dùng giảm. Ngược lại, không có tình trạng thất nghiệp, người lao động lại có nhiều quyền để lựa chọn việc làm, chi phí cho nguồn lao động sẽ tăng, nhưng cầu tiêu dùng lại tăng vừa là cơ hội nhưng cũng là thách thức với doanh nghiệp. Bên cạnh đó, môi trường văn hóa xã hội còn cần tính đến đó là phong tục tập quán, phong cách, lối sống, thị hiếu, tâm lý tiêu dùng hàng hóa và dư luận xã hội của vùng miền... phải được đưa vào trong kế hoạch dự báo của doanh nghiệp để kiểm soát, quản trị rủi ro. Sự thay đổi tư duy, phong cách tiêu dùng thậm chí là những thói quen truyền thống có thể chấm dứt trong thời gian ngắn bởi sự tác động của sự đa dạng về mẫu mã, giá cả hàng hóa của các doanh nghiệp. Việc dự báo và bắt kịp thị hiếu, phong cách và tâm lý đám đông trong tiêu dùng xã hội là yếu tố sống còn đối với việc phát triển thị trường tiêu thụ của doanh nghiệp. Để định lượng một cách tương đối nhân tố này, doanh nghiệp cần tổ chức nhiều cuộc điều tra phân tích xã hội học để xác định nhóm khách hàng phù hợp với chiến lược kinh doanh của mình.

2. Nhóm các nhân tố bên trong

Nhóm các nhân tố bên trong tác động đến sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp vừa và nhỏ không chỉ riêng đối với địa phương Hà Tĩnh nó còn là khung lý thuyết chung cho các địa phương khác. Ở đây, nhân tố bên trong xin được đề cập trên bốn yếu tố sau:

Thứ nhất, trình độ khoa học công nghệ. Trong bối cảnh tác động cả chiều sâu và chiều rộng của cuộc Cách mạng Công nghiệp lần thứ tư (4.0) yêu cầu đặt ra đối với các doanh nghiệp là thích ứng linh hoạt bằng cách tiếp cận và ứng dụng kịp thời nền tảng này vào trong hoạt động sản xuất kinh doanh để mở rộng quy mô và tối ưu hóa về thời gian và giá trị sản phẩm, từ đó nâng cao khả năng cạnh tranh trên thị trường. Tuy nhiên, do tính chất là quy mô vốn ít, nhân lực quản trị và vận hành trên nền tảng kinh tế số đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa hết sức mỏng, vì vậy khả năng này là hết sức khó khăn, không phải doanh nghiệp nào cũng có thể tiếp cận dễ dàng. Trong bối cảnh đó, cần lựa chọn nền tảng công nghệ, kỹ thuật phù hợp với loại hình sản xuất, kinh doanh để đảm bảo tính vừa sức của doanh nghiệp đồng thời phát huy được tính năng ứng dụng trong từng sản phẩm, hàng hóa. Ở Hà Tĩnh số lượng doanh nghiệp phát triển nhanh, nhưng chủ yếu là doanh nghiệp quy mô nhỏ, siêu nhỏ (hơn 98% là doanh nghiệp quy

mô nhỏ và siêu nhỏ, trong đó số lượng doanh nghiệp siêu nhỏ chiếm trên 90%). Do vốn ít, khó có khả năng đổi mới công nghệ, mở rộng quy mô sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm dẫn đến khả năng cạnh tranh, hội nhập và hiệu quả hoạt động doanh nghiệp chưa cao. Doanh nghiệp Hà Tĩnh chưa có nhiều thương hiệu hàng hóa nổi bật. Tỷ lệ doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất còn thấp; đặc biệt trong đại dịch Covid-19 các doanh nghiệp đang gặp rất nhiều khó khăn.

Thứ hai, khả năng tự liên kết và mở rộng chuỗi của doanh nghiệp. Sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp chịu sự tác động và xu hướng phát triển của nhiều doanh nghiệp khác, nhất là đối với doanh nghiệp vừa và nhỏ càng lại chịu sự dẫn dắt của các doanh nghiệp lớn. Chính vì vậy, bản thân doanh nghiệp vừa và nhỏ cần chủ động xây dựng, mở rộng quy mô liên kết doanh nghiệp nhằm tạo chuỗi giá trị trong sản xuất, lưu thông, phân phối và tiêu dùng hàng hóa. Đặc biệt là hình thành mạng lưới nội ngành, lĩnh vực thông qua các hội nghị xúc tiến đầu tư của chính quyền địa phương hoặc các diễn đàn doanh nhân, caphe doanh nhân... Ở Hà Tĩnh, số lượng doanh nghiệp dẫn đầu, đóng vai trò thúc đẩy sự tăng trưởng của một ngành/lĩnh vực, một chuỗi giá trị hoặc một cụm doanh nghiệp của tỉnh còn rất khiêm tốn (các doanh nghiệp quy mô vốn đăng ký trên 100 tỷ đồng chiếm khoảng 2% số lượng doanh nghiệp hoạt động). Do đó, thiếu hạt nhân để liên kết nhiều doanh nghiệp nhỏ hơn và dẫn dắt các doanh nghiệp khác phát triển. Mối liên kết giữa các doanh nghiệp trong tỉnh, liên kết giữa doanh nghiệp quy mô nhỏ và doanh nghiệp quy mô lớn hơn, liên kết giữa doanh nghiệp trong tỉnh và các doanh nghiệp khác và các đối tác nước ngoài còn hạn chế. Trình độ quản trị kinh doanh, văn hóa kinh doanh của nhiều doanh nghiệp còn hạn chế; sự hợp tác liên kết, tham gia vào hiệp hội, ngành hàng, chuỗi giá trị của doanh nghiệp chưa nhiều; số doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp, khoa học công nghệ, công nghệ cao còn ít; hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh đạt thấp. Tiếp cận thị trường khu vực và quốc tế còn hạn chế, thị trường tiêu thụ nội địa và xuất khẩu chưa ổn định. Đây chính là những yếu tố bất lợi cho các doanh nghiệp trong quá trình hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế sâu rộng như hiện nay. Nhiều doanh nghiệp còn gặp hạn chế trong phát triển chuỗi cung ứng do chưa tìm kiếm được vùng nguyên liệu chất lượng sản lượng cao với giá thành hợp lý, khó liên kết được với các thị trường đầu ra tiềm năng trong tỉnh và ngoài tỉnh.

Thứ ba, nguồn lao động và khả năng quản trị bên trong doanh nghiệp. Trong quản trị kinh doanh thì quản trị nhân lực luôn được đặt lên hàng đầu. Một doanh nghiệp có vốn lớn, khoa học kỹ thuật, công nghệ tiên tiến, hiện đại, thị trường tiềm năng, đa dạng nhưng không đầy đủ nguồn nhân lực chất lượng và xây dựng được hệ

thống quản trị điều hành nguồn nhân lực đó thì mọi thứ kể trên đều vô nghĩa, sự phá vỡ những giá trị được coi là lợi thế so sánh có thể diễn ra trong một giai đoạn ngắn. Sức mạnh và sự sinh tồn của doanh nghiệp được tạo dựng bởi sự thay đổi, sáng tạo phù hợp với nhu cầu xã hội. Sự sáng tạo đó không đâu khác chỉ có thể là sự sáng tạo bởi tư duy của con người - nguồn nhân lực của doanh nghiệp. Chính vì vậy tuyển chọn, đào tạo và quản trị nguồn nhân lực có chất lượng sẽ là yếu tố cốt tử của các doanh nghiệp, nhất là trong bối cảnh sự dịch chuyển nguồn nhân lực từ các doanh nghiệp đang trở thành xu thế lớn của thời đại kinh tế số, quản trị số. Theo đánh giá của chính quyền địa phương Hà Tĩnh, trình độ, năng lực quản lý điều hành, hiểu biết pháp luật của một bộ phận chủ doanh nghiệp còn hạn chế, chưa tuân thủ nghiêm các quy định của pháp luật trong kinh doanh; nhiều chủ doanh nghiệp còn lúng túng trong việc xác định phương hướng kinh doanh, chưa năng động, sáng tạo và theo kịp với biến động của cơ chế thị trường, dẫn đến phải giải thể doanh nghiệp hoặc ngừng hoạt động sản xuất kinh doanh. Bản thân nội tại người đứng đầu và đội ngũ nhân sự làm việc trong các doanh nghiệp tại tỉnh còn hạn chế về trình độ quản trị kinh doanh, khả năng tiếp cận thông tin, tiếp cận nguồn vốn, thị trường; thiếu chiến lược kinh doanh dài hạn; có tư duy ngại đổi mới sáng tạo và chưa linh hoạt trong áp dụng khoa học công nghệ vào quá trình sản xuất; chưa chủ động trong tìm hiểu và nắm bắt pháp luật.

Thứ tư, khả năng tiếp cận tài chính. Khả năng tiếp cận tài chính của doanh nghiệp cơ bản được hình thành từ hai nguồn chủ yếu là vốn vay từ các tổ chức tín dụng và khả năng gọi vốn từ các nhà đầu tư khác vào doanh nghiệp. Trong bối cảnh thắt chặt tài chính như hiện nay, doanh nghiệp cần tính đến khả năng huy động vốn dựa trên công thức số lượng huy động nguồn vốn, lãi suất tiền vay với quy mô và tính khả thi trong sản xuất kinh doanh, nhất là thị trường đầu vào, đầu ra, giá cả, nguyên liệu...Hiện nay, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh chủ yếu là doanh nghiệp có quy mô siêu nhỏ và nhỏ; địa bàn hoạt động và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp hạn chế; khả năng huy động nguồn vốn từ bên ngoài, nhất là từ các tổ chức tín dụng để mở rộng sản xuất kinh doanh còn khó khăn; thu hút lao động có trình độ, tay nghề cao còn hạn chế. Mặt khác không chứng minh được tiềm năng, lợi thế và xu hướng phát triển của mình nên nhiều doanh nghiệp cũng rất khó khăn trong kêu gọi đầu tư từ doanh nghiệp khác (góp vốn).

Từ những nhân tố tác động đến sự tồn tại và phát triển của hệ thống các doanh nghiệp vừa và nhỏ như đã phân tích ở trên, về phía chính quyền cần quan tâm hơn nữa một số vấn đề sau đây:

- Các hoạt động hỗ trợ DNNVV nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao, phát triển thị trường, ứng dụng khoa học công nghệ, hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo được triển khai hiệu quả thông qua: triển khai các nhiệm vụ khoa học công nghệ nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao các quy trình công nghệ mới tiên tiến vào sản xuất kinh doanh cho các DNNVV, góp phần nâng cao năng suất, chất lượng và đa dạng hóa sản phẩm; tổ chức tập huấn đào tạo các kiến thức về sở hữu trí tuệ với hội nhập kinh tế quốc tế, cơ chế chính sách hỗ trợ phát triển thị trường khoa học công nghệ cho doanh nghiệp.

- Tổ chức các hoạt động hỗ trợ các DNNVV tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị, cụm công nghiệp, khuyến công, xúc tiến thương mại thông qua các lễ hội, hội chợ, hội nghị kết nối sản phẩm trong tỉnh, ngoại tỉnh và với các quốc gia trên thế giới; nâng cấp Sàn Giao dịch thương mại điện tử của tỉnh với công nghệ hiện đại đáp ứng nhu cầu về thông tin và thực hiện việc mua, bán sản phẩm của các doanh nghiệp trên Sàn.

- Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp tiếp cận nguồn vốn tín dụng tạo môi trường thuận lợi, đồng hành hỗ trợ doanh nghiệp trong việc xem xét giải quyết cho vay. Đồng thời, linh hoạt trong việc áp dụng các gói tín dụng ưu đãi cho DNNVV nhằm tháo gỡ khó khăn cho các doanh nghiệp tháo gỡ khó khăn cho các doanh nghiệp bị ảnh hưởng do dịch Covid 19, hỗ trợ khắc phục hậu quả do thiên tai, lũ lụt

- Tổ chức hỗ trợ thông tin, tư vấn pháp lý cho doanh nghiệp thông qua các lớp bồi dưỡng, đào tạo, tập huấn các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh với một số nội dung cụ thể, thiết thực như: Các chính sách đối với hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp trên địa bàn tỉnh; Vấn đề xử lý vi phạm hành chính liên quan đến doanh nghiệp; Đối thoại về vấn đề thủ tục hành chính dành cho doanh nghiệp; Bồi dưỡng pháp luật về Hiệp định CPTTP... và các hoạt động hỗ trợ DNNVV khác.

PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA TRONG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI TỈNH HÀ TĨNH

Ths. Nguyễn Thắng Mỹ

Trường Chính trị Trần Phú Hà Tĩnh

Doanh nghiệp nhỏ và vừa là những doanh nghiệp có quy mô nhỏ bé về mặt vốn, lao động hay doanh thu, có thể chia thành ba loại đó là doanh nghiệp siêu nhỏ (micro), doanh nghiệp nhỏ và doanh nghiệp vừa. Theo tiêu chí của Nhóm Ngân hàng Thế giới, doanh nghiệp siêu nhỏ là doanh nghiệp có số lượng lao động dưới 10 người, doanh nghiệp nhỏ có số lượng lao động từ 10 đến dưới 50 người, còn doanh nghiệp vừa có từ 50 đến 300 lao động. Theo Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ, doanh nghiệp siêu nhỏ trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản; lĩnh vực công nghiệp và xây dựng sử dụng lao động có tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm không quá 10 người và tổng doanh thu của năm không quá 3 tỷ đồng hoặc tổng nguồn vốn của năm không quá 3 tỷ đồng. Doanh nghiệp siêu nhỏ trong lĩnh vực thương mại và dịch vụ sử dụng lao động có tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm không quá 10 người và tổng doanh thu của năm không quá 10 tỷ đồng hoặc tổng nguồn vốn của năm không quá 3 tỷ đồng; Doanh nghiệp nhỏ trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản; lĩnh vực công nghiệp và xây dựng sử dụng lao động có tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm không quá 100 người và tổng doanh thu của năm không quá 50 tỷ đồng hoặc tổng nguồn vốn của năm không quá 20 tỷ đồng, doanh nghiệp nhỏ trong lĩnh vực thương mại và dịch vụ sử dụng lao động có tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm không quá 50 người và tổng doanh thu của năm không quá 100 tỷ đồng hoặc tổng nguồn vốn của năm không quá 50 tỷ đồng; Doanh nghiệp vừa trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản; lĩnh vực công nghiệp và xây dựng sử dụng lao động có tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm không quá 200 người và tổng doanh thu của năm không quá 200 tỷ đồng hoặc tổng nguồn vốn của năm không quá 100 tỷ đồng. Doanh nghiệp vừa trong lĩnh vực thương mại và dịch vụ sử dụng lao động có tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm không quá 100 người và tổng doanh thu của năm không quá 300 tỷ đồng hoặc tổng nguồn vốn của năm không quá 100 tỷ đồng.

Hiện nay trên địa bàn toàn tỉnh có gần 8.300 doanh nghiệp đang hoạt động, vốn đăng ký bình quân 27 tỷ đồng/doanh nghiệp, đạt 6,9 doanh nghiệp/1.000 dân. Ngoài ra, trên địa bàn tỉnh có 1.015 hợp tác xã và hơn 3.850 tổ hợp tác, trên 60.000 hộ kinh doanh (trong đó có 52.500 hộ có đăng ký kinh doanh), đây là khu vực có nhiều tiềm năng lợi

thể để phát triển, tiến tới thành lập doanh nghiệp. 9 tháng đầu năm 2022 thành lập mới 1.100 doanh nghiệp với tổng vốn đăng ký 7.000 tỷ đồng, tăng 38% về số lượng so với cùng kỳ năm 2021; 297 doanh nghiệp hoạt động trở lại, tăng 16%. Qua số liệu đăng ký kinh doanh cho thấy, số doanh nghiệp gia nhập thị trường và tái gia nhập thị trường gấp 2,75 lần số doanh nghiệp rút khỏi thị trường; Tỷ lệ hồ sơ đăng ký qua mạng điện tử tăng cao, chiếm khoảng 76% hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, tăng 16% so với cùng kỳ năm 2021, trong đó: Lĩnh vực nông, lâm và thủy sản có 310 doanh nghiệp hoạt động, chiếm 4%; lĩnh vực công nghiệp và xây dựng có 3.050 doanh nghiệp, chiếm 36%; lĩnh vực thương mại và dịch vụ có 4.940 doanh nghiệp, chiếm 60%⁵⁵. Trong thời gian qua các doanh nghiệp NVV đã thể hiện rõ nét vai trò đối với phát triển kinh tế, xã hội tỉnh Hà Tĩnh, cụ thể như sau:

DNNVV đóng góp vào tăng trưởng kinh tế, tỷ lệ đóng góp của khu vực doanh nghiệp vào nguồn ngân sách tỉnh chiếm gần 79% tổng thu ngân sách và khoảng 81% tổng vốn đầu tư toàn xã hội trên địa bàn tỉnh. DNNVV cung cấp chủng loại mặt hàng phong phú, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu xã hội, góp phần khai thác tiềm năng của tỉnh để phát triển kinh tế, đặc biệt trong việc phát triển ngành nghề truyền thống, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn. Sự phát triển doanh nghiệp đã thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế đúng hướng (giảm tỷ trọng nông nghiệp, tăng tỷ trọng công nghiệp, xây dựng và dịch vụ), hiệu quả sử dụng các yếu tố đầu vào cho nền kinh tế được cải thiện đáng kể.

Tận dụng và huy động mọi nguồn vốn của dân cư, DNNVV là nơi thu hút lao động từ nông thôn, bổ sung cho các doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. DNNVV tạo việc làm cho người lao động, giải quyết việc làm cho gần 87.000 lao động. Cùng với những đóng góp quan trọng cho nền kinh tế, trong thời gian qua các doanh nghiệp đã thể hiện rõ nét vai trò, trách nhiệm cùng với các cấp, các ngành và cộng đồng giải quyết tốt vấn đề an sinh xã hội, ủng hộ người nghèo, thiên tai bão, lụt, dịch bệnh với số tiền hàng trăm tỷ đồng. Những hoạt động xã hội, từ thiện của các doanh nghiệp, doanh nhân trong thời gian qua góp phần tạo hình ảnh đẹp của doanh nghiệp, doanh nhân trong xã hội, được chính quyền địa phương và nhân dân ghi nhận, đánh giá cao. Tuy nhiên, DNNVV còn gặp những khó khăn, thách thức như: Số doanh nghiệp thành lập mới, quay trở lại hoạt động tăng đáng kể nhưng tỷ lệ doanh nghiệp giải thể, ngừng hoạt động, rút khỏi thị trường vẫn còn ở mức cao, trong 9 tháng năm 2022, có 508 doanh nghiệp tạm ngừng hoặc giải thể, tăng 15% so với cùng kỳ 2021; số lượng doanh nghiệp rút khỏi thị trường còn cao, bằng 36,4% doanh nghiệp gia nhập thị

⁵⁵ Báo cáo tình hình phát triển doanh nghiệp, thu hút đầu tư năm 2022 của UBND tỉnh Hà Tĩnh

trường; số lượng doanh nghiệp phát sinh thuế còn thấp (47%), trong đó, doanh nghiệp nhà nước đóng góp gần 1.200 tỷ đồng (chiếm 30% tổng thu từ thuế phí), doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (Formosa, nhà thầu Nhiệt điện Vũng Áng 2...) đóng góp hơn 1.000 tỷ đồng (chiếm 25%); các doanh nghiệp và tổ chức kinh tế khác đóng góp 565 tỷ đồng (chiếm 14%). Một số doanh nghiệp gặp khó khăn trong việc tiêu thụ sản phẩm, hàng tồn kho nhiều, nguồn nguyên liệu đầu vào; một số doanh nghiệp có tâm lý sản xuất cầm chừng, ngần ngại mở rộng quy mô sản xuất, chưa phục hồi quy mô như trước dịch, thậm chí còn phải cắt giảm sản lượng sản xuất. Một số dự án đầu tư trên địa bàn chưa triển khai kịp thời, đúng tiến độ gây lãng phí nguồn lực, tài nguyên đất đai. Hầu hết, các doanh nghiệp trên địa bàn khả năng cạnh tranh, hội nhập và hiệu quả hoạt động chưa cao; chưa liên kết được với nhiều đối tác đầu ra lớn trong và ngoài nước để mở rộng thị trường tiêu thụ, đảm bảo sự phát triển bền vững của doanh nghiệp. Kết quả hỗ trợ cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa còn ở mức khiêm tốn, một số chính sách chưa triển khai được mặc dù đã có nguồn lực. Cơ cấu tổ chức và kinh doanh còn nhiều bất cập, chưa tập trung vào những ngành, lĩnh vực có tiềm năng và lợi thế của tỉnh; công nghệ còn lạc hậu, hiệu quả sản xuất kinh doanh, năng suất lao động thấp; chưa tạo được nhiều sản phẩm có uy tín, thương hiệu để chiếm lĩnh và mở rộng thị trường, thiếu sức cạnh tranh.

Để phát huy vai trò của DNNVV trong phát triển kinh tế, xã hội, phù hợp với mục tiêu của Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020-2025, theo đó tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) bình quân trên 8,5%. Phấn đấu giai đoạn 2021 - 2030 đạt 9,5%/năm, Cơ cấu kinh tế: nông nghiệp dưới 10%, công nghiệp - xây dựng trên 50% (trong đó công nghiệp chiếm trên 47%); dịch vụ trên 39%, thu ngân sách trên địa bàn đến năm 2025 đạt trên 28 nghìn tỷ đồng, trong đó thu nội địa trên 16 nghìn tỷ đồng, thu nhập bình quân đầu người trên 60 triệu đồng, phấn đấu đưa GDRP bình quân đầu người năm 2025 của Hà Tĩnh đạt trên 100 triệu đồng (trên 4.200 USD). DNNVV cần từng bước phát triển về số lượng, củng cố chất lượng quản lý, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, cùng với các loại hình doanh nghiệp khác thực hiện các mục tiêu chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh, cần tập trung một số giải pháp sau:

Một là, tiếp tục triển khai đồng bộ các biện pháp, đưa Nghị quyết đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, Nghị quyết 08-NQ/TU ngày 22/11/2021 về đổi mới, phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động doanh nghiệp đến năm 2025 và những năm tiếp theo, Chương trình hành động của UBND tỉnh về phát triển Doanh nghiệp trong đó có DNNVV; Phấn đấu đến năm 2025 toàn tỉnh có trên 15000 doanh nghiệp, khu vực doanh nghiệp đóng góp khoảng 60% - 65% GRDP của tỉnh; đóng góp vào ngân sách của khu vực doanh

ng nghiệp chiếm khoảng 65% -70% tổng thu ngân sách nội địa trên địa bàn tỉnh; tổng vốn đầu tư từ khu vực doanh nghiệp chiếm từ 60% - 65% tổng vốn đầu tư trên địa bàn tỉnh; phần đầu trên 80% doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ số trong điều hành, quản lý, sản xuất và kinh doanh trên sàn thương mại điện tử; phần đầu 100% doanh nghiệp đủ điều kiện thành lập tổ chức đảng, đoàn thể theo quy định của Điều lệ Đảng, đoàn thể.

Hai là, xây dựng quy hoạch phát triển DNNVV gắn liền với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh. Là bộ phận quan trọng trong nền kinh tế của tỉnh, góp phần tích cực trong việc thực hiện các chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, vì vậy việc xây dựng quy hoạch phát triển DNNVV trước hết phải gắn vào chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Triển khai thực hiện đồng bộ các giải pháp cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, kịp thời khắc phục những tồn tại, hạn chế, góp phần cải thiện, nâng cao các chỉ số đo lường về môi trường đầu tư như: Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), Chỉ số Hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI). Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Bộ chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh sở, ban, ngành cấp tỉnh và UBND huyện, thành phố, thị xã (DDCI) trên địa bàn tỉnh.

Ba là, định hướng quy hoạch phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa của tỉnh Hà Tĩnh cần tập trung phát triển rộng khắp các cơ sở sản xuất nhỏ và vừa ở thành thị và nông thôn, ở vùng sản xuất tập trung với vùng nông nghiệp. Đồng thời, để đảm bảo phát triển bền vững, bên cạnh phát triển về số lượng, cần chú trọng nâng cao chất lượng các doanh nghiệp. Ưu tiên phát triển DNNVV thuộc lĩnh vực công nghiệp, chế biến nông, lâm, thủy hải sản, xuất khẩu, các lĩnh vực trọng điểm, du nhập nghề mới, khôi phục và phát triển các làng nghề truyền thống. Tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách phù hợp với loại hình doanh nghiệp nhằm thu hút các doanh nghiệp đầu tư phát triển, ưu tiên phát triển các DNNVV ở vùng sâu, vùng xa nhằm xóa bỏ cách biệt giữa thành thị và nông thôn, giữa đồng bằng và miền núi. Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh; đổi mới công nghệ, thiết bị theo hướng tiên tiến, hiện đại. Đẩy mạnh liên doanh liên kết giữa các khu vực kinh tế, các thành phần kinh tế, các doanh nghiệp để tăng cường vai trò hỗ trợ phát triển. Song song với việc chỉ đạo phát triển các DNNVV, cần xây dựng kế hoạch, biện pháp để tập trung phát triển một số doanh nghiệp đủ mạnh trên các lĩnh vực như công nghiệp, lâm nghiệp, xây dựng, giao thông thủy lợi, thủy hải sản để làm đối tác, đối trọng liên doanh, liên kết với các doanh nghiệp trong và ngoài nước vừa tạo tiền đề thúc đẩy phát triển các DNNVV. Quan tâm phát triển các ngành nghề, lĩnh vực sản xuất vật chất,

phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp theo hướng chuyên môn hóa với quy mô tập trung.

Bốn là, đẩy mạnh cải cách hành chính hướng tới nền hành chính minh bạch, thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp, chú trọng ứng dụng công nghệ thông tin để công khai, minh bạch thông tin hỗ trợ doanh nghiệp, người dân tiếp cận đầy đủ các quy hoạch, cơ chế, chính sách, tạo điều kiện cho DN giám sát hoạt động của cơ quan nhà nước qua môi trường mạng. Nâng cao hiệu quả hoạt động xúc tiến đầu tư, nhất là xúc tiến đầu tư tại chỗ thông qua việc giữ ổn định môi trường đầu tư kinh doanh, tháo gỡ kịp thời các khó khăn, vướng mắc để các doanh nghiệp, nhà đầu tư đang hoạt động duy trì và mở rộng đầu tư kết hợp với huy động đa dạng các nguồn lực cho hoạt động xúc tiến đầu tư. Tăng cường phối hợp giữa các ngành, các cấp trong quản lý phát triển doanh nghiệp. Duy trì thường xuyên các cuộc trao đổi, đối thoại thực chất, cởi mở giữa lãnh đạo tỉnh, các sở ban ngành với các doanh nghiệp, doanh nhân để cùng tháo gỡ, xử lý dứt điểm những tồn tại, vướng mắc.

Năm là, thực hiện các chính sách khuyến khích phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa. Xác định rõ mục tiêu trợ giúp là nhằm tạo điều kiện cho các nhà DNNVV khởi sự doanh nghiệp và phát triển trong một môi trường thuận lợi, giúp cho các DNNVV nâng cao năng lực, tăng sức cạnh tranh trong kinh tế thị trường để sản xuất kinh doanh có hiệu quả, từ đó phát huy được vai trò và tác dụng đối với nền kinh tế Hà Tĩnh. Với phương thức hỗ trợ trực tiếp và gián tiếp làm cho doanh nghiệp tiếp cận với các thủ tục hành chính, thủ tục pháp lý và thủ tục vay vốn có hiệu quả. Tỉnh thực hiện các hoạt động cụ thể nhằm tăng cường hoạt động xúc tiến thương mại; Hỗ trợ tư vấn cho các DNNVV về các kiến thức kinh doanh, cách tiếp cận thị trường; cung cấp các thông tin về thị trường, giá cả; Tích cực và chủ động mở rộng quan hệ với Phòng Công nghiệp và Thương mại Việt nam, trung tâm hỗ trợ DNNVV của Liên minh hợp tác xã Việt Nam; Tạo điều kiện thuận lợi cho các DNNVV tham gia vào các dự án lớn trên địa bàn; Khuyến khích các mối quan hệ kinh tế giữa các doanh nghiệp lớn như Tổng công ty khoán sản Thương mại Hà Tĩnh, Công ty TNHH Gang, Thép Hưng nghiệp Formosa Hà Tĩnh có thể hỗ trợ cho các DNNVV thông qua việc ký kết các hợp đồng cung ứng nguyên vật liệu, phân phối sản phẩm, làm thầu phụ, làm đại lý....nhằm có tác dụng vừa đảm bảo thị trường, công ăn việc làm ổn định, vừa tạo điều kiện thuận lợi để chuyển giao công nghệ, kỹ năng quản lý từ doanh nghiệp lớn sang DNNVV. Tỉnh cần tăng cường các biện pháp hỗ trợ trong chính sách đất đai như: Xây dựng hệ thống thông tin về đất, công khai quy hoạch, đẩy nhanh tiến độ đền bù giải phóng mặt bằng,

xây dựng quỹ đất, tiến hành nhanh, gọn các thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thực hiện triệt để việc giao đất lâu dài nhằm tạo cho các DNNVV có điều kiện thuận lợi để ổn định và mở rộng mặt bằng, đồng thời có đủ giấy tờ hợp pháp về đất đai để làm thủ tục thế chấp vay vốn. Các DNNVV cần xây dựng các phương án sản xuất kinh doanh mang tính khả thi cao làm cơ sở vay vốn. Thường xuyên bồi dưỡng, đào tạo, tuyển dụng, nâng cao trình độ của đội ngũ quản lý. Tăng cường nhận thức, hiểu biết và chấp hành pháp luật và chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho cán bộ và nhân viên của doanh nghiệp.

Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước Hà Tĩnh và các ngân hàng thương mại tiếp tục xây dựng và kiện toàn Quỹ bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa; khuyến khích tổ chức tín dụng cho vay đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa dựa trên xếp hạng tín nhiệm doanh nghiệp. Tổ chức thực hiện có hiệu quả chương trình kết nối ngân hàng - doanh nghiệp; tăng cường công tác thanh tra, giám sát hoạt động tín dụng, đặc biệt việc tổ chức thực hiện các chương trình tín dụng hỗ trợ doanh nghiệp tại các tổ chức tín dụng đảm bảo các doanh nghiệp đáp ứng điều kiện đều được thụ hưởng chính sách. Tạo điều kiện thuận lợi, vận dụng linh hoạt các thủ tục cho doanh nghiệp thế chấp, tín chấp để tiếp cận các nguồn vốn tín dụng thương mại, đáp ứng nhu cầu vay vốn đầu tư; Chi nhánh Ngân hàng phát triển thực hiện hỗ trợ lãi suất sau đầu tư và ưu tiên nguồn vốn ưu đãi cho các dự án trọng điểm, các dự án đủ điều kiện.

UBND Tỉnh cần chỉ đạo các sở, ban ngành chức năng hướng dẫn doanh nghiệp lập dự án đạt tính khả thi cao, đảm bảo điều kiện vay vốn các ngân hàng; Khuyến khích các doanh nghiệp cùng góp vốn để hình thành các Quỹ tự hỗ trợ lẫn nhau. Căn cứ vào Nghị định 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 về việc trợ giúp phát triển DNNVV và các văn bản hướng dẫn, các sở ngành liên quan hoàn thiện Quy chế bảo lãnh tín dụng DNNVV, sớm đưa quỹ đi vào hoạt động để tạo điều kiện cho doanh nghiệp vay vốn. Chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện các chính sách của Tỉnh về hỗ trợ DNNVV đã ban hành. Khuyến khích, hỗ trợ các doanh nghiệp áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến của quốc tế, khu vực và quốc gia, đăng ký bản quyền sở hữu công nghiệp, nhãn hiệu hàng hóa và xây dựng thương hiệu hàng hóa. Tăng cường công tác phổ biến, tuyên truyền pháp luật và chính sách thuế để các DNNVV nắm được đầy đủ các thông tin về thuế và các ưu đãi về thuế. Cơ quan thuế phối hợp với các cơ quan liên quan giúp đỡ và thúc đẩy các DNNVV thực hiện tốt chế độ sổ sách kế toán. Đối với các DNNVV chưa có điều kiện thực hiện đầy đủ, đúng đắn chế độ kế toán, hóa đơn, chứng từ cần bổ sung phương thức tính và thu thuế hợp lý. Thực hiện tốt chương

trình hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực cho các DNNVV theo 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Hàng năm, tổng hợp nhu cầu đào tạo của các doanh nghiệp để xây dựng kế hoạch, triển khai thực hiện chương trình và hỗ trợ kinh phí đào tạo nguồn nhân lực cho các doanh nghiệp.

Sáu là, phát triển các tổ chức đại diện, tổ chức tư vấn và tổ chức quản lý đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên cơ sở thành lập tổ chức xúc tiến đầu tư phát triển DNNVV của tỉnh. Khuyến khích thành lập các tổ chức trợ giúp DNNVV như Hiệp hội, câu lạc bộ doanh nghiệp. Tăng cường cán bộ quản lý các DNNVV trong các Sở, ban Ngành cấp tỉnh, huyện và tăng cường chức năng của bộ máy quản lý nhà nước đối với DNNVV

Bản thân các doanh nghiệp cần phải nắm bắt cơ hội để tổ chức sản xuất kinh doanh có hiệu quả, tuân thủ pháp luật, luôn đổi mới công nghệ và mở rộng đầu tư. Quan tâm đến người lao động, bảo đảm an sinh xã hội và bảo vệ môi trường; đón đầu các xu hướng kinh doanh mới; tiên phong thực hiện đổi mới mô hình, đẩy mạnh chuyển đổi số và ứng dụng khoa học công nghệ nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của doanh nghiệp; tăng cường liên kết giữa các doanh nghiệp để nâng tầm hoạt động, kết nối các doanh nghiệp, tập đoàn, các dự án đầu tư lớn đã và đang triển khai trên địa bàn; từng bước tham gia vào chuỗi giá trị khu vực công nghiệp, dịch vụ phụ trợ, là khu vực có tiềm năng phát triển lớn của tỉnh ta thời gian tới./.

Tài liệu tham khảo

1. Báo cáo Chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XVIII, nhiệm kỳ 2015-2020 trình Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020-2025.
2. Nghị định số 80/2021/NĐ-CP, ngày 26/8/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số Điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.
3. Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 22/11/2021 của Tỉnh ủy Hà Tĩnh về đổi mới, phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động doanh nghiệp đến năm 2025 và những năm tiếp theo
4. Báo cáo tình hình phát triển doanh nghiệp, thu hút đầu tư trên địa bàn tỉnh năm

**CÔNG TÁC TUYÊN TRUYỀN ĐỐI VỚI VIỆC PHÁT TRIỂN
DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA TRONG PHÁT TRIỂN
KINH TẾ - XÃ HỘI Ở HÀ TĨNH**

Lê Văn Khánh

Phó Trưởng Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Hà Tĩnh

Hà Tĩnh thuộc vùng Bắc Trung bộ Việt Nam, có tọa độ địa lý từ 17⁰54' đến 18⁰50' vĩ độ Bắc và từ 103⁰48' đến 108⁰00' kinh Đông. Phía Bắc giáp tỉnh Nghệ An; phía Nam giáp tỉnh Quảng Bình; phía Tây giáp hai tỉnh nước bạn Lào là Bôlykhamxay và Khăm Muộn, với đường biên giới dài 164,488 km; phía Đông, giáp Biển Đông, có bờ biển dài 137 km; có Quốc lộ 1, đường Hồ Chí Minh, đường sắt Bắc - Nam đi qua, Quốc lộ 8 đi sang nước bạn Lào qua Cửa khẩu Quốc tế Cầu Treo, Quốc lộ 12 nối cảng Vũng Áng đi qua tỉnh Quảng Bình đến Cửa khẩu Quốc tế Cha Lo. Hà Tĩnh có dân số 1.296.622 người (năm 2020), trong đó dân số ở nông thôn chiếm 77,81%; mật độ dân số 216 người/km². Những thuận lợi của yếu tố tự nhiên đã tạo điều kiện để Hà Tĩnh phát triển các ngành công nghiệp, nông nghiệp, thương mại, du lịch, dịch vụ,... Tuy nhiên, điều kiện tự nhiên của tỉnh Hà Tĩnh với thời tiết hạn hán, khô nóng, thiên tai, bão, lũ,... xảy ra thường xuyên, ảnh hưởng lớn đến quá trình phát triển kinh tế - xã hội và đời sống của Nhân dân.

Năm 1991, tỉnh Hà Tĩnh được tái lập theo Nghị quyết của Quốc Hội khóa VIII, những ngày đầu tái lập, Hà Tĩnh gặp rất nhiều khó khăn, thách thức. Do điều kiện lịch sử và đặc thù về địa lý, kinh tế Hà Tĩnh chủ yếu vẫn là nông nghiệp tự cung, tự cấp. Tổng sản phẩm xã hội và thu nhập quốc dân so với cả nước quá thấp, bình quân đầu người mỗi tháng chỉ hơn 20 ngàn đồng (tính theo giá cố định năm 1989). Sản xuất lương thực còn bấp bênh, bình quân lương thực đầu người mới đạt 200kg/năm, diện thiếu đói và suy dinh dưỡng còn chiếm tỷ trọng khá lớn. Hàng hóa nông - lâm - ngư nghiệp nhỏ bé, giá trị xuất khẩu chưa đáng kể. Công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp quy mô nhỏ, lạc hậu. Cả tỉnh chỉ có 19 xí nghiệp, chủ yếu là xí nghiệp sửa chữa, 64 hợp tác xã thủ công nghiệp, khi chuyển sang cơ chế thị trường thì phần lớn sản xuất kinh doanh bị thua lỗ. Tổng giá trị sản lượng công nghiệp, thủ công nghiệp mới chiếm 5,8% trong tổng sản phẩm xã hội. Ngành nghề truyền thống chưa được chú trọng, du nhập nghề mới còn chậm. Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh năm 1992 chỉ đạt 38 tỷ đồng. Đời sống của các tầng lớp Nhân dân còn nhiều khó khăn; thu nhập bình quân đầu

người đạt 69 USD/năm, thấp hơn nhiều so với mức bình quân chung của cả nước (thu nhập bình quân đầu người của cả nước năm 1991 đạt 188 USD)⁵⁶.

Sau 32 năm tái lập tỉnh, Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân Hà Tĩnh đã phát huy tinh thần đoàn kết, sáng tạo, nỗ lực, quyết tâm vượt khó vươn lên, đề ra nhiều chủ trương, chính sách và định hướng chiến lược đưa tỉnh nhà phát triển, đạt kết quả khá toàn diện. Đặc biệt, những nhiệm kỳ gần đây, Hà Tĩnh có bước phát triển đột phá về kinh tế, thu ngân sách, xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh; văn hóa, xã hội chuyển biến tích cực, quốc phòng - an ninh được giữ vững; xây dựng Đảng và hệ thống chính trị ngày càng vững mạnh.

Tổng giá trị sản phẩm trên địa bàn toàn tỉnh năm 2022 đạt gần 93.000 tỷ đồng, xếp thứ 30/63 cả nước. GRDP bình quân đầu người đạt 70,5 triệu đồng/năm, tăng 8,4 triệu đồng so với năm 2020. Thu ngân sách của tỉnh có nhiều khởi sắc, năm 2022 đạt hơn 18 ngàn tỷ đồng, cao nhất từ trước tới nay, trong đó thu nội địa đạt gần 50%. Tỷ trọng công nghiệp, xây dựng và dịch vụ chiếm 85% trong cơ cấu nền kinh tế; các sản phẩm công nghiệp chủ lực như điện, thép đóng góp đáng kể cho ngành công nghiệp cả nước.

Sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Hà Tĩnh trong những năm qua là minh chứng cho những chủ trương đúng đắn, quyết tâm hành động của cấp ủy, chính quyền, người dân và cộng đồng doanh nghiệp. Đặc biệt phải kể đến những nỗ lực trong cải cách hành chính, thu hút đầu tư, phát triển doanh nghiệp... trên địa bàn tỉnh. Từ đầu nhiệm kỳ Đại hội Đảng bộ tỉnh khóa XIX đến nay, tỉnh đã chấp thuận chủ trương đầu tư 84 dự án, trong đó có 81 dự án trong nước.. Thành lập mới gần 2.800 doanh nghiệp, 106 hợp tác xã; lũy kế đến nay, toàn tỉnh có hơn 7.500 doanh nghiệp đang hoạt động, 1.000 hợp tác xã và 52.500 hộ kinh doanh. Một số dự án lớn trên địa bàn như Khu liên hợp gang thép và cảng Sơn Dương Formosa; Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1; Nhà máy sản xuất Cell pin và Pin lithium của Tập đoàn Vingroup với Khu công nghiệp sản xuất ô tô và linh phụ kiện... đã mở ra thời cơ, vận hội mới cho sự phát triển của cộng đồng doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh, nhất là phát triển các ngành công nghiệp dịch vụ phụ trợ, liên doanh, liên kết đầu tư, mở rộng giao thương...

Doanh nghiệp nói chung, doanh nghiệp nhỏ và vừa nói riêng có vai trò quan trọng đối với sự phát triển kinh tế các nước trên thế giới, được chính phủ và chính quyền địa phương các nước quan tâm, ban hành nhiều chính sách nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa phát triển. Tại Việt Nam, doanh nghiệp nhỏ và vừa chiếm khoảng 97% trong tổng số các doanh nghiệp đăng ký, đóng góp trên 40% tổng thu

⁵⁶ Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, 2021. “Hà Tĩnh - 30 năm đổi mới và phát triển (1991 - 2021)”

nhập quốc nội, hằng năm tạo ra hơn nửa triệu lao động, chiếm 51% tổng số lao động⁵⁷. Tại Hà Tĩnh, trong hơn 7.500 doanh nghiệp đang hoạt động thì đa số là doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Trong những năm qua, doanh nghiệp nhỏ và vừa tăng nhanh về số lượng, đa dạng về loại hình, quy mô, hiệu quả hoạt động, góp phần quan trọng vào phát triển kinh tế - xã hội, giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập cho người lao động, tích cực tham gia các hoạt động an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh. Sự phát triển của hệ thống doanh nghiệp nhỏ và vừa của Hà Tĩnh là kết quả của nhiều chính sách hỗ trợ thúc đẩy của tỉnh như: Cải cách hành chính, tiếp cận vốn, khoa học công nghệ, thị trường, lao động; quy hoạch, xây dựng, hoàn thiện cơ sở hạ tầng các khu, cụm công nghiệp nhỏ và vừa... tạo môi trường thuận lợi các doanh nghiệp nhỏ và vừa thành lập và hoạt động. Bên cạnh đó có đóng góp quan trọng của công tác tuyên truyền, vận động của cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn tỉnh đưa những chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, của tỉnh đến với người dân và doanh nghiệp; sớm cụ thể hóa nghị quyết của Đảng vào thực tiễn đời sống xã hội.

Với quan điểm “phát triển doanh nghiệp là động lực quan trọng để phát triển kinh tế - xã hội, thực hiện tái cơ cấu kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng; là nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng, chính quyền các cấp; là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị; các cấp, các ngành, địa phương tạo điều kiện thuận lợi để phát triển doanh nghiệp”⁵⁸. Thời gian qua, các cấp ủy đảng, chính quyền các cấp, các ngành của tỉnh Hà Tĩnh đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo; chủ động xây dựng chương trình, kế hoạch, quan tâm đổi mới toàn diện, mạnh mẽ về nội dung và phương thức công tác tuyên truyền, khẳng định vai trò, vị trí của doanh nghiệp là động lực phát triển kinh tế - xã hội, giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập cho người lao động, đảm bảo an sinh xã hội trên địa bàn. Đổi mới nội dung, hình thức tuyên truyền để doanh nghiệp tiếp cận, nắm bắt kịp thời các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, tiềm năng, lợi thế của tỉnh và các địa phương.

Ban Tuyên giáo các cấp đã chỉ đạo, định hướng hệ thống các cơ quan báo chí, truyền thông; đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên tập trung tuyên truyền sâu rộng các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, chủ trương của tỉnh như: Luật Doanh nghiệp năm 2020; Luật Đầu tư năm 2020; [Luật Hỗ trợ doanh nghiệp](#)

⁵⁷ Hoàng Sỹ Nam - Phát triển Doanh nghiệp thương mại nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh, luận án Tiến sĩ, năm 2018

⁵⁸ Nghị quyết 08-NQ/TU

[nhỏ và vừa năm 2017](#) và các văn bản hướng dẫn Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa⁵⁹; Nghị quyết số 08-NQ/TU, ngày 22/11/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh “về đổi mới, phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động doanh nghiệp đến năm 2025 và những năm tiếp theo”; các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh và các địa phương như: Chính sách hỗ trợ thuế, kế toán, pháp lý, hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận nguồn vốn của các tổ chức tín dụng, doanh nghiệp chuyển đổi từ hộ kinh doanh, các dự án khởi nghiệp; chính sách hỗ trợ, phục hồi sản xuất, kinh doanh cho doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19... Tập trung tuyên truyền về kết quả cải cách hành chính; thu hút đầu tư; tuyên truyền, quảng bá hình ảnh quê hương, con người Hà Tĩnh, các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp, các tiềm năng, lợi thế của tỉnh đến người dân và cộng đồng doanh nghiệp.

Định kỳ tổ chức hội nghị báo cáo viên, hội nghị giao ban báo chí để cung cấp thông tin về tình hình kinh tế - xã hội, thu hút đầu tư, phát triển doanh nghiệp... trên địa bàn tỉnh. Hằng tháng Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy ban hành văn bản định hướng công tác tuyên truyền cho các cơ quan báo chí, truyền thông; biên tập tài liệu sinh hoạt chi bộ, tài liệu tham khảo cho đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên các cấp. Đẩy mạnh, nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền miệng, hoạt động báo cáo viên tại các địa phương, đơn vị⁶⁰.

Công tác phối hợp tuyên truyền được quan tâm, thực hiện tốt Quyết định 238-QĐ/TW về “Quy chế phối hợp giữa Ban Tuyên giáo các cấp với cơ quan nhà nước cùng cấp trong việc thực thi pháp luật, triển khai kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, giải quyết các vấn đề nổi cộm, nhân dân quan tâm”. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy đã chủ động xây dựng chương trình phối hợp với Ban Cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh, Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh, Công an tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, Bảo hiểm xã hội tỉnh. Chủ động phối hợp có hiệu quả với các ban, sở, ngành, đoàn thể cấp tỉnh trong việc cung cấp thông tin, định hướng tuyên truyền toàn diện trên các lĩnh vực nhằm phục vụ công tác tuyên truyền nói chung, tuyên truyền về phát triển kinh tế - xã

⁵⁹ [Nghị định 80/2021/NĐ-CP](#) hướng dẫn [Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa](#); [Nghị định 55/2019/NĐ-CP](#) về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa; [Nghị định 39/2019/NĐ-CP](#) về tổ chức và hoạt động của Quỹ Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa; [Nghị định 57/2018/NĐ-CP](#) về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; [Nghị định 38/2018/NĐ-CP](#) quy định chi tiết về đầu tư cho doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo; [Nghị định 34/2018/NĐ-CP](#) về thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa; [Thông tư 07/2020/TT-BKHHCN](#) hướng dẫn về việc thành lập cơ sở ươm tạo doanh nghiệp nhỏ và vừa; cơ sở kỹ thuật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, khu làm việc chung hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành; [Thông tư 132/2018/TT-BTC](#) hướng dẫn Chế độ kế toán cho doanh nghiệp siêu nhỏ do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành.

⁶⁰ Đến nay, toàn tỉnh có 05 báo cáo viên Trung ương, 52 báo cáo viên Tỉnh ủy, 433 báo cáo viên cấp huyện, 180 báo cáo viên của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh; 3.700 tuyên truyền viên nông cốt của Đảng ở cấp xã và tương đương; 6.902 tuyên truyền viên ở thôn, tổ dân phố.

hội, phát triển doanh nghiệp các vấn đề được dư luận quan tâm. Kết hợp lồng ghép tổ chức các hội nghị báo cáo viên với tham quan các mô hình phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh.

Các cơ quan chức năng; cơ quan thông tấn, báo chí và hệ thống thông tin cơ sở đã thực hiện tốt công tác thông tin, tuyên truyền các chính sách hỗ trợ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa như: Sở Tư pháp phát hành Tờ Thông tin hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp hằng tháng, cấp phát cho các sở, ban, ngành, địa phương và các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh để thông tin kịp thời những nội dung cơ bản về tình hình kinh tế xã hội, các chính sách của trung ương và địa phương mới ban hành liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp. Sở Thông tin và Truyền thông ban hành Kế hoạch số 1210/KH-STTTT ngày 26/10/2020 về tuyên truyền chủ trương khuyến khích, hỗ trợ phát triển kinh tế tư nhân, doanh nghiệp vừa và nhỏ. Báo Hà Tĩnh đã xây dựng các chuyên mục “Kinh tế”, “Đầu tư”, “Công nghiệp”, “Nông nghiệp”, “Thị trường”, hằng năm đăng tải hơn 560 tin, bài viết tuyên truyền, giới thiệu các mô hình doanh nghiệp. Đài Phát thanh và Truyền hình Hà Tĩnh mỗi năm xây dựng trên 600 tin, bài, phóng sự phát trên sóng phát thanh, truyền hình phản ánh khá đầy đủ các nội dung về các chính sách, giải pháp của các ngành, các cấp trong phát triển các mô hình doanh nghiệp nhỏ và vừa. Xây dựng và phát sóng các chuyên mục như “Pháp luật và đời sống”, “Nông thôn mới”, “Công thương”, “Vấn đề hôm nay”. Các cơ quan báo chí trung ương và tỉnh bạn có văn phòng đại diện, phóng viên thường trú trên địa bàn cũng tích cực tham gia trong công tác tuyên truyền, hằng năm, đã có trên 200 tin, bài viết về các mô hình, điển hình, hoạt động của các cấp, các ngành trong khuyến khích, xây dựng và phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa. Đồng thời thông tin, tuyên truyền về những doanh nghiệp, doanh nhân có nhiều đóng góp cho sự phát triển của tỉnh.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội vận động đoàn viên, hội viên và nhân dân tích cực tham gia phát triển doanh nghiệp và khởi nghiệp, các phong trào thi đua, phát huy sáng kiến kinh nghiệm, nâng cao năng suất lao động, hiệu quả sản xuất, kinh doanh trong doanh nghiệp. Đồng thời, tiến hành lồng ghép với các chủ đề, phong trào khác trong các tổ chức, hội đoàn thể quần chúng nhân dân, nhằm khơi dậy ý chí tự lực, tự cường, ý chí vươn lên của các tầng lớp nhân dân. Từ đó phát huy được sức mạnh đại đoàn kết toàn dân, huy động mọi nguồn lực, thúc đẩy sự phát triển của các doanh nghiệp nhỏ và vừa; góp phần đưa Hà Tĩnh phát triển nhanh và bền vững.

Các tổ chức đảng, đoàn thể trong doanh nghiệp thường xuyên làm tốt công tác tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, của tỉnh đến

đội ngũ doanh nhân, người lao động. Quan tâm giáo dục đảng viên, người lao động phát huy trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh, xây dựng thương hiệu của doanh nghiệp và sản phẩm; thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở trong doanh nghiệp. Tổ chức công đoàn trong các doanh nghiệp thường xuyên nắm bắt tình hình tư tưởng, đời sống người lao động, phối hợp các chủ doanh nghiệp chăm lo, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động, kịp thời động viên, hỗ trợ người lao động gặp hoàn cảnh khó khăn.

Song song với quá trình tuyên truyền, vận động, cấp ủy, ban tuyên giáo các cấp đã quan tâm công tác nắm bắt tình tư tưởng của cán bộ, đảng viên và nhân dân; nắm bắt những phản ánh của đội ngũ doanh nhân, người lao động trong các doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa để tham mưu cấp ủy kịp thời giải quyết những vụ việc phức tạp, nhạy cảm nảy sinh từ cơ sở, không để phát sinh thành “điểm nóng”; tạo môi trường đầu tư, kinh doanh thông thoáng, thuận lợi; đảm bảo quyền lợi cho doanh nghiệp và người lao động. Tổ chức, phối hợp tổ chức nhiều cuộc điều tra xã hội học, tiêu biểu là điều tra 01 năm tổ chức thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc khóa XIII và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh khóa XIX; điều tra kết quả chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh... làm căn cứ khoa học để tham mưu cho cấp ủy tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo các nội dung liên quan trong tình mới. Công tác đấu tranh phòng, chống các quan điểm sai trái, thù địch liên quan đến công tác thu hút đầu tư, phát triển doanh nghiệp, triển khai các công trình dự án trọng điểm trên địa bàn được tập trung chỉ đạo. Các cơ quan chức năng đã có biện pháp siết chặt quản lý các trang mạng xã hội, kịp thời ngăn chặn các thông tin xấu, độc, thông tin sai sự thật ảnh hưởng đến môi trường đầu tư, kinh doanh của tỉnh.

Để góp phần thúc đẩy sự phát triển của doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh, trong thời gian tới công tác tuyên truyền cần quan tâm thực hiện tốt một số nhiệm vụ sau:

Thứ nhất, tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức, nâng cao hiệu quả tuyên truyền để người dân, doanh nghiệp tiếp cận nhanh, đầy đủ, chính xác các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, của tỉnh nói chung; các chủ trương, chính sách về phát triển doanh nghiệp nói riêng, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa. Làm tốt công tác tuyên truyền về Quy hoạch tỉnh Hà Tĩnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 gắn với các nội dung của Hội nghị công bố Quy hoạch và xúc tiến đầu tư của tỉnh; tập trung tuyên truyền chuyển đổi số, để thực hiện mục tiêu Nghị quyết số 08-NQ/TU, “phần đầu trên 80% doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ số trong điều hành, quản lý, sản xuất và kinh doanh trên sàn thương mại

điện tử”. Tiếp tục tuyên truyền cải cách hành chính, chính sách thu hút đầu tư, hỗ trợ doanh nghiệp; tuyên truyền quảng bá các tiềm năng, lợi thế của tỉnh...

Thứ hai, tiếp tục thực hiện tốt Quy chế phối hợp giữa Ban Tuyên giáo các cấp với cơ quan nhà nước cùng cấp trong việc thực thi pháp luật, triển khai kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, giải quyết các vấn đề nổi cộm, nhân dân quan tâm. Trong từng nội dung phối hợp, làm rõ cơ quan chủ trì và cơ quan phối hợp; đặc biệt làm rõ vai trò chủ động của các cơ quan nhà nước trong hoạt động phối hợp thường xuyên và vai trò của ban tuyên giáo các cấp, phát huy tốt vai trò trách nhiệm của các cơ quan chức năng trong việc cung cấp thông tin, định hướng tuyên truyền, nhất là sở Kế hoạch và Đầu tư, sở Tư pháp, Sở Thông tin và Truyền thông...

Thứ ba, kịp thời cung cấp thông tin, định hướng tuyên truyền cho các cơ quan báo chí, truyền thông; cho đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên nòng cốt của Đảng các cấp. Báo Hà Tĩnh, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh tiếp tục duy trì, phát huy hiệu quả các chuyên trang, chuyên mục; tăng cường tin, bài, phóng sự về phát triển doanh nghiệp; phản ánh đầy đủ nhtời cơ, thuận lợi và những bất cập, khó khăn đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa trong tiếp cận vốn, công nghệ, thị trường để các cơ quan chức năng có biện pháp tháo gỡ.

Thứ tư, Chú trọng việc thành lập, nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ chức đảng, đoàn thể trong doanh nghiệp. Tiếp tục quan tâm giáo dục đảng viên, người lao động phát huy trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh, xây dựng thương hiệu của doanh nghiệp và sản phẩm; thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở trong doanh nghiệp. Cấp ủy, chính quyền các cấp phối hợp với chủ doanh nghiệp quan tâm chăm lo, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động, kịp thời động viên, hỗ trợ người lao động gặp hoàn cảnh khó khăn.

Thứ năm, Chủ động, tích cực nắm bắt diễn biến tư tưởng, dư luận xã hội trong cán bộ, đảng viên và các tầng lớp Nhân dân, nhất là người lao động trong các doanh nghiệp; tham mưu cấp ủy kịp thời giải quyết những vụ việc phức tạp, nhạy cảm nảy sinh từ cơ sở. Nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh, phòng, chống các quan điểm thù địch, thông tin sai trái, xuyên tạc liên quan đến lĩnh vực phát triển kinh tế - xã hội; phát triển doanh nghiệp, doanh nhân trên địa bàn tỉnh, tạo môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi, bình đẳng, ổn định đối với các loại hình doanh nghiệp, góp phần thúc đẩy sự phát triển bền vững của tỉnh.

VAI TRÒ CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH VỀ VIỆC PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA TRONG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA HÀ TĨNH

Ban Kinh tế và Ngân sách HĐND tỉnh Hà Tĩnh

Theo quy định của Hiến pháp và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương hiện hành thì Hội đồng nhân dân (HĐND) là cơ quan nhà nước do nhân dân địa phương trực tiếp bầu ra để thay mặt nhân dân quyết định những vấn đề liên quan đến đời sống nhân dân địa phương, và giám sát các cơ quan nhà nước cũng như các tổ chức cá nhân trong việc thực hiện các chính sách pháp luật ở địa phương, HĐND cũng chính là một cơ chế để nhân dân thực hiện quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội. HĐND là cơ sở để thành lập các cơ quan nhà nước khác thuộc địa phương; là nơi thể chế hóa, định hướng tổ chức thực hiện các chính sách, quyết định của cơ quan nhà nước cấp trên; điều hòa, phối hợp hoạt động của các cơ quan nhà nước trên địa bàn lãnh thổ, đồng thời chịu trách nhiệm trước nhân dân và cơ quan nhà nước cấp trên.

Phát triển doanh nghiệp là nhiệm vụ quan trọng trong phát triển kinh tế xã hội của địa phương, theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương, chỉ có HĐND cấp tỉnh mới có thẩm quyền quyết định những vấn đề quy hoạch, kế hoạch, biện pháp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh... Theo Điều 25, Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017 quy định: “Hội đồng nhân dân cấp tỉnh căn cứ vào điều kiện thực tế tại địa phương, quyết định: (i) Bố trí quỹ đất để hình thành, phát triển cụm công nghiệp; khu chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản, hải sản tập trung cho doanh nghiệp nhỏ và vừa phù hợp với quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt. (ii) Hỗ trợ giá thuê mặt bằng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tại các khu công nghiệp, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp trên địa bàn. Thời gian hỗ trợ tối đa là 05 năm kể từ ngày ký hợp đồng thuê mặt bằng. (iii) giao cho tổ chức tài chính nhà nước của địa phương thực hiện đầu tư vào doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo. (iv) Ban hành chính sách và bố trí nguồn lực hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tại địa phương; quyết định dự toán ngân sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước. (v) Giám sát việc tuân theo pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tại địa phương”.

Thời gian qua Hội đồng nhân dân tỉnh đã kịp thời quyết định hoặc thông qua trước khi trình các bộ, ngành hoặc Chính phủ quyết định nhiều nội dung hỗ trợ, phát triển doanh nghiệp, cụ thể như: Thông qua quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm

nhìn đến năm 2025⁶¹ trước khi trình Thủ tướng chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1363/QĐ-TTg ngày 08/11/2022, trong đó đã định hướng: phát triển các ngành nghề, bố trí quỹ đất để hình thành, phát triển cụm công nghiệp; khu chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản, hải sản tập trung... để doanh nghiệp nói chung và doanh nghiệp nhỏ và vừa nói riêng có cái nhìn tổng quan, lựa chọn ngành nghề, vị trí đầu tư phù hợp với năng lực sở trường;

Để hỗ trợ phát triển doanh nghiệp, tăng cường thu hút đầu tư, Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành đồng bộ cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế tư nhân, bao gồm chính sách hỗ trợ thành lập mới hộ kinh doanh và doanh nghiệp⁶², hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã⁶³, chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn⁶⁴ và cơ chế xây dựng nông thôn mới⁶⁵, phát triển đô thị, phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp⁶⁶, chính sách chuyển đổi mô hình quản lý và khai thác chợ, chính sách phát triển văn hóa, thể thao, du lịch⁶⁷, chính sách bồi thường tái định cư, các chính sách phát triển khoa học và công nghệ⁶⁸...;

Cùng với việc ban hành các chính sách, Hội đồng nhân dân tỉnh đã giao cho Quỹ đầu tư phát triển quản lý ủy thác Quỹ bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa với số vốn điều lệ là 40 tỷ đồng (ngân sách cấp 30 tỷ đồng, các tổ chức đóng góp 10 tỷ đồng);

Nhờ đó, giai đoạn 2006-2022, số lượng doanh nghiệp thành lập mới là 10.761 doanh nghiệp, tăng gấp 11,7 lần so với giai đoạn 1991-2005. Số lượng doanh nghiệp thành lập mới bình quân mỗi năm 650 doanh nghiệp/năm. Lũy kế đến ngày 13/8/2023, tổng số doanh nghiệp đăng ký thành lập mới toàn tỉnh là 12.719 doanh nghiệp, vượt mục tiêu 10.000 doanh nghiệp; tổng vốn điều lệ đăng ký đạt 116.550 tỷ đồng; vốn

⁶¹ Tại các Nghị quyết số: 12/NQ-HĐND ngày 17/07/2021; 64/NQ-HĐND ngày 28/01/2022; 70/NQ-HĐND ngày 29/04/2022

⁶² Nghị quyết số 87/2018/NQ-HĐND ngày 18/7/2018 và Nghị quyết số 105/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh quy định một số chính sách hỗ trợ thành lập mới hộ kinh doanh và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh

⁶³ Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 30/12/2021 và Nghị quyết số 91/2022/NQ-HĐND ngày 16/12/2022 của HĐND tỉnh quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2025

⁶⁴ Nghị quyết số 51/2021/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 quy định chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông thôn gắn với xây dựng tỉnh đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2022-2025

⁶⁵ Nghị quyết số 44/2021/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 về một số cơ chế, chính sách hỗ trợ tạo nguồn lực xây dựng thành công tỉnh Hà Tĩnh đạt chuẩn nông thôn mới, giai đoạn 2022-2025

⁶⁶ Nghị quyết số 73/2013/NQ-HĐND ngày 18/12/2013 về phát triển cụm công nghiệp đến năm 2020, Nghị quyết số 86/2018/NQ-HĐND ngày 18/7/2018 về một số cơ chế chính sách phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, Nghị quyết số 96/2022/NQ-HĐND ngày 16/12/2022 một số chính sách hỗ trợ phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2025...

⁶⁷ Nghị quyết số 98/2022/NQ-HĐND ngày 16/12/2022 về một số chính sách phát triển văn hóa, thể thao và du lịch tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2023-2025

⁶⁸ Nghị quyết số 95/2022/NQ-HĐND ngày 16/12/2022 về một số chính sách phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2025

đăng ký bình quân 9,1 tỷ đồng/doanh nghiệp; 98% doanh nghiệp Hà Tĩnh là doanh nghiệp quy mô vừa và nhỏ. Doanh thu bình quân giai đoạn 2006-2022 khu vực doanh nghiệp đạt trên 834.000 tỷ đồng, trong đó: khu vực doanh nghiệp Nhà nước đạt 29.353 tỷ đồng; khu vực doanh nghiệp dân doanh đạt 522.052 tỷ đồng; khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đạt 283.357 tỷ đồng.

Hiện nay, Hà Tĩnh có hơn 10.801 doanh nghiệp đang hoạt động trên hệ thống Đăng ký kinh doanh quốc gia (trong đó, 98% doanh nghiệp Hà Tĩnh là doanh nghiệp quy mô vừa và nhỏ); 23 cụm công nghiệp đã được thành lập, quy hoạch, trong đó có 10 cụm công nghiệp do doanh nghiệp đầu tư, kinh doanh hạ tầng với số vốn đăng ký là 1.870 tỷ đồng; thu hút được 312 dự án đăng ký đầu tư, trong đó có hơn 200 dự án đã đi vào hoạt động, giải quyết việc làm cho hơn 5.000 lao động, giá trị sản xuất công nghiệp tại các cụm công nghiệp đạt trên 4.000 tỷ đồng. Với việc thực hiện các chính sách hỗ trợ đã thu hút được nguồn vốn xã hội hóa, góp phần thúc đẩy sự phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn.

Năm 2022, tỷ lệ đóng góp của khu vực doanh nghiệp vào tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) đạt khoảng 58%; sự phát triển doanh nghiệp đã thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế đúng hướng (giảm tỷ trọng nông nghiệp, tăng tỷ trọng công nghiệp, xây dựng và dịch vụ), hiệu quả sử dụng các yếu tố đầu vào cho nền kinh tế được cải thiện đáng kể. Về giải quyết việc làm và thu nhập cho người lao động, giai đoạn 2016-2022 có nhiều dự án lớn hoàn thành và đi vào hoạt động đã góp phần chuyển dịch nhanh cơ cấu lao động trong khu vực doanh nghiệp; giai đoạn này có 83.112 lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp, trong đó: doanh nghiệp Nhà nước có 4.547 lao động; doanh nghiệp dân doanh có 68.165 lao động, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài 10.400 lao động.

Cùng với những đóng góp quan trọng cho nền kinh tế, trong những năm qua *các doanh nghiệp đã thể hiện rõ nét* vai trò, trách nhiệm cùng với các cấp, các ngành và cộng đồng giải quyết tốt vấn đề an sinh xã hội, ủng hộ người nghèo, thiên tai, bão, lụt, dịch bệnh... với số tiền hàng trăm tỷ đồng. Tổ chức các chuyến thăm, tặng quà, chúc Tết người nghèo, đồng bào vùng sâu, vùng xa; trao hàng nghìn suất học bổng cho học sinh, sinh viên nghèo vượt khó học giỏi. Những hoạt động xã hội, từ thiện của các doanh nghiệp, doanh nhân trong thời gian qua góp phần tạo hình ảnh đẹp của doanh nghiệp, doanh nhân trong xã hội, được chính quyền địa phương và Nhân dân ghi nhận, đánh giá cao.

Cùng với việc ban hành các cơ chế, chính sách; hàng năm, Hội đồng nhân dân tỉnh thường xuyên có các cuộc giám sát, khảo sát việc tuân thủ pháp luật của các cơ quan

nhà nước, cũng như các doanh nghiệp vừa và nhỏ trong các hoạt động có liên quan. Qua đó đã kịp thời tháo gỡ khó khăn vướng mắc cho các doanh nghiệp; và cũng nhìn thấy thực trạng, hoạt động doanh nghiệp vừa và nhỏ còn gặp nhiều khó khăn, như:

Quy mô nhỏ, vốn ít, năng lực tài chính yếu, trình độ lao động còn chưa cao, năng lực quản lý điều hành còn hạn chế, mức độ am hiểu pháp luật còn thấp, chưa nhận thức đúng vai trò chuyển đổi số trong cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, chưa chủ động tiếp cận, ứng dụng, phát triển công nghệ hiện đại,... từ đó dẫn đến sức cạnh tranh còn yếu, bị động trước sự biến động của môi trường kinh doanh, nhất là các tác động gây ảnh hưởng trong xã hội và trong hoạt động kinh doanh. Bên cạnh đó, nội tại phần lớn doanh nghiệp của tỉnh sử dụng công nghệ sản xuất chưa hiện đại, sản phẩm còn thiếu tính cạnh tranh, chưa có nhiều sản phẩm có giá trị cao, sản phẩm thông minh, thị trường chủ yếu là trong nước hoặc xuất khẩu sản phẩm thô ra nước ngoài dẫn đến lợi nhuận, doanh thu, hiệu quả đầu tư đạt thấp. Tỷ lệ doanh nghiệp hoạt động hiệu quả (có phát sinh nghĩa vụ thuế) trên địa bàn tỉnh chỉ chiếm 38% tổng số doanh nghiệp, trong khi đó con số này của cả nước là gần 50%;

Kinh tế tư nhân chưa trở thành động lực chính trong nền kinh tế của tỉnh và chưa được khuyến khích xứng đáng để có thể trở thành động lực lôi kéo nền kinh tế về lâu dài. Công tác quản lý và phát triển hộ kinh doanh còn nhiều hạn chế; mặc dù hộ kinh doanh chiếm số lượng rất lớn và đóng góp nhiều vào GDP của tỉnh nhưng chưa có đầy đủ hành lang pháp lý để quản lý và phát triển đối tượng này, các cơ chế chính sách hỗ trợ hoạt động sản xuất kinh doanh và thủ tục hành chính chưa đủ hiệu quả;

Cơ cấu sản phẩm, ngành nghề của khu vực kinh tế tư nhân còn bất cập khi tập trung nhiều vào lĩnh vực thương mại, dịch vụ, chưa đa dạng và chưa theo kịp nhu cầu của thị trường; chưa chú trọng ứng dụng các thành tựu khoa học kỹ thuật, tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị dẫn đến hiệu quả hoạt động chưa cao, chất lượng sản phẩm còn hạn chế;

Đặc biệt từ đầu năm 2020, dịch Covid-19 đã gây ảnh hưởng lớn đến sản xuất kinh doanh khu vực kinh tế tư nhân, làm đứt gãy các chuỗi giá trị đã hình thành, gián đoạn chuỗi cung ứng và lưu chuyển thương mại, thiếu hụt lao động tạm thời, nguyên vật liệu đầu vào cho thị trường xuất khẩu đối với các lĩnh vực chế biến, xuất khẩu nông lâm, thủy hải sản; công nghiệp chế biến chế tạo, sản xuất, xuất khẩu dệt may, da, sắt thép; lĩnh vực thương mại dịch vụ, du lịch, lưu trú, ăn uống; y tế, giáo dục, lao động việc làm. Một số doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp trên địa bàn phải thu hẹp sản xuất kinh doanh, giải thể hoặc tạm ngừng hoạt động.

Để khắc phục những khó khăn, vướng mắc phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh theo hướng bền vững; thời gian tới cần quan tâm thực hiện các giải pháp sau:

Trước hết, Nâng cao chất lượng ban hành văn bản quy phạm quy pháp luật thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân; Tăng cường công tác giám sát, khảo sát để kịp thời phát hiện khó khăn, vướng mắc, quyết định biện pháp, giải pháp phát triển doanh nghiệp phù hợp với tình hình thực tiễn địa phương.

Thường trực HĐND, Tổ đại biểu HĐND cần nghiên cứu, tổ chức hội nghị tiếp xúc cử tri chuyên đề là đại diện doanh nghiệp, HTX, hộ kinh doanh trên địa bàn tỉnh để thể hiện sự đổi mới trong hoạt động của HĐND tỉnh, hướng tới mục tiêu cao nhất là xây dựng chính quyền liêm chính, phục vụ, sự phát triển. Thông qua hội nghị, Thường trực HĐND tỉnh, Tổ ĐB HĐND tỉnh lắng nghe trực tiếp ý kiến kiến nghị, tâm tư, nguyện vọng của cử tri là đại diện doanh nghiệp, HTX, hộ kinh doanh; xem đây là những cơ sở dữ liệu thực tế quan trọng để HĐND tỉnh quyết định biện pháp phát triển doanh nghiệp, HTX, hộ kinh doanh trên địa bàn. Qua đó góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả thực thi chính sách pháp luật, quản trị rủi ro trong bối cảnh những thách thức mới của tình hình thế giới và trong nước đang đặt ra.

Thứ hai, Chỉ đạo rà soát các cơ chế, chính sách đã ban hành liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp đang còn hiệu lực để dừng thực hiện và bãi bỏ các chính sách không còn phù hợp; sửa đổi, tích hợp, ban hành các chính sách mới để thực hiện trong những năm tới đảm bảo thống nhất, đồng bộ, thiết thực, phù hợp với thực tiễn và khả năng cân đối ngân sách của tỉnh, gắn với việc thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ của Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020 -2025 và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh giai đoạn 2021-2025.

Triển khai thực hiện tốt cơ chế chính sách về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa thành lập mới, doanh nghiệp chuyển đổi từ hộ kinh doanh theo quy định tại Nghị quyết số 87/2018/NQ-HĐND ngày 18/7/2018 và Nghị quyết số 105/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh.

Thứ ba, Hàng năm bố trí kinh phí tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa. Tiếp tục thực hiện đồng bộ các giải pháp cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh. Đẩy nhanh tiến độ xây dựng chính quyền điện tử, hoàn thành ứng dụng, sử dụng việc xử lý văn bản, hồ sơ công việc, thủ tục hành chính của hệ thống chính quyền từ tỉnh đến xã trên môi trường điện tử, nhằm đảm bảo công khai, minh bạch, giảm thời gian và chi phí cho tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp.

Tập trung rà soát, đánh giá, đơn giản hóa quy trình, thủ tục hành chính theo hướng chủ động phục vụ doanh nghiệp; thường xuyên cập nhật các TTHC do Trung ương công bố, ban hành mới, sửa đổi, bổ sung để tham mưu công bố kịp thời theo quy định; công khai minh bạch các TTHC và cập nhật kịp thời trên cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp trong hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh.

Thứ tư, Khuyến khích, hỗ trợ Doanh nghiệp nhỏ và vừa đầu tư vào các hoạt động nghiên cứu và phát triển, ứng dụng, chuyển giao công nghệ tiên tiến. Hoàn thiện và bảo đảm thực thi hiệu quả pháp luật về sở hữu trí tuệ; phát triển các quỹ hỗ trợ đổi mới sáng tạo và ứng dụng công nghệ; áp dụng chính sách thuế, hỗ trợ tài chính, tiếp cận các nguồn vốn ưu đãi phù hợp với hoạt động nghiên cứu, đổi mới, hiện đại hóa công nghệ; kết nối DN, ý tưởng khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo.

Thứ năm, Các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh cần tích cực, chủ động cập nhật, nâng cao kiến thức, năng lực quản trị doanh nghiệp, quản trị rủi ro và quản lý tài chính; học tập kinh nghiệm về quản lý, tiếp cận và học tập các mô hình, kinh nghiệm sản xuất - kinh doanh tiên tiến. Áp dụng khoa học kỹ thuật, ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động và giao dịch; đổi mới, nâng cao trình độ công nghệ sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm nhằm đáp ứng các tiêu chuẩn tham gia chuỗi cung ứng của các đối tác lớn đặc biệt là khả năng tham gia vào chuỗi cung ứng mang tính toàn cầu. Tuân thủ nghiêm túc các quy định pháp luật về đầu tư, kinh doanh, bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động để đảm bảo việc phát triển bền vững.

Thứ sáu, Cấp ủy, chính quyền các cấp tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo về công tác phát triển doanh nghiệp thuộc ngành, địa phương mình quản lý thông qua việc ban hành các Nghị quyết, Quyết định, Kế hoạch chuyên ngành; trong đó phải định hướng hoạt động của doanh nghiệp, tránh phiền hà, phù hợp với việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của ngành, địa phương mình. Tăng cường thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các Nghị quyết, Quyết định, Kế hoạch đã ban hành; xử lý nghiêm các đơn vị không triển khai thực hiện hoặc triển khai thiếu tích cực.

Thứ bảy, Rà soát, kiện toàn tổ chức và hoạt động của Hiệp hội, các Hội doanh nghiệp địa phương, ngành hàng, câu lạc bộ doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh; phát huy hơn nữa vai trò của Hiệp hội Doanh nghiệp Hà Tĩnh trong việc đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích của cộng đồng doanh nghiệp, làm cầu nối giữa doanh nghiệp với các cấp ủy, chính quyền các cấp, các cơ quan quản lý nhà nước.

Khuyến khích cộng đồng doanh nghiệp phản biện chính sách, kịp thời phản ánh

những vướng mắc, khó khăn trong thực hiện TTTHC của các doanh nghiệp, các nhà đầu tư để phản ánh với cơ quan có thẩm quyền xem xét, tháo gỡ kịp thời. Nêu cao tinh thần đổi mới sáng tạo trong hoạt động sản xuất kinh doanh; nâng cao năng lực cạnh tranh, ý thức chấp hành quy định của pháp luật...

Hiệp hội doanh nghiệp (vừa và nhỏ) tỉnh tỉnh cùng các doanh nghiệp trực thuộc:

(i) Cần nghiên cứu để có cơ chế phối hợp chặt chẽ với VCCI, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kiến thức, kỹ năng quản lý điều hành cho các doanh nghiệp. Ngoài ra, tổ chức các hội thảo, tọa đàm nhằm nâng cao nhận thức cho doanh nhân về chính sách liên quan đến tình hình sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, những vấn đề bất cập liên quan đến thị trường, vốn, các chiến lược kinh doanh, dòng tiền, thị trường...(ii) Đề ra nhiều mục tiêu, nhiệm vụ giải pháp thực hiện, trong đó chú trọng vào đào tạo nguồn nhân lực quản lý cao cấp cho doanh nghiệp, nâng cao năng lực quản trị của doanh nghiệp phù hợp với xu thế phát triển, tiếp cận các phương thức quản lý tiên tiến, hiện đại của thế giới; (iii) Nâng cao vai trò của Hiệp hội trong việc cung cấp dịch vụ hữu ích cho hội viên (thông qua việc tổ chức các khóa đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực quản trị, điều hành, ứng dụng chuyển đổi số cho doanh nghiệp hội viên); (iv) Đồng thời, phát huy lợi thế của một hiệp hội đa ngành nghề, có hội viên đông trong việc đẩy mạnh kết nối giao thương, xúc tiến thương mại và đầu tư, mang lại lợi ích thiết thực cho doanh nghiệp hội viên; (v) Xây dựng văn hóa và trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp cũng cần được chú trọng thực hiện; (vi) Tăng cường quan hệ phối hợp giữa doanh nghiệp và các cơ quan công quyền theo hướng bảo đảm quyền tự do kinh doanh hợp pháp và hướng dẫn thực hiện kinh doanh đúng pháp luật.

Thứ tám, Phát triển doanh nghiệp phải gắn với bảo vệ môi trường. Đối với các doanh nghiệp trong lĩnh vực nông, lâm, thủy sản, phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung, có giá trị gia tăng cao, gắn với xây dựng thương hiệu sản phẩm; chú trọng phát triển doanh nghiệp trồng trọt, sản xuất, kinh doanh, chế biến các sản phẩm nông nghiệp chủ lực theo hướng sản xuất tập trung theo vùng, quy mô lớn, công nghệ cao, theo chuỗi giá trị; ưu tiên phát triển doanh nghiệp chăn nuôi theo hướng công nghiệp, gắn với chế biến thực phẩm và bảo vệ môi trường.

Đối với doanh nghiệp trong lĩnh vực công nghiệp, xây dựng, phát triển doanh nghiệp gắn với bảo vệ môi trường; đổi mới công nghệ, nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp hoạt động trong ngành công nghiệp; ưu tiên phát triển doanh nghiệp hoạt động trong ngành công nghiệp hỗ trợ và công nghiệp sau thép, năng lượng - điện,

chế biến, chế tạo; khuyến khích phát triển sản xuất công nghiệp theo chiều sâu nhằm tạo ra các sản phẩm có thương hiệu và sức cạnh tranh trên thị trường khu vực; phát triển hợp lý các doanh nghiệp hoạt động trong ngành công nghiệp sử dụng nhiều lao động như dệt may, giày da; phát triển doanh nghiệp hoạt động trong ngành xây dựng đạt trình độ cao trong các lĩnh vực thiết kế, xây dựng công trình, phát triển đô thị.

Với mục tiêu phục vụ người dân, doanh nghiệp tốt hơn, trong thời gian tới, cả hệ thống chính trị toàn tỉnh sẽ tiếp tục rà soát, hoàn thiện công tác quản lý nhà nước trong tất cả các lĩnh vực. Trong đó, sẽ tập trung thực hiện một số giải pháp nhằm công khai, minh bạch thông tin trong tiếp cận đất đai, thị trường, quy hoạch; đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát. Đồng thời, không ngừng nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, nhất là sự gương mẫu, trách nhiệm của người đứng đầu; quyết liệt trong hành động, dám nghĩ, dám làm, dám đột phá, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung nhằm hướng tới xây dựng một môi trường đầu tư - kinh doanh bình đẳng, thuận lợi cho cộng đồng doanh nghiệp cùng phát triển.

Kết quả đó sẽ được đánh giá bằng thước đo khách quan từ việc tạo dựng được niềm tin vững chắc đối với cộng đồng doanh nghiệp, nhân dân thông qua các số liệu minh chứng đến 2030: Hà Tĩnh đạt được ngôi vị trong bảng xếp hạng PCI, Chỉ số PAR-Index, Chỉ số SIPAS, Chỉ số PAPI.

Tài liệu tham khảo:

1. *Luật Hỗ trợ Doanh nghiệp nhỏ và vừa ngày 12/6/2017.*
2. Thủ tướng Chính phủ (2021), *Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01/01/2021 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2021.*
3. Tỉnh ủy Hà Tĩnh (2006), *Nghị quyết 02-NQ/TU ngày 24/8/2006 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về tăng cường lãnh đạo phát triển doanh nghiệp đến năm 2010 và những năm tiếp theo.*
4. Tỉnh ủy Hà Tĩnh (2018), *Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 18/5/2018 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về đẩy mạnh phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp đến năm 2025 và những năm tiếp theo.*
5. Tỉnh ủy Hà Tĩnh (2020), *Nghị quyết 01-NQ/ĐH ngày 16/10/2020 Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020-2025.*
6. Tỉnh ủy Hà Tĩnh (2021), *Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 22/11/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về Giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2025 và những năm tiếp theo.*

7. Cục Thống kê tỉnh Hà Tĩnh (2022), *Niên giám thống kê tỉnh Hà Tĩnh 2022*, NXB Thống kê, Hà Nội

8. Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Tĩnh (2020), *Nghị quyết số 249/NQ-HĐND ngày 08/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025*.

9. Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh (2021), *Kế hoạch số 67/KH-UBND ngày 13/3/2021 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về triển khai Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX và Nghị quyết HĐND tỉnh về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021-2025*.

PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA THEO THEO HƯỚNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TRÊN ĐỊA BÀN HÀ TĨNH

Lê Đức Thắng

Chủ tịch Hiệp hội Doanh nghiệp Hà Tĩnh

Ở Hà Tĩnh hiện nay, việc phát triển Doanh nghiệp nhỏ và vừa đang được chính quyền các cấp, sở ngành quan tâm đặc biệt. Bởi vì sự phát triển của Tỉnh phụ thuộc rất nhiều vào sự phát triển của các doanh nghiệp. Mà trong giai đoạn đầu phát triển của nền kinh tế thị trường thì doanh nghiệp quy mô nhỏ và vừa có ý nghĩa vô cùng quan trọng.

Doanh nghiệp nhỏ và vừa có nhiều lợi thế như: Doanh nghiệp nhỏ và vừa có tính năng động, linh hoạt, tự do, sáng tạo trong kinh doanh; Doanh nghiệp nhỏ và vừa gắn liền với công nghệ trung gian, là cầu nối giữa công nghệ truyền thống và công nghệ hiện đại; Các doanh nghiệp nhỏ và vừa dễ dàng và nhanh chóng đổi mới thiết bị công nghệ, thích ứng với cuộc cách mạng khoa học-công nghệ hiện đại; Doanh nghiệp nhỏ và vừa cần vốn đầu tư ban đầu ít, hiệu quả cao, thu hồi vốn nhanh; Doanh nghiệp nhỏ và vừa có tỷ suất đầu tư trên lao động thấp so với doanh nghiệp lớn, vì vậy nó có hiệu suất tạo việc làm cao; Hệ thống tổ chức sản xuất và quản lý ở các doanh nghiệp nhỏ và vừa gọn nhẹ, linh hoạt, công tác điều hành mang tính trực tiếp; Quan hệ giữa người lao động và người quản lý trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa khá chặt chẽ; Sự đình trệ, thua lỗ, phá sản của các doanh nghiệp nhỏ và vừa có ảnh hưởng rất ít hoặc không gây khủng hoảng kinh tế - xã hội, đồng thời ít chịu ảnh hưởng của các cuộc khủng hoảng dây chuyền.

Vai trò và tác động kinh tế - xã hội của doanh nghiệp nhỏ và vừa được thể hiện trên một số phương diện sau:

Thứ nhất: Các doanh nghiệp nhỏ và vừa có vị trí rất quan trọng ở chỗ, chúng chiếm đa số về mặt số lượng trong tổng số các cơ sở sản xuất kinh doanh hiện nay và ngày càng gia tăng mạnh.

Tốc độ gia tăng các doanh nghiệp nhỏ và vừa nhanh hơn các doanh nghiệp lớn. Hiện nay tại Hà Tĩnh chưa có số liệu chính xác về doanh nghiệp nhỏ và vừa, qua thông tin số liệu cho rằng các doanh nghiệp nhỏ và vừa Hà Tĩnh chiếm khoảng 85-90% tổng số các doanh nghiệp.

Thứ hai: Tác động lớn nhất của doanh nghiệp nhỏ và vừa là giải quyết một số lượng lớn chỗ làm việc cho dân cư, làm tăng thu nhập cho người lao động, góp phần

xoá đói giảm nghèo. Doanh nghiệp nhỏ và vừa tạo công ăn việc làm cho người lao động vượt trội hơn hẳn so với khu vực khác, góp phần giải quyết nhiều vấn đề xã hội bức xúc. Đặc biệt trong nhiều thời kỳ các doanh nghiệp lớn sa thải công nhân thì khu vực doanh nghiệp nhỏ và vừa lại thu hút thêm nhiều lao động hoặc có tốc độ thu hút lao động mới cao hơn khu vực doanh nghiệp lớn.

Thứ ba: Các doanh nghiệp nhỏ và vừa góp phần làm năng động nền kinh tế trong cơ chế thị trường, do lợi thế quy mô nhỏ và vừa là năng động, linh hoạt, sáng tạo trong kinh doanh, cùng với hình thức tổ chức kinh doanh có sự kết hợp chuyên môn hoá và đa dạng hoá mềm dẻo, hoà nhịp được với những đòi hỏi của nền kinh tế thị trường.

Thứ tư: Khu vực doanh nghiệp nhỏ và vừa thu hút được khá nhiều vốn ở trong dân. Do tính chất nhỏ lẻ, dễ phân tán đi sâu vào dân cư và yêu cầu về số lượng vốn ban đầu không nhiều, cho nên các doanh nghiệp nhỏ và vừa có tác dụng rất lớn trong việc thu hút các nguồn vốn nhỏ lẻ, nhàn rỗi trong các tầng lớp dân cư đầu tư vào sản xuất kinh doanh, chúng tạo lập dần tập quán đầu tư vào sản xuất kinh doanh và hình thành các khu vực để thực hiện có kết quả vấn đề huy động vốn của dân cư theo luật khuyến khích đầu tư trong nước.

Thứ năm: Các doanh nghiệp nhỏ và vừa có vai trò to lớn đối với quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đặc biệt đối với khu vực nông thôn đã thúc đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, làm cho công nghiệp phát triển mạnh, đồng thời thúc đẩy các ngành thương mại- dịch vụ phát triển. Sự phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa cũng góp phần làm tăng tỷ trọng công nghiệp, dịch vụ và làm thu hẹp dần tỷ trọng khu vực nông nghiệp trong nền kinh tế của Hà Tĩnh. Các doanh nghiệp nhỏ và vừa còn góp phần đa dạng hoá cơ cấu công nghiệp.

Thứ sáu: Các doanh nghiệp nhỏ và vừa góp phần vào đô thị hoá phi tập trung. Sự phát triển của các doanh nghiệp nhỏ và vừa ở nông thôn sẽ thu hút những người lao động thiếu hoặc chưa có việc làm và có thể thu hút lượng lớn lao động thời vụ trong các kỳ nông nhàn vào hoạt động sản xuất-kinh doanh, rút dần lao động làm nông nghiệp sang làm công nghiệp hoặc dịch vụ, nhưng vẫn sống tại quê hương bản quán, không phải di chuyển đi xa, thực hiện phương châm “ly nông bất ly hương”. Đồng hành với nó là hình thành những khu vực khá tập trung các cơ sở công nghiệp và dịch vụ ngay tại nông thôn, tiến dần lên hình thành những thị xã, thị trấn, là hình thành các đô thị nhỏ đan xen giữa những làng quê, là quá trình đô thị hoá phi tập trung.

Thứ bảy: Các doanh nghiệp nhỏ và vừa là nơi ươm mầm các tài năng kinh doanh, là nơi đào tạo các nhà doanh nghiệp. Kinh doanh quy mô nhỏ sẽ là nơi đào tạo, rèn

luyện các nhà doanh nghiệp làm quen với môi trường kinh doanh. Bắt đầu từ kinh doanh quy mô nhỏ và thông qua điều hành quản lý kinh doanh quy mô nhỏ và vừa, một số nhà doanh nghiệp sẽ trưởng thành nên những nhà doanh nghiệp lớn tài ba, biết đưa doanh nghiệp của mình nhanh chóng phát triển. Các tài năng kinh doanh sẽ được ươm mầm từ đây.

Thực trạng doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Hà Tĩnh trong thời gian vừa qua cho thấy: Doanh nghiệp có qui mô nhỏ và siêu nhỏ; số đông kinh doanh trong lĩnh vực dịch vụ, xây dựng, rất ít doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp, chế biến lâm, nông nghiệp, thủy hải sản, công nghiệp phụ trợ... Bộ máy quản lý chủ yếu mang tính gia đình; trình độ quản lý thấp, đa số cán bộ quản lý chưa qua các lớp học quản lý kinh tế. Vốn kinh doanh nhỏ, khó khăn về vốn, chi phí vận chuyển cao, công nghệ kỹ thuật thấp, nhu cầu đào tạo chưa được chú trọng, khó khăn về nguồn nguyên liệu đầu vào, hạn chế về cơ sở hạ tầng và mặt bằng sản xuất kinh doanh... Do qui mô từng doanh nghiệp nhỏ, vốn ít, trình độ quản trị doanh nghiệp thấp do vậy doanh nghiệp nhỏ và vừa thường bị ảnh hưởng và chịu nhiều rủi ro khi bị ảnh hưởng của cơ chính sách và cơ chế thị trường đầy biến động, sức chống chịu của doanh nghiệp nhỏ và vừa rất yếu trước sự biến động của giá cả tăng/giảm khó lường, lãi vay cao, thị trường cạnh tranh khốc liệt....

Để giúp các doanh nghiệp nhỏ và vừa Hà Tĩnh vươn lên khắc phục khó khăn phân đầu giảm chi phí, nâng cao chất lượng sản phẩm và khả năng cạnh tranh trên thị trường, thì cần phải có sự hỗ trợ, theo hướng hoàn thiện, đổi mới chính sách quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa, trước mắt và lâu dài cần thực hiện một số chiến lược, giải pháp như sau:

Một là: Thiết lập hệ thống luật pháp và tổ chức quản lý doanh nghiệp vừa và nhỏ. Tỉnh cần tạo hành lang pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa hoạt động bằng cách nghiên cứu ban hành các văn bản pháp quy để bổ sung, hoàn chỉnh môi trường pháp luật về kinh doanh. Do cơ chế chính sách và công tác cải cách thủ tục hành chính của Hà Tĩnh ngày được nâng cao, thủ tục hành chính thành lập doanh nghiệp được rút ngắn về thời gian, giảm các thủ tục do vậy đã tạo điều kiện cho người dân thành lập doanh nghiệp nhanh và tiết kiệm chi phí.

Tuy nhiên số lượng doanh nghiệp nhỏ và vừa như đã nêu ở trên phát triển nhanh về số lượng, nhưng số lượng và chất lượng doanh nghiệp hoạt động hiệu quả sau thành lập rất hạn chế. Tính đến thời điểm hiện nay theo báo cáo chưa chính xác, số lượng doanh nghiệp đăng ký Hà Tĩnh trên hệ thống quốc gia trên 11.000 doanh nghiệp,

doanh nghiệp đang hoạt động 6.000 doanh nghiệp; Doanh nghiệp phát sinh thuế: 4.500 doanh nghiệp, chủ yếu là doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Vì vậy Tỉnh cần tăng cường công tác hậu kiểm hoạt động của doanh nghiệp nhỏ và vừa khi thành lập, đây là 1 giải pháp quan trọng để vừa nắm bắt được thực trạng của doanh nghiệp trong từng thời kỳ và có số liệu để Tỉnh đánh giá tương đối chính xác số lượng doanh nghiệp và sức khỏe của doanh nghiệp từ đó đưa ra những giải pháp hợp lý để hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Hai là: Hoàn thiện chính sách tài - chính tín dụng. Khó khăn phổ biến đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa là thiếu vốn đầu tư ban đầu. Vì vậy để khuyến khích tích tụ vốn nhanh, cần phải áp dụng chính sách giảm thuế với doanh nghiệp nhỏ và vừa. Nên có chính sách thuế ưu đãi theo quy mô doanh nghiệp và theo một số ngành mà nhà nước khuyến khích các doanh nghiệp nhỏ và vừa phát triển đồng thời cần phải thống nhất các ưu đãi về thuế.

Hiện nay tỷ lệ vốn tín dụng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa chiếm tỷ lệ rất thấp, vì vậy cần có quy định về việc các ngân hàng tăng tỷ lệ cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa vay trong tổng dư tín dụng. Thông thường các doanh nghiệp vừa và nhỏ không có khả năng thế chấp để vay vốn, do đó cần thành lập một quỹ bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa. Quỹ này sẽ bảo lãnh cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa đối với phần vốn vay còn thiếu thế chấp tại các ngân hàng. Nguồn của quỹ này có thể lấy từ nguồn đóng góp của các ngân hàng, tổ chức tín dụng, các doanh nghiệp và hiệp hội. Các quỹ này bảo lãnh không chỉ phục vụ lợi ích của các doanh nghiệp nhỏ và vừa mà còn tạo điều kiện để các ngân hàng, các tổ chức tín dụng hoạt động tốt hơn trong lĩnh vực cung cấp tài chính vì họ được chia sẻ rủi ro. Sự tồn tại của hệ thống tài chính phi chính thức làm cho chi phí giao dịch tín dụng và rủi ro cao. Vì vậy hệ thống ngân hàng và các tổ chức tài chính trung gian cần được phát triển mạnh hơn để các doanh nghiệp nhỏ và vừa dựa vào đó phát triển thay vì phải dựa vào khu vực tài chính phi chính thức như hiện nay.

Ba là: Về chính sách thị trường và cạnh tranh. Tỉnh cần có những biện pháp thị trường cho doanh nghiệp nhỏ và vừa thông qua một chính sách chung dành cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, không phân biệt thành phần kinh tế. Chính sách này trước hết phải bảo đảm sự cạnh tranh bình đẳng, không có hiện tượng độc quyền, hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa trước doanh nghiệp lớn. Trong vấn đề thị trường và cạnh tranh, sự hỗ trợ của Tỉnh có thể tiến hành thông qua một số biện pháp sau:

- Tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia vào các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng bằng nguồn vốn ngân sách, thường các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng cỡ lớn mà doanh nghiệp nhỏ và vừa rất ít có khả năng tham gia thực hiện thì các dự án quy mô nhỏ hơn thường do chính quyền các cấp ở địa phương làm chủ đầu tư lại có thể thích hợp với năng lực tài chính, kinh tế và quản lý của một hoặc một số doanh nghiệp nhỏ và vừa tập hợp lại. Việc giao thầu cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ đảm nhiệm những công trình công cộng là chính sách hỗ trợ rất lớn của Tỉnh đối với doanh nghiệp vừa và nhỏ. Ngay cả trong các lĩnh vực chi tiêu công cộng khác của chính quyền các cấp, doanh nghiệp nhỏ và vừa cũng có thể đóng vai trò cung ứng quan trọng.

- Tỉnh cần khẩn trương soát xét chính sách tiếp cận đất đai, giá thuê đất...hiện nay có nhiều doanh nghiệp nhỏ và vừa đang vướng mắc giá thuê đất quá cao dẫn đến khó khăn cho doanh nghiệp vừa và nhỏ.

- Cần có chính sách khuyến khích mối quan hệ giữa doanh nghiệp lớn với doanh nghiệp nhỏ và vừa để doanh nghiệp lớn có thể hỗ trợ cho doanh nghiệp nhỏ và vừa thông qua việc ký kết các hợp đồng cung ứng nguyên vật liệu, bán thành phẩm, gia công chi tiết, bộ phận, phân phối sản phẩm. Tăng cường mối quan hệ giữa doanh nghiệp lớn với doanh nghiệp nhỏ và vừa vừa có tác dụng bảo đảm thị trường, công ăn việc làm ổn định cho cả chủ doanh nghiệp và người lao động, vừa tạo điều kiện thuận lợi để chuyển giao công nghệ, kỹ năng quản lý từ doanh nghiệp lớn sang doanh nghiệp vừa và nhỏ.

- Chống buôn lậu, chống hàng giả, trốn thuế, gian lận thương mại cũng đang là vấn đề bức xúc ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất- kinh doanh của các doanh nghiệp vừa và nhỏ, bởi vì các doanh nghiệp vừa và nhỏ có tiềm lực kinh tế thấp sản phẩm hành hoá sản xuất ra thường có sức cạnh tranh kém trên thị trường. Điều này cho thấy chính quyền các cấp và các cơ quan sở ngành có liên quan phải tổ chức phối hợp thật tốt để giải quyết các vấn đề nêu trên.

Bốn là: Về đầu tư và công nghệ. Để khuyến khích đầu tư, Tỉnh cần phải xây dựng cơ sở hạ tầng như: Đường điện, hệ thống cấp thoát nước, khuyến khích những ngành nghề cần phát triển thông qua giá thuê đất, trợ cấp, trợ giá... Đặc biệt đối với Hà Tĩnh cần có chính sách ưu đãi nhằm tạo điều kiện cho các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực chế biến nông, lâm, thủy sản, những doanh nghiệp này thường là các doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Cần phải kết hợp chặt chẽ giữa đổi mới công nghệ và đổi mới thị trường. Tỉnh cần phải có một số chính sách rõ ràng như: Cho phép khấu hao nhanh, thậm chí phải

khuyến khích khấu hao nhanh; Tăng thời gian được xét miễn, giảm thuế cho các dự án đổi mới công nghệ; mở rộng các hình thức kinh doanh tài chính mới như thuê mua, vay mua nhằm giải quyết việc thiếu vốn tín dụng trung, dài hạn cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa đổi mới công nghệ.

Năm là: Về đào tạo nguồn nhân lực. Nguồn nhân lực của các doanh nghiệp nhỏ và vừa còn rất hạn chế về chuyên môn kỹ thuật và quản lý. Các doanh nghiệp nhỏ và vừa phải bỏ chi phí để đào tạo nguồn nhân lực cho mình, nhưng nhiều người sau khi được đào tạo lại bỏ sang nơi khác làm gây thiệt hại cho doanh nghiệp. Vì vậy, Tỉnh cần phải có chính sách hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa. Cụ thể là đào tạo tay nghề cho người lao động, khả năng quản lý của chủ doanh nghiệp dưới nhiều hình thức khác nhau như thành lập các trung tâm dạy nghề nhằm đào tạo nguồn lao động cung cấp cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa, đồng thời xúc tiến các hình thức đào tạo như giáo dục từ xa, tại chức nhằm bồi dưỡng kiến thức cho các chủ doanh nghiệp.

Thực tế cho thấy, doanh nghiệp nhỏ và vừa thời gian qua đã có sự chuyển hướng tích cực đóng góp vào sự phát triển chung của nền kinh tế tỉnh Hà Tĩnh đó là điều dễ nhận ra. Tuy vậy, cùng với những khó khăn chung mà nền kinh tế nước ta đang phải gánh chịu, các doanh nghiệp nhỏ và vừa Hà Tĩnh cũng đang phải đối đầu với những khó khăn đó. Đó là sự thiếu vốn, công nghệ lạc hậu, thiếu thị trường, thông tin thị trường, trình độ quản lý, trình độ người lao động còn thấp... đã cản trở không ít tới sự phát triển. Để giúp cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa phát triển bền vững. Tỉnh cần phải nhanh chóng xây dựng một chiến lược hợp lý giúp cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa khắc phục phần nào những khó khăn trên, từ đó tạo điều kiện cho nó phát triển bền vững đóng góp vào sự phát triển chung của nền kinh tế tỉnh Hà Tĩnh.

ĐỔI MỚI, NÂNG CAO HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HÀ TĨNH

ThS. Nguyễn Thị Thảo Linh

Trường Chính trị Trần Phú Hà Tĩnh

Doanh nghiệp nói chung, nhỏ và vừa (DNNVV) nói riêng đóng vai trò, vị trí hết sức quan trọng trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội, tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người lao động; là mắt xích quan trọng trong mạng lưới sản xuất, chuỗi giá trị và là một trong những lực lượng nòng cốt trong việc tạo ra của cải vật chất xã hội trên địa bàn tỉnh. Nghị quyết số 08-NQ/TU khẳng định: “Phát triển doanh nghiệp là động lực quan trọng để phát triển kinh tế - xã hội, thực hiện tái cơ cấu kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng; là nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng, chính quyền các cấp; là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị; các cấp, các ngành, địa phương tạo điều kiện thuận lợi để phát triển doanh nghiệp”. Thời gian gần đây dưới tác động của cuộc cách mạng 4.0 cũng như ảnh hưởng bởi dịch covid19, hoạt động của DNNVV Hà Tĩnh có nhiều biến động cũng như khó khăn nên việc đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của DNNVV trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh là yêu cầu bức thiết hiện nay.

Nhận thức rõ vai trò, vị trí của DNNVV đối với sự phát triển của tỉnh nhà, cấp ủy, chính quyền các cấp tỉnh Hà Tĩnh đặc biệt quan tâm đến xây dựng và phát triển hệ thống doanh nghiệp đặc biệt là DNNVV ngày càng lớn mạnh. Năm 2006, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh đã ban hành Nghị quyết 02-NQ/TU ngày 24/8/2006 về tăng cường lãnh đạo phát triển đến năm 2010 và những năm tiếp theo. Để đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa tỉnh nhà cũng như sự phát triển của cuộc cách mạng 4.0, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 18/5/2018 về đẩy mạnh phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp đến năm 2025 và những năm tiếp theo. Cùng với đó, nhiều chính sách, nghị quyết được ban hành và đi vào cuộc sống nhằm thúc đẩy sự phát triển nhanh và hiệu quả khu vực doanh nghiệp. Cấp ủy, chính quyền các cấp đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, hỗ trợ phát triển doanh nghiệp, gắn định hướng hoạt động của DNNVV với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, của tỉnh; tinh thần và phong trào khởi nghiệp được lan tỏa sâu rộng trong các tầng lớp Nhân dân. Đến tháng 12/2022, toàn tỉnh có hơn 8.300 doanh nghiệp đang hoạt động, doanh nghiệp nhỏ và vừa chiếm khoảng 98%, số lượng doanh nghiệp quy mô nhỏ và siêu nhỏ chiếm hơn 95%. Về cơ cấu theo lĩnh vực,

DNNVV trong lĩnh vực công nghiệp - xây dựng chiếm 37%, nông nghiệp chiếm 4%; thương mại dịch vụ gần 59%. Số lượng DNNVV mới thành lập và đi vào hoạt động ngày càng nhiều, hoạt động đa dạng ở các ngành, nghề, lĩnh vực, địa bàn. Riêng năm 2022 thành lập mới hơn 1.300 DNNVV với tổng vốn gần 10.000 tỷ đồng. Việc phát triển nhanh về số lượng, đa dạng về loại hình doanh nghiệp, quy mô, chất lượng hoạt động được nâng lên và ngày càng mở rộng hơn về thị trường, lĩnh vực đầu tư, đóng góp quan trọng vào tăng trưởng, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tạo thêm việc làm, tăng thu ngân sách, là nhân tố tích cực góp phần phát triển toàn diện kinh tế - xã hội tỉnh nhà trong những năm qua. Tỷ lệ đóng góp của khu vực DNNVV vào nguồn ngân sách tỉnh chiếm gần 79% tổng thu ngân sách và khoảng 81% tổng vốn đầu tư toàn xã hội trên địa bàn tỉnh. Sự phát triển DNNVV đã thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế đúng hướng (giảm tỷ trọng nông nghiệp, tăng tỷ trọng công nghiệp, xây dựng và dịch vụ), giải quyết việc làm cho gần 87.000 lao động; góp phần giải quyết tốt vấn đề an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh. Đội ngũ doanh nhân ngày càng lớn mạnh, có khát vọng vươn lên làm giàu chính đáng, không ngừng nâng cao năng lực kinh doanh và quản trị doanh nghiệp. Tuy vậy, tỷ lệ DNNVV hoạt động so với doanh nghiệp đăng ký thành lập và tỷ lệ DNNVV phát sinh doanh thu, phát sinh thuế so với DNNVV hoạt động thấp. Quy mô doanh nghiệp nhỏ và vừa chiếm hơn 98% trong đó doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ chiếm tỷ lệ rất lớn (hơn 95%), tỷ lệ DNNVV hoạt động trong lĩnh vực sản xuất còn thấp. Môi trường đầu tư kinh doanh của tỉnh chưa đáp ứng được mục tiêu đề ra và kỳ vọng của doanh nghiệp, cơ sở hạ tầng chưa thực sự đồng bộ. Năng lực quản lý, quản trị, năng suất lao động, sức cạnh tranh, văn hóa kinh doanh của nhiều doanh nghiệp còn hạn chế; sự liên kết, hợp tác kinh doanh giữa các doanh nghiệp trong cùng chuỗi giá trị chưa nhiều; khả năng cạnh tranh sản phẩm và tiếp cận thị trường chưa cao. Năng lực tài chính của nhiều doanh nghiệp còn yếu và; việc tiếp cận nguồn vốn, đất đai, các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp còn nhiều khó khăn; một số nội dung của các chính sách chưa phù hợp với điều kiện thực tế, việc giải ngân nguồn kinh phí một số chính sách còn chậm. Công tác quản lý nhà nước đối với phát triển DNNVV còn một số bất cập, hoạt động của hiệp hội doanh nghiệp hiệu quả chưa cao.

Để nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh, góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu Nghị quyết 08-NQ/TU và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh lần thứ XIX đề ra, cần thực hiện đồng bộ các giải pháp sau:

Thứ nhất, đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp,

các ngành trong công tác phát triển doanh nghiệp. Tuyên truyền sâu rộng các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về phát triển doanh nghiệp, nhất là Luật Doanh nghiệp năm 2020; Luật Đầu tư năm 2020; [Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa ngày 12/6/2017](#), các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa⁶⁹; Nghị quyết 02-NQ/TU ngày 24/8/2006 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về tăng cường lãnh đạo phát triển DNNVV đến năm 2010 và những năm tiếp theo, Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 18/5/2018 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về đẩy mạnh phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp đến năm 2025 và những năm tiếp theo, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh lần thứ XIX; Quy hoạch tỉnh Hà Tĩnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 gắn với các nội dung của Hội nghị công bố Quy hoạch và xúc tiến đầu tư của tỉnh; các chính sách hỗ trợ DNNVV của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh và các địa phương như: Chính sách hỗ trợ pháp lý, thuế, kế toán, hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận nguồn vốn của các tổ chức tín dụng, doanh nghiệp chuyển đổi từ hộ kinh doanh, các dự án khởi nghiệp; chính sách hỗ trợ, phục hồi sản xuất, kinh doanh cho doanh nghiệp trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19... Công tác tuyên truyền nhằm tạo sự thống nhất xuyên suốt trong lãnh đạo, chỉ đạo và nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên và Nhân dân về vai trò, tầm quan trọng của DNNVV đối với sự phát triển kinh tế - xã hội. Các cấp, các ngành phải xác định phát triển DNNVV là nhiệm vụ trọng tâm để tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện thắng lợi các mục tiêu, chỉ tiêu phát triển DNNVV hàng năm và cả giai đoạn. Phát động mạnh mẽ các chương trình khởi nghiệp, chú trọng khơi dậy niềm đam mê, khát vọng làm giàu chính đáng trong các tầng lớp nhân dân. Đổi mới nội dung các chuyên trang, chuyên mục, chuyên đề về doanh nghiệp - doanh nhân trên Báo Hà Tĩnh, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh và trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh, trang thông tin điện tử của các cơ quan đơn vị theo hướng cập nhật, phản ánh thông tin đa dạng, chính xác, kịp thời về các hoạt động của doanh nhân, doanh nghiệp

Thứ hai, Tiếp tục cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh, tạo điều kiện

⁶⁹ Chỉ thị số 09/CT-TTg ngày 18/02/2020 của Thủ tướng Chính phủ về tạo điều kiện cho doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; Chỉ thị số 09/CT-TTg ngày 18/02/2020 của Thủ tướng Chính phủ về tạo điều kiện cho doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo [Nghị định 80/2021/NĐ-CP](#) hướng dẫn [Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa](#); [Nghị định 55/2019/NĐ-CP](#) về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa; [Nghị định 39/2019/NĐ-CP](#) về tổ chức và hoạt động của Quỹ Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa; [Nghị định 57/2018/NĐ-CP](#) về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; [Nghị định 38/2018/NĐ-CP](#) quy định chi tiết về đầu tư cho doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo; [Nghị định 34/2018/NĐ-CP](#) về thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa; [Thông tư 07/2020/TT-BKHCHN](#) hướng dẫn về việc thành lập cơ sở ươm tạo doanh nghiệp nhỏ và vừa, cơ sở kỹ thuật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, khu làm việc chung hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành; [Thông tư 132/2018/TT-BTC](#) hướng dẫn Chế độ kế toán cho doanh nghiệp siêu nhỏ do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành

thuận lợi để DNNVV phát triển. Tập trung phát triển, nâng cao các chỉ số đo lường về môi trường đầu tư như năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI). Triển khai thực hiện có hiệu quả Bộ chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh sở, ban, ngành cấp tỉnh và UBND huyện, thành phố, thị xã trên địa bàn tỉnh (DDCI). Đẩy nhanh tiến độ xây dựng chính quyền điện tử, hoàn thành ứng dụng, sử dụng việc xử lý văn bản, hồ sơ công việc, thủ tục hành chính của hệ thống chính quyền từ tỉnh đến cơ sở trên môi trường điện tử, nhằm đảm bảo công khai, minh bạch, giảm thời gian và chi phí cho tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp. Tăng cường trách nhiệm và hiệu quả phối hợp giữa các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố, thị xã trong giải quyết các công việc liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và cải cách hành chính trong lĩnh vực quản lý thuế, hải quan, quản lý thị trường. Tiếp tục duy trì, đổi mới, nâng cao hiệu quả buổi tiếp doanh nghiệp định kỳ của Chủ tịch UBND tỉnh để kịp thời giải quyết, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp.

Thứ ba, tập trung phát triển nguồn nhân lực cho DNNVV, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ chuyển đổi số. Các DNNVV trên địa bàn tỉnh cần tích cực, chủ động cập nhật, nâng cao kiến thức, năng lực quản trị doanh nghiệp, quản trị rủi ro và quản lý tài chính; học tập kinh nghiệm về quản lý, tiếp cận và học tập các mô hình, kinh nghiệm sản xuất - kinh doanh tiên tiến. Áp dụng khoa học kỹ thuật, ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động và giao dịch; đổi mới, nâng cao trình độ công nghệ sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm nhằm đáp ứng các tiêu chuẩn tham gia chuỗi cung ứng của các đối tác lớn đặc biệt là khả năng tham gia vào chuỗi cung ứng mang tính toàn cầu. Tuân thủ nghiêm túc các quy định pháp luật về đầu tư, kinh doanh, bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động để đảm bảo việc phát triển bền vững. Đồng thời nâng cao hiệu quả hoạt động, chất lượng đào tạo trong hệ thống các trường dạy nghề trên địa bàn tỉnh; mở rộng các hình thức đào tạo nghề, trong đó chú trọng vào các ngành nghề có nhu cầu lớn như: chế biến nông, thủy sản, điện, điện tử, cơ khí, xây dựng, may... Thực hiện đào tạo nghề theo đơn đặt hàng của doanh nghiệp. Phát triển mô hình gắn kết giữa doanh nghiệp với cơ sở giáo dục nghề nghiệp; đào tạo theo địa chỉ sử dụng để phát triển nguồn lao động có trình độ chuyên môn, có năng lực nghề nghiệp đáp ứng quá trình sản xuất, kinh doanh của đơn vị sử dụng lao động.

Thứ tư, đẩy mạnh các hoạt động tư vấn, hỗ trợ DNNVV và các điều kiện gia nhập thị trường. Sở Kế hoạch đầu tư phối hợp UBND các cấp tăng cường tư vấn, hỗ

trợ, hướng dẫn về hồ sơ, thủ tục đăng ký doanh nghiệp, lựa chọn hình thức đầu tư, thủ tục đầu tư, địa bàn đầu tư,.. Cung cấp miễn phí các tờ gấp, cẩm nang hướng dẫn quy trình thực hiện đăng ký doanh nghiệp, đẩy mạnh đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Tập trung tư vấn pháp luật, cung cấp thông tin, bồi dưỡng kiến thức pháp luật, tư vấn pháp luật tại các cơ quan, đơn vị hành chính trên địa bàn tỉnh. Công khai thông tin về các đơn vị tư vấn, văn phòng luật sư,...có nguyện vọng tư vấn, hỗ trợ pháp lý miễn phí cho tổ chức, cá nhân, hộ kinh doanh về thủ tục đăng ký thành lập doanh nghiệp. Các cơ quan chức năng tăng cường tư vấn, hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện chính sách hỗ trợ DN NVV theo quy định của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa. Tư vấn, hỗ trợ doanh nghiệp các kiến thức về thị trường, thông tin về hàng rào kỹ thuật trong thương mại của các nước để chủ động tiếp cận. Triển khai thực hiện có hiệu quả chính sách hỗ trợ thuế, kế toán cho doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa và Nghị định số 22/2020/NĐ-CP ngày 24/02/2020. Tập trung triển khai kịp thời có hiệu quả một số chính sách hỗ trợ doanh nghiệp theo các chương trình, kế hoạch hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; các chính sách miễn giảm thuế phí, hỗ trợ lãi suất cho người dân và doanh nghiệp bị ảnh hưởng bởi dịch covid-19. Tạo điều kiện, hướng dẫn, hỗ trợ cho các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh tiếp cận thụ hưởng các cơ chế, chính sách phục hồi và phát triển kinh tế... Hỗ trợ các doanh nghiệp tham gia các chương trình, hoạt động xúc tiến thương mại để quảng bá sản phẩm, tìm kiếm đối tác, mở rộng thị trường, tăng cường liên kết giữa các doanh nghiệp; xây dựng phương án hỗ trợ tiêu thụ đối với sản phẩm nông sản, hàng hóa chủ lực của tỉnh khi gặp khó khăn trong xuất khẩu. Phối hợp với các đơn vị cung cấp phần mềm kế toán triển khai chương trình tặng phần mềm kế toán và hỗ trợ công tác kế toán miễn phí đối với doanh nghiệp mới thành lập. Tiếp tục thực hiện hiệu quả các quy chế phối hợp liên ngành về hỗ trợ doanh nghiệp.

Thứ năm, Cải thiện và nâng cao năng lực tài chính của doanh nghiệp vừa và nhỏ. Vận hành hiệu quả hơn các nguồn quỹ hiện có của tỉnh, đó là: Quỹ Đầu tư Phát triển; Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã; Quỹ Phát triển khoa học công nghệ; Quỹ Khuyến công địa phương. Đồng thời, tranh thủ sự hỗ trợ các nguồn quỹ Trung ương và kết nối các DN NVV tiếp cận các nguồn quỹ của Trung ương để mở rộng phát triển, như: Quỹ Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa; Quỹ Phát triển khoa học công nghệ quốc gia; Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia; Quỹ Khuyến công quốc gia; Quỹ Đầu tư khởi nghiệp sáng tạo quốc gia. Thực hiện có hiệu quả chương trình kết nối ngân hàng - doanh

nghiệp; tăng cường công tác thanh tra, giám sát hoạt động tín dụng, đặc biệt việc tổ chức thực hiện các chương trình tín dụng hỗ trợ DNNVV tại các tổ chức tín dụng đảm bảo các DNNVV đáp ứng điều kiện đều được thụ hưởng chính sách. Tập trung chỉ đạo, triển khai thực hiện có hiệu quả các giải pháp mở rộng tín dụng đối với các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, đặc biệt là lĩnh vực ưu tiên. Đẩy mạnh hỗ trợ giải quyết các khó khăn cho các doanh nghiệp muốn đầu tư mua sắm máy móc và chuyển giao công nghệ. Kết nối tháo gỡ những khó khăn về tài chính cho, nhất là với các ngân hàng thương mại. Tiếp tục hỗ trợ các DNNVV thuộc nhóm ngành hàng ưu tiên tiếp cận các chương trình hỗ trợ và tài trợ từ các dự án. Thực hiện hiệu quả các chính sách hỗ trợ phát triển DNNVV do tác động của dịch bệnh COVID-19 trên địa bàn tỉnh.

Thứ sáu, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp. Cấp ủy, chính quyền các cấp tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo về công tác phát triển DNNVV thuộc ngành, địa phương mình quản lý thông qua việc ban hành các Nghị quyết, Quyết định, Kế hoạch chuyên ngành; trong đó phải định hướng hoạt động của doanh nghiệp, tránh phiền hà, phù hợp với việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của ngành, địa phương mình. Tăng cường thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các Nghị quyết, Quyết định, Kế hoạch đã ban hành. Siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính, đề cao trách nhiệm của cán bộ, đảng viên trong thực hiện nhiệm vụ, nhất là người đứng đầu các cơ quan, đơn vị. Nâng cao trình độ, năng lực công tác, đạo đức công vụ của cán bộ, công chức trong thực hiện nhiệm vụ; tạo môi trường kinh doanh thông thoáng, minh bạch và bình đẳng giữa các loại hình kinh tế; xử lý nghiêm những đơn vị, cán bộ, công chức gây khó khăn, phiền hà cho doanh nghiệp, nhất là trong các lĩnh vực đầu tư, đất đai, xây dựng, môi trường, thuế, hải quan, quản lý thị trường... Khuyến khích các hộ kinh doanh chuyển đổi sang mô hình doanh nghiệp (Hiện tại trên địa bàn tỉnh có 1.015 hợp tác xã và hơn 3.850 tổ hợp tác, trên 60.000 hộ kinh doanh, trong đó có 52.500 hộ có đăng ký kinh doanh, đây là khu vực có nhiều tiềm năng lợi thế để phát triển, tiến tới thành lập doanh nghiệp nhỏ và vừa). Kịp thời biểu dương, khen thưởng những doanh nghiệp, doanh nhân, hộ kinh doanh điển hình, có sáng kiến mới, cách làm hay trong sản xuất kinh doanh, thực hiện tốt trách nhiệm với cộng đồng, xã hội; đồng thời kiên quyết xử lý nghiêm những doanh nghiệp vi phạm pháp luật trong kinh doanh theo quy định của pháp luật.

Thứ bảy, nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ chức, hiệp hội doanh nghiệp địa phương, ngành hàng, câu lạc bộ doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh; phát huy hơn nữa vai trò của Hiệp hội doanh nghiệp Hà Tĩnh, Hội doanh nghiệp trẻ Hà Tĩnh trong việc đại

diện, bảo vệ quyền và lợi ích của cộng đồng doanh nghiệp, làm cầu nối giữa DNNVV với các cơ quan quản lý nhà nước. Phối hợp với các sở, ngành, địa phương có liên quan tổ chức các hoạt động tuyên truyền, phổ biến về các chủ trương của Đảng và pháp luật của Nhà nước về phát triển doanh nghiệp; tập hợp các kiến nghị về khó khăn, vướng mắc về cơ chế, chính sách, trong thực hiện thủ tục hành chính của cộng đồng doanh nghiệp,... đề xuất với các cơ quan liên quan để kịp thời tháo gỡ. Hỗ trợ doanh nhân, doanh nghiệp nâng cao sức cạnh tranh sản phẩm, xây dựng chiến lược, xác định giá trị cốt lõi của sản phẩm và vai trò trách nhiệm đối với xã hội./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Báo cáo Chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XVIII, nhiệm kỳ 2015-2020 trình Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020-2025.
2. Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 22/11/2021 của Tỉnh ủy Hà Tĩnh về đổi mới, phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động doanh nghiệp đến năm 2025 và những năm tiếp theo
3. Báo cáo tình hình phát triển doanh nghiệp, thu hút đầu tư trên địa bàn tỉnh năm 2022
4. Báo cáo của UBND tỉnh đánh giá tình hình kinh tế - xã hội năm 2022; dự kiến Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023

XÂY DỰNG VĂN HOÁ TRONG KINH TẾ VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA ĐỐI VỚI XÂY DỰNG VĂN HOÁ TRONG CÁC DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HÀ TĨNH

TS. Nguyễn Quang Ngọc

Phó Hiệu trưởng Trường Chính trị Trần Phú

Bản chất của văn hóa là sự sáng tạo hướng tới các giá trị nhân văn, hướng tới cái tốt, cái đẹp để thúc đẩy sự tiến bộ xã hội. Văn hóa không ở bên ngoài, mà là yếu tố bên trong, là nguồn nội lực của quá trình phát triển kinh tế. Văn hóa phát huy vai trò của mình khi thâm nhập, tác động vào kinh tế, đồng thời kinh tế là điều kiện và nguồn lực cho phát triển văn hóa. Với ý nghĩa là sức mạnh nội sinh của sự phát triển, văn hóa phải dựa trên kinh tế nhưng đồng thời là nhân tố quan trọng quyết định sự bền vững của kinh tế. Mỗi quan hệ giữa văn hóa và kinh tế là mối quan hệ biện chứng, cơ bản, đóng vai trò quan trọng trong duy trì sự ổn định kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội của mỗi quốc gia. Một nền kinh tế được bảo đảm bởi văn hóa sẽ phát triển cả về số lượng lẫn chất lượng theo tinh thần nhân văn vì con người, phục vụ lợi ích của con người và cộng đồng.

Xây dựng văn hoá trong kinh tế là đưa giá trị văn hóa, chuẩn mực ứng xử văn hóa vào trong hoạt động kinh tế của các chủ thể, nhất là phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập kinh tế quốc tế ở nước ta hiện nay. Văn hoá trong kinh tế được thể hiện trong việc hoạch định chính sách kinh tế, văn hóa lao động, văn hóa sản xuất, kinh doanh, văn hóa quản lý kinh tế, văn hóa doanh nghiệp, văn hóa doanh nhân...

Một trong những nội dung trọng tâm của xây dựng văn hóa kinh tế đó là xây dựng văn hóa doanh nghiệp, văn hóa kinh doanh và văn hóa doanh nhân. Văn hóa doanh nghiệp là yếu tố quan trọng đảm bảo cho sự duy trì hoạt động lâu dài và thành công của doanh nghiệp; là toàn bộ các giá trị văn hóa được xây dựng trong suốt quá trình tồn tại và phát triển của doanh nghiệp, chi phối tình cảm, nếp suy nghĩ và hành vi của mọi thành viên và tạo nên sự khác biệt giữa các doanh nghiệp. Văn hóa kinh doanh được hiểu là văn hóa trong hoạt động kinh doanh, bao gồm toàn bộ những giá trị vật chất và tinh thần, những phương thức và kết quả hoạt động của con người được tạo ra và sử dụng trong quá trình kinh doanh; là sự thâm nhập của văn hoá trong mọi khía cạnh của hoạt động kinh doanh, nhất là trong tổ chức, quản lý kinh doanh, giao tiếp kinh doanh, việc thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, thực hiện nghĩa

vụ đóng góp vào ngân sách nhà nước, bảo vệ môi trường, tôn trọng các quy phạm đạo đức trong quan hệ xã hội, quan hệ kinh doanh, phẩm chất đạo đức, tài năng và phong cách của nhà kinh doanh... Văn hóa doanh nhân được hiểu là toàn bộ vốn tri thức, kinh nghiệm biểu hiện ở những giá trị, khuôn mẫu ứng xử tích lũy trong một cá nhân và có mối liên hệ chặt chẽ với văn hoá doanh nghiệp, góp phần tạo nên giá trị của một doanh nghiệp với cốt lõi là ý thức tôn trọng pháp luật, giữ chữ tín, cạnh tranh lành mạnh vì con người và sự phát triển bền vững đất nước.

Xây dựng văn hóa trong kinh tế nói chung, văn hóa doanh nghiệp, văn hoá kinh doanh, văn hóa doanh nhân với ý thức tôn trọng pháp luật, giữ chữ tín, cạnh tranh lành mạnh... là quan điểm, chủ trương xuyên suốt qua nhiều kỳ đại hội của Đảng ta. Ngay từ Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ năm khóa VIII (1998), Đảng ta đã nhấn mạnh rằng không quan tâm giải quyết tốt mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội thì không thể có sự phát triển kinh tế - xã hội bền vững. Quan điểm tăng trưởng kinh tế phải gắn liền với phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước đi, từng chính sách phát triển đã từng bước được hoàn thiện và khẳng định trong nhiều nghị quyết của Đảng.

Tổng kết 15 năm thực hiện nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 khóa VIII, Hội nghị Trung ương 9 khóa XI đã ban hành nghị quyết mới về văn hóa. Cách tiếp cận và nội dung nghị quyết thể hiện sự phát triển mới về tư duy lý luận của Đảng ta trong xử lý mối quan hệ giữa phát triển văn hoá với phát triển kinh tế. Nghị quyết khẳng định: Phát triển hài hòa giữa kinh tế và văn hóa; cần chú ý đầy đủ đến yếu tố văn hóa và con người trong phát triển kinh tế; *xây dựng văn hóa trong kinh tế*, thường xuyên quan tâm xây dựng văn hóa trong kinh tế, xây dựng văn hóa doanh nghiệp, văn hóa doanh nhân với ý thức tôn trọng pháp luật, giữ chữ tín, cạnh tranh lành mạnh, vì sự phát triển bền vững và bảo vệ Tổ quốc.

Từ thực tiễn công cuộc đổi mới, nhất là sau khi đất nước bước vào thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, sự phát triển văn hóa chưa đồng bộ và tương xứng với tăng trưởng kinh tế, thiếu gắn bó với nhiệm vụ xây dựng và chỉnh đốn Đảng, đây được xem là một trong những nguyên nhân ảnh hưởng đến quá trình phát triển kinh tế và nhiệm vụ xây dựng Đảng. Vì vậy, Hội nghị Trung ương 10 khoá IX đã xác định: Cần phải phát triển đồng bộ, gắn kết 3 lĩnh vực, trong đó phát triển kinh tế là trung tâm, xây dựng, chỉnh đốn Đảng là then chốt và không ngừng nâng cao văn hóa - nền tảng tinh thần của xã hội, xem đây là điều kiện quyết định bảo đảm cho sự phát triển toàn diện và bền vững của đất nước. Quan điểm này không chỉ khẳng định vai trò

của văn hóa đối với sự phát triển bền vững của đất nước mà còn khẳng định mối quan hệ chặt chẽ giữa văn hóa với chính trị và kinh tế. Việc định vị quan điểm văn hóa phải được đặt ngang hàng với kinh tế, chính trị, xã hội nghĩa là phải xác định mỗi lĩnh vực ở đây đều quan trọng như nhau, tùy vào từng hoàn cảnh cụ thể, có thể nhấn mạnh nhân tố này hay nhân tố khác. Đồng thời khắc phục tình trạng coi nhẹ yếu tố văn hóa so với kinh tế và chính trị.

Như vậy, nhận thức của Đảng ta về mối quan hệ giữa văn hóa và kinh tế, xây dựng văn hóa trong kinh tế ngày càng được hoàn thiện trên cả phương diện lý luận và thực tiễn. Xuất phát từ nhận thức đó, trong giai đoạn hiện nay, một trong những nhiệm vụ quan trọng của việc phát triển văn hóa, con người Việt Nam là phải đặt văn hóa trong các mối quan hệ với các lĩnh vực khác của đời sống xã hội, trong đó có nhiệm vụ xây dựng văn hóa trong kinh tế. Văn hóa không đứng ngoài, mà ở trong kinh tế, mọi hoạt động kinh tế phải hàm chứa tinh thần văn hóa - tinh thần nhân bản, nhân văn, nhân đạo, tất cả vì con người, vì mục tiêu phát triển bền vững. Đảng ta khẳng định: Thường xuyên quan tâm xây dựng văn hóa trong kinh tế, phải coi con người là trung tâm trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội. Muốn vậy, phải tạo lập môi trường văn hóa pháp lý, thị trường sản phẩm văn hóa minh bạch, tiến bộ, hiện đại để các doanh nghiệp tham gia xây dựng, phát triển văn hóa. Xây dựng văn hóa doanh nghiệp, văn hóa doanh nhân với ý thức tôn trọng pháp luật, giữ chữ tín, cạnh tranh lành mạnh, vì sự phát triển bền vững và bảo vệ Tổ quốc. Mặt khác, trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng hiện nay, xây dựng văn hóa trong kinh tế, văn hóa doanh nghiệp phải phát huy ý thức và tinh thần dân tộc, động viên toàn dân, trước hết là các doanh nghiệp, doanh nhân xây dựng và phát triển các thương hiệu Việt Nam có uy tín trên thị trường trong nước và quốc tế.

Bản chất của văn hóa thống nhất với mục tiêu phát triển mà chúng ta hướng tới; tăng trưởng kinh tế phải gắn liền với phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ môi trường. Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng nhấn mạnh: *“Chúng ta coi văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, sức mạnh nội sinh, động lực phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc; xác định phát triển văn hóa đồng bộ, hài hòa với tăng trưởng kinh tế và tiến bộ, công bằng xã hội là một định hướng căn bản của quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam”*⁽⁷⁰⁾.

Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là nền kinh tế nhân văn, nền kinh tế vì sự phát triển bền vững của con người. Toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế đã và đang đem lại cho các doanh nghiệp Việt Nam nói chung, các doanh nghiệp nhỏ

⁷⁰ Nguyễn Phú Trọng: Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, Báo Nhân dân số ra ngày 16 tháng 5 năm 2021.

và vừa ở Hà Tĩnh nói riêng nhiều cơ hội để phát triển và mở rộng hoạt động kinh doanh. Bên cạnh đó, cũng có không ít thách thức mà các phải đương đầu, vì áp lực cạnh tranh ngày càng gay gắt, nhất là xu hướng chạy theo tăng trưởng kinh tế, lợi nhuận kinh tế đơn thuần, coi nhẹ hoặc hy sinh văn hóa, làm tha hóa con người. Vì vậy, đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn Hà Tĩnh, việc không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ; chú trọng xây dựng văn hóa kinh doanh, văn hóa doanh nghiệp theo hướng nâng cao ý thức tôn trọng pháp luật, giữ chữ tín, cạnh tranh lành mạnh, thực hiện nghĩa vụ đóng góp vào ngân sách nhà nước, bảo vệ môi trường, tôn trọng chuẩn mực đạo đức trong sản xuất, kinh doanh, lưu thông, phân phối... không chỉ là phương thức quan trọng giúp các doanh nghiệp Hà Tĩnh tạo ra sự khác biệt để nâng cao lợi thế cạnh tranh, mà còn góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả của tăng trưởng, nâng cao chất lượng cuộc sống của con người và môi trường xã hội, vì mục tiêu phát triển nhanh và bền vững của Hà Tĩnh.

Nhận thức được vị trí, tầm quan trọng của doanh nghiệp đối với phát triển kinh tế xã hội của Hà Tĩnh, ngày 22/11/2021, Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh đã ban hành Nghị quyết 08-NQ/TU về đổi mới, phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động doanh nghiệp đến năm 2025 và những năm tiếp theo, trong đó xác định đổi mới, phát triển doanh nghiệp là động lực quan trọng để phát triển kinh tế - xã hội và tạo điều kiện thuận lợi để phát triển doanh nghiệp là nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng, chính quyền các cấp; là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị. Thực hiện chủ trương của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh, trong những năm vừa qua, trong thời gian vừa qua, hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung, doanh nghiệp nhỏ và vừa nói riêng đã có những đóng góp tích cực vào phát triển kinh tế - xã hội tỉnh nhà.

Theo số liệu từ Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tĩnh, số doanh nghiệp đăng ký thành lập mới trong 7 tháng đầu năm 2023 là 733 doanh nghiệp với tổng vốn đăng ký gần 2.917 tỷ đồng, giảm cả về số lượng và tổng vốn đăng ký so với cùng kỳ (giảm 20% về số lượng và 46% về vốn đăng ký); 253 doanh nghiệp hoạt động trở lại; 420 doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động; 129 doanh nghiệp giải thể. Như vậy, lũy kế đến nay, toàn tỉnh hiện có khoảng 7.750 doanh nghiệp đang hoạt động. Trong đó, số lượng doanh nghiệp quy mô nhỏ và siêu nhỏ chiếm hơn 95%, đóng góp khoảng 17% vào số vốn đăng ký; lĩnh vực công nghiệp - xây dựng chiếm 37%, nông nghiệp chiếm 4%; thương mại dịch vụ gần 59%. Đặc biệt, những năm gần đây cơ cấu theo lĩnh vực hoạt động của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh đã có sự chuyển dịch đáng kể theo hướng

tăng tỷ lệ các doanh nghiệp lĩnh vực công nghiệp và xây dựng, giảm các doanh nghiệp lĩnh vực nông, lâm và thủy sản. Sự chuyển dịch này cũng đã góp phần thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế đúng hướng (giảm tỷ trọng nông nghiệp, tăng tỷ trọng công nghiệp, xây dựng và dịch vụ), hiệu quả sử dụng các yếu tố đầu vào cho nền kinh tế được cải thiện đáng kể; giải quyết việc làm cho gần 87.000 lao động. Tỷ lệ đóng góp của khu vực doanh nghiệp vào nguồn ngân sách tỉnh chiếm gần 79% tổng thu ngân sách và khoảng 81% tổng vốn đầu tư toàn xã hội trên địa bàn tỉnh. Giai đoạn 2016 - 2020, thu ngân sách từ các doanh nghiệp đạt 15.196 tỷ đồng (chiếm 63% thu nội địa), trong đó doanh nghiệp nhỏ và vừa thu đạt 3.157 tỷ đồng, chiếm 21% trên tổng thu ngân sách của khối doanh nghiệp; giai đoạn từ 2021 đến tháng 7/ 2023, thu từ các doanh nghiệp đạt 10.862 tỷ đồng (chiếm 71% thu nội địa), trong đó doanh nghiệp nhỏ và vừa thu đạt 2.112 tỷ đồng, chiếm 19,4% trên tổng thu ngân sách của khối doanh nghiệp.

Bên cạnh những đóng góp quan trọng cho nền kinh tế, các doanh nghiệp nhỏ và vừa đã thể hiện rõ nét vai trò, trách nhiệm khi luôn đồng hành cùng với các cấp, các ngành và cộng đồng tích cực tham gia giải quyết tốt vấn đề an sinh xã hội, ủng hộ người nghèo, thiên tai bão, lụt, dịch bệnh... Những hoạt động xã hội, từ thiện của các doanh nghiệp, doanh nhân trên địa bàn tỉnh trong thời gian qua đã thể hiện rõ nét văn hoá doanh nghiệp, doanh nhân, góp phần tạo hình ảnh đẹp của doanh nghiệp, doanh nhân trong cộng đồng xã hội.

Tuy nhiên, theo cách tiếp cận ở trên, việc xây dựng văn hoá trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và các hoạt động khác của cộng đồng doanh nghiệp nói chung, doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn Hà Tĩnh nói riêng đang đặt ra nhiều vấn đề cần phải tiếp tục nghiên cứu làm rõ trên cả phương diện lý luận và thực tiễn. Trong thời gian tới, để góp phần thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội theo tinh thần Đại hội Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh lần thứ XIX, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế; để cộng đồng doanh nghiệp nhỏ và vừa đóng góp nhiều hơn nữa cho sự phát triển của quê hương, cần nhận diện rõ một số vấn đề đang đặt ra trong xây dựng Văn hoá doanh nghiệp dưới đây:

Thứ nhất: Tính tất yếu của việc xây dựng văn hoá doanh nghiệp phải được định vị trong nhận thức của các doanh nghiệp, đội ngũ doanh nhân và cộng đồng xã hội. Cần quán triệt sâu sắc hơn nữa trong nhận thức của cấp uỷ, chính quyền, các doanh nghiệp và đội ngũ doanh nhân về quan điểm, chủ trương của Đảng và Nhà nước về mục tiêu phát triển bền vững, về xây dựng văn hoá trong kinh tế mà trọng tâm là văn hoá doanh nghiệp, văn hoá kinh doanh, văn hoá doanh nhân. Từ đó chú trọng hơn nữa

việc thực hành văn hoá trong sản xuất, kinh doanh; xây dựng và phát triển hệ thống các doanh nghiệp nhỏ và vừa theo hướng hiệu quả, bền vững, nhân văn, kết hợp chặt chẽ, hợp lý và hài hòa giữa hiệu quả kinh tế với trách nhiệm xã hội, bảo vệ tài nguyên và môi trường. Thông qua hoạt động của Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh, tiếp tục quán triệt sâu sắc tinh thần của Quyết định số 1846/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc lấy ngày 10/11 hàng năm là Ngày Văn hóa doanh nghiệp Việt Nam; tuyên truyền, phổ biến nhằm khẳng định vai trò, vị trí và tầm quan trọng của văn hóa doanh nghiệp; nâng cao nhận thức về văn hóa doanh nghiệp, thúc đẩy việc xây dựng và phát triển văn hóa doanh nghiệp trong cộng đồng doanh nghiệp trên địa bàn và trong toàn xã hội, góp phần xây dựng môi trường sản xuất, kinh doanh đề cao tính nhân văn, chuẩn mực đạo đức, thuần phong mỹ tục, trách nhiệm xã hội và cạnh tranh lành mạnh, góp phần cho sự phát triển bền vững của Hà Tĩnh.

Thứ hai: Bản sắc văn hoá dân tộc, truyền thống của quê hương Hà Tĩnh phải trở thành yếu tố bất biến trong xây dựng văn hoá doanh nghiệp thời kỳ hội nhập. Xu hướng hội nhập kinh tế quốc tế đang mở ra nhiều cơ hội cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa của Hà Tĩnh, nhất là cơ hội tiếp cận khoa học quản trị doanh nghiệp, mở rộng thị trường xuất nhập khẩu, thu hút vốn đầu tư, chuyển dịch cơ cấu sản xuất kinh doanh phù hợp với sự đa dạng của thị trường... Tuy nhiên, hội nhập kinh tế quốc tế cũng đặt ra những vấn đề mới, những khó khăn, thách thức đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa, nhất là sự du nhập, tác động của nhiều hệ giá trị văn hoá, quan niệm về chuẩn mực trong sản xuất, kinh doanh, trong văn hoá quản lý doanh nghiệp... Trong bối cảnh đó, việc xây dựng văn hóa trong kinh tế, văn hoá doanh nghiệp trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa của Hà Tĩnh phải hết sức lưu ý đến phát huy ý thức, tinh thần dân tộc và những đức tính của con người Hà Tĩnh, từng bước xác định, định vị được hệ giá trị văn hoá doanh nghiệp, doanh nhân Hà Tĩnh, góp phần xây dựng và phát triển các thương hiệu Hà Tĩnh có uy tín trên thị trường trong nước và quốc tế.

Thứ ba: Phải tạo ra được lợi thế cạnh tranh từ chính yếu tố văn hoá. “Văn hóa của một doanh nghiệp là cách tư duy và hành động hàng ngày của các thành viên. Đó là điều mà các thành viên phải học và ít nhiều phải tuân theo để được chấp nhận vào doanh nghiệp đó. Văn hóa theo nghĩa này bao gồm một loạt các hành vi ứng xử, các phương thức sản xuất, kỹ năng và kiến thức kỹ thuật, quan điểm về kỷ luật, các thông lệ và thói quen quản lý, các mục tiêu của những người liên quan, cách trả lương, quan điểm về các công việc khác nhau, niềm tin vào tính dân chủ trong các buổi thảo luận và những quy

ước, những điều cấm kỵ”⁷¹. Như vậy, văn hóa doanh nghiệp là hệ thống các giá trị, những chuẩn mực, các quan niệm và hành vi của doanh nghiệp. Nó không chỉ chi phối hoạt động của các thành viên trong doanh nghiệp, mà còn tạo ra bản sắc kinh doanh, lợi thế cạnh tranh riêng cho doanh nghiệp. Thực tế cho thấy, sự khác biệt hóa từ văn hóa doanh nghiệp đã mang lại thành công cho nhiều doanh nghiệp như: Vinamilk, Viettel, Vingroup... Đây là những kinh nghiệm có giá trị tham khảo hữu ích cho doanh nghiệp nói chung và doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Hà Tĩnh nói riêng trong xây dựng và phát triển.

Thứ tư: Đạo đức và tính nhân văn phải luôn được xem là môi trường văn hoá để doanh nghiệp phát triển. Dù hoạt động với mục tiêu khác nhau, nhưng đạo đức và tính nhân văn trong sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp vẫn luôn là nền tảng để doanh nghiệp tồn tại lâu dài, nhất là trong môi trường cạnh tranh ngày càng khốc liệt. Thực tế cho thấy, văn hóa có vai trò, tác dụng to lớn trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của mỗi doanh nghiệp. Khi văn hóa kết tinh vào trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, sẽ tạo thành phương thức sản xuất, kinh doanh có văn hóa, bảo đảm tính nhân văn, vì con người, vì cộng đồng, vì mục tiêu phát triển bền vững. Đó là lối sản xuất, kinh doanh có đạo đức, trung thực, an toàn, cạnh tranh lành mạnh, không làm tổn hại đến các giá trị truyền thống và tập quán tốt đẹp của quê hương, dân tộc; là khi các doanh nghiệp đề cao đạo đức và tính nhân văn chi phối cách nghĩ, cách làm; đảm bảo chất lượng sản phẩm và dịch vụ cung cấp như đã công bố; luôn giữ chữ Tín với khách hàng; kinh doanh trung thực; nói không với “rau hai ruộng, lợn hai chuồng”, với hàng kém chất lượng; kết hợp hài hòa giữa lợi ích doanh nghiệp và lợi ích xã hội, với việc bảo vệ môi trường, giúp đỡ người khó khăn, yêu thương, đùm bọc đồng bào dân tộc... Khi doanh nghiệp xác định được những chuẩn giá trị đó, hoạt động sản xuất, kinh doanh mới kết hợp được tính hiệu quả cao và sự phát triển bền vững của chính doanh nghiệp.

Thứ năm: Tiếp tục quán triệt và xử lý tốt mối quan hệ giữa lợi nhuận kinh tế và trách nhiệm xã hội. Bên cạnh các hoạt động chuyên môn, hỗ trợ hoạt động doanh nghiệp, Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh còn thực hiện tốt trách nhiệm an sinh xã hội thông qua công tác tuyên truyền, vận động các doanh nghiệp hội viên tích cực tham gia các hoạt động nhân đạo, từ thiện xã hội; đưa vào chương trình hành động về công tác từ thiện, nhân đạo là việc làm thường xuyên. Trong năm 2022, Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh đã huy động được số tiền hơn 2 tỷ đồng cho các hoạt động nhân đạo, từ thiện như: Hỗ trợ kinh phí giúp đỡ các hộ nghèo, các đối tượng yếu thế được đón Tết cổ truyền vui tươi,

⁷¹ Tạp chí Công Thương - Các kết quả nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ, Số 27, tháng 12 năm 2021

đầm ấm; ủng hộ Quỹ học sinh nghèo đạt điểm cao vào Đại học; ủng hộ quỹ người nghèo, xây nhà tình nghĩa, thăm hỏi ngày 27/7; khai thực hiện nhiệm vụ đỡ đầu nông thôn mới theo chỉ đạo của UBND tỉnh tại văn bản 834/QĐ-UBND năm 2022... với tinh thần “tương thân, tương ái”; “Lá lành đùm lá rách”, “Nhớ về cội nguồn”, “Không để ai ở lại phía sau”. Đây là những hoạt động thể hiện rõ tính nhân văn trong ứng xử của cộng đồng doanh nghiệp nhỏ và vừa, góp phần phát huy tinh thần yêu nước, ý chí tự cường, tự hào dân tộc, tính cộng đồng và khơi dậy khát vọng vươn lên của mỗi người dân và doanh nghiệp trên quê hương Hà Tĩnh./.

GIẢI PHÁP VÀ KIẾN NGHỊ NHẪM PHÁT HUY VAI TRÒ DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA ĐỐI VỚI PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI THEO HƯỚNG BỀN VỮNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HÀ TĨNH GIAI ĐOẠN 2020-2030

Võ Thị Huệ Anh

Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tĩnh

Theo số liệu đăng ký kinh doanh cho thấy, 7 tháng đầu năm 2023 thành lập mới 733 doanh nghiệp, tổng vốn đăng ký gần 2.917 tỷ đồng, giảm cả về số lượng và tổng vốn đăng ký so với cùng kỳ (giảm 20% về số lượng và 46% về vốn đăng ký); 253 doanh nghiệp hoạt động trở lại (giảm 8%); 420 doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động (tăng 22%); 129 doanh nghiệp giải thể (tăng 26%). Như vậy, lũy kế đến nay, toàn tỉnh hiện có khoảng 7.750 doanh nghiệp đang hoạt động; số lượng doanh nghiệp quy mô nhỏ và siêu nhỏ chiếm hơn 95%, đóng góp khoảng 17% vào số vốn đăng ký. Về cơ cấu theo lĩnh vực, doanh nghiệp trong lĩnh vực công nghiệp - xây dựng chiếm 37%, nông nghiệp chiếm 4%; thương mại dịch vụ gần 59%.

Các doanh nghiệp, bao gồm đội ngũ doanh nghiệp vừa và nhỏ, trong thời gian qua đã có những đóng góp tích cực vào phát triển kinh tế - xã hội tỉnh nhà; tỷ lệ đóng góp của khu vực doanh nghiệp vào nguồn ngân sách tỉnh chiếm gần 79% tổng thu ngân sách và khoảng 81% tổng vốn đầu tư toàn xã hội trên địa bàn tỉnh. Sự phát triển doanh nghiệp đã thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế đúng hướng (giảm tỷ trọng nông nghiệp, tăng tỷ trọng công nghiệp, xây dựng và dịch vụ), hiệu quả sử dụng các yếu tố đầu vào cho nền kinh tế được cải thiện đáng kể; giải quyết việc làm cho gần 87.000 lao động.

Cùng với những đóng góp quan trọng cho nền kinh tế, các doanh nghiệp đồng thời, đã thể hiện rõ nét vai trò, trách nhiệm cùng với các cấp, các ngành và cộng đồng giải quyết tốt vấn đề an sinh xã hội, ủng hộ người nghèo, thiên tai bão, lụt, dịch bệnh với số tiền hàng trăm tỷ đồng. Những hoạt động xã hội, từ thiện của các doanh nghiệp, doanh nhân trong thời gian qua góp phần tạo hình ảnh đẹp của doanh nghiệp, doanh nhân trong xã hội, được chính quyền địa phương và nhân dân ghi nhận, đánh giá cao.

Bên cạnh việc đánh dấu những đóng góp quan trọng của cộng đồng doanh nghiệp đối với công cuộc xây dựng và phát triển kinh tế xã hội của tỉnh nhà; chúng ta cần thẳng thắn nhìn nhận vào thực trạng hiện nay như:

Số lượng doanh nghiệp vừa và nhỏ chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu doanh nghiệp toàn tỉnh; nhiều doanh nghiệp có vốn chủ sở hữu và năng lực tài chính của các doanh

nghiệp chưa cao; trình độ quản trị kinh doanh, khả năng tiếp cận thông tin, tiếp cận nguồn vốn, thị trường còn hạn chế và thiếu chiến lược kinh doanh dài hạn, phương án kinh doanh còn chưa khả thi, hoạt động sản xuất kinh doanh nhìn chung còn rất nhiều khó khăn; vẫn còn tồn tại nhiều doanh nghiệp thành lập nhưng chưa đi vào hoạt động, số lượng doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động, cảnh báo vi phạm tương đối lớn.

Một số doanh nghiệp gặp khó khăn trong việc tiêu thụ sản phẩm, hàng tồn kho nhiều, nguồn nguyên liệu đầu vào; một số doanh nghiệp có tâm lý sản xuất cầm chừng, ngần ngại mở rộng quy mô sản xuất, chưa phục hồi quy mô như trước dịch, thậm chí còn phải cắt giảm sản lượng sản xuất.

Hầu hết, các doanh nghiệp trên địa bàn khả năng cạnh tranh, hội nhập và hiệu quả hoạt động chưa cao; chưa liên kết được với nhiều đối tác đầu ra lớn trong và ngoài nước để mở rộng thị trường tiêu thụ, đảm bảo sự phát triển bền vững của doanh nghiệp. Kết quả hỗ trợ cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa còn ở mức khiêm tốn, một số chính sách chưa triển khai được mặc dù đã có nguồn lực.

Cơ cấu tổ chức và kinh doanh còn nhiều bất cập, chưa tập trung vào những ngành, lĩnh vực có tiềm năng và lợi thế của tỉnh; công nghệ còn lạc hậu, hiệu quả sản xuất kinh doanh, năng suất lao động thấp; chưa tạo được nhiều sản phẩm có uy tín, thương hiệu để chiếm lĩnh và mở rộng thị trường, thiếu sức cạnh tranh.

Xác định công tác phát triển doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp vừa và nhỏ là là nhiệm vụ then chốt trong Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, trong thời gian tới, cần tập trung triển khai các giải pháp sau:

Thứ nhất, về phía cơ quan nhà nước, cần triển khai có hiệu quả hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp thành lập mới trong đó bao gồm các đối tượng là các DNNVV được chuyển đổi từ hộ kinh doanh theo các chính sách tại Nghị quyết số 87/2018/NQ-HĐND ngày 18/7/2018 và Nghị quyết số 216/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh; Các hoạt động hỗ trợ DNNVV nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao, phát triển thị trường, ứng dụng khoa học công nghệ, hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo được triển khai hiệu quả thông qua: triển khai các nhiệm vụ khoa học công nghệ nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao các quy trình công nghệ mới tiên tiến vào sản xuất kinh doanh cho các DNNVV, góp phần nâng cao năng suất, chất lượng và đa dạng hóa sản phẩm; tổ chức tập huấn đào tạo các kiến thức về sở hữu trí tuệ với hội nhập kinh tế quốc tế, cơ chế chính sách hỗ trợ phát triển thị trường khoa học công nghệ cho doanh nghiệp; Tổ chức các hoạt động hỗ trợ các DNNVV tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị, cụm công nghiệp, khuyến công, xúc tiến thương mại thông

qua các lễ hội, hội chợ, hội nghị kết nối sản phẩm trong tỉnh, ngoại tỉnh và với các quốc gia trên thế giới theo Nghị định số 80/NĐ-CP ngày 26/8/2021.

Thứ hai, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp tiếp cận nguồn vốn tín dụng tạo môi trường thuận lợi, đồng hành hỗ trợ doanh nghiệp trong việc xem xét giải quyết cho vay. Đồng thời, linh hoạt trong việc áp dụng các gói tín dụng ưu đãi cho DNNVV nhằm tháo gỡ khó khăn cho các doanh nghiệp tháo gỡ khó khăn cho các doanh nghiệp bị ảnh hưởng do dịch Covid 19, hỗ trợ khắc phục hậu quả do thiên tai, lũ lụt.

Thứ ba, tổ chức hỗ trợ thông tin, tư vấn pháp lý cho doanh nghiệp thông qua các lớp bồi dưỡng, đào tạo, tập huấn các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh với một số nội dung cụ thể, thiết thực như: Các chính sách đối với hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp trên địa bàn tỉnh; Vấn đề xử lý vi phạm hành chính liên quan đến doanh nghiệp; Đối thoại về vấn đề thủ tục hành chính dành cho doanh nghiệp; Bồi dưỡng pháp luật về Hiệp định CPTTP.... và các hoạt động hỗ trợ DNNVV khác.

Thứ tư, tích cực tuyên truyền sâu rộng trong cộng đồng doanh nghiệp về trách nhiệm của mỗi doanh nghiệp trong việc đóng góp xây dựng cơ chế, chính sách phù hợp; chủ động hưởng ứng tích cực ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động quản lý, điều hành, kinh doanh của doanh nghiệp; khuyến khích cạnh tranh bình đẳng trong cộng đồng doanh nghiệp, góp phần cải thiện môi trường đầu tư của tỉnh.

Thứ năm, về phía doanh nghiệp. Cần phải nắm bắt cơ hội để tổ chức sản xuất kinh doanh có hiệu quả, tuân thủ pháp luật, luôn đổi mới công nghệ và mở rộng đầu tư. Quan tâm đến người lao động, bảo đảm an sinh xã hội và bảo vệ môi trường; đón đầu các xu hướng kinh doanh mới; tiên phong thực hiện đổi mới mô hình, đẩy mạnh chuyển đổi số và ứng dụng khoa học công nghệ nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của doanh nghiệp; tăng cường liên kết giữa các doanh nghiệp để nâng tầm hoạt động, kết nối các doanh nghiệp, tập đoàn, các dự án đầu tư lớn đã và đang triển khai trên địa bàn; từng bước tham gia vào chuỗi giá trị khu vực công nghiệp, dịch vụ phụ trợ, là khu vực có tiềm năng phát triển lớn của tỉnh ta thời gian tới.

VAI TRÒ NGÀNH CÔNG THƯƠNG ĐỐI VỚI VIỆC PHÁT HUY VAI TRÒ DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA TRONG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI TỈNH HÀ TĨNH

Võ Tá Nghĩa

PGĐ Sở Công Thương Hà Tĩnh

Có thể thấy phát triển doanh nghiệp đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa là nhiệm vụ được Tỉnh ủy, HĐND và UBND tỉnh quan tâm, chỉ đạo. Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh đã ban hành Nghị quyết 08-NQ/TU ngày 22/11/2021 về đổi mới, phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động doanh nghiệp đến năm 2025 và những năm tiếp theo, trong đó xác định đổi mới, phát triển doanh nghiệp là động lực quan trọng để phát triển kinh tế - xã hội; là nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng, chính quyền các cấp; là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị; các cấp, các ngành, địa phương tạo điều kiện thuận lợi để phát triển doanh nghiệp. Thời gian vừa qua, được sự quan tâm, nhất quán trong lãnh đạo, chỉ đạo, thực hiện của cả hệ thống chính trị, doanh nghiệp lĩnh vực công nghiệp thương mại đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa đã góp phần quan trọng, tạo động lực phát triển kinh tế xã hội tỉnh. Đóng góp của công nghiệp trong GRDP tăng nhanh, từ 2.836 tỷ đồng năm 2011 lên 7.191 tỷ đồng năm 2015 và nhảy vọt lên 29.232 tỷ đồng năm 2022 (giá hiện hành). Kim ngạch xuất khẩu các sản phẩm của tỉnh năm 2022 đạt mốc 1,8 tỷ USD.

Nhận thức rõ vai trò, trách nhiệm của ngành, Sở Công Thương đã tham mưu Tỉnh ủy, HĐND, UBND các giải pháp và ban hành, triển khai cơ chế chính sách tạo động lực phát triển doanh nghiệp lĩnh vực ngành. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh ban hành Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 18/5/2018 về đẩy mạnh phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2025 và những năm tiếp theo; Nghị quyết số 11-NQ/TU ngày 26/5/2022 về tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo đẩy mạnh xuất khẩu gắn với phát triển dịch vụ logistics giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030. HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 96/2022/NQ-HĐND ngày 16/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về một số chính sách phát triển CN-TTCN đến năm 2025; Nghị quyết số 276/2021/NQ-HĐND ngày 28/4/2021 quy định chính sách hỗ trợ các hãng tàu biển mở tuyến vận chuyển container và đối tượng có hàng hóa vận chuyển bằng container qua cảng Vũng Áng, tỉnh Hà Tĩnh. Thành lập 21 cụm công nghiệp, trong đó có 10 CCN do UBND cấp huyện quản lý, có 11 CCN đã được giao cho chủ đầu tư kinh doanh hạ tầng. Các CCN thu hút được trên 282 doanh nghiệp đầu tư chủ yếu là doanh nghiệp nhỏ và vừa, với tổng vốn hơn 5.900 tỷ đồng, giải quyết việc làm cho hơn

8.300 lao động; giá trị sản xuất hàng năm đạt hơn 4.000 tỷ đồng.

Song song với đẩy mạnh hoạt động sản xuất, Sở Công Thương tham mưu cho tỉnh chú trọng hoạt động xúc tiến thương mại, quảng bá sản phẩm và đưa sản phẩm vào các kênh phân phối hiện đại, nhất là qua kênh thương mại điện tử. Tham mưu quy định chính sách hỗ trợ các cơ sở tham gia xúc tiến thương mại tại các Hội chợ trong và ngoài nước (hỗ trợ 50% kinh phí). Giai đoạn 2018-2022 đã triển khai nhiều hoạt động, tiêu biểu như: tổ chức thành công 05 Lễ hội cam và sản phẩm nông nghiệp Hà Tĩnh; tổ chức 8 hội nghị kết nối cung - cầu; tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh 2 năm một lần; tham gia 04 đợt bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp khu vực, quốc gia.

Tổ chức nhiều hoạt động kết nối với các siêu thị, nhà phân phối để quảng bá, đưa sản phẩm OCOP của Hà Tĩnh vào phân phối trong hệ thống siêu thị như Big C, Win mart, Co.opmart... Xây dựng gian hàng sản phẩm chủ lực của tỉnh trên sàn thương mại điện tử. Đồng thời tăng cường hoạt động tuyên truyền, nâng cao nhận thức người tiêu dùng đối với sản phẩm được doanh nghiệp sản xuất trong tỉnh nói riêng và trong nước nói chung. Tổ chức các hoạt động như: Hội thi Rung chuông vàng “Tuổi trẻ Hà Tĩnh đồng hành cùng hàng Việt Nam”; cuộc thi tìm hiểu về hàng Việt Nam trực tuyến với sự tham gia của đông đảo người dân trong tỉnh. Tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, tất cả các thủ tục hành chính đã được đơn giản hóa; thời gian, trình tự giải quyết được rút ngắn và niêm yết công khai trên Cổng dịch vụ công của tỉnh và tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp trong thực hiện các thủ tục hành chính thuộc phạm vi giải quyết của Sở Công Thương. Lĩnh vực Công Thương hiện có 101 TTHC cung cấp dịch vụ công trực tuyến; trong đó 32 TTHC cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, 69 TTHC cung cấp dịch vụ công trực tuyến một phần. Từ ngày 01/08/2023 đến ngày 25/8/2023, sở đã tiếp nhận 1.927 hồ sơ trong đó có 1.923 hồ sơ trực tuyến, đạt tỷ lệ 99,37%; 04 hồ sơ tiếp nhận trực tiếp và qua dịch vụ bưu chính. Có có 1.923 hồ sơ TTHC cung cấp dịch vụ công toàn trình, đạt tỷ lệ 100%.

Mặc dù đã đạt nhiều kết quả, song việc phát huy vai trò doanh nghiệp nhỏ và vừa còn một số vấn đề đặt ra, đòi hỏi tập trung thực hiện trong thời gian tới. Hầu hết doanh nghiệp nhỏ và vừa gặp khó khăn về nguồn vốn; năng lực cạnh tranh, tiếp cận thị trường và kỹ năng quản trị hạn chế; khi gặp những khó khăn do tình hình kinh tế thế giới trong nước dễ biến động giải thể, ngừng kinh doanh. Hầu hết doanh nghiệp nhỏ và vừa lượng chưa đảm bảo quy mô, chất lượng ổn định để đáp ứng vào các hệ thống

phân phối lớn. Nhiều cơ sở mới chỉ dừng ở khâu sản xuất và tập kết sản phẩm, việc tiêu thụ chủ yếu đang qua kênh tiêu thụ trực tiếp, người dân tự tìm đến mua hàng hoặc qua thương lái; chưa tổ chức các hoạt động quảng bá, giới thiệu sản phẩm có quy mô và bài bản hoặc có kênh phân phối ổn định, bền vững. Trong thời gian tới, để phát huy vai trò doanh nghiệp nhỏ và vừa trong phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Hà Tĩnh, trên lĩnh vực Công Thương tiếp tục triển khai các giải pháp sau:

Một là, xây dựng kế hoạch triển khai Phương án phát triển lĩnh vực ngành được tích hợp tại Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050. Tổ chức triển khai chủ trương, chính sách phát triển công nghiệp-tiểu thủ công nghiệp để thu hút đầu tư, tăng số lượng doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Khu Kinh tế, Khu, cụm công nghiệp.

Hai là, ưu tiên nguồn lực cho hoạt động khuyến công và hoạt động xúc tiến thương mại để hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa ứng dụng khoa học công nghệ mới, thúc đẩy phát triển sản xuất hàng hóa quy mô khá, đáp ứng sản lượng, nâng cao chất lượng, tính đồng đều, ổn định khi cung ứng ra thị trường; nâng cao năng lực cạnh tranh, tiếp cận thị trường, xây dựng và phát triển thương hiệu. Triển khai xúc tiến thương mại có trọng tâm, trọng điểm, tổ chức hoạt động xúc tiến thương mại quy mô, tầm ảnh hưởng lớn tại các thị trường tiềm năng (Hà Nội, Đà Nẵng, Tp Hồ Chí Minh...) và vào các kênh phân phối hiện đại.

Ba là, thực hiện đồng bộ giải pháp tăng giá trị xuất khẩu, năng lực cạnh tranh, hội nhập kinh tế quốc tế cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trong tỉnh. Trong đó tập trung các nhiệm vụ trọng tâm: (1) xây dựng chính sách đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu gắn với dịch vụ logistics giai đoạn 2024-2030, chú trọng hỗ trợ xúc tiến thương mại, tìm kiếm thị trường, tận dụng tối đa cơ hội từ các Hiệp định thương mại tự do đã ký kết, đồng thời khuyến khích hoạt động xuất nhập khẩu qua các Cửa khẩu Quốc tế Cầu Treo và Cảng biển Vũng Áng-Sơn Dương; (2) triển khai hiệu quả các chính sách phát triển sản xuất, nâng cao năng suất, chất lượng, sức cạnh tranh của hàng hóa và khả năng đáp ứng yêu cầu của các thị trường lớn trong khối ký kết các Hiệp định thương mại tự do EVFTA, CTCP.

Bốn là, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong doanh nghiệp thương mại, dịch vụ. Tăng cường các giải pháp tuyên truyền, tập huấn, đào tạo về hội nhập kinh tế quốc tế, thương mại điện tử.

Năm là, tiếp tục tập trung cải cách hành chính, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính thuộc phạm vi của Sở Công Thương.

VAI TRÒ CỦA NGÀNH THUẾ ĐỐI VỚI SỰ PHÁT TRIỂN CỦA DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA TRONG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HÀ TĨNH

Cục Thuế Hà Tĩnh

Thuế là nguồn thu chủ yếu của NSNN, là công cụ điều tiết vĩ mô nền kinh tế, Thông qua thu thuế, nhà nước thực hiện kiểm kê, kiểm soát và quản lý nền kinh tế - xã hội; điều tiết thu nhập, góp phần đảm bảo công bằng xã hội, bình đẳng về nghĩa vụ đóng góp giữa các thành phần kinh tế, các tầng lớp dân cư. Chính vì vậy mọi thành phần kinh tế, tất cả các tổ chức, cá nhân kinh doanh đều chịu sự tác động của chính sách thuế.

Thời gian qua, Tỉnh Ủy, UBND tỉnh đã quan tâm hỗ trợ Doanh nghiệp thông qua việc ban hành các chủ trương, chính sách phát triển DN: Nghị quyết 02-NQ/TU ngày 24/8/2006 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về tăng cường lãnh đạo phát triển doanh nghiệp đến năm 2010 và những năm tiếp theo; Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 22/11/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về đổi mới, phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động doanh nghiệp đến năm 2025 và những năm tiếp theo; UBND tỉnh cũng đã ban hành Chương trình hành động số 219 /CTr-UBND ngày 13/06/2023 để thực hiện Nghị quyết; UBND tỉnh xây dựng Đề án về đổi mới, phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động doanh nghiệp đến năm 2025 và những năm tiếp theo đã tiếp tục khẳng định nỗ lực của các cấp chính quyền tỉnh trong việc đồng hành và hỗ trợ DN thúc đẩy phong trào khởi nghiệp được lan tỏa sâu rộng trong các tầng lớp Nhân dân.

Ngành Thuế Hà Tĩnh đang ra sức thực hiện, xây dựng các giá trị: “Minh bạch- Chuyên nghiệp - Liêm chính - Đổi mới”, là người bạn đồng hành của NNT.

1. Thực trạng các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn Hà Tĩnh

Tính đến nay trên địa bàn tỉnh ta có 12.918 DN, trong đó số DN ngừng nghỉ: 6.205 DN, số DN đang hoạt động 6.713 DN, Số DN có phát sinh về thuế: 2745 DN; DN có quy mô nhỏ, siêu nhỏ chiếm trên 95% trên tổng số DN.

Doanh nghiệp tuy đăng ký thành lập nhiều, song tỷ lệ doanh nghiệp hoạt động so với doanh nghiệp đăng ký thành lập và tỷ lệ doanh nghiệp phát sinh doanh thu, phát sinh thuế so với doanh nghiệp hoạt động thấp (41%); Số doanh nghiệp giải thể, phá sản, ngừng hoạt động chiếm tỷ lệ lớn (48%).

Các doanh nghiệp trên địa bàn Hà Tĩnh chủ yếu hoạt động ở lĩnh vực thương mại và du lịch (chiếm 46,7%), tiếp đó là lĩnh vực công nghiệp và xây dựng (chiếm 33%).

Những năm gần đây cơ cấu này có sự chuyển dịch đáng kể, tăng tỷ lệ các DN lĩnh vực công nghiệp và xây dựng, giảm các DN lĩnh vực nông, lâm và thủy sản. DNNVV ở Hà Tĩnh do vốn ít, khó có khả năng đổi mới công nghệ, mở rộng quy mô sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm dẫn đến khả năng cạnh tranh, hội nhập và hiệu quả hoạt động doanh nghiệp chưa cao. Doanh nghiệp Hà Tĩnh chưa có nhiều thương hiệu hàng hóa nổi bật. Tỷ lệ doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất còn thấp; đặc biệt trong đại dịch Covid-19 các doanh nghiệp đang gặp rất nhiều khó khăn.

Số lượng doanh nghiệp dẫn đầu, đóng vai trò thúc đẩy sự tăng trưởng của một ngành/lĩnh vực, một chuỗi giá trị hoặc một cụm doanh nghiệp của tỉnh còn rất khiêm tốn (các doanh nghiệp quy mô vốn đăng ký trên 100 tỷ đồng chiếm khoảng 2% số lượng doanh nghiệp hoạt động). Do đó, thiếu hạt nhân để liên kết nhiều doanh nghiệp nhỏ hơn và dẫn dắt các doanh nghiệp khác phát triển. Mối liên kết giữa các doanh nghiệp trong tỉnh, liên kết giữa doanh nghiệp quy mô nhỏ và doanh nghiệp quy mô lớn hơn, liên kết giữa doanh nghiệp trong tỉnh và các doanh nghiệp khác và các đối tác nước ngoài còn hạn chế.

Trình độ quản trị kinh doanh, văn hóa kinh doanh của nhiều doanh nghiệp còn hạn chế; sự hợp tác liên kết, tham gia vào hiệp hội, ngành hàng, chuỗi giá trị của doanh nghiệp chưa nhiều; số doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp, khoa học công nghệ, công nghệ cao còn ít; hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh đạt thấp. Tiếp cận thị trường khu vực và quốc tế còn hạn chế, thị trường tiêu thụ nội địa và xuất khẩu chưa ổn định. Đây chính là những yếu tố bất lợi cho các doanh nghiệp trong quá trình hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế sâu rộng như hiện nay.

Giai đoạn 2011-2015, tổng thu ngân sách từ thuế, phí đạt: 17.606 tỷ đồng, trong đó thu ngân sách từ các doanh nghiệp đạt 11.414 tỷ đồng (chiếm 64%) trong đó DN vừa và nhỏ thu đạt 3.330 tỷ đồng, chiếm 29 % trên tổng thu ngân sách của khối DN (thuế, phí).

Giai đoạn 2016 - 2020, tổng thu ngân sách từ thuế, phí đạt: 23.907 tỷ đồng, trong đó thu ngân sách từ các doanh nghiệp đạt 15.196 tỷ đồng (chiếm 63%) trong đó DN vừa và nhỏ thu đạt 3.157 tỷ đồng, chiếm 21 % trên tổng thu ngân sách của khối DN (thuế, phí).

Giai đoạn 2021- đến tháng 7 tháng năm 2023 thu NS nội địa (thuế, phí) đạt: 15.284 tỷ đồng, trong đó thu từ các DN đạt: 10.862 tỷ đồng trên tổng thu NS nội địa 15.284 tỷ đồng (chiếm 71%), trong đó DN vừa và nhỏ: 2112 tỷ đồng, chiếm 19,4% trên tổng thu NS của khối DN

Nhìn chung, những năm gần đây, doanh nghiệp vừa và nhỏ Hà Tĩnh phát triển nhanh về số lượng; hoạt động đa dạng ở các ngành, nghề, lĩnh vực, địa bàn. Số doanh nghiệp đang hoạt động đứng thứ 30 cả nước. Hoạt động của doanh nghiệp đã đóng góp tích cực vào phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh: nguồn thu ngân sách nhà nước; huy động vốn đầu tư, giải quyết việc làm; thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế đúng hướng, tăng cường giao lưu hội nhập kinh tế quốc tế, góp phần giải quyết các vấn đề xã hội... Đội ngũ doanh nhân ngày càng lớn mạnh, có khát vọng vươn lên làm giàu chính đáng, không ngừng nâng cao năng lực kinh doanh và quản trị doanh nghiệp.

Tuy vậy, nhìn chung doanh nghiệp Hà Tĩnh vẫn còn khó khăn, hạn chế. Nhiều chỉ tiêu đánh giá về doanh nghiệp của tỉnh chưa bằng mức bình quân chung của cả nước như: mật độ doanh nghiệp/1000 dân; quy mô doanh nghiệp nhỏ bé (trên 95% số doanh nghiệp của tỉnh là siêu nhỏ, nhỏ), vốn ít, công nghệ lạc hậu, thiếu lao động kỹ thuật, trình độ quản trị doanh nghiệp còn hạn chế, hiệu quả thấp và chưa có nhiều thương hiệu mạnh đủ khả năng cạnh tranh trên thị trường khu vực và quốc tế. Môi trường đầu tư kinh doanh mặc dù đã được cải thiện nhưng vẫn chưa đáp ứng yêu cầu; doanh nghiệp vẫn gặp khó khăn trong việc tiếp cận đất đai, nguồn vốn, khoa học công nghệ, quản trị, nguồn nhân lực... Hoạt động khởi nghiệp chưa mang tính hệ thống cao, chưa gắn liền với khoa học - công nghệ và chiến lược phát triển kinh tế - xã hội địa phương; việc triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp hiệu quả chưa cao.

2. Vai trò của ngành thuế đối với sự phát triển của DN nói chung, sự phát triển của DN nhỏ và vừa nói riêng

Thứ nhất: Công cụ hỗ trợ người nộp thuế trong quản lý thuế.

Chiến lược phát triển hệ thống thuế giai đoạn 2011-2020 có mục tiêu tổng quát là xây dựng hệ thống chính sách thuế đồng bộ, thống nhất, công bằng, hiệu quả... trong những năm qua, ngành thuế đã tổ chức thực hiện các Nghị quyết 19 của Chính phủ, công tác cải cách thủ tục hành chính cũng được đẩy mạnh, qua đó đã cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh, đưa Việt Nam đứng trong nhóm ASEAN4 về mức độ thuận lợi. Theo báo cáo Doing Business 2018 của Ngân hàng Thế giới, chỉ số nộp thuế của Việt Nam xếp hạng 86/190 nước, tăng 81 bậc, đứng thứ 4 trong ASEAN, sau Singapore, Thái Lan, Malaysia.

Có được những thành công trên, nguyên nhân chính, cốt lõi là do ngành thuế đã thúc đẩy mạnh mẽ việc đưa ứng dụng CNTT vào công tác quản lý thuế. Các dịch vụ điện tử như khai thuế qua mạng, nộp thuế điện tử, hoàn thuế điện tử, hóa đơn điện tử... đã mang lại rất nhiều lợi ích cho người nộp thuế, tạo bước đột phá trong cải cách thủ tục hành

chính, mang lại hiệu ứng tích cực đối với người dân và xã hội.

Trong bối cảnh cách mạng công nghệ thông tin (công nghệ 4.0), công nghệ hỗ trợ quản lý thuế của ngành thuế là hệ thống các ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý thuế, nhằm phục vụ công tác quản lý thuế của cơ quan thuế đồng thời làm giảm chi phí tuân thủ cho người nộp thuế, giảm thiểu tương tác giữa cơ quan thuế và người nộp thuế, góp phần giảm tình trạng nhũng nhiễu gây phiền hà cho người nộp thuế.

Hiện nay, ngành thuế đang triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý thuế, hỗ trợ người nộp thuế, gồm: Đăng ký thuế qua hệ thống điện tử; Khai thuế điện tử; Nộp Quyết toán thuế qua hệ thống điện tử; Nộp thuế điện tử; Hoàn thuế điện tử; Hóa đơn điện tử; Trước bạ điện tử; Etax mobile; Chữ ký số; Giải đáp chính sách thuế.

Toàn bộ công cụ hỗ trợ quản lý thuế nêu trên đây cũng là hệ thống hỗ trợ Người nộp thuế, được ngành thuế cung cấp hoàn toàn miễn phí cho Người nộp thuế. Khi doanh nghiệp ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện nghĩa vụ thuế với nhà nước, không còn bị lệ thuộc vào không gian, thời gian thực hiện các thủ tục hành chính thuế như phương thức giao dịch thủ công truyền thống. Người nộp thuế có thể thực hiện các thủ tục hành chính thuế từ đăng ký thuế; kê khai nghĩa vụ thuế, nộp thuế; Nộp các báo cáo quyết toán thuế; đề nghị hoàn thuế đến đề nghị tư vấn, hỗ trợ giải đáp chính sách thuế thông qua các chương trình hỗ trợ công nghệ thông tin của ngành thuế ở bất cứ nơi nào, bất cứ thời gian nào chỉ với điều kiện là nơi đó có mạng internet và có máy tính nối mạng.

So với khi thực hiện bằng phương pháp thủ công, doanh nghiệp có thể sẽ tiết kiệm đến 90% chi phí nhân công, chi phí giấy mực, chi phí bảo quản lưu trữ tài liệu cho việc thực hiện các thủ tục này; giảm thiểu rủi ro mất tài liệu, số liệu; kịp thời phát hiện các sai sót để điều chỉnh, bổ sung; nhận được hỗ trợ kịp thời từ cơ quan thuế; đặc biệt, doanh nghiệp triển khai các hệ thống dữ liệu lịch sử phục vụ cho việc lập kế hoạch, phương án kinh doanh cũng nhanh chóng với độ chính xác cao hơn hẳn so với khai thác từ hồ sơ lưu trữ bằng bản giấy như trước đây.

Khi cuộc cách mạng về khoa học công nghệ lần thứ 4 đang diễn ra trên hầu hết các mặt của đời sống xã hội, thì quản trị doanh nghiệp nói chung và quản trị DN NVV nói riêng cũng phải thay đổi phương thức quản trị, chuyển từ quản trị theo lối truyền thống sang quản trị trên cơ sở nền tảng khoa học công nghệ 4.0. Các DN NVV cần khai thác sử dụng triệt để nguồn nhân lực của doanh nghiệp và của xã hội đồng thời thay đổi phương thức quản trị theo kịp xu thế công nghệ tiếp cận kịp thời hệ thống công cụ

hỗ trợ quản lý thuế của Ngành thuế - công cụ hữu hiệu phục vụ cho quản trị doanh nghiệp để phát triển bền vững.

Thứ hai: Tình hình tiếp cận các công cụ hỗ trợ NNT của các DNNVV trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh

Thời gian qua, để đáp ứng yêu cầu nghiệp vụ, ngành Thuế đã triển khai rất nhiều phần mềm ứng dụng và xây dựng hạ tầng mạng truyền thông thống nhất trong toàn ngành phục vụ công tác quản lý thuế, hỗ trợ người nộp thuế, từ đó nâng cao hiệu quả và chất lượng công việc cũng như giảm chi phí tuân thủ pháp luật cho người nộp thuế. Bên cạnh đó, cục Thuế Hà Tĩnh không ngừng đổi mới, phát triển đa dạng, phong phú các hình thức tuyên truyền, tăng cường phối hợp với các cơ quan báo chí trong việc tuyên truyền các chính sách pháp luật thuế, tổ chức các hội nghị đối thoại với DN để lắng nghe ý kiến NNT nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, công khai các thủ tục hành chính thuế trên website của ngành để tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp dễ dàng tìm hiểu và thực hiện theo đúng quy định hiện hành, hỗ trợ tối đa về mọi mặt cho doanh nghiệp mà hầu hết là các DNNVV trên địa bàn tỉnh để tiếp cận các công cụ hỗ trợ của cơ quan thuế vừa phục vụ cho hoạt động quản trị doanh nghiệp vừa góp phần thực hiện đúng trách nhiệm của mình đối với cơ quan Thuế, cụ thể:

- *Về việc tham gia các dịch vụ điện tử của cơ quan thuế:* Những năm gần đây, hầu hết các DNNVV đã nhận thức được vai trò của việc ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản trị doanh nghiệp, tăng cường đào tạo và phát triển nguồn nhân lực có chất lượng, đầu tư các phần mềm, các ứng dụng công nghệ thông tin để tham gia nhiều hơn và các dịch vụ điện tử do cơ quan thuế cung cấp như: Kê khai thuế điện tử, nộp thuế điện tử, hoàn thuế điện tử và chữ ký số. Điều này được chứng minh qua số lượng DNNVV tham gia vào các dịch vụ điện tử không ngừng tăng lên qua các năm, hiệu quả của việc áp dụng các công cụ hỗ trợ trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của DNNVV đối với cơ quan thuế ngày càng được thể hiện rõ nét, cụ thể:

Tính đến hết ngày 30/06/2023 đã có 100% DNNVV thực hiện kê khai thuế điện tử và sử dụng chữ ký số, số lượt tờ khai thuế nộp đúng hạn chiếm 99%; 98% DNNVV triển khai nộp thuế điện tử, trong khi tỷ lệ này năm 2020 chỉ là 92%; 100% DNNVV sử dụng hóa đơn điện tử; việc hoàn thuế điện tử mới được cơ quan thuế triển khai từ tháng 12/2017 nhưng cũng đã có 1.608 doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia. Việc áp dụng các dịch vụ điện tử đã và đang mang lại nhiều lợi ích cũng như hiệu quả đối với hoạt động của DNNVV, góp phần rút ngắn thời gian trong việc thực hiện các thủ tục hành chính, nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật, giúp cho việc kê khai thuế, nộp thuế

thực hiện đúng quy định. Nhờ đó mà số lượt tờ khai đúng hạn của các DNNVV năm 2022 và 6 tháng năm 2023 đều chiếm khoảng 99%.

- *Về việc thực hiện các chính sách thuế:* Trong những năm qua, Cục Thuế tỉnh đã tăng bước nâng cao chất lượng công tác tuyên truyền hỗ trợ NNT, trong đó, đối thoại về chính sách thuế là nội dung quan trọng, góp phần cải cách hành chính, minh bạch công tác quản lý thuế, tạo môi trường thu hút đầu tư hấp dẫn giúp NNT yên tâm ổn định sản xuất, kinh doanh. Hình thức và nội dung các cuộc đối thoại thường xuyên được đổi mới theo hướng tập trung đi sâu vào những vướng mắc của doanh nghiệp liên quan đến chính sách, thủ tục hành chính thuế, qua đó, mang lại sự hiệu quả, tạo sự gắn kết giữa doanh nghiệp và Ngành Thuế trong thực hiện nhiệm vụ được giao.

Trong quá trình thực thi các chính sách thuế, hầu hết các DNNVV đã tham gia lớp tập huấn các chính sách thuế do cơ quan thuế tổ chức, qua đó các DNNVV đã nêu ra những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực thi chính sách thuế để cơ quan thuế giải đáp và nhiều đề xuất của các DNNVV đã được cơ quan thuế ghi nhận, phản ánh tới các cơ quan như Tổng cục thuế, bộ Tài chính để có hướng dẫn kịp thời. Ngoài ra, khi cần tư vấn, hỗ trợ các DNNVV đã gọi điện đến cơ quan thuế hỗ trợ qua điện thoại, qua đường dây nóng hay bằng văn bản gửi cơ quan thuế. Với những nội dung có thể giải đáp trực tuyến, đều được cơ quan thuế trả lời và đăng tải lên website của Cục thuế, để các doanh nghiệp cùng được giải đáp nếu gặp phải vướng mắc tương tự.

Bên cạnh những kết quả đạt được, vẫn còn một bộ phận DNNVV, đặc biệt là các doanh nghiệp siêu nhỏ chưa nhận thức được vai trò của các công cụ hỗ trợ NNT của cơ quan thuế do đó chưa thật sự quan tâm đến việc tìm hiểu, cập nhật các chính sách pháp luật thuế, tài chính, kế toán... việc tham gia các lớp đào tạo, tập huấn các chính sách pháp luật thuế do cơ quan thuế tổ chức của các cán bộ do DN cử đến còn mang tính hình thức. Mặt khác, còn chưa chú trọng đến việc đào tạo, nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ nhân viên, chưa có biện pháp để thu hút nhân viên làm việc lâu dài tại doanh nghiệp, việc thay đổi nhân sự nhất là bộ phận kế toán, thường dẫn đến chậm/không thực hiện nghĩa vụ kê khai, nộp thuế (số lượt tờ khai nộp chậm/không nộp thuế vẫn còn khá nhiều); còn thờ ơ, chưa nhận thức cũng như trang bị đầy đủ kiến thức lãnh đạo, quản lý, điều hành DN bằng việc ứng dụng CNTT, chưa quan tâm đầy đủ đến việc đảm bảo an toàn, an ninh, xây dựng môi trường chính sách đầu tư đào tạo, dẫn đến hiệu quả của việc ứng dụng còn hạn chế.

Thứ ba: Công tác triển khai các chính sách thuế hỗ trợ DNNVV trên địa bàn Hà Tĩnh.

Các chính sách ưu đãi thuế như: ưu đãi về địa bàn thành lập dự án đầu tư, về

ngành nghề kinh doanh trong nhiều năm qua đều được ngành Thuế triển khai kịp thời. Trong những năm gần đây, đại dịch Covid-19 diễn ra vô cùng phức tạp, ảnh hưởng toàn diện, sâu rộng đến đời sống chính trị, kinh tế - xã hội trong nước. Để kịp thời hỗ trợ khó khăn cho người nộp thuế, Quốc hội, Chính phủ đã ban hành một số Nghị quyết, Nghị định về việc miễn, giảm, gia hạn thời hạn nộp thuế, nhằm hỗ trợ một phần khó khăn cho người nộp thuế, giúp doanh nghiệp có thêm nguồn lực để duy trì trong giai đoạn khó khăn. Các chính sách miễn, giảm, gia hạn, không tính tiền chậm nộp về thuế, tiền thuê đất được ngành thuế triển khai, thực hiện kịp thời đến tận doanh nghiệp, số liệu từ năm 2020 đến ngày 30/6/2023 như sau:

- *Về chính sách miễn, giảm thuế:* Thực hiện theo Nghị quyết số 116/2020/QH14 ngày 16/6/2020 của Quốc hội; Quyết định số 22/2020/QĐ-TTg ngày 10/8/2020 và Quyết định số 27/2021/QĐ-TTg ngày 25/9/2021 của Thủ tướng về việc giảm tiền thuê đất; Nghị định số 92/2021/NĐ-CP ngày 27/10/2021 quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số [406/NQ-UBTVQH15](#); Nghị định số 15/2022/NĐ-CP ngày 28/01/2022 của Chính phủ quy định chính sách miễn, giảm thuế GTGT theo Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc Hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội; Nghị định số 70/2020/NĐ-CP ngày 28/6/2020 quy định mức thu lệ phí trước bạ đối với ô tô sản xuất, lắp ráp trong nước; Nghị định số 103/2021/NĐ-CP ngày 26/11/2021 của Chính phủ; Nghị quyết số 30/2022/QH15 ngày 30/12/2022 của Quốc hội; Quyết định Số 01/2023/QĐ-TT ngày 31/01/2023 về việc giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước của năm 2022. Kết quả thực hiện miễn, giảm cho 4.685 doanh nghiệp; số tiền 674,547 tỷ đồng. Giảm lệ phí trước bạ cho 7.937 phương tiện, số tiền giảm 278,1 tỷ đồng.

- *Về gia hạn thời hạn nộp thuế, khoan nợ, xóa nợ và không tính tiền chậm nộp:* Triển khai thực hiện Nghị định số 41/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về gia hạn thời hạn nộp thuế và tiền thuê đất; Nghị định số 52/2021/NĐ-CP ngày 19/4/2021 của Chính Phủ; Nghị định số 34/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 và Nghị định số 32/2022/NĐ-CP ngày 21/5/2022 của Chính phủ; **Nghị định 12/2023/NĐ-CP ngày 14/4/2023**; Nghị Quyết số 94/2019/QH14 và Thông tư số 69/2020/TT-BTC

Kết quả gia hạn nộp thuế, tiền thuê đất: Tổng số NNT đề nghị gia hạn: 3.616 NNT; số tiền đã gia hạn: 462 tỷ đồng; Kết quả đã thực hiện khoan nợ 2.943 NNT với số tiền 110,6 tỷ đồng; xóa nợ 703 NNT với số tiền chậm được xóa là 47,7 tỷ đồng. Xử lý không tính tiền chậm nộp 25 bộ hồ sơ với số tiền 21,6 tỷ đồng.

Ngoài các chính sách hỗ trợ do đại dịch Covid -19, ngành Thuế cũng đã thực

hiện chính sách miễn, giảm tiền thuê đất và thuế thu nhập doanh nghiệp về ưu đãi đầu tư năm 2021, 2022 và 6 tháng đầu năm 2023: Tiền thuê đất là: 234 DN, HKD; Số tiền: 334 tỷ đồng; Thuế TNDN 934 DN, số tiền: 1.381 tỷ đồng.

Thứ tư: Đổi mới công tác tuyên truyền hỗ trợ, cải cách hành chính nhằm giúp DNNVV tiếp cận nhanh nhất pháp luật thuế

- Công tác tuyên truyền, hỗ trợ: Tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế là một trong 4 chức năng quan trọng của ngành Thuế. Chức năng tuyên truyền hỗ trợ luôn gắn liền với người nộp thuế trong quá trình quản lý thuế. Trong thời đại công nghệ số 4.0, yêu cầu thông tin phải được truyền tải một cách nhanh chóng, kịp thời đòi hỏi công tác TTHT NNT phải được cải tiến để đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới.

Những kết quả nổi bật trong công tác tuyên truyền hỗ trợ người nộp thuế: Cụ thể năm 2021-2023 đã tổ chức 35 lớp tập huấn đồng thời thực hiện đối thoại để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho người nộp thuế, với số lượng doanh nghiệp tham gia là 12.419 người; Tập trung nguồn nhân lực, thiết lập nhiều kênh để tuyên truyền và tiếp nhận thông tin mới như Zalo, Facebook, Website của Cục Thuế đã tiếp nhận được nhiều câu hỏi vướng mắc và được trả lời 100%; trả lời bằng văn bản: 352 văn bản, hỗ trợ qua điện thoại: 10.790 cuộc; hỗ trợ trực tiếp 9.326 lượt; có 3.102 bài viết đăng trên các báo, Website Cục Thuế; cung cấp 56.380 tờ rơi hướng dẫn khai, nộp thuế, hóa đơn, chứng từ điện tử, khai thuế khoán, gần 2.600 ấn phẩm tài liệu về chính sách thuế mới như GTGT, quản lý thuế, hóa đơn, chứng từ, chuyên đề cải cách hành chính; biên tập và xuất bản 4 bản tin thuế, để tuyên truyền và triển khai thực hiện các chính sách pháp luật mới về thuế, quản lý thuế, về hóa đơn, chứng từ điện tử. Phối hợp thực hiện tuyên truyền trên các báo: Báo Hà Tĩnh, Thời báo Tài chính, trên trang Web của ngành, bản tin HĐND, Bản tin nội chính, phối hợp đài Truyền hình, phát thanh thực hiện hàng chục chuyên đề phóng sự...

Công tác tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế của ngành thuế Hà Tĩnh đã có nhiều đổi mới để phù hợp với xu thế. Thay vì mở các lớp tập huấn trực tiếp, ngành Thuế đã chuyển sang tập huấn trực tuyến, ngoài các phương thức tuyên truyền truyền thống thì ngành thuế đã lập thêm nhiều kênh tuyên truyền mới như Zalo, Chatbot, Facebook, hỗ trợ trực tuyến để cùng một lúc tuyên truyền cho rất nhiều người thay vì 1 nhóm người như trước đây. Phối hợp với các nhà mạng lập nhóm kín trên ứng dụng Zalo, Chatbot đã mang lại nhiều hiệu quả. Bằng hình thức này cán bộ Thuế có thể hỗ trợ người nộp thuế mọi lúc, mọi nơi kể cả ngày nghỉ, giờ nghỉ. Đây là hình thức tuyên truyền hỗ trợ nhanh nhất, tiết kiệm nhất và hiệu quả nhất giúp NNT vừa tiết kiệm được

thời gian, vừa tiết kiệm được chi phí đồng thời có thể lưu lại thông tin để tra cứu khi cần thiết và đảm bảo an toàn trong phòng chống dịch bệnh.

- *Công tác cải cách hành chính:*

+ *Về khai thuế điện tử:* Đến nay toàn ngành thuế Hà Tĩnh đã có 100% đơn vị đăng ký kê khai qua mạng trên tổng số DN đang hoạt động; số lượng hồ sơ khai thuế điện tử đã tiếp nhận tính đến ngày 30/06/2023 là 191.338 hồ sơ

+ *Về nộp thuế điện tử:* Cục Thuế tỉnh Hà Tĩnh đã triển khai dịch vụ nộp thuế điện tử, đã có 54 ngân hàng thương mại hoàn thành kết nối nộp thuế điện tử với Tổng cục Thuế. Tính đến nay, Toàn ngành thuế Hà Tĩnh có 100% đơn vị đăng ký nộp thuế điện tử

+ *Về hoàn thuế điện tử:* Tính từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2023, số hồ sơ hoàn thuế tiếp nhận trực tuyến là: 1.306 hồ sơ; Tổng số hồ sơ hệ thống đã giải quyết hoàn thuế là: 1.306 hồ sơ đạt 100%.

+ *Về hóa đơn điện tử:* Thực hiện Quyết định số 206/QĐ-BTC ngày 24/02/2022 Bộ Tài chính, Quyết định 273/QĐ-TCT ngày 14/4/2022 của Tổng cục Thuế ban hành kế hoạch triển khai áp dụng hóa đơn điện tử cho 57 tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương. Đến nay, Toàn ngành Thuế Hà Tĩnh đã có 5.777 DN đăng ký đạt 100% đơn vị phải sử dụng hóa đơn.

+ *Về kết quả dịch vụ công trực tuyến:* Đến ngày 30/06/2023, 272 thủ tục hành chính thuế đã được Tổng cục Thuế tích hợp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia để NNT có thể tra cứu, thực hiện liên quan đến: hóa đơn; khai thuế (thuế giá trị gia tăng (GTGT), thuế thu nhập DN, thuế thu nhập cá nhân, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế môn bài,...); phí, lệ phí; quyết toán thuế (thuế thu nhập DN, thuế thu nhập cá nhân)... Kết quả dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 thể hiện sự nỗ lực của cơ quan thuế trong việc cải cách TTHC, tạo ra môi trường tương tác giữa cơ quan quản lý thuế và DN, người dân trong việc đăng ký thuế, khai thuế, nộp thuế, hoàn thuế đối với hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu thông qua việc kết nối mạng internet. Qua đó, NNT có thể trực tiếp gửi hồ sơ khai thuế, hồ sơ hoàn thuế, lập giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước và giải quyết hoàn thuế bằng phương thức điện tử một cách nhanh chóng.

Với những kết quả đạt được, nỗ lực cải cách hành chính thuế đã được các tổ chức, cộng đồng DN ghi nhận và đánh giá cao, góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, DN thực hiện nghĩa vụ thuế, cụ thể:

- *Về kết quả đánh giá năng lực cạnh tranh sở, ban, ngành:* UBND tỉnh Hà Tĩnh đã ban hành quyết định phê duyệt kết quả đánh giá năng lực cạnh tranh sở, ban, ngành

cấp tỉnh và UBND các huyện, thành phố, thị xã trên địa bàn tỉnh (DDCI) năm 2020 - 2021. Theo đó, Cục Thuế tỉnh Hà Tĩnh là đơn vị đứng thứ 6 về chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh này.

- Về kết quả đánh giá mức độ hài lòng của DN: Qua khảo sát chuyên đổi số doanh nghiệp - VCCI năm 2022 do Phòng Thương mại và công nghiệp Việt Nam tổ chức, Cục Thuế tỉnh Hà Tĩnh có 2.363 phiếu tham gia khảo sát (được VCCI đánh giá là một trong 10 tỉnh có số lượng khảo sát, đánh giá nhiều).

3. Một số giải pháp, kiến nghị của ngành thuế giúp DNVVN Hà Tĩnh tiếp cận tốt hơn chính sách thuế nhằm phát triển bền vững

Một là, xác định rõ vị trí, tầm quan trọng và hiệu quả thiết thực của việc tiếp cận, sử dụng các công cụ hỗ trợ của cơ quan Thuế, tích cực tham gia các công cụ của các cơ quan, coi đây là nhiệm vụ quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả quản trị doanh nghiệp.

Hai là, để khai thác được các nguồn lực về công nghệ, công nghệ thông tin của xã hội, phục vụ cho sản xuất kinh doanh và quản trị doanh nghiệp,

Ba là, hết sức quan tâm xây dựng, củng cố và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, gắn bó với doanh nghiệp, trước hết là đội ngũ cán bộ quản lý chủ chốt,

Bốn là, cần liên tục rà soát, cập nhật để kịp thời điều chỉnh, đổi mới mô hình quản trị doanh nghiệp phù hợp với quy mô phát triển của doanh nghiệp

Năm là, các DN NVV cần nhận thức được vị trí, vai trò quan trọng của Hiệp hội DN tỉnh Hà Tĩnh, tích cực tham gia vào các Hiệp hội DN

4. Kiến nghị, đề xuất

- Tỉnh cần quan tâm nhiều hơn nữa để tạo điều kiện giúp doanh nghiệp từng bước phát triển cả về lượng và chất; phát triển DN NVV hiệu quả, bền vững, đảm bảo kết hợp chặt chẽ, hợp lý và hài hòa giữa hiệu quả kinh tế với trách nhiệm xã hội, bảo vệ tài nguyên và môi trường. Ưu tiên hỗ trợ phát triển doanh nghiệp khu vực tư nhân có quy mô nhỏ và vừa, đẩy mạnh các hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp, khuyến khích xây dựng các thương hiệu lớn của doanh nghiệp Hà Tĩnh trên thị trường trong và ngoài nước.

- Hoàn thiện chính sách thu hút, hợp tác đầu tư nước ngoài có tính cạnh tranh cao, lấy chất lượng, hiệu quả, công nghệ và bảo vệ môi trường là tiêu chí quan trọng để đánh giá. Ưu tiên các dự án có công nghệ tiên tiến, công nghệ mới, công nghệ cao, công nghệ sạch, quản trị hiện đại, có giá trị gia tăng cao, có tác động lan tỏa, kết nối chuỗi sản xuất và cung ứng toàn cầu, đặc biệt là các dự án tạo ra chuỗi giá trị trên địa bàn tỉnh.

- Thực hiện đồng bộ các giải pháp cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao các chỉ số đo lường về môi trường đầu tư như PCI, PAPI. Triển khai thực hiện có

hiệu quả Bộ chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh sở, ban, ngành cấp tỉnh và UBND huyện, thành phố, thị xã (DDCI) trên địa bàn tỉnh.

- Đẩy nhanh tiến độ xây dựng chính quyền điện tử, hoàn thành ứng dụng, sử dụng việc xử lý văn bản, hồ sơ công việc, thủ tục hành chính của hệ thống chính quyền từ tỉnh đến xã trên môi trường điện tử, nhằm đảm bảo công khai, minh bạch, giảm thời gian và chi phí cho tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp; cam kết tạo điều kiện tốt nhất cho các nhà đầu tư về thủ tục hành chính thành lập doanh nghiệp, chấp thuận chủ trương đầu tư, cấp giấy chứng nhận đầu tư, giao đất, thuê đất, đảm bảo an ninh trật tự và các lĩnh vực liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp.

- Tăng cường trách nhiệm và hiệu quả phối hợp giữa các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố, thị xã trong giải quyết các công việc liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp; nâng cao trình độ, năng lực công tác, đạo đức công vụ của cán bộ, công chức trong thực hiện nhiệm vụ, nhất là trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị; xử lý nghiêm những đơn vị, cán bộ, công chức gây khó khăn, phiền hà cho doanh nghiệp.

- Tiếp tục duy trì, đổi mới, nâng cao hiệu quả buổi tiếp doanh nghiệp định kỳ của Chủ tịch UBND tỉnh để kịp thời giải quyết, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp.

5. Kết luận

Chiến lược phát triển hệ thống thuế đến năm 2030, Chính phủ yêu cầu tiếp tục hoàn thiện hệ thống chính sách thuế gắn với cơ cấu lại thu ngân sách nhà nước theo hướng bao quát toàn bộ các nguồn thu, mở rộng cơ sở thu, nhất là nguồn thu mới, phù hợp với thông lệ quốc tế... hướng tới một hệ thống thuế đồng bộ, có cơ cấu bền vững, bảo đảm huy động hợp lý các nguồn lực cho ngân sách nhà nước, góp phần tạo môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi. Tiến tới xây dựng ngành thuế hiện đại, tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Công tác quản lý thuế minh bạch, chuyên nghiệp, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, đơn giản hóa thủ tục và giảm chi phí cho người dân với ba trụ cột cơ bản trong công tác quản lý thuế như sau: Thể chế quản lý thuế đầy đủ, đồng bộ, hiện đại, hội nhập; Nguồn nhân lực chuyên nghiệp, liêm chính, đổi mới; Công nghệ thông tin hiện đại, tích hợp, đáp ứng yêu cầu quản lý thuế trong bối cảnh kinh tế số.

Với phương châm luôn coi người nộp thuế là trung tâm phục vụ, ngành Thuế Hà Tĩnh sẽ luôn đồng hành cùng doanh nghiệp trên địa bàn nói chung và DNVTN nói riêng. Ngành thuế cam kết sẽ phát huy vai trò của mình giúp doanh nghiệp ngày càng phát triển. Với trách nhiệm của mình, Ngành thuế sẽ thường xuyên cập nhật kịp thời

các văn bản chính sách thuế mới để tuyên truyền, phổ biến đến người nộp thuế. Thực hiện chính xác, kịp thời và công khai, minh bạch các chính sách ưu đãi về thuế, phí, lệ phí dành cho doanh nghiệp và người dân.

Với những tiềm năng, lợi thế của địa phương, cùng thế và lực mới và với những kinh nghiệm được kết tinh trong thời gian qua, chúng ta tin tưởng rằng dù khó khăn đến đâu, nhưng với truyền thống tự lực, tự cường và lao động sáng tạo của mình, các doanh nghiệp, doanh nhân trên địa bàn Hà Tĩnh sẽ vượt lên mọi thử thách để duy trì và phát triển mạnh mẽ hoạt động sản xuất kinh doanh, tiếp tục gặt hái được nhiều thành công rực rỡ hơn trong phát triển sản xuất kinh doanh tạo thêm nhiều lợi nhuận, nâng cao đời sống cho người lao động và nộp thuế cho ngân sách nhà nước, vững bước đi trên con đường phát triển hội nhập, góp phần đưa Hà Tĩnh trở thành một tỉnh phát triển toàn diện về kinh tế - xã hội./.

NÂNG CAO ĐẠO ĐỨC TRONG KINH DOANH GÓP PHẦN XÂY DỰNG THƯƠNG HIỆU CHO DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA Ở HÀ TĨNH

ThS. Phan Thị An Phú

Trường Chính trị Trần Phú Hà Tĩnh

Tóm tắt: Hiện nay chúng ta đang bước vào kỷ nguyên thông tin và tri thức với sự ảnh hưởng mạnh mẽ của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0. Vì thế, doanh nghiệp vừa và nhỏ ở Hà Tĩnh muốn tận dụng các thời cơ, đủ sức vượt qua thách thức nhằm duy trì sự tồn tại, phát triển trong bối cảnh này thì điều cốt lõi là phát huy được vai trò của văn hóa trong kinh doanh. Sử dụng hiệu quả văn hóa sẽ là chìa khóa cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ mở ra những cơ hội mới, tranh thủ được các thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 từng bước xây dựng nên thương hiệu hướng đến sự phát triển bền vững.

Từ khóa: Đạo đức, doanh nghiệp vừa và nhỏ, thương hiệu

Vai trò, vị trí kinh tế tư nhân ngày càng được nhận thức đầy đủ, hoàn chỉnh hơn qua từng thời kỳ khác nhau. Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Đảng ta tiếp tục nhấn mạnh rằng: “Kinh tế tư nhân được khuyến khích phát triển ở tất cả các ngành, lĩnh vực mà pháp luật không cấm, được hỗ trợ phát triển thành các công ty, tập đoàn kinh tế tư nhân mạnh, có sức cạnh tranh cao. Khuyến khích doanh nghiệp tư nhân hợp tác, liên kết với doanh nghiệp nhà nước, hợp tác xã, kinh tế hộ; phát triển các công ty cổ phần có sự tham gia rộng rãi của các chủ thể xã hội, nhất là người lao động”⁷². Việc phát huy tốt vai trò của thành phần kinh tế tư nhân trong đó phải kể đến vai trò của những doanh nghiệp vừa và nhỏ là một trong các yếu tố đã, đang tạo ra những bước chuyển mình lớn đối với tình hình kinh tế tỉnh Hà Tĩnh. Kinh tế tư nhân của tỉnh nhà hiện nay đã hình thành, phát triển một số doanh nghiệp tư nhân có quy mô vừa và nhỏ thuộc lĩnh vực kinh doanh đa ngành có chiều hướng phát triển thành những doanh nghiệp lớn đã có những ảnh hưởng quan trọng đến sự phát triển kinh tế - xã hội của Hà Tĩnh. Vì thế, bên cạnh tinh thần đổi mới trong kinh doanh, khát vọng vươn lên thì đội ngũ doanh nhân làm chủ các doanh nghiệp vừa và nhỏ Hà Tĩnh cần chú trọng nâng cao đạo đức trong kinh doanh từ đó từng bước xây dựng được thương hiệu, hướng đến phát triển bền vững.

⁷² Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t. I, tr. 130.

1. Một số vấn đề chung về đạo đức kinh doanh

Đạo đức kinh doanh là một tập hợp các nguyên tắc, chuẩn mực có tác dụng điều chỉnh, đánh giá, hướng dẫn và kiểm soát hành vi của các chủ thể kinh doanh.⁷³ Đó là vận dụng đạo đức vào trong các khâu của hoạt động kinh doanh, tạo nền tảng đem lại trạng thái hài hòa giữa những hành vi hợp pháp của doanh nghiệp cùng với việc duy trì lợi thế cạnh tranh so với các doanh nghiệp khác. Tùy theo cách thức tổ chức, quản lý sản xuất khác nhau của từng công ty mà lựa chọn cho đơn vị phương pháp thực hiện những hành vi đạo đức kinh doanh theo nhiều cách khác nhau.

Đạo đức kinh doanh gắn liền với nghề nghiệp cụ thể có tính đặc thù là đi cùng yếu tố kinh doanh và lợi nhuận. Nhưng đó cũng là một bộ phận của đạo đức xã hội nên nó vẫn chịu sự chi phối, ảnh hưởng từ hệ giá trị, chuẩn mực xã hội chung. Vì vậy, đạo đức kinh doanh vừa thể hiện trách nhiệm của một doanh nghiệp đối với xã hội vừa biểu thị triết lý kinh doanh, giá trị cốt lõi của một doanh nghiệp từ đó lựa chọn cách thức để doanh nghiệp xây dựng nên thương hiệu của mình.

Các nguyên tắc và chuẩn mực cơ bản của đạo đức kinh doanh là tính trung thực; sự tôn trọng con người; gắn lợi ích doanh nghiệp với lợi ích khách hàng và xã hội, coi trọng hiệu quả gắn với trách nhiệm xã hội; bí mật và trung thành với các trách nhiệm đặc biệt. Trong đó tính trung thực đòi hỏi một mặt chủ thể kinh doanh không sử dụng những các thủ đoạn gian xảo hoặc phi pháp để đạt lợi nhuận, không cạnh tranh thiếu lành mạnh với các đối thủ trong kinh doanh. Mặt khác, chủ thể kinh doanh phải giữ chữ tín trong kinh doanh cụ thể là doanh nghiệp, doanh nhân luôn giữ chữ tín trong quan hệ, bảo đảm thực hiện đúng nghĩa vụ và cam kết với đối tác, với khách hàng và người tiêu dùng; không sản xuất kinh doanh hàng giả, hàng nhái, hàng kém chất lượng, hàng gây độc hại đến sức khỏe con người, quảng cáo sai sự thật, vi phạm quyền sở hữu trí tuệ, nhãn mác và xuất xứ hàng hóa. Chủ thể kinh doanh phải chấp hành nghiêm luật pháp của Nhà nước, theo đó doanh nghiệp, doanh nhân không trốn thuế, lậu thuế, sản xuất kinh doanh những mặt hàng quốc cấm. Đối với xã hội, chủ thể kinh doanh không có các hoạt động làm ô nhiễm môi trường tự nhiên như xả thải độc hại ra môi trường, tàn phá hệ sinh thái cũng không có các hoạt động gây môi trường xã hội như kinh doanh những hàng hóa hay dịch vụ có hại cho thuần phong mỹ tục, ảnh hưởng đến giáo dục con người, thực hiện các trách nhiệm xã hội. Nguyên tắc tôn trọng con người đòi hỏi chủ thể kinh doanh phải tôn trọng phẩm giá, quyền lợi chính đáng từ

⁷³ PGS.TS. Hoàng Văn Hải, TS. Đặng Thị Hương (Đồng chủ biên),(2022), Giáo trình văn hóa doanh nghiệp và đạo đức kinh doanh, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.

lương, bảo hiểm, hưu trí, các chế độ chính sách; bảo đảm an toàn lao động; tạo điều kiện phát triển về thể lực và trí tuệ của đội ngũ cán bộ, công nhân viên trong doanh nghiệp; mở rộng dân chủ và khuyến khích phát huy sáng kiến, cải tiến công nghệ; tôn trọng nhu cầu, sở thích và tâm lý khách hàng; cạnh tranh lành mạnh và công bằng với đối thủ cạnh tranh, thúc đẩy không khí vừa hợp tác vừa cạnh tranh lành mạnh; gắn lợi ích của doanh nghiệp với lợi ích của khách hàng và xã hội, coi trọng hiệu quả kinh doanh gắn với trách nhiệm xã hội.

Đạo đức kinh doanh có đối tượng điều chỉnh là chủ thể hoạt động kinh doanh bao gồm tất cả các chủ thể của các quan hệ và hành vi kinh doanh, trong đó có doanh nhân và tổ chức kinh doanh như hộ gia đình, công ty, xí nghiệp, tập đoàn cũng như đối tác và khách hàng. Phạm vi Đạo đức kinh doanh rất rộng vì có thể áp dụng cho tất cả các thể chế xã hội, tổ chức và cá nhân liên quan hay tác động đến hoạt động kinh doanh như thể chế chính trị, chính phủ, công đoàn, nhà cung ứng, khách hàng, cổ đông, chủ doanh nghiệp, cán bộ công nhân viên trong doanh nghiệp,...

Việc thực hiện đạo đức kinh doanh giữ vai trò quan trọng đối với sự phát triển của những chủ thể tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh - các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Sự phát triển về sản xuất và tốc độ tăng trưởng cũng như hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp phụ thuộc vào đạo đức kinh doanh, vào sự tăng trưởng về lợi nhuận thu được gắn liền với việc thực hành đạo đức kinh doanh. Đạo đức kinh doanh là một bộ phận cấu thành quan trọng nhất của văn hóa kinh doanh, là yếu tố nền tảng tạo nên sự tin tưởng của đối tác, của khách hàng và người tiêu dùng đối với doanh nghiệp. Để xây dựng niềm tin, sự đoàn kết và trung thành của tất cả các bộ phận thuộc doanh nghiệp, bảo đảm thống nhất từ lãnh đạo đến toàn thể cán bộ, người lao động trong doanh nghiệp có những ứng xử đúng chuẩn mực đạo đức, qua đó không ngừng nâng cao hình ảnh, uy tín và thương hiệu của doanh nghiệp thì cần lấy đạo đức kinh doanh chính làm cơ sở, là gốc rễ. Sự tồn vong, phát triển cũng như lợi nhuận của doanh nghiệp chính là do người tiêu dùng quyết định, do đó doanh nghiệp muốn đạt được tỷ suất lợi nhuận cao và thành công bền vững thì phải xây dựng được nền tảng đạo đức kinh doanh cho doanh nghiệp mình. Việc hình thành, nâng cao chất lượng thực thi đạo đức kinh doanh là nhân tố đem lại lợi ích to lớn cho doanh nghiệp.

2. Tạo dựng thương hiệu xuất phát từ đạo đức trong kinh doanh của các doanh nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn Hà Tĩnh

Đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ, thương hiệu của doanh nghiệp có vai trò hết sức quan trọng đối với việc khẳng định vị trí, vai trò của mình trong lĩnh vực kinh

doanh cũng như đánh giá hiệu quả kinh tế. Đó cũng là nền tảng để doanh nghiệp vừa và nhỏ tiếp tục phát triển trở thành doanh nghiệp lớn trong tương lai. Mục tiêu của mỗi doanh nghiệp ngoài lợi nhuận thu lại thì thương hiệu là tài sản vô hình có giá trị lớn, bảo đảm cho thành công của doanh nghiệp. Khi tự mình khẳng định được thương hiệu thì doanh nghiệp vừa và nhỏ sẽ có nhiều điều kiện thuận lợi như dễ dàng mở rộng khả năng tiếp cận thị trường; thiết lập nhiều cơ hội chiếm lĩnh thị trường cho các thương hiệu mạnh. Những sản phẩm mang thương hiệu uy tín được khách hàng lựa chọn nhiều hơn và có lợi thế cạnh tranh về giá so với các hàng hóa tương tự nhưng mang thương hiệu nhỏ. Sức lan tỏa của thương hiệu tỷ lệ thuận với doanh số bán hàng ngày càng tăng cao nhờ sức mạnh từ tuyên truyền và phổ biến kinh nghiệm của người tiêu dùng.

Doanh nghiệp vừa và nhỏ khi đã xác lập thương hiệu sẽ có những thế mạnh nhất định trong quá trình kinh doanh và cung cấp dịch vụ của công ty đồng thời sẽ mở ra nhiều yếu tố thu hút nguồn vốn đầu tư, mở rộng các mối quan hệ liên minh, hợp tác cùng kinh doanh. Đối với các công ty hợp tác, đầu tư thì việc xác định được tiềm năng của doanh nghiệp đã có thương hiệu trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh sẽ là điều kiện hạn chế mức rủi ro ở mức tối thiểu. Vì thế, thương hiệu cũng là yếu tố quan trọng giúp phía đối tác sẽ chủ động, tự tin cùng liên kết để phần nào giảm giá thành sản phẩm, nâng cao sức cạnh tranh của hàng hóa và doanh nghiệp.

Đạo đức kinh doanh và tạo dựng thương hiệu là hai vấn đề quan trọng, có mối quan hệ gắn bó, ảnh hưởng qua lại tác động trực tiếp đến sự tồn tại, phát triển của doanh nghiệp. Nếu doanh nghiệp nào xác định tôn chỉ kinh doanh dựa trên nền tảng đạo đức; lấy chữ tín, tôn trọng khách hàng; gắn lợi ích doanh nghiệp với lợi ích khách hàng thì lâu dần sẽ tạo nên dấu ấn và có niềm tin của khách hàng đến doanh nghiệp mình. Khi tạo được thương hiệu, thu được nhiều lợi nhuận thì doanh nghiệp lại có thêm nguồn lực để thực hiện tốt hơn trách nhiệm của mình đối với cộng đồng. Lợi nhuận là mục đích quan trọng, đảm bảo sự sống còn của các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Nhưng nếu doanh nghiệp đặt lợi nhuận trong kinh doanh lên hàng đầu để bỏ qua các chuẩn mực, giá trị, nguyên tắc hoạt động và chất lượng sống của cộng đồng thì sớm muộn cũng bị người tiêu dùng, thị trường quay lưng. Ngược lại, quá trình kinh doanh của doanh nghiệp tôn trọng những giá trị đạo đức của cộng đồng, tuân theo những chuẩn mực của xã hội, từ đó hình thành nên thương hiệu - tên tuổi của mình, thì việc kinh doanh của doanh nghiệp mới thực sự hiệu quả. Nhiều bài học cho thấy, khi doanh nghiệp chỉ chạy theo lợi nhuận, bất chấp những hậu quả về mặt đạo đức đối với cộng đồng thì việc kinh doanh sẽ bị ảnh hưởng nghiêm trọng, thậm chí dẫn tới phá sản. Vì

vậy, xây dựng thương hiệu doanh nghiệp phải xác định đạo đức kinh doanh là nền tảng giá trị, là phần không thể tách rời các hoạt động của doanh nghiệp. Để doanh nghiệp phát triển bền vững, đạo đức kinh doanh phải thực sự được áp dụng trong mọi mối quan hệ giữa doanh nghiệp và đối tác, khách hàng và toàn xã hội. Mối quan hệ đó càng được chứng minh rõ hơn ở những bối cảnh nền kinh tế có nhiều thay đổi.

Tỉnh Hà Tĩnh đã có những quan tâm, chỉ đạo cụ thể đối góp phần xây dựng môi trường kinh doanh lành mạnh, tạo điều kiện cho sự phát triển bền vững của doanh nghiệp tư nhân nói chung, doanh nghiệp vừa và nhỏ tỉnh Hà Tĩnh nói riêng. Vì thế mặc dù năm 2022, tỉnh nhà Hà Tĩnh thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trong điều kiện còn nhiều khó khăn, thách thức. Từ giữa tháng 1/2022, sự bùng phát Dịch Covid -19; tác động xung đột dựa Nga - Ukraine làm giá xăng, dầu, nguyên vật liệu biến động thiếu ổn định; sản xuất ngành công nghiệp bị ảnh hưởng do cung thị trường thép tiêu thụ chậm đã kéo theo sự sụt giảm về sản lượng một số sản phẩm công nghiệp chủ lực; lãi suất ngân hàng tăng cao trong những tháng cuối năm; trong sản xuất nông nghiệp chịu tác động bởi dịch bệnh, thời tiết diễn biến khó lường... đã ảnh hưởng không nhỏ đến quá trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh nhà. Cho đến 06 tháng đầu năm 2023, việc triển khai thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn Hà Tĩnh có nhiều thuận lợi song cũng gặp không ít khó khăn thách thức. Dịch Covid-19 được kiểm soát tốt so với cùng kỳ, hoạt động sản xuất kinh doanh diễn ra trong điều kiện thời tiết thuận lợi... Tuy nhiên, lạm phát toàn cầu mặc dù đã hạ nhiệt nhưng vẫn ở mức cao; hầu hết các nước vẫn thắt chặt chính sách tiền tệ; sự phục hồi chậm và suy giảm nhu cầu tiêu dùng của các đối tác thương mại lớn đã ảnh hưởng không nhỏ đến quá trình sản xuất, kinh doanh, tiêu dùng của người dân và doanh nghiệp. Theo báo cáo của cục thống kê Hà Tĩnh, tính đến ngày 20/12/2022, toàn tỉnh thành lập mới 1.380 doanh nghiệp với tổng vốn đăng ký gần 10.000 tỷ đồng (tăng 27,07% về số lượng) giảm 24,61% về số vốn đăng ký so với cùng kỳ năm trước. Vốn đăng ký bình quân một doanh nghiệp thành lập mới đạt 7,2 tỷ đồng (cùng kỳ năm 2021 là 12,21 tỷ đồng); đã hỗ trợ đào tạo trên 1.000 lượt người về quản trị doanh nghiệp và khởi sự doanh nghiệp; có trên 400 doanh nghiệp tái gia nhập thị trường, tăng hơn 18% so với năm trước; 100% doanh nghiệp, đơn vị, tổ chức đã áp dụng hóa đơn điện tử theo Nghị định số 123/2020/NĐ-CP của Chính phủ; có 475 doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng hoạt động (tăng 12,29% so với cùng kỳ năm 2021), 192 doanh nghiệp giải thể (tăng 34,26% so với cùng kỳ năm 2021). Theo số liệu mới nhất tính đến ngày 12/7/2023, toàn tỉnh có 620 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới với vốn đăng ký gần 2.530 tỷ đồng,

giảm 11% số lượng và 51% số vốn; 234 doanh nghiệp hoạt động trở lại, giảm 8%; 108 doanh nghiệp giải thể, tăng 38%; 396 doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động, tăng 22%; doanh nghiệp kê khai phát sinh thuế đạt 41% so với tổng số doanh nghiệp đang hoạt động (cùng kỳ năm 2022 là 44%). Lũy kế đến nay toàn tỉnh có gần 11.000 doanh nghiệp và đơn vị trực thuộc đang hoạt động (đạt 73% chỉ tiêu Nghị quyết 08/NQ-TU), đóng góp 50% thu ngân sách nội địa (đạt 77% chỉ tiêu Nghị quyết), 45% tổng vốn đầu tư (đạt 75% chỉ tiêu Nghị quyết).⁷⁴

Đối diện với không ít trở ngại nhưng với sự lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt của cả hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở, đã triển khai thực hiện nhiều giải pháp đồng bộ để tháo gỡ khó khăn cho sản xuất, kinh doanh các doanh nghiệp vừa và nhỏ của Hà Tĩnh đã đạt được những kết quả tích cực. Tỉnh Hà Tĩnh đã xây dựng Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết 08/NQ-TU ngày 22/11/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về đổi mới, phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động doanh nghiệp; tiếp tục tập trung chỉ đạo, tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc liên quan đến hồ sơ, thủ tục; triển khai các giải pháp đẩy mạnh phát triển doanh nghiệp, kịp thời thông tin, tháo gỡ các khó khăn cho các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh. Chỉ đạo thành lập Tổ công tác đặc biệt theo Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 08/4/2023 của Chính phủ để hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp, nhà đầu tư giải quyết các khó khăn, vướng mắc về hồ sơ, thủ tục trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, nghiên cứu đầu tư, thực hiện dự án. Tổ chức Hội nghị kết nối Ngân hàng - Doanh nghiệp nhằm đối thoại trực tiếp, nắm bắt các khó khăn vướng mắc liên quan đến việc tiếp cận vốn vay ngân hàng để kịp thời có giải pháp xử lý, tháo gỡ. Làm việc với đoàn công tác của Chính phủ để tháo gỡ các khó khăn trong sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng hạ tầng và xuất nhập khẩu. Vì thế, khoảng thời gian đại dịch Covid-19 diễn ra và sau đó đã gây không ít trở ngại cho hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp vừa và nhỏ nhưng các doanh nghiệp hình thành được văn hóa tốt, có đạo đức kinh doanh sẽ tạo nền tảng vững chắc đã tìm nhiều cách thức để vượt qua khó khăn, gây dựng được thương hiệu và đồng hành cùng Nhân dân tỉnh nhà vượt qua nạn dịch. Một mặt các doanh nghiệp vừa và nhỏ dần chuyển mình thích ứng với tình hình mới vừa chung tay giúp đỡ người nghèo, những người đang ở tuyến đầu chống dịch của các tổ chức, doanh nghiệp, hy sinh vì lợi ích quốc gia của các doanh nghiệp đã để lại ấn tượng tốt, từ đó trở thành cơ sở để xây dựng thương hiệu cho chính các doanh nghiệp. Cụ thể như năm 2021, Công ty CP D&N Group đã tài trợ

⁷⁴ Trang thông tin điện tử UBND tỉnh Hà Tĩnh, Báo cáo kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm 2023, <https://hatinh.gov.vn/vi/chi-dao-dieu-hanh/tin-bai/16321>, truy cập vào 12/8/2023

hệ thống ô-xy khí nén trị giá 1,1 tỷ đồng cho Bệnh viện Đa khoa Hà Tĩnh, đóng góp hơn 7 tỷ đồng, Tổng Công ty Khoáng sản và Thương mại Hà Tĩnh hỗ trợ tỉnh 1,35 tỷ đồng; Công ty CP Dược Hà Tĩnh đóng góp hơn 400 triệu đồng cho các hoạt động phòng, chống COVID-19, hỗ trợ học sinh hoàn cảnh khó khăn, hoạt động chăm lo cho người nghèo... Các doanh nghiệp vừa và nhỏ cũng thường xuyên có các hoạt động ý nghĩa, quan tâm hỗ trợ hoàn cảnh khó khăn, trích lợi nhuận kinh doanh để hỗ trợ vật tư y tế, những suất cơm, nhu yếu phẩm cho các khu cách ly... để góp sức cùng tỉnh nhà vượt qua khó khăn dịch bệnh và chia sẻ, tiếp thêm sức mạnh, niềm tin cho những người có hoàn cảnh khó khăn vươn lên trong cuộc sống. Đây là những hành động vừa hướng tới cộng đồng, thể hiện đạo đức kinh doanh, đồng thời góp phần xây dựng thương hiệu. Tuy nhiên cũng có những trường hợp sai phạm lợi dụng dịch bệnh để kiếm tiền, đi ngược với đạo đức kinh doanh để găm hàng, đẩy giá nhưng đều đã bị các cơ quan chức năng phát hiện, xử lý kịp thời.

Việc thực hiện đạo đức kinh doanh nhằm bảo đảm lợi ích của khách hàng, doanh nghiệp và xã hội, do đó, xây dựng đạo đức kinh doanh cũng là một cách để xây dựng thương hiệu. Bên cạnh cạnh tranh về chất lượng, thương hiệu ngày càng trở nên quan trọng hơn trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng. Vì thế, nhiều doanh nghiệp ở Hà Tĩnh dù chỉ ở quy mô vừa và nhỏ nhưng đã tập trung nguồn lực cho việc xây dựng thương hiệu để dẫn dắt kịp xu thế toàn cầu về đầu tư vào giá trị bền vững trong doanh nghiệp.

3. Giải pháp nâng cao đạo đức kinh doanh, xây dựng thương hiệu doanh nghiệp vừa và nhỏ tỉnh Hà Tĩnh

Thứ nhất, đội ngũ doanh nhân cần thường xuyên trau dồi bản lĩnh chính trị, bản lĩnh nghề nghiệp và văn hóa, đạo đức người kinh doanh; hoạt động sản xuất, kinh doanh tuân thủ đúng pháp luật, quy định của Nhà nước. Mỗi doanh nhân lãnh đạo doanh nghiệp vừa và nhỏ phải nhận thức đúng, đầy đủ, sâu sắc về doanh nhân, về vị trí, vai trò của doanh nhân trong công cuộc đổi mới và sự nghiệp xây dựng, bảo vệ đất nước. Tự nỗ lực phát huy tinh thần kinh doanh, khát vọng làm giàu chân chính trong xã hội với triết lý kinh doanh “kinh doanh gắn với trách nhiệm xã hội”. Dựa trên những đặc trưng riêng của doanh nghiệp, để thẩm thấu các nguyên tắc đạo đức kinh doanh, từ đó trở thành động lực dẫn dắt doanh nghiệp thực hiện.

Thứ hai, mỗi doanh nghiệp cần hình thành nên những nguyên tắc đạo đức kinh doanh trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và triển khai thực hiện nghiêm túc trong nội bộ doanh nghiệp. Trong những nguyên tắc đạo đức kinh doanh của doanh nghiệp cần thể hiện được những yêu cầu thực hiện đạo đức của doanh nghiệp; cam kết và

trách nhiệm của doanh nghiệp với chính quyền, nhân viên và cộng đồng; đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm mà nhân viên phải thực hiện đối với đồng nghiệp, lãnh đạo, khách hàng; và các phương án giải quyết các vướng mắc liên quan đến đạo đức trong doanh nghiệp. Đồng thời cũng có những chế tài giám sát, xử lý những vi phạm đi ngược lại những quy tắc đạo đức mà công ty đã đặt ra và khen thưởng những tấm gương điển hình trong thực hiện.

Thứ ba, Cần tiếp tục hoàn thiện thể chế, chính sách, hệ thống pháp luật về kinh doanh minh bạch, công bằng, lành mạnh nhằm tạo môi trường kinh doanh thuận lợi cho doanh nghiệp. Và hỗ trợ giải đáp doanh nghiệp vừa và nhỏ những vấn đề vướng mắc về luật pháp, đăng ký kinh doanh. Cần có cơ chế bảo vệ, tạo điều kiện, khuyến khích, động viên, khen thưởng xứng đáng những doanh nghiệp kinh doanh chân chính, có đóng góp lớn đối với tỉnh nhà và kịp thời ngăn chặn, xử lý nghiêm minh những doanh nghiệp, doanh nhân đi ngược lại quy định của pháp luật gây thiệt hại cho địa phương.

Thứ tư, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp tiếp cận bình đẳng với các nguồn lực phát triển, cùng tham gia thực hiện các dự án, công trình, xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội theo hình thức hợp tác công - tư. Chú trọng việc đẩy mạnh thực hiện cơ chế hợp tác công - tư trong đầu tư, khai thác, sử dụng, kinh doanh các dự án, công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - kỹ thuật. Thực hiện nghiêm túc việc giám sát, kiểm soát chặt chẽ chi phí đầu tư, việc vận hành và thu hồi vốn của các dự án kết cấu hạ tầng để giảm chi phí sản xuất, kinh doanh cho người dân và doanh nghiệp.

4. Kết luận

Đạo đức kinh doanh là yếu tố cần thiết cho doanh nghiệp vừa và nhỏ ở Hà Tĩnh xây dựng thương hiệu, nhất là trước những khó khăn của nền kinh tế hiện nay nên việc các doanh nghiệp nâng cao đạo đức doanh nghiệp để tìm cách xây dựng, bảo vệ thương hiệu của mình. Đây cũng là nền tảng cơ bản, là nguồn sức mạnh nội sinh giúp cho doanh nghiệp vừa và nhỏ ở Hà Tĩnh tiếp tục phát triển thành những doanh nghiệp có quy mô lớn. Khi mỗi doanh nghiệp thực hiện nghiêm túc theo tôn chỉ kinh doanh gắn với các nguyên tắc, chuẩn mực đạo đức không những củng cố, khẳng định vai trò của thương hiệu mà còn tiến tới xây dựng nên đội ngũ doanh nhân Hà Tĩnh năng động, dám nghĩ, dám làm, sẵn sàng đương đầu với khó khăn, thành công ở các loại hình kinh doanh.

Nâng cao đạo đức kinh doanh là quá trình bổ sung thêm những giá trị, sức mạnh mềm, tạo uy tín, lợi thế trong hoạt động kinh doanh của mỗi doanh nghiệp vừa và nhỏ. Quá trình hội nhập và cạnh tranh ngày càng sâu rộng thì đạo đức kinh doanh trở thành yếu tố tạo ra sự khác biệt, tạo nên những đặc sắc riêng của mỗi một doanh nghiệp đối

với cộng đồng, khách hàng. Trong quá trình hoạt động, doanh nghiệp chủ động xây dựng văn hóa kinh doanh, xây dựng thương hiệu tạo động lực cho sự phát triển bền vững của chính doanh nghiệp. Sự phát triển hiệu quả kinh doanh, nâng cao văn hóa doanh nghiệp vừa và nhỏ Hà Tĩnh là một trong những yếu tố thúc đẩy tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh nhà hiện nay và những giai đoạn tiếp theo./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Cục Phát triển doanh nghiệp (2017), *Sách trắng Doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam*, Hà Nội.
2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2019), *Sách trắng Doanh nghiệp Việt Nam năm 2019*, Nxb Thống kê, Hà Nội.
3. PGS.TS. Hoàng Văn Hải, TS. Đặng Thị Hương (Đồng chủ biên), (2022), *Giáo trình văn hóa doanh nghiệp và đạo đức kinh doanh*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
4. Nguyễn Trường Sơn (2014), *Phát triển Doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam hiện nay*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
5. Trang thông tin điện tử UBND tỉnh Hà Tĩnh, Báo cáo kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm 2023, <https://hatinh.gov.vn/vi/chi-dao-dieu-hanh/tin-bai/16321>, truy cập vào 12/8/2023.
6. Viện Nghiên cứu Quản lý kinh tế Trung ương (2018), *Đổi mới phương thức hỗ trợ tín dụng cho Doanh nghiệp nhỏ và vừa: Kinh nghiệm quốc tế và một số kiến nghị cho Việt Nam*, Hà Nội.

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG NGUỒN NHÂN LỰC GÓP PHẦN PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HÀ TĨNH

ThS. Võ Thị Cẩm Hiếu
Trường Đại Học Hà Tĩnh

Tóm tắt: Hà Tĩnh là một tỉnh thuộc khu vực Bắc Trung bộ, gần với khu vực điểm đầu của hành lang kinh tế Đông Tây, trong tiến trình hội nhập cùng đất nước đã có những bước phát triển khá toàn diện, trong đó có sự đóng góp đáng kể của các doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV). Quá trình hội nhập ngày càng sâu rộng của Việt Nam thời gian qua đã mở ra nhiều cơ hội cho doanh nghiệp nói chung và các DNNVV ở Hà Tĩnh nói riêng, trong việc mở rộng thị trường và học hỏi kinh nghiệm kinh doanh quốc tế. Tuy nhiên, quá trình hội nhập cũng khiến các DNNVV đứng trước những thách thức lớn. Việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực (NNL) sẽ giúp DNNVV vượt qua thách thức, bởi đây là yếu tố quyết định đến năng suất, chất lượng, giá thành sản phẩm, đồng thời nâng cao tính ổn định và năng động của các doanh nghiệp. Hơn nữa, phát triển nguồn nhân lực cho DNNVV có chất lượng là điều kiện tiên quyết để các doanh nghiệp phát triển bền vững trong nền kinh tế thị trường hiện nay.

Từ khóa: Doanh nghiệp nhỏ và vừa, nguồn nhân lực, nâng cao chất lượng, Hà Tĩnh.

1. Đặt vấn đề

DNNVV là loại hình DN chiếm đa số và đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Hà Tĩnh. Hàng năm, tỷ lệ đóng góp của khu vực doanh nghiệp (trong đó có các DNNVV) vào tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) đạt khoảng 58%; thu ngân sách chiếm 70% tổng số thu và vốn đầu tư xã hội chiếm khoảng 60% tổng vốn đầu tư toàn xã hội trên địa bàn tỉnh. Sự phát triển của doanh nghiệp đã góp phần giải quyết việc làm cho trên 83.000⁷⁵ lao động và có nhiều đóng góp trong hoạt động an sinh xã hội. Tuy nhiên, hiện cộng đồng DNNVV đang phải đối mặt với thách thức cạnh tranh do nguồn lực tài chính hạn chế và đặc biệt là chất lượng lao động còn nhiều bất cập.

Tính đến tháng 8/2022, toàn tỉnh có 93,4% số DN đang cố gắng để tồn tại và đứng vững được trong cạnh tranh; 6,6% đã bị giải thể hoặc ngừng hoạt động (tăng 16% so với cùng kỳ năm 2021)⁷⁶. Số DN gặp khó khăn rút lui khỏi thị trường ngày

⁷⁵ <https://vccinews.vn/prode/38695/ha-tinh-thao-go-kho-khan-cho-doanh-nghiep.html>

⁷⁶ <https://baohatinh.vn/dau-tu/ha-tinh-thanh-lap-moi-gan-1-000-doanh-nghiep/236967.htm>

càng nhiều một phần từ ảnh hưởng của kinh tế cả nước cũng như toàn cầu, nhưng nguyên nhân quan trọng là do năng lực của đội ngũ lao động DNNVV. Điều đó đặt ra những yêu cầu cấp thiết cho các DNNVV trong việc duy trì và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực để có thể tồn tại và phát triển trong một môi trường ngày càng cạnh tranh khốc liệt.

2. Nguồn nhân lực, doanh nghiệp nhỏ và vừa

Nguồn nhân lực của một tổ chức bao gồm tất cả những người lao động làm việc trong tổ chức đó có sức khỏe và trình độ khác nhau, họ có thể tạo thành một sức mạnh hoàn thành tốt mục tiêu của tổ chức nếu được động viên, khuyến khích phù hợp.

Doanh nghiệp nhỏ và vừa là cơ sở kinh doanh đã đăng ký kinh doanh theo quy định pháp luật, được chia thành ba cấp: siêu nhỏ, nhỏ, vừa theo quy mô lao động có tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm, tổng doanh thu (DT) hoặc tổng nguồn vốn (tổng nguồn vốn tương đương tổng tài sản được xác định trong bảng cân đối kế toán của doanh nghiệp), cụ thể như sau:

Bảng 1: Tiêu thức phân loại DNNVV (Nghị định số 80/2021/NĐ-CP)

Quy mô Khu vực	DN siêu nhỏ			DN nhỏ			DN vừa		
	Số LĐ (người)	Tổng DT (Tỷ đồng)	Tổng NV (Tỷ đồng)	Số LĐ (người)	Tổng DT (Tỷ đồng)	Tổng NV (Tỷ đồng)	Số LĐ (người)	Tổng DT (Tỷ đồng)	Tổng NV (Tỷ đồng)
1. Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản; công nghiệp và xây dựng	≤ 10	≤ 3	≤ 3	≤ 100	≤ 50	≤ 20	≤ 200	≤ 200	≤ 100
2. Thương mại và DV	≤ 10	≤ 10	≤ 3	≤ 50	≤ 100	≤ 50	≤ 100	≤ 300	≤ 100

3. Đặc điểm của DNNVV trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh có hơn 8.000⁷⁷ doanh nghiệp, chủ yếu là các doanh nghiệp nhỏ và vừa, chiếm 98%⁷⁸. Đây là loại hình doanh nghiệp phát triển nhanh

⁷⁷ <https://baohatinh.vn/dau-tu/ha-tinh-thanh-lap-moi-gan-1-000-doanh-nghiep/236967.htm>
<https://laodong.vn/thoi-su/ha-tinh-tang-truong-kinh-te-nam-2022-dat-398-1127635.lido>
<https://baodautu.vn/ha-tinh-thu-ngan-sach-dat-8760-ty-dong-trong-6-thang-dau-nam-d193870.html>

⁷⁸ Sở Kế hoạch và Đầu tư, Tổng quan về tình hình doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

về số lượng, đa dạng về loại hình, quy mô, hiệu quả hoạt động, góp phần quan trọng vào phát triển kinh tế - xã hội, giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập cho người lao động, giúp huy động các nguồn lực xã hội cho đầu tư phát triển, xóa đói giảm nghèo, tích cực tham gia các hoạt động an sinh xã hội trên địa bàn.

Bên cạnh những đặc điểm chung về DN thì DNNVV ở Hà Tĩnh còn có những đặc điểm riêng sau:

- *Về nguồn lực vật chất*: đa số DNNVV đều có hạn chế về nguồn vốn, nhân lực, đất đai và KH- CN. Sự hạn chế này xuất phát từ khó khăn về vốn, thị trường động và nguồn gốc hình thành DN. Chính điều này, gây cản trở đối với các DNNVV trong việc tiếp cận khoa học - công nghệ hiện đại trong hoạt động sản xuất, kinh doanh.

- *Về năng lực quản lý điều hành*: với quy mô SXKD nhỏ, các nhà quản trị có trình độ quản lý thấp, thiếu kinh nghiệm, kỹ năng trong quản lý, điều hành hoạt động của DN và thường yếu hơn so với các DN lớn.

- *Về lĩnh vực hoạt động KD*: DNNVV thường hoạt động trong ngành hàng gần với người tiêu dùng, thực hiện cung cấp các DV trong nền KT như: phân phối, giáo dục, y tế, tài chính, giải trí, tư vấn.

4. Yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng nguồn nhân lực của DNNVV

- *Về trình độ, năng lực chuyên môn*: Đa số chủ DN có trình độ có trình độ học vấn từ trung cấp trở xuống, phần còn lại cao đẳng trở lên. Về lực lượng lao động, hầu hết lực lượng lao động trong các doanh nghiệp vừa và nhỏ chưa qua lớp học chính quy đào tạo chuyên môn, kỹ thuật chủ yếu được học không chính thức qua truyền nghề từ doanh nghiệp. Học vấn của lao động rất thấp, chủ yếu đạt học vấn THCS, THPT. Điều đáng chú ý là đa số các chủ DN, ngay cả những người có trình độ học vấn từ cao đẳng và đại học trở lên thì cũng ít người được đào tạo về kiến thức kinh tế và quản trị DN, các lớp về pháp luật trong kinh doanh... Điều này đã ảnh hưởng lớn không chỉ hoạt động sản xuất mà cả chiến lược phát triển, định hướng kinh doanh và quản lý, phòng tránh các rủi ro pháp lý của các DN trong giai đoạn hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng như hiện nay. Do vậy, các DN này càng rơi vào vị thế bất lợi nhất là trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0.

- *Về công tác hoạch định phát triển nhân lực*: Hiện nay, có rất ít DNNVV lập kế hoạch nhân lực trong dài hạn, cơ bản các doanh nghiệp thực hiện dự báo nhu cầu dựa trên số lượng lao động cần thay thế, chỉ có một ít dựa vào sự thay đổi về khoa học, công nghệ, nhu cầu sản phẩm và dịch vụ, quy mô vốn... Thêm vào đó, việc xác định thừa hay thiếu lao động cũng chỉ do từng phòng ban xác định dựa vào khối lượng công

việc hiện tại chứ không có sự tham gia của phòng nhân sự. Phòng nhân sự chỉ có chức năng nhận chỉ tiêu lao động và thực hiện việc tuyển dụng. Nhiều chủ DN NVV cũng xác định được nhu cầu về nguồn nhân lực trong ngắn hạn hoặc thậm chí chỉ căn cứ vào thời điểm hiện tại để ra quyết định. Chỉ những DN có quy mô từ 50-200 lao động là có quan tâm và đề ra chiến lược nguồn nhân lực, nhưng những chiến lược này còn rất sơ sài. Đối với công tác đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch nguồn nhân lực và đưa ra dự kiến cho kế hoạch của năm tiếp theo, hiện nay, các DN NVV vẫn chưa coi trọng quá trình này, vì vậy công tác này tại các DN còn rất đơn giản. Bên cạnh đó, DN NVV không có chiến lược sử dụng lao động lâu dài nên doanh nghiệp thường không tổ chức tập huấn, đào tạo nâng cao chuyên môn cho lao động. Tình trạng người lao động “nhảy việc” diễn ra khá phổ biến trong các doanh nghiệp tại địa phương.

- *Về công tác tuyển dụng lao động của DN NVV*: Nguồn tuyển dụng nội bộ là chủ yếu, do nguồn nhân lực tại các DN NVV thường có quy mô nhỏ nên ưu thế dành cho tuyển dụng nội bộ người thân quen. Việc tuyển dụng từ bên ngoài thông qua các tổ chức giới thiệu việc làm còn rất khiêm tốn. Nguồn từ cơ sở đào tạo và thông tin đại chúng là một phần đảm bảo cho các doanh nghiệp tuyển được đúng người đúng việc. Hình thức này chủ yếu áp dụng tại các DN vừa có quy mô từ 50 lao động trở lên, trong đó có hình thức thông báo tuyển dụng qua Internet, báo chí. Mỗi DN đều lựa chọn một cách thức tuyển dụng riêng nhưng hầu hết các DN NVV đều thực hiện các bước của quá trình tuyển chọn như: tiếp nhận hồ sơ và nghiên cứu; lựa chọn những ứng viên đạt yêu cầu để phỏng vấn. Khi tiến hành phỏng vấn, các DN lập hội đồng phỏng vấn gồm giám đốc, trưởng phòng nhân sự và các nhân viên nhân sự tham gia phỏng vấn. Ứng viên vượt qua vòng phỏng vấn sẽ được nhận vào thử việc trong vòng 3-6 tháng, sau đó DN sẽ ký hợp đồng chính thức. Thực tế, nhiều DN NVV do trình độ nhận thức và quản lý còn chưa cao nên sau khi thực hiện quá trình tuyển dụng nhân sự, các DN này thường kết thúc quá trình tuyển dụng mà không cần biết hiệu quả của đợt tuyển dụng này là như thế nào, có đạt được mục tiêu của quá trình tuyển dụng không. Việc ký kết HĐLĐ, mặc dù người lao động đã thấy được vai trò và thực sự quan tâm đến giao kết HĐLĐ nhưng tình trạng lao động chưa ký kết HĐLĐ là rất đông. Thực tế nhiều DN NVV không theo luật định quy trình về tuyển dụng, chủ yếu tuyển dụng mang tính chất nội bộ do chủ doanh nghiệp quyết định, mỗi doanh nghiệp có cách thức tuyển dụng khác nhau. Điều này dẫn đến hạn chế sự phát triển thị trường tuyển dụng lao động ở DN NVV.

- Về đào tạo, nâng cao kỹ năng, tay nghề cho người lao động: Trên thực tế, có một phần nhỏ các chủ DN tự chủ động tham gia các khóa học, đào tạo nâng cao trình độ, bồi dưỡng năng lực quản lý, điều hành DN. Bên cạnh đó, hoạt động đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực cho DNNVV đã nhận được sự ủng hộ, quan tâm của các bộ, tổ chức hiệp hội và sự đồng thuận của cộng đồng DNNVV. Hoạt động đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực cho DNNVV đã góp phần cải thiện khả năng và năng lực kinh doanh của chủ DN. Sự tự tin trong quản lý và điều hành hoạt động sản xuất và kinh doanh của DN là tiến bộ rõ rệt nhất. Đồng thời, góp phần tạo sự chuyển biến tích cực về nhận thức của các cán bộ chủ chốt trong DN về hoạt động đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực, sự cần thiết phải xây dựng kế hoạch, chiến lược đào tạo nguồn nhân lực cho DNNVV. Tuy nhiên, do ngân sách dành cho hoạt động đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực cho DNNVV còn hạn hẹp, mới chỉ đáp ứng một phần nhu cầu đào tạo của các DNNVV; Nhìn chung, nội dung của các khóa đào tạo mới chỉ đáp ứng được nhu cầu cơ bản về khởi sự doanh nghiệp, cũng như những kiến thức tổng quan về quản lý doanh nghiệp.

Xem xét hoạt động đào tạo đối với của lao động trong các DNNVV nhận thấy, mặc dù phần lớn các chủ doanh nghiệp cho biết họ gặp khó khăn khi tuyển dụng các lao động có tay nghề, kỹ thuật, có kinh nghiệm và đặc biệt là các kỹ năng mềm như tin học, ngoại ngữ, thuyết trình, nhưng khi tuyển dụng lao động vào làm việc, công tác đào tạo chuyên viên kỹ thuật, công nhân lao động thì hình thức đào tạo chủ yếu là tự đào tạo hoặc người lao động phải tự nâng cao tay nghề. Một số DNNVV chỉ mới thực hiện các chương trình đào tạo cho người lao động, chưa chú ý tới công tác phát triển nguồn nhân lực. Thậm chí, có DN còn khẳng định là họ chưa áp dụng một chương trình đào tạo ngoài DN nào, kể từ khi thành lập cho đến nay. Các DNNVV thực sự chưa vạch ra mục tiêu đào tạo và phát triển nhân lực một cách đúng đắn, phù hợp do hạn chế về tài chính, và chưa có tầm nhìn chiến lược phát triển DN lâu dài. Thực tế hiện nay, hầu hết người lao động làm việc trong DNNVV chưa được tập huấn hay đào tạo nâng cao chuyên môn. Thực tiễn này cho thấy hạn chế trong hoạt động đào tạo tại DNNVV, đặc biệt là việc đào tạo nghề ở các ngành, lĩnh vực sử dụng công nghệ cao để chuyển dịch cơ cấu lao động từ thô sơ sang lao động có tay nghề trình độ, đáp ứng yêu cầu phát triển của DNNVV trong giai đoạn mới còn chưa được chú trọng và đặt ra nhiều thách thức.

Việc đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực là yêu cầu cần thiết, quan trọng để phát triển kinh tế tri thức, ứng dụng thành tựu của Cách mạng công

nghiệp lần thứ tư, vì vậy các DN cần lập kế hoạch thực hiện các chương trình đào tạo cho người lao động; tuyên truyền, vận động người lao động tham gia học tập, đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, tay nghề do DN tổ chức hoặc phối hợp tổ chức, đồng thời nêu cao tinh thần tự học tập, tự nghiên cứu của người lao động.

- *Thu nhập và tiền lương của người lao động*: Rất nhiều các DN NVV hiện nay chưa xây dựng được một quy chế trả lương hoàn thiện cho người lao động. Trong các DN NVV, đặc biệt là các doanh nghiệp siêu nhỏ, hộ gia đình cá thể tiền lương do người sử dụng lao động và người lao động thỏa thuận tùy thuộc vào khả năng tài chính của chủ doanh nghiệp, vị trí việc làm và năng lực của người lao động. Hầu như các doanh nghiệp siêu nhỏ không quan tâm đến mức lương tối thiểu vùng do Chính phủ quy định. Trên thực tế, rất ít doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ thực hiện xây dựng hệ thống thang lương, bảng lương, định mức lao động, vì đây là một công việc rất phức tạp, tốn kém, mất nhiều thời gian, công sức và vì tại các doanh nghiệp khối tư nhân tiền lương phụ thuộc vào hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp người lao động trong các loại hình doanh nghiệp này cũng chịu nhiều thiệt thòi về cách làm lương của chủ doanh nghiệp.

- *Về phúc lợi xã hội*: DN NVV chưa đảm bảo tốt phúc lợi xã hội cho NLĐ, nhất là trong doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ. Tình trạng doanh nghiệp chỉ đóng bảo hiểm xã hội cho một số ít người lao động (với mức tham gia bảo hiểm xã hội rất thấp), còn lại hầu hết người lao động không được làm sổ bảo hiểm xã hội; các chế độ nghỉ ốm, nghỉ phép cũng không được thực hiện tốt đã làm giảm đi chất lượng công việc trong khu vực DN NVV.

5. Giải pháp nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

Thứ nhất: DN tăng cường công tác đào tạo NNL cho bản thân doanh nghiệp. Chủ DN NVV cần tự nâng cao nhận thức về vai trò của mình trong việc phát triển NNL. Bởi chủ các doanh nghiệp/ giám đốc các DN NVV có vai trò rất quan trọng trong lãnh đạo doanh nghiệp. Đứng trước những cơ hội thị trường, doanh nghiệp có phát triển được hay không hoàn toàn phụ thuộc vào nhận thức, trình độ và quyết tâm của những người lãnh đạo doanh nghiệp và bộ máy quản lý. Tuy nhiên, dù nhận ra được những cơ hội kinh doanh trên thị trường, nhưng nếu nguồn nhân lực trong doanh nghiệp không đủ trình độ đáp ứng yêu cầu công việc, của thị trường thì doanh nghiệp cũng không thể thành công. Mặt khác, nhiều chủ doanh nghiệp, cán bộ lãnh đạo DN NVV vẫn còn quan niệm con người chỉ là một yếu tố tham gia vào quá trình sản xuất, kinh doanh. Với nhận thức như vậy, sau khi tuyển dụng nhân sự họ quan tâm nhiều đến

việc sử dụng nhân lực. Quan niệm đó dẫn đến doanh nghiệp không có nhu cầu đào tạo để phát triển nguồn lực của mình, xem đào tạo là thêm gánh nặng chi phí cho doanh nghiệp, thay vào đó chỉ cần sa thải nhân viên không đáp ứng yêu cầu và tuyển người mới. Đào tạo và phát triển NNL không chỉ giúp bù đắp thiếu hụt về chất lượng lao động, nâng cấp nguồn nhân lực hiện có mà còn giúp thu hút nguồn nhân lực tiềm năng. Việc chú trọng phát triển nhân viên, tìm ra những người có nhiều tiềm năng để đào tạo, phát triển và bố trí họ những vị trí trọng trách hơn sẽ là sự động viên tinh thần lớn, người lao động sẽ tận tâm hơn với công việc và cống hiến hết lòng cho doanh nghiệp. Do không chú trọng yếu tố này, các DNNVV thường xảy ra khủng hoảng về nguồn nhân lực khi quy mô của họ tăng lên, khi yêu cầu của thị trường thay đổi. Vì vậy chủ doanh nghiệp cần nhận thức được vai trò quan trọng của công tác đào tạo, phát triển NNL trong doanh nghiệp mình và dành thời gian và nguồn lực phù hợp đầu tư cho hoạt động này. Chủ doanh nghiệp cần tham dự các khóa đào tạo, hội thảo, giao lưu, tham gia các hiệp hội để tăng cường sự hiểu biết và cập nhật về phát triển NNL.

Thứ hai: DN thực hiện chính sách thu hút và duy trì những người lao động giỏi. Những chính sách khen thưởng và ghi nhận phù hợp này sẽ làm nhân viên hài lòng và thu hút được nhân viên mới. Để có nhân viên giỏi, DNNVV cần thực hiện thu hút ứng viên từ nhiều nguồn, nên tuyển dụng nguồn nhân lực từ các trường đào tạo, để tuyển dụng được nguồn nhân lực chất lượng cao tránh tình trạng chỉ sử dụng người nhà vì có nhiều hạn chế. Việc tuyển dụng đòi hỏi phải theo đúng quy trình tuyển dụng.

Thứ ba: DN cần thực hiện hoạt động phát triển nghề nghiệp cho người lao động. DNNVV cần giúp nhân viên thấy rõ những cơ hội nghề nghiệp và động viên họ tự nhìn nhận về bản thân trong quá trình lập kế hoạch phát triển nghề nghiệp của mình. DN cần lập kế hoạch bổ nhiệm cán bộ, có kế hoạch hỗ trợ họ thực hiện kế hoạch nghề nghiệp. Mặt khác, DN cần khuyến khích cá nhân có trách nhiệm trong phát triển nghề nghiệp của mình.

Thứ tư: DNNVV hoàn thiện chế độ lương bổng, đãi ngộ và chính sách bảo hiểm cho người lao động, nhằm củng cố mối quan hệ hữu cơ giữa họ với DN. Đây là nhân tố quyết định, không chỉ đảm bảo cho cuộc sống hiện tại, mà còn cho cả tương lai của người lao động.

Thứ năm: Nhà nước, chính quyền địa phương cần có cơ chế, chính sách nâng cao chất lượng đội ngũ nhà quản trị. Hiện nay, chất lượng đội ngũ nhà quản trị tại các DNNVV Việt Nam còn ít kinh nghiệm trong vấn đề kinh doanh với quốc tế. Nhà nước và các cơ quan xúc tiến phát triển DNNVV cần tổ chức các cuộc hội thảo nhằm tuyên

truyền về vấn đề này tới các nhà quản trị, giúp họ nhận thức được tầm quan trọng của trình độ học vấn, kinh nghiệm quản trị đồng thời khuyến khích họ học tập. Vì vậy, các cơ quan nhà nước, chính quyền địa phương, các trung tâm hỗ trợ DNNVV cần phải xây dựng các khóa đào tạo nhà quản lý và kêu gọi, khuyến khích các nhà quản trị tham gia.

Cần tăng cường công tác đào tạo bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho doanh nghiệp, tổ chức các hoạt động dưới nhiều hình thức nhằm tuyên truyền, khuyến cáo doanh nghiệp thực thi pháp luật. Thực tiễn trong những năm qua, nhiều doanh nghiệp hội viên và các hiệp hội địa phương phản ánh về Hiệp hội những khó khăn trong quá trình thực hiện các hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, do không có nguồn lực, đội ngũ cán bộ không có kỹ năng, không được đào tạo về chuyên môn nghiệp vụ hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, vì vậy trong nội dung bồi dưỡng tăng cường cho cán bộ thực hiện công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, Hiệp hội đề nghị ngoài việc tập trung đào tạo bồi dưỡng kiến thức pháp luật kinh doanh cho chủ sở hữu, người quản lý doanh nghiệp, cần tăng cường dành nhiều thời lượng cho chương trình bồi dưỡng kỹ năng nghiệp vụ cho cán bộ thực hiện công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp này. Đặc biệt là bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ Hiệp hội doanh nghiệp địa phương về công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp.

Tiếp tục hoàn thiện chính sách hỗ trợ DNNVV. Nhà nước cần hoàn thiện các chính sách vĩ mô nhằm khuyến khích phát triển DNNVV, hình thành quỹ phát triển nguồn nhân lực, tiếp tục thực hiện chương trình trợ giúp đào tạo nguồn nhân lực và đa dạng hóa các hoạt động hỗ trợ DNNVV. Trong đó, Nhà nước cần hỗ trợ về kinh phí đào tạo và phát triển nguồn nhân lực cho các DNNVV, tạo điều kiện pháp lý thuận lợi cho các tổ chức quốc tế trợ giúp cho các DNNVV bằng các hình thức đa dạng. Bên cạnh đó, Nhà nước cần hoàn thiện chính sách, pháp luật về quan hệ lao động. Bộ Luật Lao động cũng cần có những quy định bảo vệ quyền lợi của các chủ DN, có những chế tài cần thiết để xử lý các vi phạm của người lao động tự ý bỏ việc hoặc thôi việc; Tạo điều kiện để đại diện lao động và chủ sử dụng lao động tham gia xây dựng chính sách về lao động và phát triển thị trường lao động.

6. Kết luận

Quá trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Hà Tĩnh có sự đóng góp rất lớn của các DNNVV trong việc giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập cho người lao động, giúp huy động các nguồn lực xã hội cho đầu tư phát triển, xóa đói giảm nghèo. Để các DNNVV tồn tại, phát triển và đứng vững trong môi trường cạnh tranh ngày càng khốc liệt như hiện nay thì một trong các điều kiện tiên quyết là DNNVV phải có một đội

ngũ lao động đủ về số lượng và mạnh về chất lượng. Vì vậy, các DNNVV trên địa bàn Hà Tĩnh cần phải thực hiện các giải pháp đã nêu để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực góp phần phát triển DN bền vững trong nền kinh tế thị trường hiện nay./\

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2022), Sách trắng “Doanh nghiệp Việt Nam”, NXB Thống kê, Hà Nội.

[2] Nguyễn Ngọc Quân, Nguyễn Văn Điềm (2018), Giáo trình quản trị nhân lực, NXB ĐH Kinh tế quốc dân, Hà Nội

[3] Nguyễn Trường Sơn (2014), “Phát triển Doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam hiện nay”, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

[4] Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh (2023), Kế hoạch Phát triển thị trường lao động linh hoạt, hiện đại, hiệu quả, bền vững và hội nhập nhằm phục hồi nhanh kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh

[5] Nghị định số 80/2021/NĐ-CP của Chính phủ: Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

[6]<https://baohatinh.vn/dau-tu/ha-tinh-thanh-lap-moi-gan-1-000-doanh-nghiep/236967.htm>

[7]<https://baohatinh.vn/dau-tu/ha-tinh-thanh-lap-moi-gan-1-000-doanh-nghiep/236967.htm>

[8]<https://baodautu.vn/ha-tinh-thu-ngan-sach-dat-8760-ty-dong-trong-6-thang-dau-nam-d193870.html>

[9] <https://hatinh.gov.vn/vi/chi-dao-dieu-hanh/tin-bai/16721>

PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ TẠO TIỀN ĐỀ VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA TỪ THỰC TẾ HUYỆN NGHI XUÂN TỈNH HÀ TĨNH

Ths. Hồ Thanh

Trưởng Chính trị Trần Phú Hà Tĩnh

Ths. Nguyễn Thị Huyền

Trung tâm Chính trị huyện Nghi Xuân

Tóm tắt: Kinh tế tập thể với những loại hình nông cốt như kinh tế Hợp tác xã, tổ hợp tác với những ưu điểm, thuận lợi của mình đã đóng góp quan trọng trong nền kinh tế. Đánh giá những tác động, nguyên nhân của những khó khăn để có những chính sách phù hợp nhằm xây dựng giải pháp thúc đẩy kinh tế tập thể góp phần làm tiền đề, cơ sở và định hướng phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ. Qua thực tế nghiên cứu trên địa bàn huyện Nghi Xuân tỉnh Hà Tĩnh góp phần hoàn thiện tiêu chí xây dựng Nông thôn mới kiểu mẫu, điển hình về văn hóa, gắn với phát triển du lịch.

Từ khóa: Kinh tế tập thể, hợp tác xã, tổ hợp tác, doanh nghiệp vừa và nhỏ

Văn kiện Hội nghị lần thứ Năm khóa XIII của Đảng, kinh tế tập thể là bộ phận có vai trò quan trọng trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện, chính sách, kế hoạch 5 năm 2021-2025 trong bối cảnh gặp nhiều khó khăn. Tình hình thế giới diễn biến phức tạp⁷⁹, làm giá xăng dầu tăng cao kéo theo giá nguyên liệu, vật liệu, vật tư nông nghiệp và phân bón tăng cao; trong nước, dịch COVID-19 đang được kiểm soát, nền kinh tế đang phục hồi nhưng áp lực lạm phát gia tăng; năng suất cây trồng sụt giảm do diễn biến thất thường của thời tiết, khó khăn vướng mắc trong thực hiện một số dự án đầu tư... đã ảnh hưởng không nhỏ đến quá trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội. Mặc dù gặp nhiều khó khăn, thách thức, nhưng với sự quan tâm chỉ đạo của Lãnh đạo tỉnh, các sở, ngành cấp tỉnh, sự chỉ đạo, điều hành quyết liệt của cấp ủy, chính quyền, sự phối hợp của Ủy ban MTTQ, các đoàn thể từ huyện đến cơ sở, sự đồng thuận, nỗ lực của toàn dân và cộng đồng doanh nghiệp, huyện đã triển khai kịp thời các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội bảo đảm tính chủ động, kịp thời, linh hoạt, lựa chọn các nhiệm vụ trọng tâm để tập trung chỉ đạo, phù hợp với diễn biến tình hình và các vấn đề mới phát sinh, phấn đấu hoàn thành cao nhất mục tiêu, kế hoạch đề ra với một số chỉ tiêu chủ yếu về kinh tế - xã hội cụ thể, như sau: Thu nhập bình quân đầu người ước đạt 48,5 triệu đồng, sản lượng

⁷⁹ Xung đột giữa Nga – Ukraine.

lượng thực có hạt ước 22.005 tấn, Thu ngân sách trên địa bàn ước đạt 293,56 tỷ đồng, giải quyết việc làm 3.000 lao động, giảm tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn đa chiều đạt 0,5%, thôn, tổ dân phố đạt chuẩn văn hóa ước đạt 97%, xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu dự kiến 01 xã, cơ sở an toàn làm chủ và giữ vững ổn định chính trị, xã hội 100%, người dân tham gia bảo hiểm y tế ước đạt 95%.

Trong bối cảnh phát triển kinh tế xã hội chung của huyện, được các cấp ủy, chính quyền quan tâm, chỉ đạo, điều hành, lĩnh vực KTTT đã có những chuyển biến tích cực và đã đạt được một số kết quả. Đến ngày 31/12/2022, toàn huyện có 46 HTX, trong đó có 41 HTX đang hoạt động và 05 HTX tạm ngừng hoạt động, cụ thể: có 33 HTX (chiếm 71,7%) hoạt động Lĩnh vực nông nghiệp (trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, lâm nghiệp, diêm nghiệp, nước sạch nông thôn, tổng hợp); 07 HTX (chiếm 15,2%) hoạt động lĩnh vực thương mại, dịch vụ; 03 HTX (chiếm 6,5%) hoạt động lĩnh vực công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, điện; 02 HTX (chiếm 4,4%) hoạt động trong lĩnh vực môi trường và 01 QTDND (chiếm 2,2%). Có 5 HTX hoạt động tốt, chiếm tỷ lệ 10,9%; 16 HTX hoạt động khá, chiếm tỷ lệ 34,8%; 13 HTX hoạt động trung bình, chiếm tỷ lệ 28,3%; 12 HTX hoạt động yếu (bao gồm 5 HTX tạm ngừng hoạt động), chiếm tỷ lệ 26%.

Các HTX hoạt động thực chất hơn, sản xuất kinh doanh giỏi, hỗ trợ tốt hơn cho các thành viên, tạo việc làm, thu nhập cho người lao động, góp phần tích cực vào việc hoàn thành tiêu chí trong xây dựng nông thôn mới. Có 03 HTX xây dựng được 05 sản phẩm OCOP, đạt chất lượng tốt, được người dân và thị trường đón nhận, đánh giá cao⁸⁰. Các tổ chức KTTT đã từng bước khẳng định là nhân tố quan trọng góp phần phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh, quốc phòng ở địa phương trong giai đoạn mới. Năm 2022, tổng vốn điều lệ của các HTX gần 112.539,285 triệu đồng; lợi nhuận bình quân đạt 330 triệu đồng/năm/HTX, thu nhập bình quân của lao động thường xuyên 50 triệu đồng/người/năm.

Về Tổ hợp tác, toàn huyện có 140 tổ hợp tác (THT). Trong đó, có 136 THT hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp (chiếm 97,2%), 02 THT hoạt động môi trường (chiếm 1,4%), 02 THT Thương mại, dịch vụ tổng hợp (chiếm 1,4%). Vốn điều lệ bình quân 600 triệu đồng/THT, doanh thu bình quân 500 triệu đồng/THT, lợi nhuận bình quân của THT là: 80 triệu đồng/THT, thu nhập bình quân 3,5 triệu đồng/người /tháng; Nhiều THT đã mạnh dạn góp vốn, ứng dụng công nghệ để mở rộng sản xuất kinh

⁸⁰ HTX Chế biến và kinh doanh hải sản Hoa Linh Chỉ có 03 sản phẩm: tôm nõn, cá ngừ, mực khô; HTX Thiên Phú có 01 sản phẩm: Nước mắm Lạch Kèn; HTX Nga Hải có 01 sản phẩm: Dưa lưới

doanh nên đạt hiệu quả kinh tế cao, THT trong lĩnh vực nông nghiệp đã góp phần thúc đẩy sản xuất trên địa bàn các xã phát triển, tận dụng được nguồn lực về đất đai, nguyên liệu, lao động..., góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, xóa đói giảm nghèo và nâng cao đời sống cho các hộ thành viên.

Tiếp tục tuyên truyền, tập huấn triển khai các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phát triển HTX, vai trò vị trí của HTX trong phát triển kinh tế - xã hội của huyện và thực hiện xây dựng nông thôn mới; Đài phát thanh và truyền hình Hà Tĩnh, Trung tâm Văn hóa - Truyền thông huyện đã truyền hình, đưa tin trên 50 tin, bài, phóng sự, các chương trình giới thiệu các sản phẩm nông nghiệp chủ lực của địa phương, các sản phẩm rau sạch, gia súc, gia cầm được sản xuất, chế biến từ các mô hình kinh tế nông thôn, trang trại sạch trên địa bàn huyện do hiệu quả của kinh tế tập thể, hợp tác xã mang lại; Phóng viên thường trú Báo Hà Tĩnh trên địa bàn đã có nhiều bài báo đưa tin về sự phát triển của HTX. Đồng thời, đã tổ chức bồi dưỡng, tập huấn kiến thức cho hơn 100 lượt người tham gia với nội dung nâng cao năng lực quản lý điều hành, Kiểm soát, Kế toán, chính sách về KTTT, kỹ năng ứng dụng CNTT, chuyển đổi số.

Huyện đã thực hiện các chính sách hỗ trợ phát triển HTX và đạt một số kết quả như: (i) Chính sách đào tạo nguồn nhân lực: Trong thời gian qua, công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý HTX đã được quan tâm, hỗ trợ, tạo điều kiện. Hàng năm, UBND huyện đã phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Liên minh HTX và các sở, ngành liên quan tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ quản lý, kiểm soát viên, kế toán và các thành viên HTX với nhiều nội dung bổ ích góp phần nâng cao năng lực quản lý, tình hình hoạt động của các HTX. Năm 2022, tổ chức thực hiện hỗ trợ đào tạo, tập huấn bồi dưỡng cho hơn 100 lượt người tham gia. (ii) Chính sách KH&CN: Công tác phát triển tài sản trí tuệ: Thông qua việc đăng ký thương hiệu, các đơn vị đã quan tâm khai thác, sử dụng và mang lại hiệu quả trong sản xuất kinh doanh, đáp ứng xu thế hội nhập kinh tế. Hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo: Tổ chức phát động Cuộc thi ý tưởng khởi nghiệp sáng tạo tỉnh Hà Tĩnh năm 2022 nhằm lựa chọn các dự án khởi nghiệp sáng tạo tiêu biểu, có khả năng tăng trưởng nhanh thông qua ứng dụng công nghệ mới, mô hình kinh doanh mới, góp phần hình thành đội ngũ HTX đổi mới sáng tạo trong hoạt động sản xuất kinh doanh. (iii) Ứng dụng, chuyển giao các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất thông qua việc triển khai các mô hình như: Xây dựng các mô hình sản xuất lúa, ngô, lạc mới, sản xuất dưa lưới, rau quả,... qua đó nâng cao năng suất, chất lượng, tăng thu nhập trên đơn vị diện tích. Hỗ trợ xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường: Thực hiện các chính sách về xúc tiến thương mại, mở rộng

thị trường của Trung ương và của tỉnh, hoạt động xúc tiến thương mại có nhiều đổi mới cả về hình thức, chất lượng và hiệu quả. Tổ chức cho Hợp tác xã chế biến và kinh doanh hải sản tham gia Hội chợ ở tỉnh Hà Tĩnh; Hội chợ Nông nghiệp và OCOP Quảng Ninh và Hà Nội; Tham gia quảng bá sản phẩm tại các tỉnh Miền Tây và đặc biệt là tham gia quảng bá sản phẩm tại đất nước Singapore. HTX Thiên Phú tham gia Hội chợ tỉnh Hà Tĩnh; Quảng bá sản phẩm tại các huyện miền Tây Nghệ An và các tỉnh phía Bắc.

Kịp thời tham mưu kiện toàn Ban Chỉ đạo tại Quyết định số 466-QĐ/HU ngày 22/7/2022. Các thành viên Ban Chỉ đạo gắn với nhiệm vụ của các Đoàn, Tổ công tác của Ban Thường vụ Huyện ủy phụ trách các địa phương, thường xuyên bám sát địa bàn, chỉ đạo các địa phương nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong công tác quản lý, phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã. Tham mưu Chỉ thị số 23-CT/HU ngày 02/3/2022 của Ban Thường vụ Huyện ủy về tăng cường lãnh đạo nâng cao hiệu quả hoạt động của KTTT, hợp tác xã trên địa bàn huyện; Chương trình hành động số 31-CTr/HU ngày 30/12/2022 về thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW, ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới; Kế hoạch số 102/KH-UBND ngày 21/9/2022 về thực hiện phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của Kinh tế tập thể, Hợp tác xã trên địa bàn huyện đến năm 2025 và những năm tiếp theo. Triển khai kịp thời các nội dung theo Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 về một số chính sách hỗ trợ phát triển KTTT, HTX trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2025; Nghị quyết số 51/2021/NQ-HĐND về chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông thôn gắn với xây dựng tỉnh đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2022- 2025; Nghị quyết 91/2018/NQ-HĐND ngày 17/08/2018 về chính sách hỗ trợ đổi mới khởi nghiệp sáng tạo tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2025 và những năm tiếp theo. Ban Chỉ đạo KTTT huyện phối hợp với Liên minh HTX tỉnh tổ chức tuyên truyền, tập huấn cho các HTX trên địa bàn.

Trong quá trình đẩy mạnh kinh tế tập thể trên địa bàn huyện Nghi Xuân tỉnh Hà Tĩnh còn một số tồn tại, hạn chế: Về tồn tại, hạn chế: Việc thực hiện các chính sách theo Nghị quyết Số 56/2021/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh còn ít, nhất là các chính sách thu hút người lao động tốt nghiệp cao đẳng, đại học, sau đại học về làm việc tại hợp tác xã; chính sách Hỗ trợ đào tạo cho quản lý của hợp tác xã; chính sách hỗ trợ khen thưởng hợp tác xã được công nhận mô hình hợp tác xã kiểu mới tiêu biểu, điển hình; thực hiện nhân rộng các mô hình hợp tác xã hoạt động hiệu quả còn

khó khăn. Tổ chức rà soát, sắp xếp lại các hợp tác xã hoạt động không hiệu quả, xử lý các hợp tác xã yếu kém, ngừng hoạt động còn hạn chế, một số hợp tác xã vẫn hoạt động kém hiệu quả sau khi được tổ chức lại. Phần lớn các hợp tác xã quy mô còn nhỏ, năng lực nội tại còn hạn chế, khả năng tích lũy để đầu tư phát triển sản xuất còn chậm, chưa đáp ứng kịp thời sự phát triển chung; Số Hợp tác xã, Tổ hợp tác hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả còn đạt tỷ lệ thấp, số Hợp tác xã, Tổ hợp tác sản xuất kinh doanh kém hiệu quả còn lớn; nhiều hợp tác xã mới thành lập đã tạm ngừng hoạt động; thu nhập của thành viên và người lao động còn thấp. Năng lực của đội ngũ cán bộ quản lý Hợp tác xã, Tổ hợp tác còn khá yếu, nhất là trong điều hành và tổ chức sản xuất kinh doanh, dẫn đến những lúng túng và bị động trước áp lực của nền kinh tế thị trường. Số Hợp tác xã, Tổ hợp tác thiếu mặt bằng sản xuất và chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất xây dựng trụ sở làm việc, kho tàng, cơ sở sản xuất, kinh doanh còn lớn. Hoạt động của các hợp tác xã còn mang tính riêng lẻ, thiếu sự liên kết, chưa xây dựng được thương hiệu sản phẩm để mở rộng thị trường, hiệu quả sản xuất nhìn chung còn thấp, thậm chí đang còn hình thức. Số ít hợp tác xã hoạt động có lãi nhưng còn quá thấp không có khả năng tích lũy để có thể mở rộng và phát triển. Trong quá trình chuyển đổi và phát triển nhiều hợp tác xã thiếu định hướng sản xuất kinh doanh bền vững, không có chiến lược phát triển phù hợp với thực tế và yêu cầu hiện nay; một số Hợp tác xã, Tổ hợp tác chuyển đổi mang tính hình thức, thậm chí chưa đảm bảo nguyên tắc hoạt động của hợp tác xã theo quy định mới, nhất là chưa thực hiện chế độ hạch toán và báo cáo tài chính với cơ quan nhà nước theo quy định. Việc phát triển các hình thức kinh tế tổ hợp tác còn mang tính tự phát, chưa thoát khỏi tình trạng quy mô nhỏ, công nghệ lạc hậu, năng lực quản lý yếu, thiếu năng động sáng tạo, chất lượng, hiệu quả hoạt động thấp, chưa đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của đời sống xã hội. Các hợp tác xã, tổ đội vệ sinh môi trường hoạt động theo mô hình KTTT hoạt động ngày càng có hiệu quả, góp phần tích cực trong phong trào xây dựng nông thôn mới, được người dân đồng tình, ủng hộ. Tuy nhiên hoạt động còn hết sức khó khăn, khó đứng vững, do nguồn thu hạn hẹp, đặc biệt tại khu vực nông thôn do địa bàn rộng, mật độ dân cư thưa thớt, ý thức người dân chưa cao, mức thu phí theo quy định thấp chưa đủ bù đắp chi phí, cơ sở vật chất của Hợp tác xã, Tổ hợp tác còn yếu kém. Vẫn còn tình trạng Hợp tác xã đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã nhưng chưa đăng ký mã số thuế, đặc biệt là các Hợp tác xã nông nghiệp. Triển khai chuyển đổi số trong hoạt động Hợp tác xã, Tổ hợp tác còn rất chậm với quy mô đầu tư nhỏ, hàm lượng công nghệ số chưa cao, phạm vi tác động và kết nối chưa đủ lớn. Số

Hợp tác xã, Tổ hợp tác nông nghiệp áp dụng công nghệ cao, chuyển đổi số vào sản xuất và quản lý sản xuất còn ít.

Nguyên nhân của những tồn tại hạn chế có nhiều nhưng từ góc độ nghiên cứu có một số nguyên nhân cơ bản: Nguồn lực hạn chế, điều kiện khí hậu không thuận lợi, thiên tai, dịch bệnh xảy ra thường xuyên, cơ sở hạ tầng còn yếu kém. Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ Hợp tác xã, Tổ hợp tác chưa đáp ứng kịp với yêu cầu phát triển sản xuất kinh doanh. Cơ sở vật chất kỹ thuật của các hợp tác xã còn thiếu và yếu, mặt khác thiếu vốn để đầu tư đổi mới trang thiết bị nên dịch vụ cũng như các sản phẩm của Hợp tác xã, Tổ hợp tác làm ra chất lượng còn thấp, chưa đủ năng lực cạnh tranh trên thị trường. Một số Hợp tác xã, Tổ hợp tác khi thành lập còn mang tính hình thức nhằm tranh thủ cơ chế chính sách mà không phải xuất phát từ nhu cầu sản xuất kinh doanh, trông chờ vào các nguồn hỗ trợ mà chưa tập trung phát triển từ nguồn nội lực Hợp tác xã, Tổ hợp tác để xây dựng phát triển bền vững.

Để thực hiện mục tiêu thúc đẩy kinh tế tập thể, làm cơ sở định hướng phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn huyện Nghi Xuân đặt ra một số chỉ tiêu cụ thể như: Phân đầu thành lập mới từ các Hợp tác xã theo quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của huyện Nghi Xuân và của tỉnh Hà Tĩnh. Lựa chọn các mô hình hợp tác xã tiêu biểu, nhân rộng; Tăng số lượng Hợp tác xã, Tổ hợp tác trên các lĩnh vực, đảm bảo hoạt động đúng Luật, thực chất, hiệu quả, bền vững; có trên 50% số Hợp tác xã, Tổ hợp tác hoạt động tốt, khá; thu nhập bình quân của thành viên và người lao động trong các Hợp tác xã tăng từ 1,2 đến 1,5 lần; Cơ bản cán bộ quản lý Hợp tác xã, Tổ hợp tác có trình độ chuyên môn phù hợp, có kiến thức quản lý kinh tế, có khả năng và kinh nghiệm điều hành hoạt động của Hợp tác xã, Tổ hợp tác. Phân đầu thêm nhiều sản phẩm của Hợp tác xã, Tổ hợp tác đạt tiêu chuẩn sản phẩm OCOP.

Để kinh tế tập thể ngày càng đóng vai trò quan trọng, làm tiền đề, cơ sở và định hướng phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn huyện Nghi Xuân tỉnh Hà Tĩnh cần thực hiện đồng bộ các giải pháp chủ yếu:

Thứ nhất: Tuyên truyền, tập huấn Luật Hợp tác xã năm 2012 và chính sách nâng cao năng lực nguồn nhân lực HTX.

Tiếp tục tuyên truyền và triển khai thực hiện nghiêm túc Kế hoạch số 10-KH/TW, ngày 23/8/2022 của Bộ Chính trị thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW, ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương khoá XIII về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới; Nghị quyết số 09/NQ-CP ngày 02/02/2023 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện

Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban chấp hành TW Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả KTTT trong giai đoạn mới; Quyết định số 1804/QĐ-TTg ngày 13/11/2020 phê duyệt Chương trình hỗ trợ, phát triển KTTT, HTX giai đoạn 2021-2025; Kế hoạch số 471/KH-UBND ngày 30/11/2022 thực hiện Chương trình hành động số 17-CTr/TU ngày 30/9/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về tiếp tục đổi mới và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới. Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến Luật HTX và các Nghị quyết, chỉ thị của Trung ương, của tỉnh⁸¹ nhằm nâng cao nhận thức trong toàn xã hội về vai trò, vị trí, tầm quan trọng của KTTT trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; từ đó đề cao trách nhiệm của các cấp, các ngành, tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy, chính quyền, đối với sự phát triển của KTTT, HTX trên địa bàn huyện. Nâng cao nhận thức về bản chất, vị trí, vai trò của hợp tác xã trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế. Đổi mới và đa dạng hóa công tác tuyên truyền một cách thiết thực, hiệu quả, phù hợp với từng đối tượng nhằm nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên và người dân về phát triển KTTT, HTX kiểu mới. Đồng thời, tăng cường giới thiệu các mô hình HTX kiểu mới, kinh nghiệm của phong trào HTX trong khu vực và trên thế giới.

Thứ hai: Nâng cao hiệu quả hoạt động của khu vực kinh tế tập thể nhất là Hợp tác xã, Tổ hợp tác.

Tiếp tục triển khai việc rà soát, đánh giá, phân loại HTX trên địa bàn huyện. Thực hiện giải thể bắt buộc đối với các HTX vi phạm thuộc trường hợp giải thể bắt buộc theo quy định của Luật Hợp tác năm 2012. Vận động, giải thích để các HTX yếu kém giải thể tự nguyện hoặc chuyển đổi sang loại hình hoạt động khác. Tổ chức sơ kết, tổng kết, lựa chọn biểu dương, nhân rộng các mô hình HTX, THT hoạt động hiệu quả trên địa bàn toàn huyện, xây dựng định hướng chiến lược phát triển lâu dài về phát triển KTTT. Thực hiện các phương án sáp nhập, hợp nhất một số HTX cùng lĩnh vực, có quy mô nhỏ lẻ nhằm tăng quy mô, hiệu quả hoạt động của HTX. Bản thân các hợp tác xã phải chủ động tái cơ cấu, nỗ lực vươn lên trong hoạt động, nắm vững chính sách pháp luật, có chiến lược kinh doanh dài hạn, chủ động liên kết để nâng quy mô, nâng tầm hoạt động. Khuyến khích, hỗ trợ để thúc đẩy hợp tác giữa các doanh nghiệp, HTX, THT và người dân để sản xuất và tiêu thụ các sản phẩm; liên kết hình thành các Liên hiệp HTX mạnh để thu hút vốn đầu tư, khai thác công nghệ tiên tiến

⁸¹ Nghị quyết số 05-NQ/TW, các chỉ thị kết luận tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TW; Nghị quyết số 20-NQ/TW; NQ số 09/NQ-CP; Chương trình số 17-CTTr/TU; KH của UBND tỉnh và Chương trình của Ban Chấp hành Huyện ủy về thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW.

hiện đại, kỹ năng quản lý, chuyển đổi số... tạo ra sản phẩm mũi nhọn, sản phẩm truyền thống; chủ động, tích cực nghiên cứu mở rộng thị trường; xây dựng thương hiệu sản phẩm có uy tín trên thị trường.

Thứ ba: Triển khai thực hiện hiệu quả các chính sách, chương trình, đề án hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể.

Tuyên truyền, phổ biến và triển khai có hiệu quả các chính sách tại các Nghị quyết đã được HĐND tỉnh ban hành, như: Nghị quyết 91/2018/NQ-HĐND ngày 17/08/2018 về chính sách hỗ trợ đổi mới khởi nghiệp sáng tạo tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2025 và những năm tiếp theo; Nghị quyết số 51/2021/NQ-HĐND về chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông thôn gắn với xây dựng tỉnh đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2022- 2025; Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 về một số chính sách hỗ trợ phát triển KTTT, HTX trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2025; Nghị quyết số 91/2022/NQ-HĐND tỉnh về sửa đổi, bổ sung một số điều của NQ 56/2021 của HĐND tỉnh; Nghị quyết số 97/2022/NQ-HĐND ngày 16/12/2022 về chính sách bảo vệ môi trường giai đoạn 2022-2025. Tranh thủ lồng ghép hỗ trợ từ các chương trình, dự án, đề án khác đang được triển khai trên địa bàn nhằm hỗ trợ xây dựng kết cấu hạ tầng, trang thiết bị phục vụ phát triển sản xuất nông nghiệp và các hoạt động dịch vụ; Tiếp tục quan tâm lồng ghép các chương trình, đề án, kế hoạch của địa phương tạo thuận lợi cho các HTX, THT tham gia, tạo thêm việc làm và thu nhập cho thành viên. Tăng cường kiểm tra, rà soát, lựa chọn các hợp tác xã có điều kiện thuận lợi phát triển, để vận động mở rộng đầu tư sản xuất, liên kết phát triển bền vững, nâng cao mức hấp thu và phát huy nguồn vốn hỗ trợ của Nhà nước và phát triển, đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của các HTX.

Thứ tư: Tăng cường công tác quản lý nhà nước về kinh tế tập thể.

Tổ chức rà soát, xây dựng và cập nhật bộ dữ liệu về các HTX, THT, QTDND trên địa bàn; đồng thời tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với KTTT từ huyện đến cơ sở, bảo đảm tính hiệu lực, hiệu quả, tập trung và thống nhất từ huyện đến cơ sở. Xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, trách nhiệm, quyền hạn và cơ chế phối hợp của các phòng, ban, ngành, đoàn thể cấp huyện và UBND các xã, thị trấn trong việc quản lý nhà nước về phát triển KTTT, HTX. Tăng cường vai trò, trách nhiệm của cơ quan chuyên ngành và cán bộ thực hiện nhiệm vụ phát triển KTTT trên địa bàn huyện. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện pháp luật của HTX; hỗ trợ, hướng dẫn để tạo hành lang pháp lý thuận lợi cho HTX hoạt động; xử lý kịp thời những khó khăn vướng mắc và các vi phạm pháp luật về

HTX tránh tình trạng buông lỏng hoặc can thiệp quá sâu, không đúng với tổ chức, hoạt động của hợp tác xã. Nghiêm túc triển khai thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ đăng ký HTX qua hệ thống phần mềm đăng ký kinh doanh quốc gia về HTX. Phối hợp với Liên minh hợp tác xã tỉnh nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý nhà nước về KTTT và bồi dưỡng nâng cao trình độ, năng lực quản lý, kinh tế, thương mại, công nghệ cho thành viên, những người tham gia KTTT; Quan tâm tổ chức các hoạt động tham quan, học tập kinh nghiệm tại các HTX hoạt động hiệu quả cho các cán bộ quản lý làm công tác quản lý nhà nước về KTTT và các cán bộ quản lý HTX. Phát huy hiệu quả hoạt động của Ban Chỉ đạo đổi mới và phát triển KTTT cấp huyện, cấp xã để chỉ đạo thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ được giao. Coi trọng công tác kiểm tra và sơ kết để nắm bắt kịp thời và phối hợp với cơ quan cấp trên nhằm tập trung tháo gỡ khó khăn cho lĩnh vực HTX về cơ chế, chính sách, nguồn vốn. Quan tâm, phát triển các tổ chức, cơ sở Đảng, đoàn thể trong tổ chức KTTT, HTX. Tăng cường sự phối hợp giữa các phòng, ban ngành, địa phương nhằm nắm bắt tình hình, cung cấp thông tin, cập nhật kịp thời về số liệu, kết quả hoạt động của HTX, liên hiệp HTX, THT trên các lĩnh vực.

Thứ năm: Huy động các lực lượng xã hội, các tổ chức đoàn thể tham gia thúc đẩy phát triển kinh tế tập thể.

Phát huy mạnh mẽ vai trò của Mặt trận tổ quốc, các đoàn thể, hội, hiệp hội trong phát triển KTTT: Cấp ủy và chính quyền các cấp hỗ trợ, tạo điều kiện và phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể, hội, hiệp hội trong việc tuyên truyền, vận động thành viên tham gia HTX, đưa Luật HTX năm 2012 vào thực hiện có hiệu quả; động viên, khuyến khích các hội viên đi đầu tham gia xây dựng các mô hình điểm về KTTT trên các lĩnh vực; phối hợp với các cơ quan có liên quan trong việc tuyên truyền các chính sách, pháp luật về KTTT tới các hội viên; đưa các nội dung này thành các trọng tâm trong chương trình, kế hoạch hoạt động hàng năm của các cấp đoàn, hội... Tiếp tục tập trung chỉ đạo quyết liệt với sự vào cuộc mạnh mẽ của cả hệ thống chính trị trong công tác phát triển KTTT. Huy động các nguồn lực để tạo điều kiện hỗ trợ cho KTTT phát triển cả về chất và lượng, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội, tăng thu nhập cho các thành viên và tham gia tích cực vào xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh.

Một số kiến nghị đề xuất:

- Có chính sách cụ thể khuyến khích mở rộng đầu tư hoạt động của KTTT, gắn với tăng vốn góp, tăng tài sản và quỹ không chia của các hợp tác xã;
- Xây dựng cơ chế đặc thù thuận lợi tạo điều kiện cho hợp xã triển khai dự án đầu

tư, giao đất, thuê đất phù hợp với năng lực và điều kiện hoạt động, nhất là trong sản xuất kinh doanh nông nghiệp;

- Ban hành quy định, hướng dẫn thực hiện hoạt động tín dụng nội bộ, thành lập doanh nghiệp tại những tổ chức kinh tế tập thể có đủ điều kiện.

- Các cấp, các ngành tăng cường thu hút đầu tư, trong đó quan tâm xây dựng liên kết kinh tế giữa các tổ chức kinh tế tập thể với nhà đầu tư và doanh nghiệp./.

VAI TRÒ CỦA CÔNG ĐOÀN CƠ SỞ TRONG PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HÀ TĨNH HIỆN NAY

PGS.TS. Hoàng Thị Nga

TS. Vũ Thị Bích Ngọc

Đại học Công đoàn

Tóm tắt. *Quan hệ lao động trong doanh nghiệp vừa và nhỏ may trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh đã có những chuyển biến tích cực. Các doanh nghiệp đã quan tâm hơn đến việc thực hiện các chế độ, chính sách đối với người lao động. Tuy nhiên, bên cạnh những mặt tích cực, quan hệ lao động trong doanh nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh vẫn còn một số hạn chế. Bài viết : “Vai trò của Công đoàn cơ sở trong xây dựng quan hệ lao động tại doanh nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn Tỉnh Hà Tĩnh hiện nay”, tập trung phân tích vai trò của công đoàn trong xây dựng, phát triển quan hệ lao động tại các doanh nghiệp; (1) Vai trò của tổ chức công đoàn qua việc đại diện cho người lao động trong việc thực hiện quyền và lợi ích của họ tại các doanh nghiệp vừa và nhỏ; (2) Vai trò của tổ chức công đoàn qua việc tham gia giải quyết việc làm, chống thất nghiệp cho người lao động; (3) Vai trò của tổ chức công đoàn trong công tác truyền thông, tuyên truyền, vận động người lao động.*

Từ khóa: *Công đoàn cơ sở, doanh nghiệp vừa và nhỏ, quan hệ lao động, người lao động*

1. Dẫn nhập

Sau gần 40 năm đổi mới, Việt Nam đã có những biến đổi và gặt hái được những thành tựu đáng kể về kinh tế, chính trị, xã hội. Nhiều loại hình doanh nghiệp song song tồn tại, có đóng góp lớn vào sự phát triển kinh tế chung, trong đó phải kể đến sự tham gia của loại hình doanh nghiệp vừa và nhỏ, khi số lượng các doanh nghiệp này chiếm tới 98%⁸². Việc nghiên cứu về phát triển các doanh nghiệp vừa và nhỏ là việc làm cần thiết trong giai đoạn hiện nay.

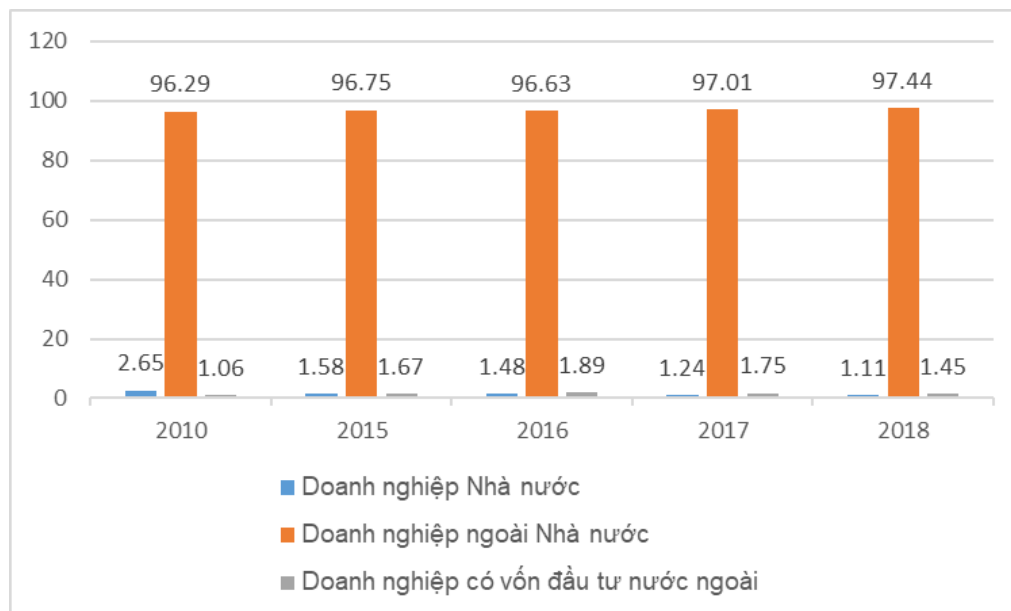
Đặc biệt là tỉnh Hà Tĩnh với lợi thế về điều kiện tự nhiên, nằm ở dải đất miền Trung, thuộc vùng Bắc Trung Bộ, có vị trí địa lý thuận lợi cho phát triển kinh tế-xã hội. Tỉnh có diện tích tự nhiên là 5.994,45 km², dân số năm 2022 là 1,3 triệu người, trong đó dân số đô thị chiếm 22,3%. Tỉnh Hà Tĩnh có tiềm năng phát triển kinh tế đa dạng, bao gồm nông nghiệp, công nghiệp, xây dựng, du lịch, dịch vụ. Trong đó, công nghiệp của tỉnh Hà Tĩnh đang có bước phát triển nhanh và mạnh, với các ngành công nghiệp chủ yếu là: điện lực, luyện thép, vật liệu xây dựng, chế biến nông sản, thực

⁸² Vũ Long, 2022, Doanh nghiệp nhỏ và vừa đóng góp lớn cho nền kinh tế

phẩm, dệt may, da giày. Dịch vụ là ngành kinh tế quan trọng của tỉnh Hà Tĩnh, với các ngành dịch vụ chủ yếu là: thương mại, vận tải, du lịch, y tế, giáo dục,...

Biểu 1. Số doanh nghiệp vừa và nhỏ hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019

Nguồn: Niên giám Thống kê Tỉnh Hà Tĩnh năm 2019



Hiện nay, doanh nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh là doanh nghiệp nhà nước có tỷ trọng giảm dần. Năm 2010, tỷ trọng doanh nghiệp nhà nước chiếm 2,65%, đến năm 2018 giảm xuống còn 1,11%. Tỷ trọng doanh nghiệp ngoài nhà nước tăng dần. Năm 2010, tỷ trọng doanh nghiệp ngoài nhà nước chiếm 96,29%, đến năm 2018 tăng lên 97,44%. Tỷ trọng doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tăng trưởng ổn định. Năm 2010, tỷ trọng doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chiếm 1,06%, đến năm 2018 tăng lên 1,45%.

Về quy mô kinh tế: Tổng sản phẩm trong tỉnh (GRDP) của Hà Tĩnh trong năm 2022 ước đạt trên 92.960 tỷ đồng, xếp thứ 30/63 tỉnh, thành phố trong cả nước; GRDP bình quân đầu người ước đạt 70,47 triệu đồng/năm (tăng 3,77 triệu đồng/người/năm so với năm 2021), cao nhất khu vực Bắc Miền Trung và xếp thứ 9/14 các tỉnh Bắc trung bộ và Duyên hải miền trung. Với tổng sản phẩm trong tỉnh (GRDP) của Hà Tĩnh trong năm 2022 ước đạt trên 92.960 tỷ đồng, xếp thứ 30/63 tỉnh, thành phố trong cả nước; GRDP bình quân đầu người ước đạt 70,47 triệu đồng/năm, cao nhất khu vực Bắc Miền Trung và xếp thứ 9/14 các tỉnh Bắc trung bộ và Duyên hải miền trung. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực, giảm tỷ trọng nông nghiệp, tăng tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ. Cùng với đó là sự phát triển mạnh mẽ của các doanh nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn tỉnh.

Dó đó, nghiên cứu về vai trò của Công đoàn cơ sở trong xây dựng quan hệ lao động tại doanh nghiệp vừa và nhỏ, mục đích sau cùng đều hướng tới việc hình thành và phát triển các mối quan hệ xã hội ổn định, bền vững. Nhằm thỏa mãn mong muốn của các bên liên quan ở mức độ cao nhất có thể, góp phần nâng cao năng suất lao động, phát huy tính sáng tạo của người lao động, nâng cao chất lượng cuộc sống. Vì vậy, bên cạnh các nội dung nghiên cứu nhận diện về biểu hiện, đặc điểm của quan hệ lao động và các hệ quả xã hội từ các quan hệ lao động, việc phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến vai trò của Công đoàn cơ sở trong Quan hệ lao động tại doanh nghiệp vừa và nhỏ cũng là một nội dung quan trọng, góp phần lý giải về quan hệ lao động, làm cơ sở cho những khuyến nghị về giải pháp đổi mới, phát triển quan hệ lao động theo hướng tích cực, có lợi cho người lao động, doanh nghiệp và Nhà nước.

Theo ILO “Quan hệ lao động là những mối quan hệ cá nhân và tập thể giữa những người lao động và người sử dụng lao động tại nơi làm việc, cũng như các mối quan hệ giữa đại diện của họ với Nhà nước. Những mối qua hệ như thế xoay quanh các khía cạnh luật pháp, kinh tế, xã hội, tâm lý học và bao gồm cả những vấn đề như tuyển dụng, thuê mướn, buộc thôi việc, kết thúc hợp đồng, làm ngoài giờ, tiền thưởng, phân chia lợi nhuận, giáo dục, y tế, vệ sinh, giải trí, chỗ ở, giờ làm việc, giờ nghỉ ngơi, nghỉ phép, các vấn đề phúc lợi cho người thất nghiệp, ốm đau, tai nạn, tuổi cao và tàn tật”⁸³. Quan hệ lao động trong doanh nghiệp vừa và nhỏ, là các quan hệ xã hội, được thực hiện dưới dạng những tương tác giữa hai chủ thể là người sử dụng lao động và người lao động trong doanh nghiệp về những các lĩnh vực lao động như: thuê mướn, sử dụng, trả lương. Được thể hiện cụ thể ở tương tác về những vấn đề: tuyển dụng, lương, thời gian làm việc, điều kiện làm việc, vệ sinh an toàn lao động, sắp xếp công việc, đào tạo, kỷ luật, cơ hội thăng tiến, làm thêm, tiền thưởng, y tế, giải trí, chỗ ở, thời gian nghỉ ngơi, và các chế độ phúc lợi, thương lượng tập thể, tranh chấp lao động, đình công và dựa trên cơ sở là pháp luật của nhà nước.

Công đoàn – là tổ chức đại diện cho người lao động trong doanh nghiệp. Tổ chức công đoàn đại diện cho người lao động trong phạm vi quan hệ lao động, có cơ cấu chính thức và mục tiêu rõ ràng. Công đoàn hoạt động chủ yếu là bảo vệ quyền lợi hợp pháp chính đáng của người lao động, giáo dục và giúp người lao động phát triển nghề, ý thức kỷ luật, tham gia quản lý nhà doanh nghiệp, quản lý nhà nước để góp phần thúc đẩy xã hội phát triển.

⁸³ Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam- Liên hiệp công nhân Đức, Xây dựng quan hệ lao động - Thúc đẩy trách nhiệm xã hội doanh nghiệp - vai trò công đoàn Việt Nam. Hà Nội: Nhà xuất bản Lao Động, 2010

Trong doanh nghiệp, tổ chức Công đoàn thể hiện vai trò quan trọng trong xây dựng quan hệ lao động, cụ thể công đoàn có trách nhiệm: Công đoàn ngành và công đoàn cơ sở trực tiếp đàm phán, ký kết thỏa ước lao động tập thể cấp ngành, cấp doanh nghiệp; tổ chức lãnh đạo, đình công, tham gia với người sử dụng lao động trong việc giải quyết tranh chấp lao động và đình công; tổ chức tuyên truyền, giáo dục phổ biến pháp luật lao động, về các vấn đề đã thỏa thuận, về nội quy, quy chế của ngành, của doanh nghiệp và tổ chức giám sát, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện.

Công đoàn là tổ chức đại diện cho người lao động. “Hoạt động công đoàn trong doanh nghiệp tốt thì mối quan hệ giữa chủ - thợ càng được hoàn thiện và gắn bó hơn” và “các chủ doanh nghiệp đã khẳng định và thừa nhận vai trò quan trọng, cần thiết của công đoàn trong việc phối hợp xây dựng quan hệ lao động trong doanh nghiệp”⁸⁴.

Từ những khái quát về khái niệm quan hệ lao động và tổ chức công đoàn ở trên, bài viết đi sâu phân tích vai trò của tổ chức công đoàn trong việc xây dựng và phát triển quan hệ lao động tại các doanh nghiệp như vai trò trung gian, đảm bảo sự hài hòa trong mối quan hệ lao động giữa người sử dụng lao động và người lao động khi thực hiện các hoạt động của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

2.Vai trò của Công đoàn trong việc đại diện cho người lao động trong việc thực hiện quyền và lợi ích của họ tại các doanh nghiệp vừa và nhỏ

Chức năng quan trọng nhất của Tổ chức công đoàn đại diện cho quyền và lợi ích của người lao động. Tại các doanh nghiệp vừa và nhỏ, người lao động thường có số lượng ít, trình độ học vấn và năng lực chưa cao, điều kiện làm việc còn nhiều khó khăn, thiếu thốn. Do đó, việc bảo vệ quyền và lợi ích của người lao động tại các doanh nghiệp này gặp nhiều khó khăn.

Bảng 1. Tổng số lao động trong các doanh nghiệp

	2010	2015	2016	2017	2018
Doanh nghiệp Nhà nước	8.795	9.293	8.820	8.033	7.511
Doanh nghiệp ngoài Nhà nước	42.697	57.610	54.442	56.151	56.855
Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	496	7.546	7.603	9.380	10.547

Nguồn: Niên giám Thống kê Tỉnh Hà Tĩnh năm 2019

Tổng số lao động trong doanh nghiệp nhà nước giảm dần. Số lượng công nhân làm trong doanh nghiệp ngoài nhà nước tăng dần. Đồng thời, số lượng công nhân làm việc trong doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tăng trưởng ổn định. Điều này cho

⁸⁴ Hội đồng chỉ đạo xuất bản sách dành cho cán bộ Công Đoàn, 2011: tr.61

thấy, khu vực kinh tế ngoài nhà nước đang phát triển theo hướng đa dạng hóa, phân bố rộng rãi hơn thu hút được phần lớn lao động.

Bảng 2. Số lượng Công đoàn cơ sở và Đoàn viên Công đoàn năm 2017 và 2023

	2017	2023
Đoàn viên Công đoàn	6628	10069
Công đoàn cơ sở	31	72

Nguồn: Đại hội Công đoàn các khu kinh tế tỉnh Hà Tĩnh, lần thứ I

Qua thống kê Đại hội Công đoàn các khu kinh tế tỉnh Hà Tĩnh, lần thứ I cho thấy, có sự tăng trưởng về số lượng đoàn viên Công đoàn và công đoàn cơ sở cho thấy Công đoàn Hà Tĩnh đã có những nỗ lực trong việc phát triển tổ chức và thu hút đoàn viên. Điều này góp phần nâng cao vai trò, vị thế của tổ chức Công đoàn trong xã hội, cũng như thúc đẩy việc bảo vệ quyền lợi của người lao động

Trong bối cảnh đó, vai trò của Công đoàn càng trở nên quan trọng. Công đoàn là tổ chức đại diện của người lao động, được người lao động tin tưởng, ủng hộ. Công đoàn có trách nhiệm đại diện cho người lao động thương lượng, ký kết thỏa ước lao động tập thể, nội quy lao động, tham gia giải quyết các tranh chấp lao động, tham gia giám sát việc thực hiện pháp luật lao động, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hộ lao động, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần của người lao động.

Trong những năm qua, Công đoàn nói chung và công đoàn cơ sở tại địa bàn Tỉnh Hà Tĩnh nói riêng, đã có nhiều nỗ lực trong việc thực hiện vai trò đại diện cho người lao động tại các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Công đoàn đã tích cực tham gia xây dựng và thực hiện thỏa ước lao động tập thể, nội quy lao động, góp phần nâng cao quyền lợi của người lao động. Công đoàn đã tham gia giải quyết kịp thời các tranh chấp lao động, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động. Công đoàn đã tổ chức nhiều phong trào thi đua, hoạt động chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động. Cụ thể như sau:

Các cấp Công đoàn cơ sở (CĐCS) đã chăm lo lợi ích thiết thực cho đoàn viên và NLĐ bằng nhiều cách làm sáng tạo, hiệu quả, phát huy vai trò của tổ chức công đoàn. Các CĐCS đã chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho công nhân (CNLĐ), thăm hỏi những CNLĐ khó khăn, ốm đau, hoạn nạn theo nhiệm vụ của tổ chức Công đoàn; khảo sát số lượng CNLĐ có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, gặp hoạn nạn để hỗ trợ kịp thời. Trong nhiệm kỳ qua, các cấp Công đoàn Khu kinh tế tỉnh đã vận động, hỗ trợ hơn 20.600 suất quà trị giá 8,4 tỷ đồng; bàn giao 26 nhà “Mái ấm công đoàn” trị giá 695

triệu đồng (vượt 173% chỉ tiêu NQ) cho đoàn viên khó khăn về nhà ở, góp phần cải thiện thu nhập, cuộc sống cho công nhân viên lao động (CNVCLĐ).

Đời sống tinh thần của CNVCLĐ cũng được Công đoàn cơ sở hết sức chú trọng. Các hoạt động văn hóa, thể dục thể thao do các CĐCS tổ chức hàng năm thu hút hàng nghìn đoàn viên. Các CĐCS cũng trao quà cho con em đoàn viên nhân các dịp lễ Tết. Ngoài ra, các cấp công đoàn còn hỗ trợ trẻ em mồ côi và trẻ em có hoàn cảnh khó khăn là con CNLĐ có thành tích học tập cao

Công đoàn các Khu kinh tế đã cải thiện bữa ăn ca và chỗ ở cho người lao động (NLĐ). Hàng năm, làm việc với 20-25 doanh nghiệp để tăng tiền ăn từ 25.000 đồng/suất lên. Đồng thời cũng tổ chức chương trình “Nâng cao chất lượng bữa ăn ca”. Hiện nay, 65/72 CĐCS có bữa ăn ca cho CNLĐ, mỗi suất từ 30 nghìn đến 50 nghìn đồng. Cùng với đó, làm việc với doanh nghiệp để có chỗ ở nội trú cho CNLĐ ở xa. Hiện nay, 48 doanh nghiệp có hơn 6.000 chỗ ở cho CNLĐ, trong đó có công ty TNHH Gang thép Hưng nghiệp Formosa Hà Tĩnh...đồng thời, tập huấn, huấn luyện công tác an toàn vệ sinh lao động cho 5.688 lượt CNLĐ.

Nhờ có sự nỗ lực của Công đoàn, quyền và lợi ích của người lao động tại các doanh nghiệp vừa và nhỏ đã được bảo vệ tốt hơn. Người lao động đã được hưởng mức lương, thu nhập, các chế độ phúc lợi xã hội ngày càng cao hơn. Người lao động đã có điều kiện làm việc an toàn, vệ sinh, sức khỏe được chăm sóc tốt hơn.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, công tác đại diện cho người lao động tại các doanh nghiệp vừa và nhỏ của Công đoàn vẫn còn những hạn chế. Một số tổ chức Công đoàn chưa thực sự quan tâm, chăm lo đến quyền và lợi ích của người lao động. Công tác tuyên truyền, vận động người lao động tham gia các hoạt động của Công đoàn còn chưa được chú trọng. Một số vụ tranh chấp lao động chưa được giải quyết kịp thời, triệt để.

3.Vai trò của tổ chức công đoàn qua việc qua việc tham gia giải quyết việc làm, chống thất nghiệp cho người lao động

Tổ chức công đoàn là tổ chức chính trị - xã hội, đại diện cho quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động. Trong đó, việc tham gia giải quyết việc làm, chống thất nghiệp cho người lao động là một trong những nhiệm vụ quan trọng của tổ chức công đoàn được thể hiện ở những khía cạnh như: Thứ nhất, việc làm là quyền cơ bản của con người, là điều kiện để người lao động có thu nhập, ổn định cuộc sống và phát triển bản thân; Thứ hai, thất nghiệp là một vấn đề kinh tế - xã hội phức tạp, gây ra nhiều hệ lụy tiêu cực cho xã hội, như: giảm thu nhập, gia tăng tệ nạn xã hội, gây bất ổn

định chính trị - xã hội' Thứ ba, tổ chức công đoàn là tổ chức đại diện cho quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động. Vì vậy, tổ chức công đoàn có trách nhiệm tham gia giải quyết việc làm, chống thất nghiệp cho người lao động thông qua thực hiện tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức của người lao động về quyền và nghĩa vụ trong việc làm. Tham gia xây dựng, thực thi các chính sách, pháp luật về việc làm, chống thất nghiệp. Phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, kỹ năng nghề nghiệp cho người lao động. Hỗ trợ người lao động tìm kiếm việc làm, tư vấn, giúp đỡ người lao động bị thất nghiệp.

Theo thống kê của tỉnh, Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên của Hà Tĩnh ước năm 2019 là 707.186 người, chiếm 54,81% trong tổng dân số toàn tỉnh. Số lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc trong các ngành kinh tế năm 2019 ước đạt 687.084 người (chiếm 97,16% lực lượng lao động 15 tuổi trở lên). Tỷ lệ lao động trong độ tuổi đã qua đào tạo năm 2019 ước đạt 24,95%.

Công đoàn các Khu kinh tế tỉnh đã quan tâm đến hoạt động tư vấn pháp luật và trợ giúp pháp lý cho CNVCLĐ. Trong thời gian qua, Công đoàn đã giải đáp thắc mắc, tư vấn chính sách cho hơn 1250 lượt người lao động; tư vấn cho Cán bộ công đoàn cơ sở các doanh nghiệp, lãnh đạo doanh nghiệp và người lao động về các vấn đề liên quan đến Bộ luật Lao động, Luật công đoàn, BHXH, BHYT, TULĐTT; cũng như các chính sách hỗ trợ của nhà nước cho doanh nghiệp, NLĐ bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 ... Năm 2019 đã giải quyết việc làm mới cho 10.142 lao động. Trong đó loại hình công ty TNHH giải quyết việc làm nhiều nhất cho lao động mới (7.653 lao động), tiếp đến là loại hình công ty cổ phần (2.440 lao động) và thấp nhất là loại hình doanh nghiệp tư nhân. Ngoài ra, Công đoàn còn tư vấn qua điện thoại cho trên 1800 lượt CNLĐ. Công đoàn cũng đã phối hợp với Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, UBND thị xã Kỳ Anh và các ngành liên quan để giải quyết 96 đơn thư, kiến nghị của đoàn viên, CNLĐ; xử lý 03 vụ việc tranh chấp lao động tập thể phức tạp, giúp 86 lượt người trở lại làm việc, tăng lương cho 68 lượt CNLĐ, hỗ trợ 102 triệu đồng cho CNLĐ và điều chỉnh một số chính sách có lợi cho người lao động tại các doanh nghiệp.

Đồng thời, để hỗ trợ người lao động ký kết hợp đồng lao động hợp pháp với người sử dụng lao động, các công đoàn cơ sở đã tăng cường các hoạt động hướng dẫn, tư vấn và hỗ trợ. Kết quả là số công nhân lao động có hợp đồng lao động theo quy định của pháp luật đã chiếm tỷ lệ trên 98% (vượt 110% chỉ tiêu NQ). Các công đoàn cơ sở cũng thường xuyên theo dõi việc thực hiện hợp đồng lao động, đặc biệt là các nội dung liên quan đến chính sách cho người lao động như thời giờ làm việc, nghỉ

ngoi, tiền lương và các khoản phụ cấp; tích cực phối hợp với doanh nghiệp xây dựng thang lương, bảng lương theo quy định của pháp luật và đàm phán ký kết thỏa ước lao động tập thể có nhiều điều kiện thuận lợi hơn cho người lao động so với quy định của pháp luật, khắc phục hiện tượng sao chép quy định của pháp luật trong nội dung TULĐTT. Bên cạnh đó, CĐCS phối hợp chặt chẽ với NSDLĐ tổ chức đào tạo được 14.150 lượt CNLĐ học tập nâng cao trình độ, kỹ năng nghề nghiệp, đến nay tỷ lệ CNLĐ qua đào tạo nghề đạt 82%.

Với những nhiệm vụ trên, tổ chức công đoàn đã và đang góp phần tích cực vào việc giải quyết việc làm, chống thất nghiệp cho người lao động. Điều này đã góp phần nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động, ổn định xã hội, phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Tuy nhiên, tỷ lệ thất nghiệp của lực lượng lao động trong độ tuổi năm 2019 là 3,36%. Số doanh nghiệp gặp khó khăn phải chấm dứt hoạt động là 96 doanh nghiệp, và có 243 doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động. Tuy số doanh nghiệp thành lập mới năm 2019 tăng so với năm 2018, nhưng số doanh nghiệp giải thể, tạm ngừng vẫn có xu hướng tăng. Nhiều doanh nghiệp gặp khó khăn nên một bộ phận công nhân lao động việc làm không ổn định, thu nhập thấp, đời sống gặp nhiều khó khăn.

4. Vai trò của tổ chức công đoàn trong công tác truyền thông, tuyên truyền, vận động người lao động

Công đoàn là tổ chức đại diện cho người lao động, có vai trò quan trọng trong việc tuyên truyền, vận động người lao động. Thông qua công tác truyền thông, tuyên truyền, công đoàn giúp người lao động nâng cao nhận thức về các vấn đề liên quan đến quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của mình, từ đó có thể tự bảo vệ mình và tham gia tích cực vào các phong trào thi đua, góp phần xây dựng và phát triển doanh nghiệp, xã hội. Cũng như, cao nhận thức của người lao động về quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của mình, từ đó có thể tự bảo vệ mình và tham gia tích cực vào các phong trào thi đua. Tạo sự đồng thuận, đoàn kết trong nội bộ người lao động, góp phần xây dựng doanh nghiệp, xã hội. Góp phần nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động.

CĐCS đã sử dụng hiệu quả công nghệ thông tin, internet và mạng xã hội để giáo dục, phổ biến và tuyên truyền cho đoàn viên, NLĐ về các chủ trương, đường lối, chính sách pháp luật của Đảng và Nhà nước; cập nhật thông tin và tăng cường giao lưu, chia sẻ, gắn bó vững chắc giữa tổ chức công đoàn và đoàn viên, NLĐ; đa dạng hình thức tuyên truyền các chương trình, cuộc vận động lớn của Đảng, tổ chức Công đoàn; tuyên truyền nhiệm vụ chính trị của tỉnh, Khu kinh tế và tổ chức Công đoàn, các

ngày lễ lớn của quê hương đất nước; tuyên truyền pháp luật lao động, bảo hiểm xã hội, an toàn giao thông, chăm sóc sức khỏe, HIV/AIDS, tội phạm, ma túy, mại dâm và tệ nạn xã hội... thông qua các lớp tập huấn, lớp truyền thông pháp luật lao động, Chương trình truyền thông pháp luật để bảo đảm an ninh trật tự trong CNVCLĐ trên địa bàn Khu kinh tế tỉnh. Hàng năm, các cấp Công đoàn đã tổ chức 120 cuộc tuyên truyền cho 10.500 lượt CNLĐ về các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật, Nghị quyết của tổ chức Công đoàn. Phối hợp với các Ban LĐLĐ tỉnh, Báo Hà Tĩnh, Đài Phát thanh truyền hình tỉnh xây dựng phóng sự, tin, bài về tình hình sản xuất kinh doanh tại các doanh nghiệp, phát trên sóng phát thanh truyền hình tỉnh; 57 phóng sự phản ánh công tác chăm lo Tết cho CNLĐ, hoạt động Tháng Công nhân. Tham gia viết 616 tin, bài đăng trên các Báo Lao động, Báo Hà Tĩnh, trang thông tin điện tử LĐLĐ tỉnh, Thông tấn xã Việt Nam, tạp chí Lao động & Công đoàn... Thường xuyên đăng tải các hoạt động, các thông tin tuyên truyền trên mạng xã hội facebook, zalo của tổ chức công đoàn (bình quân 3 hoạt động/tuần).

Công đoàn tỉnh Hà Tĩnh nói chung và công đoàn cơ sở nói riêng đã thực hiện tốt vai trò của mình trong công tác truyền thông, tuyên truyền, công đoàn cần chú trọng đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền, phù hợp với đối tượng người lao động. Ngoài ra, công đoàn cần nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ tuyên truyền, vận động, đáp ứng yêu cầu của công tác tuyên truyền trong tình hình mới.

5. Kết luận và khuyến nghị

Qua bài viết trên, có thể thấy được những đóng góp quan trọng của Công đoàn Tỉnh Hà Tĩnh nói chung và Công đoàn cơ sở nói riêng trong việc bảo vệ quyền và lợi ích của người lao động tại các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Công đoàn đã giúp người lao động có điều kiện làm việc tốt hơn, thu nhập cao hơn, đời sống ổn định hơn. Đồng thời cũng đã thực hiện tốt công tác tuyên truyền, vận động người lao động tham gia các hoạt động của tổ chức. Tuy nhiên, công tác đại diện cho người lao động của Công đoàn còn gặp nhiều khó khăn và thách thức. Một số doanh nghiệp vẫn chưa tuân thủ pháp luật lao động, một số người lao động vẫn chưa có ý thức tham gia Công đoàn. Do vậy, Công đoàn cần tiếp tục nâng cao năng lực của cán bộ công đoàn, phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chức năng để giải quyết các vấn đề liên quan đến người lao động. Công đoàn cũng cần tìm kiếm các hình thức tuyên truyền mới, phù hợp với xu hướng phát triển của xã hội. Có thể thấy, Công đoàn sẽ ngày càng hoàn thiện vai trò của mình trong việc bảo vệ quyền và lợi ích của người lao động, góp phần xây dựng một xã hội công bằng, dân chủ và văn minh.

Để nâng cao vai trò của Công đoàn cơ sở trong quan hệ lao động tại doanh nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh hiện nay, cần thực hiện các giải pháp sau:

- Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục cho người lao động về các quy định của pháp luật về lao động, bảo hiểm xã hội,.. Công đoàn cơ sở cần phối hợp với người sử dụng lao động tổ chức các hoạt động tuyên truyền, giáo dục cho người lao động, thông qua các hình thức đa dạng, phong phú, phù hợp với đối tượng người lao động.

- Tăng cường hoạt động đại diện, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động. Công đoàn cơ sở cần tích cực tham gia thương lượng, ký kết thỏa ước lao động tập thể với người sử dụng lao động, đảm bảo các quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động được ghi nhận trong thỏa ước.

- Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ công đoàn cơ sở. Cán bộ công đoàn cơ sở là lực lượng nòng cốt trong việc thực hiện nhiệm vụ của công đoàn. Cần chú trọng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ công đoàn cơ sở về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng tuyên truyền, vận động,... Công đoàn cấp trên cần tăng cường đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ công đoàn cơ sở, đáp ứng yêu cầu của công tác công đoàn trong tình hình mới.

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Thị Thu Hà, Vũ Thị Bích Ngọc (2017), *Vai trò của Công đoàn cơ sở trong xây dựng quan hệ lao động tại doanh nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn tỉnh Hưng Yên hiện nay*.
2. Phạm Tất Dong - Lê Ngọc Hùng (2006), *Xã hội học Đại cương*. Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
3. Lê Thanh Hà (2012), *Quan hệ lao động trong doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài ở Việt Nam và vai trò Công đoàn*. Hà Nội: Nhà xuất bản Lao Động, Hội đồng chỉ đạo xuất bản sách dành cho cán bộ Công Đoàn.
4. Phạm Thị Liên (2011), “Kỷ yếu hội thảo Quốc tế: Quan hệ lao động trong xu thế toàn cầu hóa và vai trò của Công đoàn,” in *Cơ sở hình thành quan hệ lao động*, 2011.
5. Lê Thị Mai- Vũ Đạt (2009), *Xã hội học lao động*. Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
6. Phan Xuân Sơn (2014), *Lý thuyết xung đột xã hội và quản lý, giải tỏa xung đột xã hội ở Việt Nam*. Nxb Lý luận Chính trị: Hà Nội.
7. Nguyễn Tiệp (2008), *Giáo trình Quan hệ lao động*. Nxb Lao động - Xã hội. Hà Nội
8. *Báo cáo của Ban Chấp hành Công đoàn các Khu kinh tế tỉnh Hà Tĩnh khóa I trình Đại hội Công đoàn Khu kinh tế tỉnh lần thứ II, nhiệm kỳ 2023 – 2028*.
9. Cục Thống kê tỉnh Hà Tĩnh (2019), *Niên giám Thống kê Tỉnh Hà Tĩnh năm 2019*.
10. Vũ Long (2022), *Doanh nghiệp nhỏ và vừa đóng góp lớn cho nền kinh tế*.

BẢO HIỂM XÃ HỘI BẮT BUỘC CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG TRONG CÁC DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ NGOÀI NHÀ NƯỚC: HÀM Ý CHÍNH SÁCH CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG TỈNH HÀ TĨNH

PGS, TS. Nguyễn Thị Kim Hoa

Hội Xã hội học Việt Nam

1. Bảo hiểm xã hội bắt buộc của người lao động tại Việt Nam

Từ năm 1986, Việt Nam thực hiện công cuộc “Đổi mới”, cải cách kinh tế và chuyển đổi nền kinh tế cơ chế kế hoạch hóa tập trung sang nền kinh tế vận hành theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước, đòi hỏi phải có sự thay đổi tương ứng về chính sách xã hội. Trong giai đoạn này, các văn kiện quan trọng của Đảng và Nhà nước đều đề cập tới chính sách bảo hiểm xã hội (BHXH). Hiến pháp năm 1992 cũng đã ghi nhận và nêu rõ: *“Nhà nước thực hiện chế độ BHXH đối với công chức nhà nước và người làm công ăn lương, khuyến khích phát triển các hình thức BHXH khác đối với người lao động”*. Đây chính là cơ sở pháp lý quan trọng tạo điều kiện và tiền đề cho sự đổi mới hệ thống chính sách BHXH ở Việt Nam.

Ngày 22/06/1993, Chính phủ ban hành Nghị định số 43/CP quy định tạm thời chế độ bảo hiểm xã hội. Nội dung cải cách BHXH trước hết nhằm xóa bỏ tư duy bao cấp, y lại trong lĩnh vực BHXH, mở ra loại hình BHXH bắt buộc và loại hình BHXH tự nguyện; thực hiện cơ chế đóng góp phí BHXH đối với những người được bảo hiểm; trong loại hình BHXH bắt buộc thì người sử dụng lao động cũng phải đóng góp phí BHXH cho người lao động, bên cạnh đó, quỹ BHXH cũng được nhà nước hỗ trợ thêm. Ngoài ra, trong lần sửa đổi này, những quy định về tỷ lệ trích nộp phí BHXH, cách tính thời gian tham gia đóng BHXH, điều kiện hưởng trợ cấp; tiền lương làm căn cứ đóng BHXH và mức hưởng trợ cấp đều được sửa đổi căn bản. Vì vậy, có thể nói sự ra đời của Nghị định 43/CP ngày 22/06/1993 là sự khởi đầu cho việc cải cách thực sự cho hệ thống BHXH ở Việt Nam.

Tuy nhiên bên cạnh những điểm mới tích cực, thì ở thời kỳ này, chính sách BHXH ở nước ta vẫn còn tồn tại nhiều điểm hạn chế như: Phạm vi đối tượng áp dụng trong chính sách chỉ là cán bộ, công nhân, viên chức làm việc trong khu vực Nhà nước, lực lượng vũ trang; mức đóng còn thấp, chưa tách bạch được giữa chế độ ưu đãi xã hội và chế độ BHXH,...Do đó, trên cơ sở Bộ luật Lao động, Chính phủ, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội và liên Bộ tiếp tục ban hành nhiều Nghị định, quyết định và Thông tư hướng dẫn thực hiện chính sách BHXH.

Năm 1995, Nhà nước ta ban hành Nghị định số 12/CP ngày 26/01/1995 về Điều lệ Bảo hiểm xã hội, quy định thực hiện BHXH đối với công chức, công nhân viên chức nhà nước và mọi người lao động theo loại hình BHXH bắt buộc và Nghị định số 45/CP ngày 15/07/1995, thực hiện BHXH đối với sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan, binh sĩ quân đội nhân dân và công an nhân dân. Các văn bản pháp luật BHXH giai đoạn này đã thể chế hóa các chủ trương đường lối của Đảng và Nhà nước theo hướng tất cả người lao động và các đơn vị thuộc mọi thành phần kinh tế đều có quyền và trách nhiệm tham gia BHXH; thực hiện từng bước tách quỹ BHXH đối với công nhân viên chức nhà nước ra khỏi ngân sách.

Với việc ban hành Điều lệ BHXH mới, chính sách BHXH đã được đổi mới về cơ bản, từ chỗ bao cấp là chủ yếu chuyển sang thực hiện cơ chế có đóng có hưởng BHXH; quỹ BHXH là một quỹ độc lập nằm ngoài ngân sách, giảm dần sự bao cấp của ngân sách tiến tới tự cân đối thu – chi. Nhiệm vụ trọng tâm luôn được tập trung vào việc xây dựng hệ thống các văn bản hướng dẫn thực hiện các quy định của Luật BHXH, tăng cường công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực BHXH như xúc tiến mạnh mẽ công tác phổ biến, tuyên truyền sâu rộng đến người lao động, người sử dụng lao động về pháp luật BHXH nhằm nâng cao nhận thức quyền lợi và trách nhiệm thực hiện đóng BHXH, góp phần làm lành mạnh quan hệ lao động, tăng sự thu hút đầu tư và tạo nhiều việc làm,....

Trải qua hơn 25 năm hình thành và phát triển, ngành BHXH Việt Nam đã có nhiều cố gắng, luôn tự đổi mới, hoàn thiện để tổ chức thực hiện nhiệm vụ được giao, đáp ứng yêu cầu của Đảng, Nhà nước và phù hợp với xu hướng phát triển của thế giới. Cùng với những nỗ lực của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong toàn ngành BHXH, những thay đổi trong chính sách BHXH, số người tham gia BHXH liên tục tăng lên qua các năm, tính đến hết ngày 31/12/2021, số người tham gia BHXH là 16,5 triệu người, tăng hơn 7,5 lần so với số người tham gia BHXH năm 1995, trong đó có khoảng hơn 15 triệu người tham gia BHXH bắt buộc.

2. Chính sách BHXH bắt buộc và các đặc điểm cơ bản của BHXH bắt buộc

Dựa trên các quy định của Luật BHXH năm 2014, loại hình BHXH bắt buộc có 3 đặc điểm cơ bản như sau:

Việc tham loại hình BHXH này mang tính chất bắt buộc đối với các đối tượng được quy định trong Luật BHXH. Điều này có nghĩa là việc tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc sẽ không phụ thuộc vào ý chí của người lao động mà nó mang tính chất bắt buộc, người lao động và người sử dụng lao động buộc phải thực hiện nghiêm túc theo những

quy định được đề ra trong Luật bảo hiểm xã hội 2014. Trường hợp vi phạm quy định về việc tham gia bảo hiểm xã hội thì sẽ bị xử phạt theo quy định của pháp luật.

Trong BHXH bắt buộc, pháp luật quy định cụ thể về mức đóng và phương thức đóng BHXH đối với người tham gia. Khác với trường hợp người lao động tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện khi người tham gia được lựa chọn phương thức đóng (đóng hàng tháng hoặc 03 tháng/lần, 06 tháng/lần,...) lấy mức thu nhập mỗi tháng làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội thì ở loại hình BHXH bắt buộc, người lao động tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc được ấn định mức đóng và phương thức đóng cụ thể theo quy định của Luật BHXH.

Người tham gia BHXH bắt buộc được hưởng nhiều quyền lợi, chế độ hơn BHXH tự nguyện. Đối với người tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, họ sẽ được hưởng các chế độ sau: ốm đau; thai sản; lương hưu; tử tuất; tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp. Điều này mang đến rất nhiều quyền lợi cho người lao động khi tham gia BHXH bắt buộc.

Đối tượng tham gia BHXH bắt buộc. Ở nước ta hiện nay, hình thức BHXH bắt buộc đang có sự phát triển khá nhanh, đối tượng tham gia loại hình BHXH này ngày càng được mở rộng. Từ chỗ chỉ bảo vệ, mang đến quyền lợi cho người lao động trong khu vực nhà nước, hiện nay BHXH bắt buộc đã bao phủ tất cả các đối tượng tham gia quan hệ lao động với thời hạn từ 3 tháng trở lên, trong mọi thành phần kinh tế. Theo quy định của Luật BHXH, đối tượng tham gia BHXH theo hình thức bắt buộc là công dân Việt Nam, bao gồm:

- Người làm việc theo hợp đồng lao động không xác định thời hạn hoặc hợp đồng lao động có thời hạn từ đủ 3 tháng trở lên

- Cán bộ, công chức, viên chức

- Công nhân quốc phòng, công nhân công an

- Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp quân đội nhân dân, sĩ quan, hạ sĩ quan nghiệp vụ, sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên môn kỹ thuật công an nhân dân, người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với người hưởng lương trong quân đội nhân dân, công an nhân dân, người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với người hưởng lương trong QĐND, CAND

- Hạ sĩ quan, binh sĩ quân đội nhân dân và hạ sĩ quan, chiến sĩ CAND phục vụ có thời hạn

- Người lao động Việt Nam làm việc có thời hạn ở nước ngoài mà trước đó đã thuộc diện tham gia BHXH bắt buộc

- Người sử dụng lao động của các loại lao động trên, bao gồm: Các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp, đơn vị vũ trang nhân dân; tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - nghề nghiệp; cơ quan, tổ chức nước ngoài hoặc tổ chức quốc tế đóng trên lãnh thổ Việt Nam; doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh cá thể, tổ hợp tác, các tổ chức khác và cá nhân,...có thuê mướn, sử dụng và trả công cho người lao động cũng phải tham gia BHXH. (Luật BHXH Việt Nam, 2014)

Nói tóm lại, theo quy định của pháp luật nước ta thì bên tham gia BHXH bắt buộc chính là người sử dụng lao động và các cơ quan Nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang công an và quân đội. Trong đó, bên được BHXH là người lao động hoặc các thành viên trong gia đình khi họ thỏa mãn đầy đủ các điều kiện hưởng BHXH theo yêu cầu của quy định của pháp luật. Các bên tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc sẽ có mối quan hệ mật thiết với nhau. Việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của các bên được đặt ra trong mối liên hệ thống nhất.

Mức đóng và mức hưởng BHXH bắt buộc. Đối với các đối tượng tham gia BHXH bắt buộc thì mức đóng BHXH bắt buộc được tính trên cơ sở tiền lương, tiền công của người lao động. Tiền lương, tiền công của người lao động mỗi tháng được lấy làm cơ sở để quy định mức thu nhập được hưởng bảo hiểm. Mặt khác, mức thu nhập được bảo hiểm còn là công cụ để Nhà nước giám sát, kiểm tra, điều tiết trên góc độ quản lý vĩ mô đối với BHXH và quản lý lao động trong nền kinh tế quốc dân.

Về mức đóng, theo quy định, từ ngày 01/10/2022, đối với người lao động trong nước, mức đóng bảo hiểm là 32%. Trong đó, người sử dụng lao động đóng 21,5% còn người lao động đóng 10,5%. Đối với lao động người nước ngoài, mức đóng bảo hiểm là 30%. Trong đó, người sử dụng lao động đóng 20,5% còn người lao động đóng 9,5%. Riêng đối với doanh nghiệp hoạt động trong các ngành nghề có nguy cơ cao về tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp thì nếu đủ điều kiện, cần có văn bản đề nghị và được Bộ LĐ-TB-XH chấp thuận thì được đóng vào quỹ tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp với mức thấp hơn là 0,3%.

Về mức hưởng, mức hưởng BHXH của người lao động sẽ được tính trên cơ sở mức đóng, thời gian đóng BHXH và có chia sẻ giữa những người tham gia BHXH. Trong Luật BHXH của nước ta có quy định rất cụ thể về cách tính mức hưởng đối với từng loại chế độ trong 5 chế độ mà người lao động được hưởng khi tham gia BHXH bắt buộc. Từ đó có thể thấy, trên thực tế, BHXH chính là một trong những hình thức phân phối tổng sản phẩm quốc dân nên việc thực hiện BHXH phải dựa trên cơ sở sự kết hợp hài hòa giữa cống hiến và hưởng thụ. Do tính chất của an sinh phân phối,

trong điều kiện có sự bảo trợ của Nhà nước đối với quỹ BHXH nên mức đóng góp quỹ và mức hưởng bảo hiểm thường bị khống chế ở mức trần nhất định. Hơn thế, trong một số trường hợp, mức BHXH còn phải dựa trên thời gian đóng bảo hiểm xã hội. Yếu tố này đặc biệt quan trọng đối với các chế độ bảo hiểm dài hạn, quản lý quỹ theo hình thức tài khoản tiết kiệm cá nhân. Bên cạnh đó, BHXH còn thực hiện mục đích chia sẻ rủi ro trong cộng đồng, có nghĩa là chia sẻ thu nhập của người khỏe mạnh cho người đau ốm, tai nạn hoặc chia sẻ giữa những người có tuổi thọ thấp cho những người có tuổi thọ cao...

Do đó, khi xác định mức hưởng BHXH bắt buộc cần đặt trong mối tương quan với tiền lương sao cho mức hưởng bảo hiểm không thể cao hơn mà phải thấp hơn mức lương khi làm việc. Tuy nhiên, để BHXH có ý nghĩa đối với người lao động và đảm bảo quyền lợi cho người lao động khi tham gia BHXH bắt buộc thì mức hưởng mà BHXH đem lại sẽ luôn phải đảm bảo mức sống tối thiểu cho họ⁸⁵.

Phương thức đóng BHXH bắt buộc. Về phương thức đóng BHXH bắt buộc, dựa theo Điều 7, quyết định số 959/QĐ- BHXH Luật BHXH năm 2014 cho phép người tham gia BHXH bắt buộc có thể đóng BHXH theo 3 phương thức sau:

Phương thức đóng BHXH bắt buộc hàng tháng. Với phương thức đóng này thì chậm nhất đến ngày cuối cùng hàng tháng, các đơn vị/công ty/doanh nghiệp,... sẽ trích tiền đóng BHXH bắt buộc trên quỹ tiền lương mỗi tháng của tất cả người lao động tham gia BHXH bắt buộc trong đơn vị/công ty/doanh nghiệp đó, đồng thời trích từ tiền lương tháng đóng BHXH bắt buộc của từng người lao động theo mức quy định, chuyển cùng một lúc vào tài khoản chuyên thu BHXH của cơ quan BHXH được mở tại ngân hàng hoặc Kho bạc Nhà nước.

Phương thức đóng BHXH bắt buộc 3 tháng hoặc 6 tháng một lần. Đơn vị là doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh cá thể, tổ hợp tác hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp trả lương theo sản phẩm, theo khoán thì đóng theo phương thức hàng tháng hoặc 3 tháng, 6 tháng một lần. Nếu lựa chọn phương thức đóng này thì thời hạn đóng BHXH bắt buộc sẽ là chậm nhất đến ngày cuối cùng của kỳ hạn đóng BHXH, các đơn vị/công ty/doanh nghiệp phải chuyển đủ tiền vào quỹ BHXH cho cơ quan BHXH

⁸⁵ LUẬT BẢO HIỂM XÃ HỘI, Luật số: 58/2014/QH13, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 20 tháng 11 năm 2014

Phương thức đóng BHXH bắt buộc theo địa bàn. Với phương thức đóng này thì đơn vị/công ty/doanh nghiệp đóng trụ sở chính ở địa bàn tỉnh nào thì đăng ký tham gia đóng BHXH tại địa bàn tỉnh đó theo phân cấp của cơ quan BHXH tỉnh.

Các chế độ của BHXH bắt buộc. Các chế độ BHXH là hệ thống các quy định về mức hưởng của từng trường hợp, điều kiện hưởng, mức hưởng và thời hạn hưởng cho người lao động khi họ gặp phải những rủi ro thuộc từng phạm vi bảo hiểm. Tùy theo điều kiện, hệ thống bảo hiểm xã hội của mỗi nước có thể có các chế độ BHXH khác nhau trong số 9 chế độ mà Tổ chức Lao động quốc tế quy định.

Hiện nay Luật BHXH Việt Nam quy định những người tham gia loại hình BHXH bắt buộc được hưởng 5 chế độ sau:

- Chế độ trợ cấp cho những trường hợp bị ốm đau (gọi tắt là chế độ ốm đau)
- Chế độ BHXH cho lao động nữ khi sinh con (gọi tắt là chế độ thai sản)
- Chế độ trợ cấp BHXH cho người lao động bị tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp (gọi tắt là chế độ TNLĐ và BNN)
- Chế độ chôn cất và trợ cấp mất người nuôi dưỡng (Gọi tắt là chế độ tử tuất)
- Chế độ bảo hiểm tuổi già (gọi tắt là chế độ hưu trí)

Có thể nói, các chế độ trên là nội dung cốt lõi nhất của hệ thống BHXH bởi lẽ nó thể hiện được vai trò và phạm vi trách nhiệm của BHXH đối với người lao động khi họ tham gia BHXH bắt buộc (Luật BHXH Việt Nam, 2014).

Quỹ bảo hiểm xã hội bắt buộc. Quỹ BHXH là một trong những nội dung quan trọng của hệ thống BHXH. Đây được xem là một quỹ tiêu dùng, đồng thời là một quỹ dự phòng; nó vừa mang tính kinh tế, vừa mang tính chất xã hội rất cao và là điều kiện hay cơ sở vật chất quan trọng nhất đảm bảo cho toàn bộ hệ thống BHXH tồn tại và phát triển. Quỹ BHXH được hình thành bởi nhiều nguồn khác nhau. Trước hết, đó là phần đóng góp của người sử dụng lao động, người lao động và Nhà nước. Đây là nguồn chiếm tỷ trọng lớn nhất và cơ bản của quỹ. Thứ hai, là phần tăng thêm do bộ phận nhân rồi tương đối của quỹ được tổ chức BHXH chuyên trách đưa vào hoạt động sinh lợi. Thứ ba, là phần nộp phạt của những cá nhân và tổ chức kinh tế vi phạm luật lệ về BHXH. Ngoài ra, quỹ còn có các nguồn thu hợp pháp khác được pháp luật của mỗi nước quy định

Trong các nguồn hình thành nên quỹ BHXH thì nguồn chủ yếu là từ sự đóng góp của các đối tượng tham gia BHXH bắt buộc. Quỹ BHXH bắt buộc hiện có các quỹ thành phần: quỹ ốm đau và thai sản; quỹ tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, quỹ hưu trí và tử tuất. Mức đóng góp của người lao động và người sử dụng lao động ảnh hưởng

rất lớn đến nguồn quỹ BHXH bắt buộc. Nguồn quỹ có dồi dào thì mới đảm bảo được khả năng chi trả cho các đối tượng hưởng BHXH. Các nguồn khác để hình thành quỹ BHXH bắt buộc chỉ chiếm một phần nhỏ, như việc đầu tư của quỹ thì bị hạn chế nhiều bởi hạng mục đầu tư, hơn nữa phải đảm bảo nguyên tắc an toàn cho quỹ nên phần tiền lời thu được không cao. Nhà nước thì chỉ hỗ trợ trong một trường hợp nhất định, còn lại quỹ phải tự cân đối thu chi.

Như vậy, quỹ BHXH bắt buộc đã được pháp luật xác định cụ thể nguồn thu và các khoản chi. Tuy nhiên, thực tế hiện nay lại chỉ ra rằng, một số đối tượng tham gia BHXH bắt buộc tìm mọi cách để trốn đóng hoặc nợ BHXH gây thất thu cho quỹ, nhiều đối tượng hưởng thì tìm nhiều cách để lạm dụng quỹ gây ra thất thoát. Do đó, trách nhiệm quản lý quỹ phải luôn được đề cao. Hiện nay, quỹ BHXH bắt buộc do BHXH trực tiếp quản lý và thực hiện các chế độ BHXH bắt buộc. Hoạt động quản lý quỹ muốn đạt hiệu quả tốt thì phải bảo đảm được sự minh bạch và công khai, trên cơ sở đề cao trách nhiệm của các bên có liên quan đến hoạt động quản lý quỹ, tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát quỹ để tránh việc thất thoát, đảm bảo khả năng chi trả lâu dài cho quỹ phù hợp với mục đích của BHXH.

Vi phạm BHXH bắt buộc. Trong quá trình thực hiện các quy định của pháp luật về BHXH bắt buộc có thể xảy ra nhiều vi phạm từ phía các bên tham gia BHXH. Các hành vi vi phạm về BHXH bắt buộc thông thường xảy ra ở các lĩnh vực đóng BHXH, thủ tục thực hiện việc chi trả BHXH, sử dụng tiền quỹ BHXH...

Theo Điều 134 đến 137 Luật BHXH đã xác định 4 nhóm hành vi vi phạm pháp luật BHXH

Nhóm hành vi vi phạm pháp luật về đóng BHXH

Nhóm hành vi vi phạm pháp luật về thủ tục thực hiện BHXH

Nhóm hành vi vi phạm pháp luật về sử dụng tiền đóng và quỹ BHXH

Nhóm hành vi vi phạm pháp luật về lập hồ sơ để hưởng chế độ BHXH

Để xử phạt các hành vi nêu trên, trong Điều 138 Luật BHXH quy định: Nếu là cơ quan, tổ chức có hành vi vi phạm pháp luật BHXH thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử phạt hành chính, nếu gây thiệt hại thì sẽ phải bồi thường theo quy định của pháp luật. Nếu cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật BHXH quy định trong Luật BHXH, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử phạt hành chính, xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự⁸⁶

⁸⁶ LUẬT BẢO HIỂM XÃ HỘI, Luật số: 58/2014/QH13, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 20 tháng 11 năm 2014

3. Bảo hiểm xã hội bắt buộc của người lao động trong các doanh nghiệp vừa và nhỏ ngoài nhà nước tại tỉnh Hà Tĩnh

Bảo hiểm xã hội bắt buộc (BHXH) là một chính sách an sinh xã hội quan trọng của Việt Nam, được thực hiện trên cơ sở đóng góp của người lao động và người sử dụng lao động. Đối tượng tham gia BHXH bắt buộc bao gồm người lao động làm việc theo hợp đồng lao động không xác định thời hạn, hợp đồng lao động xác định thời hạn từ đủ 1 tháng trở lên và người lao động là người giúp việc gia đình. Theo quy định tại Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014⁸⁷, doanh nghiệp vừa và nhỏ (DNNVV) ngoài nhà nước có trách nhiệm tham gia BHXH bắt buộc cho người lao động. Điều này có ý nghĩa quan trọng đối với người lao động trong các DNNVV, thể hiện qua các hàm ý chính sách sau:

Thứ nhất, bảo đảm quyền lợi cho người lao động. BHXH giúp bảo đảm thu nhập cho người lao động khi họ gặp rủi ro trong lao động, bao gồm: ốm đau, thai sản, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, thất nghiệp, hết tuổi lao động, chết, hưởng chế độ tử tuất. Đối với người lao động trong các DNNVV, việc tham gia BHXH giúp họ được bảo vệ khi gặp rủi ro, giảm bớt gánh nặng tài chính cho bản thân và gia đình. Điều này góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống, ổn định xã hội. Điều này được thể hiện khi người lao động tham gia BHXH đã thực hiện việc chia sẻ rủi ro của chính mình theo thời gian, có nghĩa là người tham gia loại hình BHXH này đóng phí BHXH thường kèm theo tỷ lệ nhất định được trích ra ở thu nhập từ nghề nghiệp và trong thời gian dài, để đến khi những rủi ro trong cuộc sống xảy ra như ốm đau, tai nạn hay đến kỳ nghỉ thai sản, nghỉ hưu thì số tiền đó sẽ được tích lũy lại để đảm bảo được một phần thu nhập của họ.

Việc tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc tại DN của người lao động là thiết vì chính quyền lợi của bản thân NLD và người thân của họ. Một người lao động khi có việc làm và khỏe mạnh thì họ có tiền lương, thu nhập. Họ đóng góp một phần tiền lương, thu nhập để tham gia BHXH là để hỗ trợ bản thân họ hoặc người khác khi thất nghiệp, khi ốm đau, tai nạn, lúc sinh đẻ và chăm sóc con cái, lúc tuổi già để duy trì và ổn định cuộc sống của bản thân và gia đình. Việc tham gia BHXH một mặt đòi hỏi tính trách nhiệm cao của từng người lao động đối với bản thân mình, với gia đình và cộng đồng, xã hội theo phương châm “mình vì mọi người, mọi người vì mình” thông qua quyền và nghĩa vụ, mặt khác nó thể hiện sự gắn kết trách nhiệm giữa các thành viên trong xã hội, tạo thành một khối đoàn kết thống nhất về quyền lợi trong một thể

⁸⁷ LUẬT BẢO HIỂM XÃ HỘI, Luật số: 58/2014/QH13, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 20 tháng 11 năm 2014

chế chính trị - xã hội bền vững. Thực tế nhiều doanh nghiệp, khi tuyển dụng lao động, thì tiêu thức được tham gia BHXH cũng là một quyền lợi quan trọng để thu hút, tạo được tâm lý ổn định, được bảo vệ cho người lao động.

Thứ hai, tạo động lực cho doanh nghiệp phát triển. BHXH là một chính sách an sinh xã hội, góp phần đảm bảo an sinh xã hội và ổn định xã hội. Khi người lao động được đảm bảo quyền lợi, họ sẽ có tâm lý yên tâm lao động, gắn bó với doanh nghiệp. Điều này giúp doanh nghiệp nâng cao năng suất lao động, hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Thứ ba, góp phần thực hiện mục tiêu quốc gia về phát triển kinh tế - xã hội. Bảo hiểm xã hội là một trong những chính sách an sinh xã hội quan trọng của Việt Nam, góp phần thực hiện mục tiêu quốc gia về phát triển kinh tế - xã hội. Tại tỉnh Hà Tĩnh, DNNVV chiếm tỷ trọng lớn trong nền kinh tế. Theo thống kê của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tĩnh, tính đến tháng 6 năm 2023, toàn tỉnh có 107.510 doanh nghiệp, trong đó DNNVV chiếm 92,5%⁸⁸. Hiện toàn tỉnh có hơn 8.300 DN đang hoạt động, trong đó số lượng DN quy mô nhỏ và siêu nhỏ chiếm hơn 95%, đóng góp 17% vào số vốn đăng ký. Về cơ cấu theo lĩnh vực, DN trong lĩnh vực công nghiệp-xây dựng chiếm 37%; chưa có đột biến về tăng lao động trong khu vực này. Lao động tham gia BHXH bắt buộc tại Hà Tĩnh những năm gần đây chủ yếu tăng tại các nhà máy may có vốn đầu tư nước ngoài, số tăng còn lại từ rà soát dữ liệu thuế, sàn giao dịch việc làm,...Tuy nhiên, số tăng từ rà soát phần lớn do dịch chuyển lao động từ đơn vị này sang đơn vị khác, không có khả năng tăng hàng ngàn lao động như kỳ vọng. Bên cạnh đó hiện chưa có phần mềm liên thông kết nối thông tin về DN giữa các ngành trong việc quản lý DN và người lao động để hạn chế được số lượng DN được thành lập nhưng không hoạt động trên địa bàn.

Do ảnh hưởng bởi dịch covid, đến tháng 4/2020 có 42 doanh nghiệp có văn bản xin tạm dừng đóng BHXH, 100% doanh nghiệp trên địa bàn bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh [COVID-19](#). Doanh thu của các đơn vị kinh doanh sụt giảm mạnh đã ảnh hưởng đến việc làm, thu nhập, đời sống của đoàn viên, CNLĐ. Các [doanh nghiệp](#) lớn cố gắng đảm bảo việc làm, tiền lương, chế độ cho người lao động nhưng có một số đã phải thu hẹp quy mô sản xuất, kinh doanh. Đa số các doanh nghiệp vừa và nhỏ hoạt động rất khó khăn, thiếu việc làm, phải ngừng việc, thu hẹp sản xuất. 143 doanh nghiệp thuộc lĩnh vực thương mại, du lịch, vận tải, may mặc, các trường tư thục... gặp khó khăn trong hoạt động, sản xuất, kinh doanh, dịch vụ. 127 doanh nghiệp phải [ngừng hoạt động](#) và tạm ngừng hoạt động, hơn 36.000 lao động trong diện hợp đồng lao động bị

⁸⁸ Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tĩnh

tạm thời phải nghỉ việc hoặc mất việc, có hơn 1.500 lao động tại Hà Tĩnh nộp hồ sơ hưởng chế độ bảo hiểm thất nghiệp⁸⁹. Trước khó khăn của doanh nghiệp, UBND tỉnh Hà Tĩnh có chính sách hỗ trợ các đơn vị, doanh nghiệp sớm ổn định hoạt động, sản xuất, tạo việc làm cho người lao động⁹⁰.

Việc tham gia BHXH bắt buộc của DNNVV tại tỉnh Hà Tĩnh có ý nghĩa quan trọng đối với người lao động, doanh nghiệp và xã hội. Để phát huy hiệu quả của chính sách này, cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan quản lý nhà nước, doanh nghiệp và người lao động. Cụ thể, các cơ quan quản lý nhà nước cần tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách BHXH cho người lao động và doanh nghiệp. Đồng thời, cần có các biện pháp hỗ trợ doanh nghiệp trong việc tham gia BHXH, như: giảm mức đóng BHXH, miễn giảm đóng BHXH cho doanh nghiệp nhỏ và vừa gặp khó khăn. Doanh nghiệp cần nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của chính sách BHXH, thực hiện nghiêm túc việc tham gia BHXH cho người lao động. Người lao động cần tích cực tham gia BHXH để được hưởng các quyền lợi chính đáng của mình. Với những hàm ý chính sách nêu trên, việc tham gia BHXH bắt buộc của DNNVV ngoài nhà nước là một chính sách quan trọng, góp phần bảo vệ quyền lợi cho người lao động, thúc đẩy phát triển doanh nghiệp và thực hiện mục tiêu quốc gia về phát triển kinh tế - xã hội.

4. Một số vấn đề đặt ra và giải pháp

Trách nhiệm của doanh nghiệp và các tổ chức bộ phận phụ trách BHXH trong việc trợ giúp người lao động tham gia bảo hiểm xã hội: Theo Điều 18 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014 quy định trách nhiệm của người sử dụng lao động: “Người sử dụng lao động phải đăng ký đầy đủ số lao động thuộc diện tham gia bảo hiểm xã hội; đóng đầy đủ số tiền bảo hiểm xã hội cho số lao động của đơn vị và hàng tháng trích từ tiền lương, tiền công của người lao động để đóng cho cơ quan bảo hiểm xã hội cùng với phần đóng bảo hiểm xã hội của người sử dụng lao động theo quy định”.

Trách nhiệm của cơ quan bảo hiểm xã hội trong việc giải quyết chế độ, chính sách cho người lao động: Điều 21 Luật BHXH năm 2014 quy định về Trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ, giải quyết các chế độ ốm đau, thai sản; tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; hưu trí; tử tuất; dưỡng sức phục hồi sức khỏe sau ốm đau, thai sản và sau khi điều trị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; khám, chữa bệnh theo quy định của pháp luật.

⁸⁹ Trần Tuấn, 42 doanh nghiệp xin tạm dừng đóng BHXH, Báo lao động, ngày 17/4/2020

⁹⁰ Trần Tuấn, 42 doanh nghiệp xin tạm dừng đóng BHXH, Báo lao động, ngày 17/4/2020

Những hạn chế còn tồn tại trong quy định về mức đóng bảo hiểm xã hội và quy định về hạn đóng bảo hiểm xã hội: Căn cứ theo khoản 2 Điều 89 Luật BHXH sửa đổi bổ sung năm 2014 có quy định về tiền lương tháng đóng BHXH bắt buộc gồm có 3 khoản sau: Mức lương; Phụ cấp lương; Các khoản bổ sung khác theo quy định của pháp luật về lao động. Quy định này chưa bao hàm đầy đủ các khoản thu nhập của NLĐ. Nên thực tế mức đóng BHXH thấp hơn nhiều so với mức tiền lương NSDLĐ trả cho NLĐ.

Việc chậm đóng BHXH đang xảy ra ở tất cả loại hình doanh nghiệp. Từ loại hình Doanh nghiệp Nhà nước, đến Doanh nghiệp tư nhân, ở cả Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và doanh nghiệp trong nước. Hầu hết các doanh nghiệp đều ưu tiên vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh trước rồi mới trích nộp BHXH. Đối với các đơn vị nợ, hiện nay cơ quan BHXH được sử dụng các biện pháp đôn đốc, nhắc nhở, thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật BHXH tại đơn vị, đề xuất thanh tra liên ngành. Chế tài bao gồm: Phạt vi phạm hành chính và biện pháp khắc phục hậu quả; Truy cứu trách nhiệm hình sự. Trong đó mức xử phạt không cao nên chưa tạo được tính răn đe cho doanh nghiệp.

Đối sách cho Người lao động khi doanh nghiệp nợ đóng bảo hiểm xã hội. Đối với các đơn vị nợ BHXH chây ỳ, kéo dài, cơ quan Bảo hiểm xã hội đã có nhiều giải pháp để thu hồi nhằm đảm bảo công tác quản lý và đảm bảo quyền lợi cho người lao động. Ngoài những biện pháp hành chính như: Đôn đốc, tính lãi suất số tiền chậm đóng, không giải quyết các chế độ BHXH, kiểm tra, thanh tra xử phạt vi phạm hành chính ... cơ quan BHXH đã tiến hành khởi kiện ra Tòa án đối với một số đơn vị chây ỳ, tuy nhiên tình trạng này vẫn chưa được khắc phục làm ảnh hưởng đến công tác quản lý của Ngành BHXH cũng như ảnh hưởng đến quyền lợi của người lao động. Về phía người lao động cũng cần phải mạnh dạn đấu tranh với chủ sử dụng lao động và thực hiện quyền, trách nhiệm của mình theo quy định của Pháp luật BHXH để bảo vệ quyền lợi của mình.

Dưới đây là một số giải pháp cụ thể để phát huy hiệu quả của chính sách BHXH bắt buộc trong doanh nghiệp vừa và nhỏ tỉnh Hà Tĩnh:

Một là, việc hiểu biết các thông tin về quy định và quyền lợi tham gia bảo hiểm xã hội sẽ có ảnh hưởng tích cực đến việc tham gia bảo hiểm xã hội của người lao động. NLĐ sẽ chủ động nắm được quyền và lợi ích của mình để có lựa chọn phù hợp, tự mình giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật BHXH của doanh nghiệp, bảo vệ quyền lợi chính đáng của bản thân. Tuyên truyền, phổ biến chính sách BHXH. Các cơ

quan quản lý nhà nước cần tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách BHXH cho người lao động và doanh nghiệp. Tuyên truyền cần được thực hiện đa dạng, phù hợp với từng đối tượng, địa phương. Các cơ quan truyền thông cần tăng cường đưa tin, tuyên truyền về chính sách BHXH, giúp người dân hiểu rõ về quyền lợi của mình khi tham gia BHXH. Một trong những nhiệm vụ quan trọng là, cơ quan thông tấn, báo chí có trách nhiệm tuyên truyền, phổ biến, giám sát pháp luật và động viên nhân dân chấp hành đúng pháp luật, nêu gương những điển hình tốt và phê phán những lệch lạc, sai phạm. Do các yếu tố đặc thù nói trên, nên việc tuyên truyền về chính sách, pháp luật về BHXH đòi hỏi các phóng viên, biên tập viên phải thực sự am hiểu sâu sắc về chính sách, pháp luật thì việc tuyên truyền mới đạt hiệu quả. Để nâng cao chất lượng tuyên truyền về BHXH đến các doanh nghiệp nhỏ và vừa, cần tăng cường sự quan tâm của toàn xã hội, nhất là cấp uỷ, chính quyền địa phương và tổ chức đoàn thể các cấp trong việc chỉ đạo triển khai thực hiện chính sách BHXH tại địa phương. Từ đó tác động đến nhận thức và ý thức của chủ sử dụng lao động.

Hai là, hỗ trợ doanh nghiệp tham gia BHXH. Các cơ quan quản lý nhà nước cần có các biện pháp hỗ trợ doanh nghiệp trong việc tham gia BHXH, như: giảm mức đóng BHXH, miễn giảm đóng BHXH cho doanh nghiệp nhỏ và vừa gặp khó khăn.

Ba là, tăng cường phát triển đối tượng tham gia BHXH, khắc phục tình trạng nợ đọng BHXH. Cụ thể, cơ quan BHXH phối hợp cơ quan Thuế xác định số lao động thuộc diện phải tham gia BHXH bắt buộc theo luật định; từ đó xây dựng kế hoạch đơn đốc, hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra; Tăng cường công tác đơn đốc thu hồi nợ đọng; thực hiện khởi kiện ra toà án đối với những đơn vị nợ BHXH kéo dài; Khảo sát, nắm rõ số lao động đang làm việc tại các cơ quan, tổ chức, DN và lao động không thuộc đối tượng phải tham gia BHXH bắt buộc để có giải pháp vận động họ tham gia BHXH tự nguyện.

Tài liệu tham khảo

1. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII (2014), *Luật BHXH, Luật số: 58/2014/QH13*, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 20 tháng 11 năm 2014.

2. Trần Tuấn (2020), *Hà Tĩnh: 42 doanh nghiệp xin tạm dừng đóng BHXH*, Báo Lao động, ngày 17/4/2020.